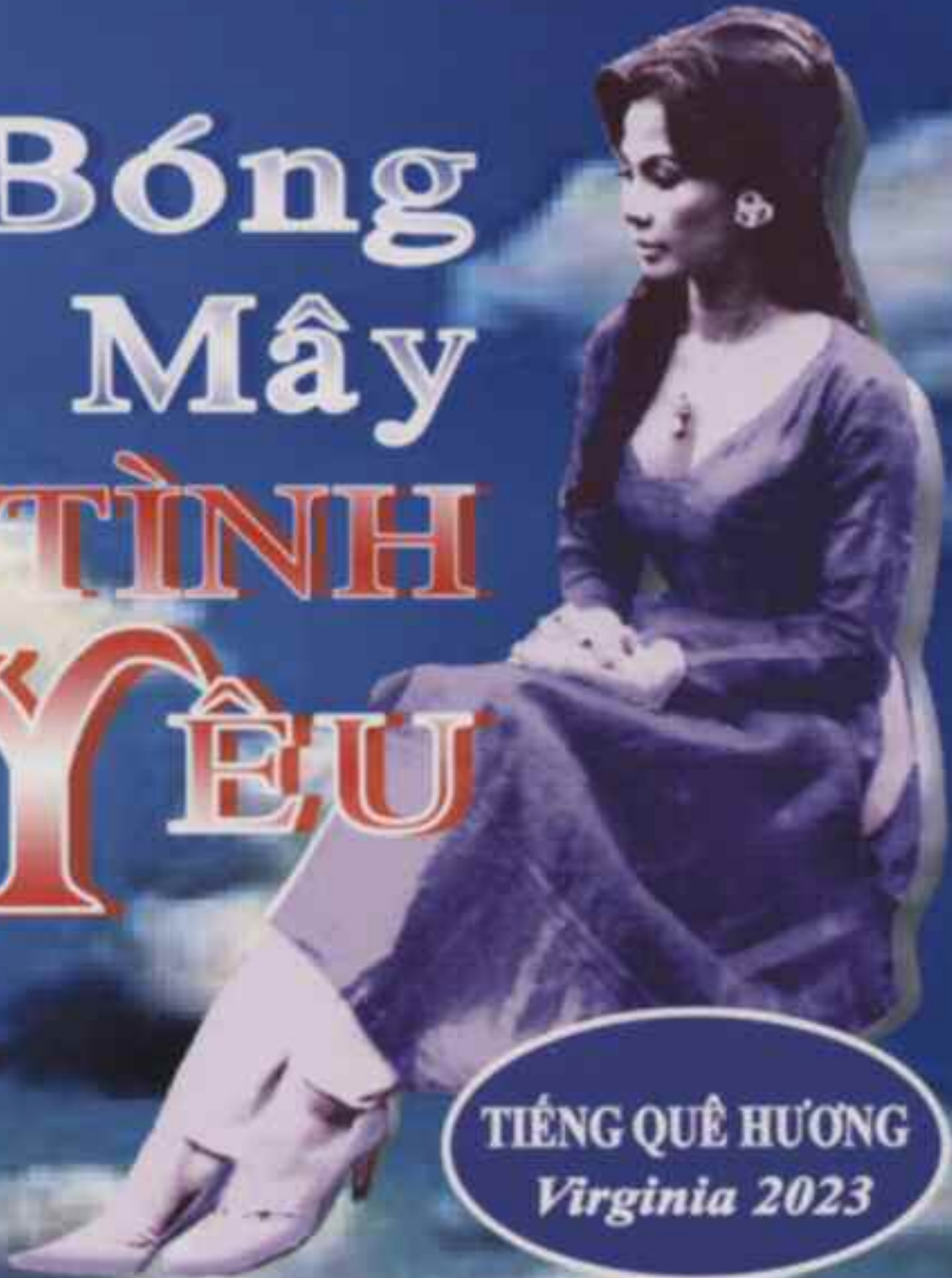


KIM VUI

PHAN LÊ DŨNG
chuyển ngữ

**Bóng
Mây
TÌNH
YÊU**



TIẾNG QUÊ HƯƠNG
Virginia 2023

Về những trang hồi ký

BÓNG MÂY TÌNH YÊU

Nếu muốn hoạ lại những bức tranh quá khứ, để tìm về con người mình ở các chân trời cũ, một nghệ sĩ sẽ chọn cách nào?

Với Kim Vui âm nhạc và tình yêu là chọn lựa hiển nhiên. *Bóng Mây Tình Yêu* mở đầu bằng hai tình yêu sâu đậm, đã mất khi Kim Vui nhìn lại lúc cuối đời.

Lời mở Đầu *Bóng Tình Yêu* là nốt nhạc dạo rung động, sau lắng nhất tạo bối cảnh cảm xúc và mở lối cho những rung cảm sâu hơn, mạnh mẽ hơn, khai mở những gì tiềm ẩn trong tâm suốt cuộc đời nghệ sĩ.

Khác với Kiều Chinh, tuy là tài tử chính trong nhiều phim như *Thượng Hận, Cúi Mặt, Trân Trời Tím...*, tài tử Kim Vui bước vào đường nghệ thuật bằng tiếng hát. Trước khi trở thành ca sĩ tài danh, Kim Vui đã hát cho vui cho các cụ già trong xóm, cho các đám cưới quanh làng, đã trình diễn chuyên nghiệp khi giọng còn chưa vỡ hẳn và luôn có người nhà đi kèm trong chùng mỗi khi trình diễn.

Những *Bóng Mây Tình Yêu* không chỉ là hồi ký của một nghệ sĩ thao thức với đam mê nghệ thuật, Kim Vui đã ghi lại nhiều cảnh bạo loạn của buổi giao thời. Ký ức sớm nhất được kể từ cô bé Kim Vui là cuộc chạy loạn từ Sài Gòn về Trà Vinh trên con tàu tị nạn theo dòng Cửu Long bao la, tiến dần về vùng quê không ai tiếp đón, ngủ đêm ở chợ hoang, tiếp xúc với những kẻ cướp mượn danh yêu nước chống Pháp để cướp của, giết người, và các thổ phỉ Miên man rợ giết người bằng giao rựa. Ngoài ý ức rùng rợn về chuyến đi tị nạn, Kim Vui còn chính mắt chứng kiến cảnh lính Pháp tiếng vào làng quê Trà Vinh giết người, hãm hiếp, cảnh cộng sản tiếng vào làng lôi kéo dân làng ủng hộ.

Song song với cảnh tao loạn bên ngoài, cuộc đời, Kim Vui cũng trắc trở không kém.

Từ có lúc cô bé Kim Vui vô gia cư đứng trước tiệm phở ngửi mùi phở rồi lặng lẽ quay đi vì không có một đồng dính túi. Từ có lúc người mẹ Kim Vui phải trèo cửa sổ vào nhà đỡ con. Cuộc

đời Kim Vui là một điệp khúc sống động vẽ lại các cảnh hà khắc gia đình và xã hội đã được Nhất Linh, Khái Hưng tiêu tuyệt hóa trong nhiều tác phẩm Tự Lực Văn Đoàn.

Điểm khác biệt giữa Kim Vui và những nhân vật trong Tự Lực Văn Đoàn là Tiếng Hát. Kim Vui đã tìm được lối thoát qua nghệ thuật. Hát đã đem lại cho Kim Vui một thế giới quan xa hơn, sâu hơn và lạ lùng thay lại gần gũi hơn với các biến động lịch sử. Kim Vui đã trình diễn ở các nhà thờ khi người biểu tình ủa vào giết giáo dân, đã trình diễn gần tổng thống Diệm khi ông bị ám sát hụt, đã bị buộc ngồi chung bàn và trình diễn cho các tay anh chị trong băng đảng Bình Xuyên.

Hơn thế nữa, tiếng hát còn đưa Kim Vui đi sâu hơn hoạt động Công Dân Vụ tại các miền quê thời Đệ Nhất Cộng Hòa. Sinh hoạt văn nghệ Kim Vui gắn liền với đời sống trính trị thời Đệ Nhị Cộng Hòa qua nhiều chuyện của khách tại các hộp đêm, vũ trường, Kim Vui là một nghệ sĩ với đôi tai sắc bén của một người theo dõi thời sự.

Bóng Mây Tình Yêu cũng viết về *Chân Trời Tím*, một thế hệ gần như phản ánh cuộc sống thực ngoài đời Kim Vui. Người yêu của Kim Vui cũng xông pha bốn vùng chiến thuật, chọt đến, chọt đi, nhiều lần ngay lúc Kim Vui đang trình diễn.

Không thể và cũng không có thời gian diễn tả cảm xúc các lần gặp nhưng thực sự không gặp đó, Kim Vui đã gửi gắm tâm sự vào bài *Nỗi Lòng*, *yêu ai yêu cả một đời...* và cương quyết bắt bằng nhạc phải đổi thời khóa biểu, đưa bài *Nỗi Lòng* làm bài hát kế tiếp ngay, bất thể thời khóa biểu đã sắp bài gì trước đó.

Suốt các thập niên từ 1950 đến 1970, Kim Vui sống bằng *Tiếng Hát* theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Tiếng hát vừa là lối thoát giải tỏa áp lực tin thần, vừa là nguồn thu giúp Kim Vui có một thể đứng tương đối vững như trụ cột chính của gia đình. Không chỉ có thể, Tiếng Hát còn dịu dặt, vỗ về Kim Vui trong các tình cảnh khốn quẫn, đồng thời nâng cao tầm nhìn của Kim Vui vượt trên sự hạn hẹp của đời sống sân khấu để chứng kiến cảnh đau xót, chia lìa, tủ nhục của một xã hội giữa chiến tranh.

Nếu có người hỏi nên đọc *Bóng Mây Tình Yêu* thế nào, tôi đoán Kim Vui sẽ trả lời: Đây là bài hát cuối của Kim Vui, soạn thảo bằng tất cả chất liệu thực của đời mình, để tặng khán giả.

Bóng Mây Tình Yêu là một bản trường ca nói lên *Nỗi Lòng* của

đưa bé thơ ngay trên đường tị nạn chiến tranh với điệp khúc buồn bã đau thương và kết khúc bằng đôi mắt buồn của một người di tản lưu vòng nhìn qua đại dương tâm hồn để tìm lại những gì đã mất.

Nếu *Nỗi Lòng* từ là bài ca Kim Vui dành riêng tặng người yêu những ngày chiến tranh khói lửa, thì *Bóng Mây Tình Yêu* là bài ca về *Nỗi Lòng* truyền cảm, sâu sắc nhất Kim Vui dành cho độc giả Việt Nam: *Nỗi Lòng* một nghệ sĩ sinh trưởng giữa giai đoạn máu lửa tang tóc nhất của đất nước Việt Nam trong thế kỷ 20.

Fall Church 29-3-2023

• PHAN LÊ DŨNG

Bóng Mây
TÌNH YÊU

LỜI MỞ ĐẦU

• KIM VUI

Tôi xin ra trong thời chiến. Năm đó là năm 1939, khi Nhật đã giao tranh Trung Hoa, một thời gian ngắn trước khi các sử gia Âu Châu lấy làm năm khởi đầu Đệ Nhị Thế Chiến.

Khi tôi chỉ là một cô bé, một số người Việt đã chiến đấu không để Việt Nam một lần nữa biến thành địa của Pháp trong khi một số khác ủng hộ chính phủ bù nhìn làm tay sai cho ngoại quốc.

Gần như không chút ngừng nghỉ, tôi trưởng thành, trở thành thiếu nữ, một người mẹ, một ca sĩ và một tài tử trong giai đoạn người Mỹ có những hoạt động dân sự, quân sự ở Việt Nam.

Lúc tôi còn bé, chiến tranh đã có ảnh hưởng lớn với mọi quyết định của Ba Má tôi. Chỉ vài năm sau, điều đó cũng đúng với tôi. Đời gia đình từ Sài Gòn đến Đà Lạt, một nơi tương đối được cho là an toàn hơn, rồi lại rời Việt Nam khoảng gần 10 năm sau, lúc nào cũng phải lo lắng cho sự an toàn của các con tôi, cuộc đời tôi hàng triệu người Việt Nam phải khốn khổ. Tất cả những gì xảy ra suốt các năm đó đã tạo nên hình thể cuộc đời tôi, ngay đến ngày nay khi tôi đang cố nhớ lại những gì tổng ký ức để kể lại cho các bạn.

Nhiều người qua sát đã cho nghệ sĩ là những người quá để ý đến mình và nông cạn. Nghệ sĩ ít nhạy cảm với những biến cố quan trọng và mức căng thẳng xã hội, chính trị quanh họ.

Điều này, không đúng với tôi.

Thực ra, tôi tin là với các nghệ nhân thành danh như cúng tôi, danh vọng rút ra ra từ thành quả về nghệ thuật, thể thao hoặc bất kỳ lãnh vực nào đều đòi hỏi phải có cố gắng, lúc nào cũng đi đôi với một trách nhiệm đặc biệt.

Chúng tôi phải quan sát sâu sắc, tế nhị, đôi khi phải biết an ủi người khác.

Hơn nữa, danh tiếng có được nhờ ngoại hình và phong cách đã cho tôi cơ hội hiểu biết về nhiều biến cố đương thời và biết tự định khát vọng sao cho tương ứng với khả năng. Tôi không chỉ là một khuôn mặt đẹp với cái đầu trổng rộng.

Khi nhìn lại, tôi đã hết sức hối tiếc, vì tuy quan sát nhạy cảm, tôi đã không tham gia các hoạt động phát triển chính trị. Tôi luôn đặt gia đình trên mọi thứ, và vì mong mỏi của cha mẹ chúng tôi, đây là trường hợp điển hình đối với đa số đàn bà Việt Nam.

Tôi không biết tại một nước Việt Nam mới, hoặc với những người Việt Nam sống ở Mỹ, đặc tính văn hóa đó có thay đổi không, nhưng đặc tính đó quả là điều xác thực và phổ biến với thế hệ tôi.

Lúc này dùng đang sống ở Mỹ, ký ức về Việt Nam vẫn cuộn chặt tạm trí tôi. Tôi yêu và lo nghĩ về Việt Nam, nơi tôi sinh trưởng. Tôi cũng yêu và lo nghĩ về tương lai của Hoa Kỳ, nơi đã cho tôi quyền công dân.

Với những người sinh ở Việt Nam, sau đó trở thành công dân Mỹ, tôi cũng hiểu sự tiếp cận với đời sống mới có thể lóng ngóng, và hơn nữa, có thể đau buồn. Thay vì thích nghi với đời sống khác biệt mới, người ta thường thích mang cá nẹp cũ vào đời sống mới. Một số người còn cho họ là có tiền đồn đó có thể tỏa dân vào bên trong nước Mỹ.

Chúng ta cần tự hỏi: Ta nên nhìn vào quá khứ để xây dựng hay để lẫn tránh?

Với những con em ra đời trên vùng đất mới, nên tảng nẹp cũ có ích chăng?

Chúng ta nên trở ngược về nẹp suy nghĩ của quá khứ hay nên là người Mỹ mới?

Chúng ta là người Việt trở thành người Mỹ gốc Việt có thể giúp những mới đến vượt qua giai đoạn chuyển tiếp. Nếu có một số nào đó không được lý tưởng thúc đẩy đã lợi dụng sự bối rối hoặc không quen thuộc với ngôn ngữ của những người mới để thủ lợi, chúng ta phải nhận diện và tránh xa những kẻ đó.

Tôi biết mọi người trên quê hương mới của tôi nói về “Chiến Tranh Việt Nam” qua các biến cố 1955-1975 ở Việt Nam, giai đoạn đau buồn đó bây giờ được gọi là “Cuộc chiến của Mỹ.”

Tôi nghĩ những năm đó bao gồm nhiều hoạt động dân sự lẫn quân sự ở Việt Nam và nhiều quyết định nặng ký đã được đưa ra ở Hoa Thịnh Đốn. Hoạt động chính trị cũng qua trọng không kém, như đã được tính toán, và tính toán sai, như các hoạt động tác chiến và thực ra khía cạnh quân sự, thoát thai do thiếu thành quả dân sự và chính trị từ lúc ban đầu. Các vấn đề giữa người

Việt và người Mỹ, cùng sự nản chí của cả hai, một phần do hậu quả của những khác biệt quốc gia.

Đã hẳn, tôi sẽ không đưa ra một lịch sử hoặc một câu chuyện, dù chỉ là về một phương diện của một cuộc chiến đặc biệt. Những vài ghi chú trong khắp cuốn sách có thể sẽ vẽ lại vài nét hữu ích về những cá nhân, hoặc biến cố được nói đến trong câu chuyện cá nhân của tôi.

Trong nội dung đó, tôi tri ân sự khuyến khích của tiến sĩ Tâm Minh Kapuscinsk, con gái ông Trần Ngọc Châu đã qua đời vào tháng 6-2020.

Tôi cũng luôn ghi nhớ và tri ân sự giúp đỡ của anh chị Cherry và Thảo Dodson cùng Travis Snyder và Christie Permuter, chủ bút của TTU Press đã giúp tôi tiến hành việc viết và đề nghị các sửa đổi. Những đề nghị đó đã cải thiện cả sự chính xác của sự kiện, lẫn sự trong sáng của lời văn.

Người ta thường ch cuộc đời của một tài tử, hoặc bất cứ giai đoạn nào điều là cuộc hành trình hoàn toàn êm ả đi hết từ điểm thoải mái này đến điểm thoải mái khác. Riêng tôi lại cho cuộc đời của bất kỳ người phụ nữ nào cũng luôn là một thử thách. Cuộc đời của riêng tôi là cuộc đời buồn nhiều hơn vui và vì thế đến lúc này, tôi vẫn luôn giữ kín các cảm tưởng sâu xa nhất.

Hai hình yêu đặc biệt và lâu dài nhất của tôi là tình yêu dành cho quê hương đã sinh ra tôi, và tình yêu dành cho một người đàn ông. Chỉ có vài người biết tôi yêu đã chọn con đường khác với con đường tôi đi. Đã có các cơ hội ngăn ngui để có thể hòa giải, nhưng vào lúc đó và về sau, khi vẫn còn ở Việt Nam, chúng tôi không đến được với nhau. Chiến tranh có thể đem người ta đến với nhau và chish cuộc chiến đó lại chia rẽ họ.

Tôi cũng mất cả quê hương. Dĩ nhiên, chữ mất tôi nói không có ý như chữ mất trong ý nghĩa ta thường nói mất chìa khóa xe, hoặc Việt Nam bằng cách nào đó đã biến mất. Bạn vẫn có thể nhìn thấy Việt Nam trên bản đồ. Bạn vẫn có thể du lịch đến đó.

Người Việt vẫn sống sót và chịu đựng, nhưng họ từng chịu đựng hoàn cảnh này hay hoàn cảnh khác từ suối hai ngàn năm. Nhưng Việt Nam của những ngày thơ ấu của tôi, trong những ngày tôi sống cuộc đời một thiếu nữ, không còn nữa.

Từ những cảm giác mất mát đó, từ cái nhìn hết sức cá nhân của tôi, tôi muốn kể lại với các bạn về chuyện tình yêu tìm được

và đất mát.

Một số người đã viết quá đáng về tôi, đôi khi hạ nhục, đôi khi tán dương.

Nhưng câu chuyện sắp kể là câu chuyện của tôi, bằng các dòng chữ của tôi, từ con tim tôi, đôi khi với những đau buồn, giờ đây xin được chia sẻ với quý bạn.

• KIM VUI

California – Virginia 2021

Chương 1

Trốn Về Trà Vinh

Gia đình tôi lên đường di tản để tránh những bạo loạn ở quanh và trong Sài Gòn khi tôi vừa hơn 6 tuổi.

Lúc này là tháng 9 1945,

Lính Pháp và cảnh sát Pháp được thả ra từ các trại giam. Họ bắt đầu tái áp đặt trở lại những luật lệ thuộc địa ở Việt Nam đã bị Nhật hủy bỏ thời Đệ Nhị Chiến.

Mùa thu đó, sau khi hoàn toàn đoạt quyền kiểm soát từ tay người Pháp, binh lính Nhật duy trì trật tự ngoài đường phố, đôi lúc có những hành động tàn ác. Nhưng vào tháng 8, Nhật đầu hàng Mỹ. Tháng sau Hồ Chí Minh tuyên bố Việt Nam độc lập.

Võ trang bằng mọi thứ vũ khí có thể mua hoặc đánh cắp, những người Việt Quốc Gia đánh hoặc giết bất cứ người Pháp nào lọt vào tay họ, đồng thời tìm cách chiếm sự kiểm soát Sài Gòn. Nhiều người người cho hành động tàn ác của những người Quốc Gia với người Pháp là chính đáng. Theo họ, những người ngoại quốc này là khuôn mặt đại của sự đàn áp thuộc địa. Nếu chẳng thế thì những người Pháp này hiện diện ở quốc gia chúng ta làm gì?

Nhóm Bình Xuyên, một nhóm gia hồ khét tiếng, chọn cách biểu hiện lòng yêu nước bằng cách giết người ngoại quốc, giết những phụ nữ lai trẻ con lai.

Thay vì đến để giải giới Nhật, các lực lượng anh lại dùng quân đội Nhật để giữ an ninh. Họ ra lệnh cho lính Nhật đuổi những người Quốc Gia ra khỏi Sài Gòn. Trước đây, tuy khe khắt, lính Nhật vẫn thường hành xử đúng. Nhưng lúc này sự tàn ác của Nhật không còn bị kềm chế. Chỉ cách nhà tôi vài nhà, một đứa bé bị lính Nhật bắt vì nghi đã ăn cắp dây kềm hàn rào của đồn cảnh sát. Lính ra lệnh bắt mọi người trong xóm phải tụ họp để chứng kiến hậu quả của việc đánh cắp đó. Vì không thể để tôi ở nhà một mình. Ba tôi phải đem tôi theo. Đứa bé, chỉ vừa qua tuổi con nít, đầu bị cạo trọc, suốt từ bên tai này đến bên tai kia, quanh đỉnh đầu bị trét một lớp dày nhựa đường. Người cậu bị

buộc vào ghế, và phơi ra dưới ánh mặt trời. Nhưng tiếng kêu khóc thì mặt trời nóng đốt bỏng óc đứa bé chỉ chấm dứt khi lính Nhật chặt đầu cậu. Như các chuyện vẫn thường được nghe kể lại, chúng tôi biết đứa bé đó sẽ muôn đời là hồn ma phiêu bạt.

Những người Pháp, trước đây bị người Việt Quốc Gia giam giữ, lúc này được lính Anh Quốc thả và tái vũ trang. Họ bắt đầu trả thù người Việt. Ở mọi nơi, vào bất cứ giờ nào, bất kỳ ai cũng đều có thể bị giết, chỉ để giữ trật tự. Chẳng có vùng nào của thành phố an toàn hơn vùng nào.

Nhiều gia đình tìm an toàn bằng cách trốn về quê. Ba tôi có họ hàng ở vùng Gò Vấp ở Gia Định, nhưng đó không phải là chỗ có thể tránh nạn. Vì quá gần Sài Gòn, những làng ở đó cũng có bạo loạn chẳng khác gì đường phố Sài Gòn. Bởi thế Ba Má tôi quyết định cùng con gái tìm đường về quê Má tôi ở Trà Vinh. Chúng tôi cùng đi với những gia đình khác ở bến tàu Chợ Lớn.

Tất cả cùng lên một chiếc tàu chở gạo. Trong mắt tôi lúc đó, chiếc tàu thật khổng lồ. Tàu của chúng tôi là một trong nhiều chiếc đang chạy khỏi thành phố. Hướng tàu chạy là hướng Tây, về mé các nhánh của sông Cũ Long, dọc theo những con kênh vào các giai đoạn yên ổn hơn thường được dùng để tạo gạo về Sài Gòn. Từ đó, lượng gạo được chở đến lại được chuyển về những tỉnh phía bắc Sài Gòn hoặc xuất cảng ra nước ngoài.

Tôi còn nhớ, nước kênh đục thẫm màu đất do đất lở ở hai bên bờ kênh. Thỉnh thoảng có những cụm mây. Tàu chúng tôi trôi dọc theo một dải nước dài màu nâu đục. Lúc hoàng hôn, mặt nước phản chiếu, chúng tôi như đang trôi giữa một dòng nước vàng. Những ngọn sóng nhỏ đầu tàu như những lớp sóng vải lụa ném trên không đang bao phủ các quầy bán hàng ở chợ. Những con trùng cánh óng ánh lượn là đà trên mặt nước, đôi khi bay cả vào hành khách trên tàu. Đom đóm nhảu múa trước mắt chúng tôi lúc hoàng hôn. Là đứa trẻ duy nhất trên tàu, tôi tự bày trò chơi bằng cách bắt vài con ốc rồi cho chúng cùng đua trong cuộc chạy chậm trên sàn tàu. Tôi chẳng biết gì về sự nguy hiểm.

Tàu xuôi qua Long An về hướng Mỹ Tho và Bến Tre. So với Sài Gòn, phần đất này có tĩnh lặng. Tuy trên tàu đông người, tàu vẫn lướt cao trên mặt nước vì vẫn nhẹ hơn khi chở đầy gạo. Thời gian đã trải qua quá lâu, tôi không còn nhớ nổi tàu chạy bằng gì. Chúng tôi đi thật từ từ. Gần như hơi di động. Tôi còn nhớ đôi

khi những người lái thuyền buộc dây, kéo thuyền đi dọc theo bờ kênh. Những vùng xung quanh vô cùng im lặng, gần như bị bỏ hoang.

Thỉnh thoảng, vì tàu đi chậm, vài người trên bờ cất tiếng chào và chúc chúng tôi đi bình an. Chúng tôi vẫy tay chào lại rồi tiếp tục lên đường. Đêm đầu chúng tôi ngủ trên tàu. Háo hức, nhưng mệt tuy cố nhớ lại, tôi vẫn chẳng nhớ gì thêm..., ngoại trừ việc Ba Má tôi rất căng thẳng, gần như sợ hãi, dù mỗi lúc tàu một xa Sài Gòn.

Xế chiều ngày thứ hai, chúng tôi chuyển sang một tàu nhỏ cũ và bẩn. Tàu chật cứng người độ động cơ ị ạch gần như không đẩy nổi những hành khách căng thẳng bên tàu. Tàu chạy dọc theo một nhánh sông rộng của sông Cửu Long đi từ Mỹ Tho đến bãi đậu Bến Tre.

Chúng tôi đến nơi lúc trời vào đêm.

Tàu tấp vào một bãi đậu bùn đất nhỏ khuất dưới các chòm dừa âm u bao quanh. Sáng hôm sau, tất cả chúng tôi lại chuyển sang chiếc tàu khác còn bé hơn để có thể lên lối qua những đường nước nhỏ bé về một nhánh sông Cửu Long khác tách biệt Bến Tre và Trà Vinh. Tuy mệt, nhưng sự háo hức khiến tôi trần trọc. Nằm giữa Ba Má, tôi có thể nghe tiếng thì thầm sợ hãi của hai người nói chuyện. Giờ đây, khi nhớ lại những gì xảy ra về sau vào lúc đó, tôi hiểu Ba Má tôi đang sợ những gì không thể thấy trước, đoán trước, tiềm ẩn trong mỗi chặng đường về Nam.

Ba Má tôi chưa biết các tỉnh ở vùng đồng bằng Cửu Long cũng đầy dẫy bạo loạn, không phải loại bạo loạn bắn, giết chống thực dân như ở đường phố Sài Gòn, nhưng cũng bạo loạn không kém. Năm năm trước trong hậu bán thập niên 1940, ở Mỹ Tho và Bến Tre đã có những cuộc nổi dậy nông thôn, đặc biệt dữ dội ở cả tầm mức lẫn thời gian. Hai tỉnh đó chính là chính là hai tỉnh chúng tôi phải đi qua trước khi đến Trà Vinh. Vào thập niên 1940, vì vẫn chưa bị buộc phải nằm dưới sự chỉ huy của Nhật, quân đội và cảnh sát Pháp đã ra đàn áp các cuộc nổi dậy. Những biện Pháp cho là hợp pháp đối với việc tái tập trật tự và duy trì sự kiểm soát người Việt Nam là thả bom và tàn sát người biểu tình. Sự căm hờn sôi sục đối với Pháp và người Việt làm tay sai cho Pháp vẫn còn âm ỉ.

Lúc này, cuối năm 1945, những người đi qua vùng này, nhất là

những người bị tình nghi có cảm tình với việc tái lập sự cai trị của người ngoại quốc, có thể bị nguy hiểm đến tánh mạng.

Các con tàu nhỏ vừa vào đến chỗ một rặng dừa, gia đình tôi — và cả tôi — cũng cảm thấy bắt đầu lo sợ. Sự tự tin căng thẳng biến thành những hy vọng giảm dần, rồi cuối cùng những nỗi sợ sệt nhen nhúm. Trên các con thuyền nhỏ, những người trong đoàn lái tàu nhìn hàng khách Sài Gòn bằng tia mắt dữ tợn. Khi đi vào chỗ đông hành khách, họ nói năng cực cần, xô đẩy một cách bất lịch sự và đòi tiền những khách đi đến những địa điểm xa hơn.

Các gia đình người Sài Gòn cùng đi chung trên thuyền chở gạo lớn cứ mỗi lúc tách nhỏ ra, để đi về những địa điểm khác nhau. Chúng tôi và một gia đình khác đi chung trên chiếc tàu đến Trà Vinh. Sinh mạng của tất cả đều nằm trong tay trường tàu và 3 người phụ lái bằng chèo và gậy.

Chẳng bao lâu sau, chúng tôi trực diện với một nguy hiểm sinh tử gay go. Trời vừa quả trưa, trưởng tàu bỗng hỏi: Trong một đất nước toàn người yêu nước nghèo khó, tại sao Ba tôi lại ăn mặc quá sang trọng? Anh đã chú ý thấy cái áo tương đối mới được may ở Sài Gòn của Ba tôi. Khi cổ áo ông bị một người lái tàu nắm bẻ ra phía sau, nhãn hiệu Pháp già của áo lộ ra. Một người lái tàu khác hỏi mỉa mai phải chăng Ba tôi có ý ủng hộ sự cai trị của Pháp nên mới ăn mặc kiểu Pháp. Tình trạng còn tệ hơn khi khuôn mặt ba tôi lại hao hao giống Tây lai, tuy ông là người Việt thuần túy.

Bất thành lĩnh, cả ba người trong đoàn lái tàu, bỗng tuyên bố là những người yêu nước lên tiếng tố cáo Ba tôi là *Việt Gian* và bắt đầu bao vây, đánh đấm ông.

Trong khi hò hét, chửi rủa, họ cột chặt tay ông về phía sau lưng, cột một tảng đá to vào một đầu dây thừng, đầu kia buộc vào cổ Ba tôi.

Tuy ba tôi cố năn nỉ, biện bạch, những người lái tàu vẫn xô ông về một phía sàn tàu và chuẩn bị ném ông xuống sông. Má tôi kéo cả tôi quỳ xuống lạy lạy, van xin, đồng thời đưa ra những nữ trang ba gói trong quần áo để xin họ tha mạng cho Ba tôi. Nếu bà không làm thế, chắc chắn Ba tôi chẳng thể nào thoát chết.

Người trưởng tàu nhú mày, tính toán và cuối cùng sai một người lái tàu kéo Ba tôi trở lại. Đây không phải lần cuối Má tôi đứng ra che chở cho gia đình. Về sau, khi nghĩ lại, cho cho rằng

có lẽ những quân cướp này chẳng phải chống thực dân hoặc yêu nước như họ tuyên bố. Đây có thể chỉ hoàn toàn là chuyện cướp bóc. Có thể hành động của họ một phần cũng do dục vọng nhất thời của họ trước nhan sắc của Má. Trong hoàn cảnh đó, Ba tôi chỉ là một chướng ngại vật. Nếu họ thành công, có thể chính tôi cũng bị quăng xuống sông như một thứ chướng ngại vật khác.

Thoát nạn, Ba tôi ngồi thu mình cạnh con gái trong khi Má tôi vẫn ngọt ngào nói năng, em ái. Bà thuyết phục những người lái tàu về lòng yêu nước, và nói đây chính là thời điểm quan trọng nhất để những người Việt đoàn kết lại giúp nhau, cũng để bảo vệ Việt Nam và giành độc lập. Má tôi là một thiếu phụ, trẻ đẹp. Giọng miền Nam êm dịu, du dương của bà đã thuyết phục những người lái tàu đã không dám dọa chúng tôi, tôi trong hoàn cảnh bất định của giải đoạn đó, có lẽ những cái xấu đã trôi ra làm mờ lương tri của những kẻ thiếu lương thiện.

Con tàu len lỏi qua những con nước hẹp trong muôn vàn các con nước hẹp. Chiều đó trôi qua khi tàu đi qua một con kênh nhỏ chia đôi tỉnh Bến Tre.

Cuối cùng, tàu đến nhánh thứ hai của hai nhánh chính sông Cửu Long. Chúng tôi ngủ bên bờ một rừng dừa khác. Lúc này, những người lái tàu cảnh giác Ba Má tôi rằng chặng đường đến Trà Vinh sẽ là chặng đường nguy hiểm nhất. Chúng tôi không tin, cho là họ chỉ nói để xoa dịu hành động lỗ mãng khi trước.

Những khi bóng đêm chụp xuống những khách bộ hành mệt mỏi, Má tôi đã kéo Ba tôi và tôi gần lại, thì thầm về hiềm khích lâu đời của người Việt với người Khmer. Cũng như tôi, Ba tôi thiếu hiểu biết về tất cả vùng đất khác nằm ngoài Sài Gòn. Má tôi giải thích thời xưa, đa số phần đất gọi là *nam phần* là một phần của Cam-Bốt, và xa xưa hơn nữa, vùng đất đó nằm dưới cai trị của một vương quốc gọi là Phù Nam. Khi người Việt tiến về phía Nam chiếm đất của những người đi trước, sự cai trị của người Việt tự coi mình đứng trên tất cả những dân tộc khác đã khiến người Khmer căm hận.

Nhiều năm sau đó, thỉnh thoảng Má tôi lại kể về những năm chúng tôi trốn khỏi Sài Gòn. Nếu không có các câu chuyện bà nhắc lại, chắc tôi đã quên hẳn lịch sử của người Khmer. Tuy thế, tôi không bao giờ quên nổi những ngày tháng hiểm nguy đầy dẫy, khi mạng sống của chúng tôi bị đe dọa và những nguy hiểm chúng

tôi đã gặp ở ngay cả bên trong Trà Vinh, một vùng vẫn được cho là yên tĩnh . Kinh nghiệm học hỏi trong những năm tháng đó đã giúp tôi nhận rõ được khi thế giới đảo loạn, người ta chỉ có thể tựa vào gia đình, và chỉ có những người trong gia đình mới sẵn sàng bảo vệ gia đình.

Sáng sau, khi tàu đi qua một hòn đảo nằm giữa đường trước khi đến gần Trà Vinh chúng tôi nhìn thấy nhiều xác người lênh bèn trên mặt nước. Một số xác bị buộc vào nhau thành những bó kỳ quặc. Tôi nhìn chăm chăm vào cảnh tượng đó cho đến khi Má tôi che mắt tôi, kéo tôi vào lòng. Chẳng bao lâu sau tàu chúng tôi tiến vào bờ. Chúng tôi lên bờ từ người một. Má tôi đi trước dẫn đường. Tất cả trèo qua những thanh tre, gõ đan nhau cạnh bờ sông và lên bờ ngay chỗ thủ phủ của tỉnh.

Tuy Má tôi đã viết một lá thư cho gia đình bên ngoại mô tả những lo lắng, tuyệt vọng của gia đình tôi, về sau chúng tôi mới biết lá thư đó chẳng bao giờ đến. Lúc này, chúng tôi đến Trà Vinh chợ vợ, chẳng ai chờ đón, dẫn dắt.

Quanh cảnh chung quanh ồn ào, nhốn nháo. Ngay chính người dân ở đây ình như cũng có ác cảm với nhau. Má tôi nói thầm nhắc chúng tôi luôn đi sát nhau, vì những đường trong tỉnh có thể thuộc về các hủ khác biệt, chống đối nhau, nhưng khu Khmer, thu Tàu, hoặc khu Phật Giáo, Công Giáo. Chúng tôi hoàn toàn không họ hàng, không bạn bè và chẳng có bất cứ lời khuyên nào dù chỉ là của những người quen biết sơ sơ.

Đêm đầu tiên, chúng tôi tạm trú ở một cái chợ tồi tàn, hôi thối, chẳng có gì để ăn. Hôm sau, chẳng còn sự chọn lựa nào khác, Ba Má tôi quyết định tiến đến ấp Rạch Lộc, nơi Má tôi sống thời thơ ấu, để tránh những cảnh ghê rợn quanh chúng tôi. Đã hẳn gia đình, họ hàng và những bạn bè bên ngoài sẽ che chở chúng tôi. Nhưng chúng tôi phải tìm được họ trước!

Suốt những năm tháng về sau, cho đến tận ngày nay, khi tôi viết lại chuyện đời tôi trên những trang giấy trước mắt bạn đọc, tôi vẫn chưa hề quên những gì tôi đã chứng kiến trên đường từ tỉnh về con ấp ở xa đó.

Cách ngôi chợ chúng tôi đã ngủ chập chờn trong đêm trước không xa dọc theo con đường đất độc đạo chúng tôi cùng đi với những người khác, hai bên đều có xác người. Xác người rải rác xa đến mãi các bờ ruộng và trong các ruộng lúa. Đây không chỉ

là những xác chưa chôn, mà cũng không phải xác của những nạn nhân bất hạnh bị giết trong những cuộc chém giết của những nhóm thù địch đối đầu. Chúng tôi đang mục kích những người bị chém, bị chặt trước khi chết. Quần áo của đa số các xác chết đều bị xé rách, có thể dễ rỉ máu mà cũng có thể vì quần áo của những nạn nhân còn có giá trị cao hơn sinh mạng của họ.

Khoảng nửa ngày, chúng tôi bị một nhóm người say, lỗ mãng và ác độc chặn lại. Cả bọn đều mặc quần áo nhà quê đen, chỉ có áo và quần, mỗi người tay cầm gậy, dao dài hoặc giáo. Họ nói tiếng Cam Bốt với nhau nhưng lại gay gắt hỏi chúng tôi bằng tiếng Việt. “Chúng tôi là người địa phương hay ở ngoài Trà Vinh?” Đây dường như là điều họ muốn biết nhất. Ba tôi không nói giọng địa phương nên chẳng giúp được gì. Mẹ tôi lên tiếng trả lời cho cả ba. May mắn thay bà lại nói giọng địa phương nơi sinh sống thuở nhỏ ở vùng đồng bằng Cửu Long. Má tôi giải thích chúng tôi là người Trà Vinh, bị kẹt ở Sài Gòn vì chiến tranh, giờ đây đang trở về để trốn lính Pháp và những kẻ cướp Việt Nam.

Chúng tôi có một ít bánh mì mua sáng đó ở ngôi chợ nghèo nàn ở Trà Vinh. Má tôi đưa vài ổ bánh mì dài mời họ cùng ăn. Họ đón nhận. Điều đó cho thấy những cử chỉ của Má tôi đã tạo được thiện cảm. Hơn nữa, Má tôi còn nói được vài câu tiếng Cam Bốt. Cách bà đối phó với khủng hoảng này cũng như đã phó với bọn cướp trên tàu hôm trước, lại một lần nữa cứu chúng tôi thoát hiểm.

Nhưng chúng tôi vẫn còn phải vượt qua một cuộc thử thách thô lỗ, tàn ác, bất nhân nữa trước khi được phép cho đi. Bọn cướp một mực bắt mỗi người chúng tôi phải ăn một phần thịt của họ mới giết. Thực ra, lúc đầu tôi chưa hiểu họ đòi hỏi chúng tôi phải làm gì. Má tôi đã cứu tôi bằng cách xin tha cho tôi vì tôi chỉ là một đứa bé và đang ốm. Bà và Ba tôi sẽ ăn như yêu cầu để chúng tỏ chúng tôi là người cùng phe với họ. Ba Má tôi đã làm theo yêu cầu của họ. Cho đến ngày nay tôi vẫn chưa hiểu Ba Má tôi làm cách nào để làm được việc đó.

Chúng tôi cố gắng đi thật chậm, thận trọng không khơi dậy bản năng săn đuổi của bọn họ. Tôi nhìn lại, thấy bọn cướp đó lại đến bao quanh một nhóm người khác và hét lên “*Kap Youn! Kap Youn! – Giết bọn Việt.*”

Trong khi đó gia đình tôi, tuy là người Việt lại được cho qua nhờ có Má tôi. Nhiều năm sau, Má tôi đã hơn một lần nhắc tôi

rằng mời ăn dù chỉ là những thứ đồ ăn đơn giản như bánh mì, có thể làm giảm ác ý của người được mời. Lúc nào Má tôi cũng nhắc nếu phải giết một người vừa mới chia phần ăn cho mình, người ta sẽ ngần ngại.

Trước khi xuôi nam, Ba Má tôi đã được một số bạn nhắc các tỉnh ở miền Trung và phía bắc miền Nam đang có nạn đói. Nguyên nhân là do Mỹ oanh tạc đường xe lửa và những tàu chuyển vận ở ven biển đang hiểm trợ quân Nhật. Nhưng những xe lửa và thuyền nhỏ đó lại là một phần chính của kinh tế Việt Nam. Bởi thế, tuy lượng gạo sản xuất ở Miền Nam chỉ bị ảnh hưởng rất ít, những tỉnh phía bắc Sài Gòn, lúc nào cũng lệ thuộc một phần vào lượng gạo được chở lên từ đồng bằng Cửu Long, lúc này thiếu thực phẩm rx rệt. Chẳng bao lâu sau, đường xe lửa không di chuyển được và trong những tháng cuối của cuộc chiến, chẳng có thuyền vận tải nào ở ven biển hoạt động. Tình trạng thiếu gạo còn tệ hại hơn vì Nhật trung thu gạo để chu cấp cho quân đội, canh sát và những người Việt hợp tác với họ.

Nhưng chúng tôi đang xuôi nam, không đi qua những vùng thiếu được thực phẩm. Chẳng có lý do gì để ăn thịt người ngoại trừ việc muốn phục hồi một biểu tượng tế lễ một vài miền tin man rợ, được khơi dậy, vì phần nộ của những người Cam Bốt hiểu số muốn trả thù người Việt.

Sau hai ngày khổ nhọc, chân sung chảy máu, đôi khi phải nhặc những lá mạ non ở ruộng để gặm, chúng tôi về được đến quê ngoại, nơi Ông Ba Ngoại tôi vẫn ở đó. Chúng tôi được gia đình bên ngoại chào đón nhiệt tình. Trong xuất chiến đi dài, tôi không hề than, nhưng đã mỗi mệt, kiệt lực cùng cực. Giờ đây, trong tình thương của gia đình bên ngoại, tôi thấy được xoa dịu, chìm đắm trong tình cảm của những người lo lắng cho chúng tôi.

Chúng tôi về quê ngoại, sum họp với họ hàng bên ngoại đúng ngay chu kỳ mùa gặt vụ mùa xuân - h. Ông Ngoại giải thích tất cả các ấp ở Trà Vinh trồng gạo để gặt mỗi năm hai vụ mùa. Điều này có nghĩa là làm việc ngoài đồng gần như liên tục. Chu kỳ làm việc thay đổi liên liên, bắt đầu bằng việc vỡ đất để chuẩn bị cho việc gieo hạt rồi đổi theo từng gian đoạn, như những màu ngọc khác nhau: nâu khi trơ trụi, xanh dần sau đỏ. Màu xanh bắt đầu bằng màu xanh nhạt, rồi ngày càng đậm; và chuyển thành màu vàng nhạt vào lúc vụ mùa. Mọi người trong nhà phải làm

việc không ngơi tay, ngoại trừ một thời gian ngắn, khi những ruộng lúa tạm thời bị bỏ mặc. Để đền bù cho những công việc khó nhọc, thực phẩm lúc nào cũng dồi dào, gạo có dư để bán cho các thương gia, và sau khi đã bán, gạo vẫn còn thừa để nhà làm rượu ba-xi-ddeer giúp những người luôn phải lao động cực nhọc trị đau nhức.

Các ngôi nhà ở quê tôi nằm giữa những bóng cây có những cành cây dài, rậm đầy lá đến độ trông như một cây dù khổng lồ. Cây chuối có lá lớn to như những cái quạt, mọc gần nhau ở cạnh mỗi nhà. Dọc theo nhữn dòng nước nhỏ chảy qua ấp và ngoài rìa những cánh đồng là những cây dừa trang điểm. Mỗi nhà tách nhau vì cây cối trồng chung quanh che khuất, nhưng vẫn có không khí làng xóm. Các ngôi nhà được làm hoàn toàn bằng gỗ, với một khoảng sân đất phía trước. Lối vào nhà là lối đi thẳng sân để vào phòng khách, thường có một bàn thờ đối mặt khách vào. Bàn thờ của gia đình ông bà bà tôi có nhiều ảnh gia đình, có những bức tượng Chúa và tượng các Thánh nhỏ. Những hình tượng Phật Giáo cổ truyền được tín ngưỡng của nhiều thế kỷ trước. Chỗ ngủ nằm xế bên phòng khách cũng là nơi gia đình sinh hoạt. Nơi chuẩn bị đồ ăn và nấu nướng luôn ở phía sau. Những cột nhà và đà đều làm bằng gỗ đặc, còn trung không thể làm tổ. Các xà ngang là nơi tiện lợi để chứa đồ. Đa số nhà đều có mái tranh, chỉ có vài nhà có mái ngói. Má tôi nói gia đình Ông Ngoại có đủ tiền để lợp mái ngói, nhưng không làm vì cẩn thận – không muốn phô trương những gì có thể tạo sự ganh ghét.

Gà, vịt rất nhiều, tự do đi quanh khắp ấp, quanh nhà, trong và ngoài ruộng lúa. Rải rác đó đây có vài con ngỗng đẹp nhưng rất dữ. Chỉ cần bị ngỗng đuổi và mỗi một lần cũng đủ để bạn nhớ đời việc chớ nên trêu vào những con ngỗng kiêu kỳ này. Bởi thế, tôi thích nững con vịt nhỏ, sợ hãi một khi bị đuổi. Tuy cố hết sức, tôi vẫn chẳng bắt được con nào. Bà tôi nói, khi bị đuổi, con vịt lúc nào cũng thoát vì đoán trước được phản ứng của đứa bé đuổi bắt. Nhưng nếu tôi ngồi yên cho ăn, sẽ có vài con đến gần. Và nếu cứ tiếp tục cho ăn thêm như thế, rồi sẽ có con lại gần cho tôi vuốt ve. Đây là một bài học otheer áp dụng xa hơn việc bắt vịt. Riêng đối với bà tôi, việc có lợi ngay lập tức là tôi chịu ngồi yên, bớt ngay việc đuổi bắt, nghịch ngợm.

Tôi chỉ than phiền một điều duy nhất với bà ngoại là con gái

không được ăn chần trâu. Ở quê tôi, trâu được xem như “chúa ruộng” và là một thành viên của gia đình, mỗi con trâu được xe như của quý vào theo truyền thống, chỉ có con trai mới được trao trách nhiệm trông trâu.

Tôi cho đây là điều bất công nhất, nhưng Ông Ngoại giải thích lý do chính là để bọn con trai không còn thời giờ treo giẹo những đứa bé gái đẹp. Tôi vẫn không vừa lòng với lời giải thích đó. Có lần tôi thuyết phục một người anh họ cho tôi cưới con trâu của gia đình anh khi anh chơi với những bạn khác. Tôi bị mắng vì coi thường luật lệ ở quê, và bị mắng thậm tệ hơn người anh họ đã cho tôi cưới trâu.

Trẻ con chúng tôi ở khắp mọi nơi, lẫn quần dưới chân người lớn, trên xà nhà trên trần, và luôn làm phiền Ba Má và những người lớn. Dù vậy, ngày có lúc nghịch ngợm nhất, chúng tôi vẫn được người lớn bỏ qua với những nụ người thông cảm. Thực ra, chỉ vì là thế hệ sắp tới của ấp, và là đại biểu của thế hệ tương lai, lớp trẻ chúng tôi rất được nhiều chuộng. Mỗi đứa có một cái tên gọi ở nhà, thường là tểu và người trong xóm thường gọi đứa bé bằng những cái tên đó chứ không gọi những âm hồn ghen ghét, ác độc hoặc ít ra là nghịch ngợm không thể nhận diện, gây thương thí tích, cướp đi sức khỏe hoặc tánh mạng của đứa bé.

Tôi có rất nhiều anh, chị, em họ có thương đều tất cả, nhưng người tôi đặc biệt quý nhất là một bà chị trẻ mới lập gia đình. Chị là người đẹp, mỗi khi xõa tóc để chải, tóc chị dài đến ngang lưng. Chị đang có thai, bụng đã to. Tôi được chị cho để tay lên bụng để thấy cử động của đứa bé bên trong. Khó có cách nào để nhận thức sự màu nhiệm của đờn sống hơn là cảm nhận những cử động của một hài nhi sắp sinh dưới lớp da của người mẹ.

Quanh ấp và quanh những dòng nước, có những cái ao con. Những cái ao con đó điều có nước, ngay cả trong mùa khô, vẫn có nước đọng lại từ trước. Trước mùa mưa, trâu thường tìm đến những chỗ ẩm, lẫn mình khuấy sinh lên để gãi cái chỗ bị muỗi, bị côn trùng cắn cho đỡ ngứa. Khi những cụm mây đen gió mùa sắp làm đất ướt đầm, tất cả những dòng nước và chỗ sinh lầy khô đều đầy nước. Những luồn mạ non cần được chăm sóc trông khi ruộng lúa cần được tưới để chuẩn bị chuyển mạ non vào. Khi các dòng nước vào ao mở ra để nước đọng dài, vệt để con.

Chúng tôi cũng giống như đàn vịt con, chơi quanh các dòng

nước, quanh ao và trong ao. Mỗi tối, Ông Bà Ngoại Ba Má tôi cùng bạn bè nhăm nháp rược trong những trón trà nhỏ. Họ bù khú, nói chuyện tầm phào, hoặc kể lại những chuyện cũ đã được kể lại nhiều lần. Trẻ con ngồi nghe cho đến khi mỏi mắt, tự tìm đến những chỗ êm sẵn quanh đó để ngủ. Tôi biết chúng tôi đã trốn đến đây để nướng nấu ở một nơi được an toàn và bảo bọc.

Nhiều năm sau, Má tôi giải thích Ông Ngoại là thành viên của hội đồng quả trị ấp. Thường thường, những thành viên quả trị ấp phải hành xử đúng vai trò, đôi khi phải giải hòa những tranh chấp trong ấp. Lúc này, vì vấn đề an ninh trong ấp. Ông Ngoại và một số người khác dặn các gia đình trong ấp phải giống chuông mỗi khi có người lạ đến gần. Bởi thế, mọi người nghèo, giàu, Phật Giáo, Công Giáo đều tuân theo. Dĩ nhiên bọn con nít chúng tôi cũng được dặn ngay trong lúc chơi cũng phải để ý trong chừng và báo cho người lớn gần đó biết những điều khác lạ. Nếu không kịp báo thì phải hét to hết sức để báo động cho những người đang làm việc ngoài đồng. Khi báo động có thể đập những cây tre vào nhau từng chập để tạo ra những tiếng như vỗ tay, hoặc dùng nôi, soong đập vào nhau để tạo ra âm thanh lớn.

Hệ thống báo độ sơ khai của chúng tôi gần như lập tức được thử khi những tên trộm Cam Bốt vũ trang bằng giáo và dao tấn công. Được báo động gần như mọi người tán ra vào những khu rừng bên cạnh. Vài tên cướp liều lĩnh tiến vào bị bao vây, chặn lối và bị người trong ấp vây đánh. Bởi thế, tin tức lang truyền nhanh chóng là những cuộc xâm lăng vào các ấp trong làng chúng tôi không dễ những nơi khác. Tuy đã được dặn dò phải cẩn thận, người con nít của một gia đình giàu có vẫn ngồi xe bò để một chú ngựa con kéo đi quá xa. Hôm sau, xác cậu ta nằm dưới đường mương, bị đĩa bám đầy, đầu bị cắt gần lìa khỏi cổ, thân thể bị băm vằm.

Nhưng rồi cảnh tượng hung bạo dần dần lắng xuống. Những gì chúng tôi đã chứng kiến trên đường về Trà Vinh, đã mục kích khi ấp bị tấn công, rồi còn được nhấn mạnh thêm với cái chết của cậu thiếu niên đi xe ngựa ngày càng giảm. Sự qua lại giữa các ấp, đến trung tâm làng, chợ là và ngay cả đường Trà Vinh, lại an toàn trở lại.

Chẳng ai biết rõ tại sao làng xóm lại yên ổn. Có thể dân chúng mệt mỏi với cuộc sống lúc nào cũng đông đầy phần nộ và sợ hãi,

cũng có thể những kẻ ác dữ dần nhất đã bị giết hoặc đã hối cải. Sự thật thế nào, chẳng ai biết rõ. Ba tôi không hài lòng với cuộc sống mới này ở làng quê. Nơi đây chẳng có gì cho ông làm. Thực ra, ông chẳng làm được việc gì có ích. Ông đã thử đi câu, nhưng vì không biết bơi, mỗi khi đến gần dòng nước hoặc cái ao ông đều thấy căng thẳng. Có lần khi đang gỡ cá ra khỏi lưới, ông bị trượt chân rớt xuống một con kênh. Má tôi đã phải kéo Ba tôi lên. Vì quá sợ, ông đã kéo tay bà quá mạnh và suýt tí nữa lôi luôn cả bà xuống con kênh.

Trà Vinh, kinh tế ruộng vườn, tập quán và ngay cả cách nói chuyện, tất cả đều xa lạ với Ba tôi. Tuy biết ơn gia đình bên vợ, ông cảm thấy nhớ những hoạt động quen thuộc, nhớ chốn Sài Gòn yêu quý. Ba tôi thường quá giang các xe bò qua những ấp kế cận. Gọi là làng, nhưng đây chỉ là những trung tâm của các ấp cạnh nhau và một ngôi chợ. Mùa thu trời khô, đường đầy vệt bánh xe và đầy bụi. Vào mùa mưa đầy sinh lầy lội. Chẳng mấy ai hay đi từ ấp này sang ấp khác. Nhưng vì thêm được trò chuyện với một số người khác với cùng hoàng cảnh, cũng trốn khỏi Sài Gòn, nhưng không thể thích nghi được với đời sống thôn quê như ông, Ba tôi vẫn hay qua lại các ấp. Nhờ vậy, vô tình ông trở thành một nguồn tin mờ mờ cho chúng tôi biết thêm ít nhiều tin tức từ những vùng khác ở Việt Nam.

Một hôm, khoảng hơn một năm chúng tôi đến Trà Vinh, sau một chuyến đi quanh co qua chợ trở về, Ba tôi kể lại vài tin quan trọng. Một người bạn hay nói chuyện với ông đã nhận được thư ở Sài Gòn cho hay thành phố đầy nghẹt lính Pháp. Đây là chưa từng có. Cảnh sát Pháp hoàn toàn kiểm soát Sài Gòn và quân đội Pháp bắt đầu tản ra các tỉnh khác. Ba tôi đoán đúng tôi sẽ thấy lính Pháp, dù ở một ấp nhỏ ở Trà Vinh như ấp của Ông Ngoại. Chúng tôi hy vọng điều này không biến thành sự thực.

Ít ngày sau, hai người lạ đến thăm ấp cũng mang theo nhưng tin tương tự. Ông Ngoại dường như đã đoán trước. Ông bảo hàng xóm và những người trong nhà là hai người khách sẽ đến thăm từng gia đình và nói về những thay đổi ở mọi nơi trong nước. Ông đoán có thể họ sẽ tả lại những chuyện chống sự tái chiếm của thực dân Pháp và đề nghị mọi người Việt nên làm gì. Ông Ngoại khuyên mỗi gia đình, kể cả trẻ con, nên lịch sử lắng nghe vì ai cũng cần biết chuyện gì đang xảy ra trong nước, và ảnh

hưởng của những chuyện đó đối với những gia đình trong ấp.

Hai người khách lạnh dần dần đế trước sân nhà tôi và xin phép được vào nhà. Cả hai đều ăn mặc bình thường như mọi nông dân khác, nhưng sau khi ngồi và flijch sự nhấp trà, cách nói chuyện của họ cứng rắn và cương quyết, khác hẳn cách nói chuyện của nông dân chúng tôi thường được nghe.

Họ thông báo họ là đại diện của Việt Nam Giải Phóng Quân, một quân đội bao gồm mọi người Việt Nam, bất kể tuổi tác, tôn giáo, trình độ học vấn. Đây là quân đội bao gồm hàng triệu người yêu quý thôn quê Miền Nam, bao gồm tất cả mọi người yêu nước từ mũi Cà Mau đến Hải Phòng ở miền bắc. Quân đội này đã tập hợp tại kháng cự sự tái áp đặt các luật lệ bản thiêu của thực dân Pháp. Họ nói cuộc đấu tranh của chúng ta có thể sẽ kéo dài hơn một năm, hơn năm năm, hoặc hơn cả 10 năm, nhưng với mọi người chúng ra tránh đấu cho quốc giá, dần dần cuộc kháng chiến của Quân Đội Giải Phóng chắc chắn sẽ giành được độc lập cho Việt Nam.

“Và các gia đình ở Trà Vinh nên làm gì, ngay trong ấp của mình?” Họ hỏi một cách hùng hồn rồi họ tự trả lời bằng một giọng cương quyết: *“Khi quân Pháp đến và bọn chúng sẽ đến... đừng rập mình khiếp sợ. Không cung cấp tin tức, sức lao động hoặc hướng dẫn... không giúp dù có được tiền. Chỉ làm những điều tối thiểu bắt buộc phải làm nếu tính mạng bị đe dọa hoặc vì sự an nguy của gia đình. Nói dối nếu bị buộc phải trả lời. Cho tin sai. Giấu hết những người trẻ và phụ nữ. Tổng kháng cự khắp nơi có nghĩa là Pháp sẽ phải trải quân rất mỏng ở mọi nơi trong nước. Với chỉ vài kẻ phản bội, bù nhìn ở vài ấp, bọn chúng sẽ không thể kiểm soát mọi nơi. Pháp sẽ tấn công rải rác rút lui rải rác. Bọn chúng có thể quay lại, nhưng mọi sự hữu hiệu giảm dần. Mỗi hành động của Pháp sẽ gặp một phản ứng mạnh hơn. Ngọn lửa căm hận Pháp sẽ bùng lên từ tỉnh này sang tỉnh khác cho đến khi bùng ra khắp nơi trong nước. Trước ngọn lửa ngày càng bùng ra đó, Pháp chẳng thể làm gì hơn là rút lui.*

Người khách lớn tuổi hơn trong hai vị khách hăng say nói chuyện, kết luận bằng cách bí mật tiết lộ chẳng bao lâu sau, các đại biểu khác của Quân Đội Giải Phóng sẽ đến để giải thích cách chúng tôi nên đóng góp vào phong trào kháng chiến toàn quốc để kết nối tất cả các ấp và các tỉnh. Khi được mời thêm trà, họ từ

chối. Làm sao họ có thể chống hết trà khi đến thăm mọi gia đình trong ấp?

Họ rời nhà Ông Ngoại để đến thăm nhà kế cận.

Hôm sau họ rời ấp chúng tôi để đi đến một ấp khác.

Gia đình chúng tôi, và như chúng tôi được biết thêm sao đó, các gia đình khác trong ấp đều có những phản ứng lẫn lộn. Một vài thanh niên đã quyết định sẽ đến gặp những vị khách sắp đến để giúp họ tổ chức khán chiến. Tôi nghĩ vì đã nghe họ, mọi thanh thiếu niên, kể cả những cậu bé nhất, đều muốn trở thành anh hùng. Tất cả đều mơ trở thành những người lính thật của Việt Nam. Ông Ngoại cũng bị thuyết phục, và giải thích với những người trong gia đình rằng giai đoạn hợp tác với Pháp và ngay cả giai đoạn ngắn gương mặt nhận các vị thủ hiến và các nhân viên Việt được Pháp chỉ định, đã qua, đã chấm dứt. Ông hy vọng các Phật tử, các giáo nhân Công Giáo và ngay cả những người lảng giềng Cam Bốt cũng sẽ gạt bỏ mọi hiềm khích, tranh chấp để đoàn kết tranh đấu cho quốc gia. Bà Ngoại tỏ vẻ ngần ngại, nói việc trước tiên là phải bảo vệ gia đình, và tuy nghĩ về quốc gia, nên tránh những liều lĩnh liên quan đến mạng sống, nhất là của con trẻ.

Má và Ba tôi im lặng, có lẽ vì tin ý kiến quan trọng nhất phải là của những người từ trước đến nay vẫn sống ở ấp, chứ không nên là ý kiến của những người ngoài như họ. Phần tôi chưa đến 8 tuổi, chỉ biết sống hiện tại, tuy hết sức quan sát, nhưng chưa thấy được những chuyện tiềm ẩn trong tương lai.

Rồi một ngày đầu năm 1947 quân Pháp đến.

Lúc này mới đầu mùa mưa, bởi thế những con đườn từ Trà Vinh đến quận hoặc ấp vẫn dễ đi hơn trong tháng tới. Nhưng chúng tôi đã thực tập hệ thống báo động sơ khai rồi và do đó tin sẽ có vài sự báo động trước.

Tuy thế, vẫn chẳng có sự báo động nào cả.

Thình lình quân Pháp từ gần như mọi đồng lúa tiến đến những ngôi nhà tranh trong ấp nằm dưới những bóng cây. Một số người chạy trốn vào các bụi rậm quanh những dòng nước, nhiều gia đình khác túm tụm ở sân trước, và một số chỉ biết quỳ xuống cầu nguyện vài vì thần ứng hiện cứu họ thoát khỏi tai ách những kẻ hung bạo sắp sửa giáng xuống. Không có sự kháng cự. Người dân trong ấp Ông Ngoại chưa có đủ thời gian mà cũng chẳng có những lời hướng dẫn như đã hứa để tổ chức kháng cự.

Má tôi phản ứng nhanh chóng hơn đa số người khác, dắt tôi về mé sau căn nhà, đặt tôi giữa những đồng lu, chầu để trống trong khi bà đi tìm Ba tôi. Tôi không sợ, nhưng hiển nhiên bối rối vì những tiếng động. Có tiếng người hét lên và âm thanh của tiếng gì như tiếng pháo, nhưng linh giác cho biết là không phải. Người Việt Nam chúng tôi không có súng trong nhà bởi thế tiếng súng chắc chắn họ những lính Pháp đang từ ruộng tiến đến bắn ra.

Tôi có thu người nhỏ đến hết mức như một trái banh thịt ép xương nhỏ và cầu nguyện Má tôi sẽ trở lại ngay trong lúc đó, hoặc vài phút kế tiếp, hoặc vào phút kế tiếp nữa. Xung quanh mọi sự hỗn loạn, người tay chạy qua chỗ tôi núp, hét lên những tiếng hét không hiểu nổi. Tôi cảm thấy như đang giữa trung thu tâm một sự bùng vỡ, hoảng loạn, nhưng đồng thời vô cùng đơn độc.

Rồi tôi nghe một tiếng khóc khác lạ tiếng một đứa bé kêu khóc và bất thình im hặt. Tiếng một người đàn bà thét lên và tôi nhớ ra đồng lu, chầu ngổn ngang, nơi tôi núp vừa đúng chỗ phía sau ngôi nhà của người chị họ xinh đẹp, người khi có mang đã cho tôi sờ tay lên bụng. Tôi dán chặt người vào tường nhà, nhìn qua kẽ hở trên tường, và trở thành chứng nhân chứng kiến một cảnh bạo hành khủng khiếp. Vì còn quá nhỏ, chỉ mới bảy tuổi, tôi chưa hiểu rõ cảnh bạo hành đang xảy ra trước mắt. Một lính Pháp mắt trắng và một lính khác da đen mặt có sẹo đang giữ chặt chị tôi dưới sàn nhà, kéo chân chị đang ra để một người thứ ba hăm hiếp, trong khi một người lính khác đang đứng nhìn cười to. Khi chị tôi hét, hai người đang giữ chị thật mạnh đến khi chị không còn kêu nữa.

Vừa lúc đó Má tôi đến phía sau tôi, chộp lấy tay tôi, rồi cùng Ba tôi kéo tôi đi về phía sau ếp. Đến một chỗ cây lá mọc hoang, nơi rỗ, giá hư và những đồ sứ vỡ tích tụ, Ba Má tôi nhét tôi vào một cái lu to bị nứt đang nằm ngang, rồi vút đầy lá chuối mốc và những lá khác chung quanh Má tôi đưa tay nắm chặt môi tôi đến độ môi cảm thấy đau và dặn tôi phải im lặng, không được có tiếng động nếu tôi còn nắm tay Ba tôi, kéo ông về một hướng khác, có lẽ hy vọng tách ra như thế chuyện sống còn của chúng tôi có hy vọng hơn. Tôi im lặng hoàn toàn, nhưng trong nhiều giờ không tự mình trấn áp được sự run sợ. Nước mắt tôi lặng lẽ tuôn rơi không rớt.

Lính Pháp, trắng và đen — có lẽ là người Senegales hoặc người

ở thuộc địa Phi Châu nào đó, theo Ba tôi đoán về sau — rời làng tôi đó. Bọn chúng ăn cắp heo, gà, vịt, ít nhất là những con bắt được và bắn giết những con khác càng nhiều càng tốt, dường như chỉ cho vui. Bọn chúng cố bắt trâu, nhưng những con vật này hông dễ dẫn đi, bởi thế nhiều con trâu bị bắn chỉ để chơi hoặc để thỏa mãn ác tính lúc đó. Một số nhà bị đốt, một số nhà khác được tha. Khuôn mẫu, hoặc có lẽ chẳng có khuôn mẫu gì cả, chỉ hoàn toàn do ngẫu hứng và chẳng có lý do gì khác. Nhiều người bị đánh và một vài thanh niên bị bắt, bị dắt đi theo. Chị họ tôi không phải là người duy nhất bị hiếp ngày đó, nhưng chị là người duy nhất chết vào sáng hôm sau. Chồng chị là một trong những người bị bắt ngoài đồng ngay lúc đầu. Anh bị trói và dắt đến một chốn nào đó định mệnh đã sắp. Tất cả người còn lại, nhất là ba má chị đã khóc thương chị, thương đứa bé con chị bị giết một cách thảm khốc trước chị. Chị vài hôm sau là ngày sinh tám tuổi của tôi, nhưng chẳng ai còn tâm trí để nghĩ đến chuyện mừng, vì quá nhiều người sống sót đang đau khổ.

Sau khi quân Pháp đã rời đi ra ngày, bỏ lại những làng ấp bị tàn phá thì lính của quân đội Giải Phóng đến. Họ không phải hai người đã đến thăm vài tháng trước. Những người lính mới đến mang theo vũ khí và trông có vẻ cứng rắn, cương quyết. Họ đề nghị tổ chức không phải chỉ để báo động mà còn phải đề phòng vệ thôn ấp như một cần thiết của kháng chiến quốc gia. Tất cả mọi người — tứ là người lớn vì trẻ em dĩ nhiên chỉ biết nghe — dần dần đồng ý đến lúc ủng hộ quân đội quốc gia để giành độc lập. Một số thanh niên, đã vắn mặt hoặc trốn thoát khi quân Pháp vào ấp, tình nguyện đi theo những người lính mới đến để được huấn luyện. Tôi nhớ mọi người đều bị kích động. Chỉ vài người tỏ vẻ âu chúng đôi đang bên bờ vực thăm đỗi đời. Đa số cam kết không ngần ngại vớ mục tiêu giành độc lập cho quốc gia.

Ba Má tôi cùng quyết định đặt gia đình làm mục tiêu chính. Sau khi nói chuyện riêng rất lâu với nhau, họ quyết định dù đã mục kích tội ác của Pháp với người Việt, dù đồng ý với nguyên tắc của vấn đề kháng chiến, gia đình chúng tôi vẫn nên trở về Sài Gòn. Khi trốn khỏi thành phố, sự chọn lựa của Ba Má tôi chỉ vì chuyện hỗn loạn và giết người ở đường phố Sài Gòn. Giờ đây, bất kể quân Pháp đang căm hận sẽ tiếp tục thăm quyền ra sao, Sài Gòn vẫn là nơi an toàn hơn là ở những tỉnh chiến tranh đang bắt

đầu.

Má tôi cũng dặn tôi, bóp tay tôi để nhấn mạnh, tôi phải luôn nhớ không được phép gỡ ra dù chỉ một ngày, thánh giá đang đeo trên cổ. Bà tin đó là cái bùa hộ mạng, vì Pháp và những lính thực dân người Phi sẽ không giết hoặc hãm hiếp một bé gái Công Giáo trong khi có nhiều bé gái khác không theo đạo Công Giáo. Và trong nhiều năm, bà vẫn kiểm soát cổ tôi mỗi ngày, mỗi tối để biết chắc cái bùa hộ mạng vẫn còn ở đó.

Chương 2

Trở Về Sài Gòn

Má tôi, bà Nguyễn Thị Ký, đến Sài Gòn trước Đệ Nhị Thế Chiến để tìm việc và đi học nếu cơ hội cho phép.

Khi đồng ý cho phép bà rời Trà Vinh đi xa, gia đình Má tôi ở quê không khỏi ngần ngại. Đại gia đình Má tôi ở vùng đồng bằng Cửu Long có đủ để cung cấp gạo thặng dư hàng năm. Số gạo thặng dư đó thường được bán cho những người trung gian có hợp đồng với các kho gạo và những mối chở gạo đến vùng Chợ Lớn cạnh Sài Gòn. Tuy Má tôi còn nhỏ, gia đình cho rằng bà có thể tìm hiểu tình trạng buôn bán và giá cả ở Sài Gòn.

Ba tôi, Ông Đặng Phú Thọ, là con em họ xa của một gia đình buôn hàng sỉ. Ba Má tôi gặp nhau, chọn lựa nhau, có thể chỉ theo những lựa chọn tự nhiên hoặc có thể do định mệnh. Chẳng bao lâu sau, họ trở thành vợ chồng.

Vài năm sau, ngày 12-5-1939, tôi ra đời ở Chợ Lớn, tên được ghi trên giấy khai sinh và giấy rửa tôi là Nguyễn Thị Vui. Ba năm trước, Ba Má tôi cũng có một người con gái, nhưng chị tôi mất từ ngày còn quá bé.

Vì thế, trên một khía cạnh nào đó, tôi là cơ hội thứ hai của họ. Khi mới sinh, diện mạo của tôi đã khiến nhiều hàng xóm xì xào. Mé da đầu phía trên trán tôi có ba vạch đen nhỏ cách đều nhau. Chỗ đó chưa có tóc nên ba vạch đậm hiện hình rất rõ. Một số hàng xóm, dựa vào những truyền thuyết, cả quyết tôi sẽ được Phật phù hộ và che chở cả đời. Má tôi, một người Công Giáo thuần thành, sợ tin đồn biến thành chuyện đàm tiếu ở nhà thờ, hàng ngày rửa xà bông và ráng kỳ cọ cho sạch ba vạch đậm đó.

Chuyện bàn tán trong xóm tan dần khi những vạch trên trán tôi tự biến mất.

Chòm xóm nơi chúng tôi từ Trà Vinh quay về là một vùng ngang kênh Bến Nghé ở Chợ Lớn. Con kênh khởi nguồn từ một dòng suối thiên nhiên đổ vào sông Sài Gòn. Sau đó, dòng suối này được dọn sạch, mở sâu hơn, lớn ra làm đường thủy dùng vào việc thương mại.

Lúc này, con kênh chia vùng đất thành hai phần khác biệt rõ rệt. Một vùng đất đa số là người Hoa và các con đường đông đúc của Chợ Lớn. Vùng kia là vùng nửa đô thị, nửa nông thôn của chúng tôi. Đối với tôi, nơi đây cũng chẳng lấy gì làm khác với cuộc sống ở Trà Vinh. Tôi vẫn chơi với gà vịt, những tổ kiến và được họ hàng, chòm xóm cưng chiều.

Cũng như những đứa bé quê khác, đã biết bắn ná, tôi thường mang ná đến một nghĩa địa gần đó, nã sứt cả nhiều tấm một bia nằm trong tầm ná. Tôi thường chơi một mình, nhưng nếu chơi với những đứa bé hàng xóm, tôi thường là đứa cầm đầu và luôn bắn những đứa khác phải nghe theo. Và chơi đối với đứa bé tám tuổi như tôi, quan trọng hơn trường lớp. Khi ở Trà Vinh, tôi không đi học nên theo kịp các bạn đang học ở Sài Gòn không phải dễ. Tôi nghĩ về trường chỉ như một thứ khác với những trò chơi trong xóm. Những lớp dạy múa, vẽ và tô màu thật vui và tôi thích viết chữ thật đẹp, cẩn thận viết từng dấu cho thật đúng. Trường là một công giáo với ý định nối kết với thế lực ngoại quốc bên ngoài đã đưa công giáo vào Việt Nam, tiếng Pháp là ngôn ngữ nổi bật trong lớp. Sự hãnh diện thôi thúc tôi học hãnh diện thôi thúc tôi học hành chăm chỉ và chẳng bao lâu sau tôi đã theo kịp đa số học sinh khác.

Năm 10 tuổi tôi đã được chòm xóm quý mến. Lúc nào tôi cũng sẵn sàng giúp những cụ già ở gần, khi con cái các cụ phải làm việc lao động ở Chợ Lớn hoặc các bến tàu Sài Gòn, ban ngày nhiều cụ chỉ ở nhà một mình. Tôi mang nước cho các cụ bà cô đơn, giúp họ làm việc vặt và múa hát để giúp vui cho họ. Những cụ già đó là khán giả đầu tiên của tôi, và tôi lại là khán giả của các cụ khi các cụ kể cho tôi nghe các chuyện cổ tích hoặc bàn tán với nhau những chuyện ngời lê, đôi mách trong xóm. Các cụ là những người thầy ngoài lớp học của tôi.

Tôi vẫn còn thơ ngây, có nghĩa là, hoàn toàn thiếu hiểu biết, về những chuyện tình dục và nhiều phương diện của chuyện trai gái.

Có lần, vài năm trước khi Nhật chiếm đóng, khi máy bay Mỹ đang ném bom Sài Gòn, tôi đã cùng nhiều người chen chúc ở một chỗ tranh bom được dựng sơ sài bằng đất gần nghĩa địa. Một người đàn ông, tôi nghĩ ông là một người già, đã ngồi sau tôi và ôm chặt lưng tôi vào người ông. Khi đó chỉ là đứa bé 6 tuổi, tôi cho rằng ông làm thế là để che chở tôi, nhưng tôi cảm thấy có vật

cứng cứng đâm vào quần tôi và cảm thấy chuyện này hình như có cái gì không đúng.

Sau đó, tôi luôn tìm cách né tránh ông. Nhớ lại chuyện khí chịu lúc nhỏ đó, và nhìn thấy chuyện hăm hiếp ở Trần Vinh, tôi đánh đồng những chuyện tình dục với chuyện bạo hành và tàn nhẫn. Kinh nguyệt của tôi bắt đầu sớm hơn bình thường khiến tôi sợ hãi. Má tôi và các cô tôi chưa nói gì đến chuyện sinh lý và những chuyện không thể tránh khỏi. Họ giải thích chuyện kinh nguyệt của tôi sớm hơn bình thường nên họ chưa nghĩ đến chuyện giải thích thêm cho tôi về chuyện “ong bướm.”

Khi 12, 13 tuổi, tôi thấy hình như con trai, và ngay cả đàn ông, cũng thường đối xử khác lạ với tôi. Những cử chỉ tho lỗ khi họ nói về ngoại hình tôi khiến tôi để ý và bực mình. Mỗi khi tôi gánh nước cho các cụ già hàng xóm, thường là bằng đòn gánh vơi hai thùng thiếc treo ở hai đầu, những đứa con trai ở gần đó thường nhìn tôi chòng chọc. Khi gánh, để đòn gánh cân bằng và nước khỏi đổ, người gánh phải khẽ đong đưa người qua lại, và bước nhịp nhàng. Người tôi đang này nở và những đường cong đã gây sự chú ý. Các cậu con trai lớn bắt đầu theo sau tôi trên đường từ trường về nhà. Tôi thường bị bọn con trai xô, đẩy cho những thứ trong cặp rớt ra chỉ để bọn chúng giả vờ giúp tôi nhặt sách, nhặt bút chì và có cơ lại gần tôi hơn. Mỗi khi trời mưa, tình cảm còn tệ hơn, vì lớp vải mỏng của chiếc áo dài nữ sinh thường dính chặt vào người tôi. Tôi than phiền với Ba tôi, nhưng thay vì an ủi tôi. Ba tôi lại nói chắc tôi cố tình khuyến khích hoặc chọc ghẹo các cậu con trai. Má tôi thông cảm và hiểu tôi hơn, nhưng vẫn không có đáp án thỏa đáng. Má tôi cảm giác, “*Phải hết sức cẩn thận.*” Vấn đề con trai treu ghẹo tôi ngày càng khó chịu đến độ một người anh họ của tôi là cảnh sát, phải đợi tôi ở cổng sau giờ về. Anh tôi đi theo từng mắt nhìn bọn con trai theo tôi treo ghẹo, và đưa tôi cho đến khi tôi về đến nhà.

Nỗi háo hức và độc lực thực sự đưa tôi vào nghiệp trình diễn bắt đầu ở nhà thờ. Là người có đức tin mạnh, Má tôi tin sự cứu rỗi, cả trong đời lẫn cõi vĩnh hằng, chắc chắn sẽ kết nối với đức tin Công Giáo. Đây là điều Má tôi tin chắc. Bà bắt tôi đi lễ, xưng tội và rước lễ. Các việc đó đối với tôi điều dễ dàng, trừ những câu hỏi có vẻ khó chịu khi xưng tội, như những câu tôi bị hỏi về cảm tưởng của tôi đối với con trai. Nhưng điều tôi thích nhất ở

nhà thờ là tôi được hát thánh ca. Nhiều người làm việc ở nhà thờ sống trong xóm tôi nghe tôi hát giúp vui. Thấy tôi tuy chưa được luyện giọng, nhưng chất giọng vẫn trong và khỏe, họ đã đề nghị tôi tham gia ca đoàn nhà thờ.

Ngày nay, khi hồi tưởng về dĩ vãng, nhớ lại những chuyện lịch sử đã chứng kiến, những thất vọng, hiểu lầm, những lỗi lầm của bản thân và tất cả những xoay chuyển đã biến dần tôi thành người đàn bà như hôm nay, tôi nhìn nhận cách hành xử của các nhân tôi là do ảnh hưởng pha trộn triết lý Công Giáo lẫn triết lý Phật Giáo cổ truyền. Hai triết lý đó không xung khắc trong mục đích. Thực sự, hai triết lý đó bổ khuyết cho nhau. Có thể với người Việt, hai triết lý đó còn tài bồi lẫn nhau. Một phần niềm tin của người Việt là niềm tin về linh hồn của vạn vật. Tôi không có ý nói đến Cao Đài với hệ thống đức tin bao gồm cả Đức Bà Pháp, Louis Pasteur và Vladimir Lenin... Đạo Phật của người Việt và đạo Công Giáo nói chung có lòng kính trọng đối với tâm linh như kính trọng linh hồn của những cánh đồng, những loại đá đặc biệt, cây đặc biệt và lời nhắn nhủ của những linh hồn quá cố, của quý thần và những gì không thể giải thích.

Mỗi khi Tết đến, cả người đạo Phật lẫn đạo Chúa đều tụ họp ở những đình, chùa địa phương để nhờ thầy bói đoán trước chuyện kiết, hung sắp xảy ra.

Nhìn nhận chuyện tín ngưỡng được đa số tin theo trong xã hội Việt Nam, tôi vẫn luôn nhớ ơn ca đoàn Công Giáo đã cho tôi hiểu biết đầu tiên về sức mạnh của tiếng hát qua các bài ca. Công đoàn chúng tôi lớn hơn các cộng đoàn Công Giáo khác, bởi thể ca đoàn thiếu nhi của chúng tôi lớn hơn. Nhóm ca đoàn thiếu nhi chúng tôi thường được mời đến thăm và hát ở những cộng đoàn khác, nhất là ở những vùng thôn quê ở gần Thủ Đức và Biên Hòa.

Những nơi đó, tuy cách Sài Gòn không xa lắm, vẫn thường xuyên có những cuộc đụng độ giữ Việt Minh và các đơn vị an ninh địa phương được Pháp trả tiền và nằm dưới sự chỉ huy của Pháp. Trong một chuyến đi ra ngoài thành phố, chúng tôi đã phải một phen kinh hoàng khi một toán côn đồ đến tấn công nhà thờ nơi chúng tôi đang hát. Bất kể ý định của họ là gì và lý do nào đã thúc đẩy họ, những kẻ tấn công đã dùng dao, búa chém ác giáo dân công giáo mới vừa chào đón chúng tôi chỉ vài phút trước. Tôi bò vào bụi rậm sau nhà thờ, lưng vẫn lộ ra ngoài, nhưng có

lẽ cho rằng tôi chết nên những kẻ tấn công đã bỏ mặc, không đụng đến tôi.

Phải chăng bọn côn đồ này do cộng sản cầm đầu?

Hay chỉ là những kẻ hung bạo tùy tiện ra tay để giải quyết các tranh cãi địa phương?

Chúng tôi chẳng thể nào biết rõ.

Một lần khác, lúc tôi chưa đến 14 tuổi, chúng tôi cùng đến một nhà thờ nhỏ gần Tân Uyên, cách Biên Hòa không xa lắm.

Hôm đó, buổi trình diễn sắp bắt đầu, khán thính giả đang tụ họp đông đảo chờ giờ khai mạc. Chúng tôi chưa chuẩn bị xong y phục để trình diễn thì bỗng có nhiều người đàn ông cầm súng tiến vào nhà thờ thét lên rằng họ đến để giết những kẻ phản quốc. Một linh mục đẩy tôi về hướng cái tủ lớn treo áo. Những đứa trẻ khác bị đẩy vào phía sau tôi. Tôi cố núp sâu dưới càng nhiều lớp vải càng tốt, run rẩy khi nghe tiếng đạn. Lúc tiếng đạn đã im hẳn và chỉ còn tiếng rên rỉ, kêu khóc, tôi bò ra. Trong số người bị thương có vị linh mục, một số người trong cộng đoàn và ngay cả những đứa bé trong nhà thờ Sài Gòn của chúng tôi. Ngoài ra còn một số người đã chết, hoặc sắp chết. Sau chuyến đi đó, nhà thờ của chúng tôi đã quyết định từ đó trở đi, ca đoàn thiếu nhi sẽ không đến những giáo xứ ở các tỉnh, quận miền quê nữa.

Tuy đã chứng kiến và chính bản thân cũng trải một phần bí kịch, những kinh nghiệm đó vẫn chẳng khiến tôi chấm dứt nghiệp ca hát. Khi không hát trong ca đoàn nhà thờ, vào những buổi Ba Má tôi đi làm, tôi múa hát quanh con đường trong xóm, một phần muốn hát cho vui và một phần khác cũng muốn giúp cho vui hàng xóm. Khi hát, lúc nào tôi cũng thận trọng quanh quần gà nhà. Ngạc nhiên thay, tôi được mời hát cho một đám cưới hàng xóm. Rồi lại được mời hát ở một đám cưới khác.

Trong số khách đến dự đám cưới lần đó, có smoojt người chủ nhà hàng. Ông ta có ý mời tôi hát mỗi tuần hai tối. Ba Má tôi lo lắng. Tôi vẫn còn nhỏ — họ cho rằng quá nhỏ — nhưng tin rằng tôi có chút tài năng. Cuối cùng Ba Má tôi đồng ý... với một điều kiện. Lúc nào tôi cũng cần có người nhà đi kèm và tôi vẫn phải tieesp tục đi học. Và rồi, múa hát trong tuổi ngay thơ, với tiếng hát vô tình truyền cảm, và lúc nào cũng có người hà theo sát, tôi dần dần được nhiều người biết qua tiếng đồn. Càng ngày tôi lại càng được các quán ăn, các câu lạc bộ địa phương và những chỗ

tiệc tùng chú ý.

Những nhà hát nhỏ ở khu Sài Gòn và Chợ Lớn kế cận thường tổ chức nhiều buổi trình diễn gọi là “Nhạc Kịch” tức những màn kịch ngắn được trình diễn trên sân khấu. Giữa những màn kịch này, khi diễn viên thay đổi y phục để diễn xuất tuần mới, sẽ có ca sĩ và nghệ sĩ múa hát. Những màn kịch này cũng tương tự như những màn kịch “vaudeville” ở Mỹ khi trước. Hoàng Cao Tần, chủ đài radio lớn nhất của Sài Gòn và cộng sự viên, ca sĩ Minh Trang, điều khiển đoàn hát có tiếng nhất. Sau khi thấy tôi trình diễn giúp vui cho hàng xóm, họ đưa tôi vào đoàn như một ca sĩ đàn em được đỡ đầu, và khi đoàn hát trình diễn tôi được giới thiệu như một nghệ sĩ trẻ đang lên. Họ ký hợp đồng đầu tiên với tôi.

Vì cho tên Vui của tôi hông “*gây chú ý*”, họ đổi tên tôi thành Kim Vui. Kể từ đó, Kim vui trở thành cái tên vĩnh viễn gắn liền với tôi.

Tôi biết tiền được trả ở những nhà hát sẽ nhiều hơn ở các quán ăn, nhưng giọng tôi vẫn chưa đi hết được toàn thể âm vực và chưa đủ mạnh như về sau. Bởi thế, khi vẫn còn trong “tuổi dạy thì”, tôi cũng khiêu vũ. Lúc đầu là khiêu vũ các kiểu ballet, nhưng về sau chuyển sang một kiểu khiêu vũ giúp vui. Sau một lần khiêu vũ trình diễn, tôi trở về mệt mỏi đến độ các cô tôi phải soa bóp tay chân tôi, mới ngủ được.

Tuy mang tiền về cho Ba Má và là một thành viên thành công của đoàn hát, tôi vẫn không hài lòng. Kim Vui muốn trở thành ca sĩ chứ không phải nghệ nhân khiêu vũ, và tôi khá cứng đầu khi theo đuổi mục tiêu đó.

Bởi vậy, Hoàng Cao Tần và Minh Trang giới thiệu tôi với Lê Do, một người thầy tài năng lỗi lạc và một nghệ nhân guitar chẳng my vương phải vấn đề nghiện ngập.

Sau khi nghe tôi hát và đo âm vực giọng, ông soạn một bản nhạc “*Blue Danube*” riêng cho tôi. Thái Thanh, một ca sĩ thiêu luyện đã hát bài nhạc điệu valse này quá hay và tiêu chuẩn đó được dùng để đo giọng hát của tôi. Lê Do huấn luyện tôi hướng về một mục tiêu vượt trên những mức thường được cho là chấp nhận được. Lần đầu tôi hát “*Blue Danube*” ở rạp, khán giả đứng, reo hò và lớn tiếng vỗ tay, gần như không dứt. Nhưng âm thanh vang vọng đã khiết tôi lo đó là tiếng la hét của những khán giả không hài lòng. Nhưng lo lắng của tôi sai. Đây là bước đầu đưa tôi vào

nghiệp hát trở thành ca sĩ. Trẻ em, một số lớn hơn tôi và một số nhỏ tuổi hơn, bắt đầu háo hức chào má con tôi ở những chỗ chợ địa phương. Đôi khi những người bao quanh quá đông khiến tôi sợ hãi. Tôi hỏi Má tại sao bọn trẻ cứ đi theo Má con tôi hết quây này sang quây khác? Má tôi trả lời vì bọn nó hâm mộ con.

Thời gian đó ở khu Chợ Lớn, nhóm Bình Xuyên là một tổ chức kinh tế xã hội - cảnh sách - tội ác ghê gớm nhất Khánh Hội. Độc gia không quen thuộc với vùng Sài Gòn - Chợ Lớn thời gian này có thể thắc mắc tại sao một tổ chức cùng lúc lại có thể có phạm vi hoạt động bao trùm gần như khắp mọi nơi như thế? Nhưng tổ chức này thực cũng có hoạt động bao trùm chẳng khác gì những tổ chức băng đảng có hệ thống như băng đảng Mafia từng hoạt động tại đảo Sicilian ở Ý. Những người trong nhóm Bình Xuyên là hàng xóm của chúng tôi. Chúng tôi quen thuôi với tên tuổi của họ những nghệ sĩ nổi tiếng. Họ là một phần đời sống chúng tôi, và thỉnh thoảng cũng có thể là ân nhân khi họ muốn tạo dựng các hình ảnh anh hùng.

Tuy lúc đầu, cội nguồn phức tạp của nhóm Bình Xuyên có thể dính dáng đến cướp bóc lao động bất hợp pháp và âm mưu để làm “tiền bảo kê”, trong Chế Nhị Thế Chiến, nhóm Bình Xuyên đã ngã theo lòng yêu nước của đa số dân chúng và có một bộ mặt chống thực dân mới. Cái tên Bình Xuyên được đưa ra vào năm 1945.

Khi đoàn kết với cộng sản miền nam và những đảng viên quốc gia khác chống ngoại xâm, hành động của nhóm Bình Xuyên phản ánh một chủ đề thường thấy trong lịch sử Á Châu: Đôi khi đảng trưởng các băng đảng có thể trở thành những người ái quốc. Những vấn đề tấn công và phản công giữa nhóm Bình Xuyên và Pháp trong giai đoạn cuối 1945 và 1946 là nguyên nhân chính khiến Sài Gòn và các khu kế cận mất an ninh.

Đây cũng là lý do khiến gia đình tôi và nhiều gia đình khác đã cư về các tỉnh để lánh nạn.

Không đánh bại nổi lực lượng Pháp được tăng cường, một số nhân vật cầm đầu Bình Xuyên đã rút khỏi đảng và cắt đứt mối liên hệ hợp tác với đảng cộng sản. Sau khi cắt đứt quan hệ với cộng sản, tai anh chị Lê Văn Viễn của nhóm Bình Xuyên, được biết nhiều hơn dưới tên “Bảy Viễn” lại tạm thời bắt tay với chính quyền thực dân Pháp, lúc này vừa trở lại, và đang thắng thế. Để đội lại sự cam kết hứa sẽ tiêu diệt Việt Minh trong vùng Sài Gòn

của nhóm Bình Xuyên, Pháp đồng ý để nhóm Bình Xuyên có toàn quyền kiểm soát khu Chợ Lớn - Khánh Hội - Nhà Bè. Vì đã hợp tác với các lãnh tụ cộng sản địa phương và có quan hệ gần gũi với họ khi trước. Bảy Viễn có thể thành toàn lời hứa với Pháp. Không có đảng nào khác tranh quyền và được Bảo Đại cho phép, với sự mặc nhận của Pháp, Bình Xuyên tiến hành những hoạt động làm tiền từ các hộp đêm, các sòng bài và các vũ trường. Không còn bị động lực quốc gia hoặc chính trị kềm hãm, Bình Xuyên trở thành một tổ chức hoàn toàn tội phạm với những vụ buôn lậu thuốc phiện, cưỡng bức mãi dâm tàn bạo nhất.

Bình Xuyên đã bám rễ rất sâu vào khu vực Chợ Lớn - Khánh Hội và một số khu vực khác ở Sài Gòn, sâu đến độ tuy biết và sợ nhóm Bình Xuyên, dân trong vùng vẫn chẳng có cách nào thoát khỏi việc phải đụng chạm với nhóm băng đảng này. Trong những năm ở tuổi mới lớn, tôi đã hai lần được mời — bởi thế gần như bị trưng thu — để giúp vui cho một nhóm thuộc hạ của Bảy Viễn. Từ chối không phải là một lựa chọn. Tôi phải ngồi với những tay anh chị và bạn bè của những tay anh chị đó, như thể đang tự nhiên vui vẻ hòa mình với bọn cướp. Ba Má tôi lo sợ cho tôi vào cả chính họ. Đôi khi chúng tôi bàn bạc về chuyện dời qua một vùng ở quận khác mé bên kia Sài Gòn, nơi có ít sự hiện diện và kiểm soát của Bình Xuyên hơn. Nhưng chúng tôi biết không nên đại dốt để lộ ý nghĩ đó cho những người khác biết.

Tôi tiếp tục hát, khiêu vũ và được trả các khoản tiền nhỏ để giúp gia đình, nhưng những khi không trình diễn, tôi thích được một mình viết hoặc vẽ những bức tranh cô tôi và các bạn cô tôi thích. Tôi mơ một ngày nào đó sẽ gặp được người như ý để có thể một tình yêu lý tưởng.

Tôi giấc mơ tình yêu của tôi chẳng có gì gọi là khác vọng nhục dục. Chắc chắn tôi đã hiểu ngoại diện của tôi khu hút, nhưng với tôi, điều này hình như không quan trọng. Tuy thích trình diễn hơn học, tôi biết chú tâm vào học là việc đầu tiên và tối quan trọng. Lúc nào cũng môn học tôi thích nhất cũng là văn và nghệ thuật.

Suốt những năm đó, với tôi, người đàn ông quan trọng nhất là Ba tôi, nhưng chúng tôi thường chẳng hiểu gì nhau. Dần dần, tôi biết Ba tôi thường xuyên tìm đến những người đàn bà khác và phàn bội Má tôi.

Chẳng những thế, ông còn ăn cắp tiền trong trương mục gia đình, và trong bóp Má tôi, để theo đuổi chuyện ái tình ở những nơi khác.

Có lần, ngày mới từ Trà Vinh về Sài Gòn, khi tôi còn bé, Ba tôi đã hỏi tôi tất cả nữ trang. Nếu tôi chỉ chỗ cất nữ trang. Ba tôi hứa sẽ cho tôi kẹo. Rùi thay, tôi biết chỗ cất nữ trang của Má và lại muốn được kẹo.

Khi biết nữ trang đã bị chính chồng mình đánh cắp để có tiền quyến rũ những người đàn bà khác, Má tôi chỉ ôm tôi than khóc. Bà tha thứ và không hề trách móc sự phản bội ngây thơ vì kẹo của tôi.

Phần nộ vì tôi đã nói cho Má tôi biết những gì ông làm, Ba tôi to tiếng quát nạt, đập phá đồ đạc và ném đi những bức ảnh của gia đình. Má tôi sụm xuống, miệng mũi đều chảy máu. Tuy biết mơ hồ là có một số đàn ông thương hành động bạo, nhưng tôi thực sự không hiểu nổi tại sao Ba tôi có thể hành động như thế với người đàn bà đã hai lần cứu ông thoát chết.

Ba tôi thường đánh tôi khi tôi còn bé, đôi khi nắm tóc tôi, vục roi tre vào người tôi. Tôi đã nghĩ rằng để khỏi bật tiếng khóc to. Tôi cắt tóc ngắn, gần như con trai, để ông khó nắm tóc tôi. Ông xem chuyện đó như một thách thức, và cứ mỗi khi say hoặc không bằng lòng là lại lôi tôi ra đánh. Lúc nào nói chuyện với tôi, ông cũng hung hăng. Tôi thường xuyên chạy qua các nhà hàng xóm nơi những cô, bác tốt bụng an ủi, che chở. Mỗi khi đau xót nhìn lại, tôi nghĩ Ba tôi đã căm phần vì tôi bắt đầu kiếm được tiền cho gia đình nhiều hơn ông. Những sự kinh nể của tôi mất dần vì chuyện phản bội thường xuyên của ông đối với Má tôi, nhưng sự sợ hãi và căm hận thỉnh thoảng bộ phát khi ông đấm hoặc đánh tôi bằng gậy.

Nhưng bi kịch gia đình tôi chỉ là bi kịch nhỏ bên những thay đổi lịch sử quan trọng ở Việt Nam. Năm 1954, Pháp mất các thuộc địa ở Đông Dương. Ngoại trừ vài cuộc ám sát và tấn công bất chợt xảy ra ở địa phương, các nhân viên hành chánh Pháp, cảnh sát Pháp và lính Pháp đã quen thói tự tung, tự tác. Người Việt bị buộc phải chịu đựng.

Nhưng có một số tham gia Việt Minh, rời thành phố ra bung hoặc ở lại Sài Gòn làm gián điệp. Nhiều gia đình khuyên nên có một người họ hàng làm việc cho Pháp để **“nghê tin”** từ bên trong.

Một trong những người anh em của Ba tôi làm việc cho sở an ninh Pháp, có trụ sở chính ở khúc trên đường Catinat. Ông kể lại nhiều chuyện rùng rợn khi Pháp thẩm vấn những người Việt bị “tình nghi”. Thỉnh thoảng, có kẻ sống sót, miễn cưỡng phản bội, bị dắt vào xóm chung tôi, mặt đeo mặt nạ vải bao gạo, để chỉ điểm những kẻ chống Pháp. Những người chỉ bị điểm, nếu hiện diện, lập tức bị bắt. Tất cả chúng tôi đều bị ám ảnh vì cá tên “Catinat.”

Nhưng sự kiểm soát chặt chẽ qua Pháp ngày càng giảm. Các sư đoàn Việt Minh đánh bại Pháp ở thung lũng Điện Biên Phủ. Và ở những nơi khác trong đước, đa số các cuộc tấn công đều do phe cộng sản mở màn. Ở Kontum và An Khê thuộc cao nguyên Trung Phần, lính Pháp bị buộc phải buông bỏ nhiều vị trí đóng quân.

Một hiệp định khó khăn và không thực sự thỏa mãn — đối với hai phe điều đình — ở hội nghị hòa bình Geneva đòi hỏi các đơn vị quân sự cộng sản tập kết ra Bắc cho phép một phong trào trăm ngàn người Việt Nam, đa số là Công Giáo từ Bắc di cư vào Nam. Theo dự định, sẽ có bầu cử vào hai năm sau để thống nhất Nam - Bắc, tuy thủ tục bầu cử vẫn chưa rõ ràng. Nhưng sự cai trị của Pháp ở Việt Nam kể như hoàn toàn chấm dứt.

Nhiều người Việt Nam thấy dường như có cơ hội cho phép họ chọn lựa khác với sự chọn lựa tham gia các lực lượng giải phóng do cộng sản điều hành và kiểm soát. Rất nhiều và có thể là đa số, năng lực của Việt Minh phát nguồn từ lòng yêu nước, và tinh thần tranh đấu chống thực dân. Cuối cùng Pháp đã rời Việt Nam trong khung cảnh lòng ngóng, khó xử.

Khi Pháp đang trên đường ra, những khách ngoại quốc khác lại đến gõ cửa. Họ tự xưng là “người Mỹ” đến từ nước Mỹ, một nước ít người Việt được biết, và họ sẽ là những người khách mới trong bữa cơm của gia đình người Việt Nam. Chúng tôi hy vọng họ sẽ không chia cắt Việt Nam thêm mà sẽ là một lực lượng đối trọng chống lại sự áp đặt của chính quyền độc đảng Việt Minh.

Khuynh hướng mệt mỏi với chiến tranh, dù là đối với một thiếu nữ ở tuổi mới lớn như tôi, là hy vọng. Và người Mỹ đã tạo được một số uy tín thì đưa nhân vật quốc gia Ngô Đình Diệm trở về Việt Nam giữa năm 1954 để được hoàng đế chỉ định làm thủ tướng, tuy đa số chúng tôi ở Miền Nam không biết gì nhiều về ông và gia đình ông.

Cuối năm 1954, Sài Gòn trong trạng thái hỗn loạn. Pháp đang rời Việt Nam nhưng rõ ràng là đang cảm phần vì hình ảnh thay thế của Mỹ.

Nhưng người Việt Nam trước đây lệ thuộc sự năng đỡ của Pháp trở nên lúng túng. Một số chuẩn bị theo gót các quan thầy sang Âu Châu. Thủ tướng Diệm, mới nhậm chức, quý trí tổ chức và nắm quyền kiểm soát một chính quyền trung ương mạnh. Ông không muốn đóng vai trò nhân vật đứng giữa để giữ thế cân bằng quyền lực giữa vùng địa phương tự trị, nguyên là vùng được tự trị khi nhìn nhận sự hợp pháp của thực dân và thẩm quyền hoàn gia của Bảo Đại khi trước. Pháp tuy bị đánh bại, vẫn toan tính giữ địa vị ảnh hưởng ở Việt Nam trên phương diện thương mại và chính trị.

Một đồng minh của Pháp ở miền Nam có tiếng xấu nhất là nhóm băng đảng Bình Xuyên.

Vài tháng sau, khi thủ tướng Diệm ra lệnh tấn công những đường dây làm ăn và cái gọi là cảnh sát của Bình Xuyên, nhiều người Việt cho ông khó thể thành công. Pháp muốn dùng hoàng đế Bảo Đại, lúc đó đang du hí ở Rivera để thay vị thủ tướng bằng một chính quyền bù nhfn do Pháp đưa ra. Dường như tất cả tham dự viên trên diễn đàn quốc gia, kể cả người Mỹ đều do dự, không hiểu quyền lực trong tay các nhân vật quân sự ở Sài Gòn sẽ diễn biến ra sao.

Những bất kể mọi sự chỉ trích ông trong những năm sau thế nào, tại thời điểm lịch sử này, Ngô Đình Diệm đã có các quyết định đúng và cả quyết.

Ông cho lệnh các lực lượng Việt Nam tấn công Bình Xuyên và diệt trừ các lực lượng võ trang, không thuộc chính quyền ở thủ đo. Quân đội, đặc biệt là lính Dù, ủng hộ thủ tướng Diệm.

Trình Minh Thế, lãnh tụ quân sự Cao Đài đem quân từ thành trì Tây Nộn theo ngã đông nam tiến về hợp tác với quân đội quốc gia.

Chỉ có rất ít lính Bình Xuyên sống sót. Một số nhảy qua tường bao quanh trại lính và nghĩa địa để tìm đường thoát thân qua sân sau nhà chúng tôi. Có một người đàn ông bị thương nặng, ruột lòi ra ngoài. Cô tôi đã đặt một cái tô, đáy không sau vào bụng ông, và buộc lại bằng một cái khăn dài. Ông rất lết đi, nhưng tôi không hiểu ông làm thế nào để sống sót.

Một số khác có thể đã trốn qua Vĩnh Hội, Khánh Hội và vượt qua sông Sài Gòn.

Có tin đồn một số lính Bình Xuyên gia nhập những lực lượng còn sót lại của Việt Minh phía bên trên Biên Hòa, tuy khó thể tin cộng sản lại chào đón các bọn côn đồ nhiều năm trước đã phản bội họ.

Tôi nghĩ lúc đó, bất cứ Việt Minh nào còn lại ở Miền Nam cũng đều nằm yên quan sát tình thế sau hiệp định Geneva và sau khi Pháp rút.

Chính Bảy Viễn cũng trốn sang Pháp nhưng con trai ông và những nhân vật chủ chốt khác đều bị bắt. Các lãnh tụ chính trị và quân sự thương mô tả những cuộc diệt trừ chống đối như các cuộc hành hình.

Không có phiên tòa nào cho Bình Xuyên.

Họ bị giết từng người một, như họ dần từng tiết người khi trước.

Trình Minh Thế, vị tướng Cao Đài kêu gọi ủng hộ thủ tướng, bị giết trong cuộc chiến ở Sài Gòn.

Tất cả người trong xóm chúng tôi đều cho cái chết của ông thật kỳ lạ, vì ông không ở trung tâm điểm của trận đánh. Bất kể vì lý do gì, cái chết của tướng Thế đã khiến danh sách người sẽ chống đối thủ tướng trong tương lai giảm bớt một người.

Một cây cầu lớn ở Sài Gòn - Chợ Lớn được đặt tên là cầu Trình Minh Thế, nhưng sau đó, tên ông chìm dần vào quên lãng.

Một lực lượng bất đồng ý kiến lớn khác ở miền Nam là những cộng đoàn Phật Giáo Hòa Hảo. Cũng giống Bình Xuyên, nhóm Phật Giáo hiểu chiến này có một lịch sử gồm nhiều thành phần, đôi khi chống Pháp, đôi khi có xếp đặt thỏa hiệp địa phương với Pháp.

Tuy vậy, tín đồ Hòa Hảo là những người chống Cộng kiên quyết vì đức thầy Huỳnh Phú sồi của họ bị tập kích và mất tích, có lẽ đã bị thủ tiêu năm 1947, khi từ chối không hợp tác với Việt Minh.

Lúc này, vì Bình Xuyên đã bị trừ khử, và Cao Đài đã gia nhập quân đội chính phủ, tổng thống Diệm ra lệnh cho quân đội dẹp các nhóm Hòa Hảo ở vùng đồng bằng Cửu Long. Khoảng một năm, các lực lượng Hòa Hảo coi như bị đánh bại, chạy về các vùng đầm lầy hoặc những nơi ẩn náu ở Thái Sơn gần Cam Bốt.

Cũng như Bình Xuyên, những lãnh tụ Hòa Hảo bị bắt giam hoặc hành hình. Một vị tướng Hòa Hảo là Ba Cụt bị đưa lên máy chém, gọi lại hình ảnh hành hình xấu xa của thực dân Pháp khi trước.

Chương 3

Người Mẹ Trẻ

Mùa thu 1955, năm sinh nhật thứ 16, đời tôi bước vào một khúc quanh. Một học sinh trẻ từ Huế, cố đô của Miền Trung, được giới thiệu với Ba Má tôi như một cậu học trò có thể ở trọ bắt đầu vào tháng 8.

Những người trong nhà thờ của chúng tôi giới thiệu cậu nói cậu là con trai của một gia khá giả, là học sinh tốt nghiệp ở một trường tốt nhất ở Huế, quyết chí theo đuổi việc học lên cao ở Sài Gòn. Ba Má tôi đồng ý nhận cho cậu học sinh ở thuê. Họ cho đây có thể là một việc có lợi, vì tôi có thể tiếp xúc với một người đồng lứa tuổi, chín chắn, nếu so sánh với những người trẻ tôi đã gặp ở các câu lạc bộ và quán ăn.

Tôi bị cậu học sinh trẻ thuê nhà, không lớn tuổi hơn tôi bao nhiêu, hấp dẫn ngay. Sau khi tan trường, sau giờ học nhạc hoặc ca hát, mỗi khi về nhà, tôi mong có dịp gặp và chuyện trò với cậu. Thỉnh thoảng chúng tôi cùng học chung một bàn học. Chúng tôi cũng đi bộ, cùng đi mua đồ chung tại các hàng, quá bên đường ở Sài Gòn và Chợ Lớn. Lúc đầu, việc chúng tôi ngày càng gần bó chẳng có gì lãng mạn mà chỉ như chúng tôi cần có một người bạn, một người để tâm sự. Cậu học sinh ở trọ lúc nào cũng thích nghe tôi kể những chuyện tôi thấy, và kinh nghiệm của những người diễn xuất. Tôi cũng thích nghe cậu kể chuyện học và các dự định về chuyện tương lai của cậu. Cậu tin dựa trên nền tảng thành công của những việc kinh doanh của gia đình cậu, cậu sẽ phát triển công việc kinh doanh đó xa thêm. Lúc này, khi nhìn lại sau nhiều thập niên, tôi thấy mối qua hệ giữa chúng tôi đang trở thành quan hệ tình cảm tuy không có gần gũi thể xác. Nhưng hiểm quy ở khắp bốn phía vì chúng tôi thường xuyên ở nhà với nhau và được phép cầm tay, được phép ngồi gần nhau hơn những khoảng cách nên được cho phép.

Một hôm, khi tôi đang ngủ trong phòng, cậu ta vào cùng nằm với tôi. Lần đầu tiên và chỉ có một lần, chúng tôi hôn nhau da chạm da. Cậu đã để dương vật giữa hai chân để tìm khoái là

cũng để tôi thỏa mãn từ tò mò. Cảm giác đụng chạm khiến tôi ngợ ngẩn. Cậu ta hứa sẽ không làm tôi đau.

Tôi không hiểu điều đó có nghĩa gì, đầu óc chỉ còn hình ảnh mờ nhạt về hình ảnh người đã bị hãm hiếp ở Trần Vinh. Nhưng kinh nghiệm vui thú này với cậu ta lại hoàn toàn khác hẳn. Tôi đã từng tự nhủ sẽ không phạm phải lỗi lầm mà nhiều thiếu nữ, đà bà trẻ đã phạm khi ở một mình với bạn. Nhưng giờ đây, chính tôi lại bị cám dỗ bởi những cảm giác tình yêu bông bột của tuổi trẻ.

Có hai chúng tôi cùng hiểu vấn đề đối cần của sự thận trọng và tôi tuyệt đối không nên có bầu, trước khi cậu nói chuyện với gia đình cậu. Bởi thế, người yêu đầu của tôi hứa trong lần này gần gũi đó là chúng tôi sẽ giữ gìn vấn đề gần gũi ở một khoảng cách mà sự ngay thơ của chúng tôi cho là vô hại. Nhưng, bản năng của mầm sống là lợi ngưng dòng, vượt qua mọi chướng ngại để kích thích một đời sống mới. Lúc đầu, tôi ngay thơ đến độ còn chưa biết thân thể người đàn bà phản ứng thế nào với việc thụ thai. Tôi tác kinh một lần, rồi một lần nữa chỉ vừa trước Giáng Sinh. Tôi còn ngay thơ những đã biết đủ để cảm thấy tình trạng báo động. Tôi không dấu được trạng thái căng thẳng đầu óc với Má tôi lâu.

Bởi thế, quả là một sự ngạc nhiên và phần nộ cho Ba Má tôi và với sự kinh hãi của gia đình cậu sinh viên, người yêu của tôi, vào đầu năm 1956, và chỉ qua một lần gần gũi duy nhất với cậu ta, tôi, một thiếu nữ chưa đến 17 tuổi đã có mang!

Tình trạng còn tệ hơn cho tôi và Ba Má tôi là sự vắng mặt của cậu thanh niên. Cậu đã trở về Huế vào tháng 12 để tạm thời làm việc trong cơ thể kinh doanh của gia đình, và trong thời gian xa tôi, cậu đã bị gia đình thuyết phục chấp nhận một cuộc thành hôn theo sắp đặt của cha cậu và một gia đình khác già có. Cậu đã chấp thuận, ngay cả khi chưa biết tôi đã có thai. Khi cậu còn học ở Sài Gòn, nhưng khi cùng mơ tưởng về chuyện dàn xếp tương lai xa hơn, chúng tôi thường tưởng tượng có thể cùng tiếp tục cuộc sống lúc đó cho đến khi cậu ta học xong, rồi bằng cách nào đó chúng tôi có thể kéo hai gia đình lại với nhau trong chấp thuận và hạnh phúc. Lúc này thực tế đã phá tan ảo tưởng. Cậu thanh niên trở về, bị vướng vào một mạng lưới không thể thoát khỏi. Cậu không bao giờ trở lại Sài Gòn hoặc trở về với tôi.

Ba tôi phần nộ! Ông phần nộ với cậu thanh niên, cảm thấy bị

gạt, rồi còn phần nộ với tôi hơn, vì cho đứa con gái đại dột của ông đã phản bội ông. Má tôi thông cảm hơn, có lẽ là sự thông cảm của người đàn bà lớn tuổi đối với một người đàn bà trẻ hơn. Đồng thời Má tôi dường như cũng tự trách đã không đoán trước được sự căm dỗ có thể xảy ra khi hai người trẻ thiếu hướng dẫn, thiếu người quan sát lại quá nhiều thời giờ gần nhau.

Ba tôi, vừa suy nghĩ về những điều tiếng, chế giễu từ hàng xóm, vừa xấu hổ với chính mình, đã đuổi tôi ra khỏi nhà. Trong nhiều ngày, tôi đã phải nấp ở một chỗ xây ở phía xa sau nhà, ngủ dưới những bao gạo cũ, và sống nhờ thức ăn Má tôi lên đem cho tôi. Thỉnh thoảng, một cụ già hàng xóm cho tôi những trái cây trong vườn nhà cụ. Tôi đi lang thang ngoài đường, đôi khi chào nước mắt và thường đói như bao giờ từng bị đói như thế. Nhiều lúc tôi đứng ngoài tiệm phở, ngửi mùi phở rồi quay đi vì trong túi không có một đồng. Tôi thực sự là kẻ vô gia cư.

Kể từ những ngày cô đơn đó, tôi chưa bao giờ thiếu thông cảm với những kẻ không nhà, thiếu ăn, bất kể vì lý do gì. Cuối cùng, Má tôi thuyết phục Ba tôi cho phép tôi trở về với gia đình. Nhưng hết ngày này sang ngày khác, ông gần như chẳng nói với tôi tiếng nào, và tôi nghĩ tôi thoát được những trận đòn đường xuyên, chỉ vì Ba tôi biết tôi đang mang thai.

Tôi cố gắng tìm cách thoát ra khỏi khung cảnh khổ sở, phải thường xuyên chịu đựng sự rửa sả của Ba tôi, và tôi phải sự tạo một hình ảnh mạnh mẽ cho mình bằng thành quả của chính bản thân. Bởi thế, vì thoát nhìn chưa ai biết tôi có thai, tôi bắt đầu hát lại ở vài câu lạc bộ địa phương. Việc tôi có thể mang tiền về cho gia đình đã xoa dịu cơn phần nộ của Ba tôi, tuy tôi luôn luôn đưa tiền cho Má tôi và hy vọng bà có thể để dành càng nhiều càng tốt.

Sau chỉ một tháng, vì hết sức muốn tách rời cảnh khổ ở nhà và nghe lỏm được những câu chuyện trính trị ở các quán ăn, biết được những thay đổi trong đất nước, tôi cho là có thể cơ hội đóng góp một phần nhỏ vào hoạt động yêu nước đang ló dạng ở Miền Nam. Tôi nghĩ tôi có thể tham gia một lý tưởng vượt trên những trình diệt nghệ thuật. Những cam kết nghiệm trong của tôi, của cá nhân tôi trong làng xóm thời giúp tôi biến dần thành một người đáng trọng.

Tôi biết, chỉ mơ hồ và không chi tiết, về Phủ Đặc Ủy Dân Sự

đã trở thành Bộ Công Dân Vụ có trách nhiệm cung cấp tin tức của chính quyền Sài Gòn cho những người sống ở các quận, các ấp. Chính quyền cho rằng nếu được thông báo rõ ràng hơn, những gia đình ở nông thôn sẽ ủng hộ mộ chính phủ không cộng sản. Mỗi chiến dịch của đội công dân vụ bao gồm một phần tự diễn kịch và trình diễn tháp tùng với cán bộ thông tin lo việc tổ chức và tuyên truyền. Những người hăng hái vận động tiến vào các ấp, các xóm ở Sài Gòn đã đạt đa số phiếu trong cuộc trưng cầu dân ý 1955, thay đổi chính quyền thành một chính thể cộng hòa, lật đổ hoàng đế Bảo Đại để bầu Ngô Đình Diệm làm tổng thống mới.

Một người bạn ở nhà thờ chúng tôi đã nói với tôi rằng ông Kiều Công Cung, một cựu Việt Minh, đã đệ trình quan niệm và kế hoạch tổ chức cho các đội công dân vụ lên thủ tướng, giờ đây là tổng thống Ngô Đình Diệm. Ông Cung là người được dư luận nói đến nhiều vì có quá khứ Việt Minh, nhưng ông cũng có tiếng là người thật thà, và đa số đều biết ông Diệm tin ông. Bởi thế, với sự chấp thuận ngần ngại của gia đình, tôi tham gia cái được gọi là Đặc Ủy Phủ Dân Sự Vụ ít lâu sau trở thành Bộ Công Dân Vụ và tham gia những công tác chính trị ở miền quê.

Các cuộc trình diễn, múa hát pha lẫn những kê gọi chính trị của chúng tôi ở các thủ phủ quận, ở các ấp, sân khấu trình diễn thường được dựng ở những bin-đình được chính phủ tạm thời trưng dụng. Nhưng ở những ấp và những làng, sân khấu thường được dựng sơ sài bằng gỗ và lá dừa dại ở hai bên và phía sau. Nếu có màn, màn sân khấu thường là một tấm vải ni cũ do những người trình diễn tự tay đóng, mở. Chúng tôi được hoang nghênh ở mọi nơi vì người dân muốn có sự giải khuây và thật sự cũng có khá nhiều tò mò về chính phủ mới. Những cuộc trình diễn của chúng tôi, dù chỉ là những tay mới kém cỏi, vẫn khiến khán giả trẻ, già thích thú.

Một thông điệp chính thường được cán bộ thông tin đưa ra là kêu gọi các cựu Việt Minh kháng chiến và các chiến sĩ Việt Minh trình diễn để ghi danh với văn phòng xã hoặc quân của chính phủ. Lúc công tác trong thời gian đầu, khoảng đầu năm 1956, tôi tin một cách rất ngây thơ mục đích của những kêu gọi chỉ để nhìn nhận các người chống thực dân yêu nước và giúp họ tránh khỏi mọi sự vu cáo, buộc tội họ là thành phần băng đảng. Vì thế, tôi

đã bối rối khi thấy đa số gia đình đều không hưởng ứng lời kêu gọi ghi danh của chúng tôi và đôi khi tiếng loa kêu gọi của chúng tôi lại được đáp lời bằng tiếng súng, có lẽ chỉ là tiếng súng biểu tượng. Mỗi khi sợ hãi vì tiếng súng, tôi đã tự trấn an đó chỉ là xự lộn xộn của một quốc gia đang trong những ngày mới có độc lập. Rồi đây mọi sự sẽ dần dần sáng tỏ.

Làm việc ở các tỉnh và các ấp đánh động lại những ký ức về thời ấu thơ ngắn ngủi của tôi ở Trà Vinh. Tôi nhớ những dân quê ở các quận tuy nghèo, nhưng thường rộng lòng chia sẻ với nhau hoặc với những bất nhất trong chính sách của một chính phủ mới vẫn đang tự tổ chức.

Nhiều tuần nhanh chóng trôi đi. Khi qua lại các tỉnh, giữa lúc đang háo hức với công việc, tôi tôi bắt thấy sự thay đổi về thể trạng do mạng thai đã sáu bảy tháng. Người tôi lên cân phải về nhà. Má tôi che chở, giúp tôi khóa khỏi nhưng cơn thịnh nộ của Ba tôi, và cùng đi với trong nhưng cuộc đi bộ chậm chạp hàng ngày quanh xóm. Má khuyên tôi ráng chịu đựng và chấp nhận mọi sự đau đớn không thể chánh khỏi của những người đàn bà khi sinh nở.

Con gái đầu của tôi, Nguyễn Thị Thu, ra đời ở bệnh viện Sài Gòn ngày 20-8-1956, sau gần một ngày đau đớn, khi tôi chỉ vừa quá 17 tuổi. Giấy khai sinh của con tôi ghi nghề nghiệp của tôi là “*cán bộ dân sự vụ của chính phủ.*” Các y tá đã báo cho Má tôi biết với sự ngạc nhiên, rằng khi khám thai, họ thấy màng trinh của tôi vẫn còn nguyên. Bởi thế đây là sự sinh nở của một trinh nữ, họ tin, và có thể là của một sự sinh nở có tính cách linh thiêng gì đó. Nhưng chắc mọi người cũng hiểu được sinh nở khác thường chẳng dính gì đến việc của các thần linh. Chẳng biết có thiêng liên gì không, nhưng ngay từ phút đầu Lệ Thu là đứa bé yếu đuối, đã phải cố gắng để thở. Trong nhiều tháng, tôi đã phải luôn ở cạnh con và về sau con tôi còn cần phải có sự theo dõi đặc biệt và chữa trị của bác sĩ suốt nhiều năm. Năm 1970 và 1971, khi đang ở tuổi mới lớn, Lệ Thu đã phải nhập viện ở bệnh viện Gralle và đã nhiều tháng phải bỏ bột từ cổ đến hông.

Vài tuần sau ngày Lệ Thu ra đời, cha của cậu học sinh vẫn mặt - người tình cũ của tôi - đến thăm gia đình tôi ở Sài Gòn. Ông là người “bướng bỉnh.” Ông khước từ mọi liên hệ với dòng máu của chính con trai ông. Có thể ông sợ tôi sẽ mớ tay vào công ty

nước mắt đang thành công của gia đình. Ông nói ông chỉ chấp nhận một điều kiện duy nhất để con trai ông có thể chọn lựa. Con trai ông sẽ được cho phép nhìn nhận con gái của cậu, nhưng nếu chọn điều đó, cậu sẽ phải từ bỏ gia đình cậu.

Đây quả là một chấp nhận hiền từ! Sự chấp nhận nhỏ nhoi đó, một mệnh lệnh ác độc, đã khiến Ba Má tôi phần nộ vì sự khinh thường của ông đối một gia đình người Nam như gia đình chúng tôi. Có lẽ vì cảm thấy xấu hổ, và cũng muốn nhìn nhận một phần trách nhiệm của gia đình ông, vì khách đã đưa tôi một gói tiền.

Đó phải chăng là một sự suy nghĩ kiêu ngạo, cho là ông có thể mua chúng tôi bằng tiền? Hay một hành động để xoa dịu những hổ thẹn mà cả nhân ông đã khéo giấu giếm? Tuy không bao giờ được biết rõ, riêng phần tôi, không bao giờ có chuyện tôi hạ mình hoặc năn nỉ xin được ông ta chấp nhận.

Tôi không bao giờ chấp nhận đánh đổi giá trị của con gái tôi với bất cứ khoản tiền ban phát có tính cách bề trên nào. Bởi thế, tôi nhét tiền tôi nhét tiền vào tay ông trở lại.

Tôi không cho phép ông, và le ra ông nên biết trước, không nên sỉ nhục tôi và gia đình tôi bằng cách dùng tiền để mua một cuộc đời mà ông cho chỉ là một sự bất tiện. Ba tôi, tuy thương tham lam, đã bảo vị khách giữ lại tiền và mời ông ra khỏi nhà chúng tôi.

Khi trở lại nhà, trong những tháng cuối mang thai, và sau khi chăm sóc cho Lệ Thu, tôi đã cố gắng học hết Trung Học. Má tôi là một vị thiên thần chăm sóc cho cháu. Lệ Thu được chăm sóc thuốc men tận tình, đã bắt đầu khỏe và tôi lại có thể đi hát để kiếm tiền trang trải mọi thứ chi phí. Nhưng tôi cảm nhớ những cảm giác mạo hiểm, độc lập trong các công tác hoạt động Dân Sự Vụ khi trước. Bởi thế, với sự đồng ý gia đình, tôi lại tham gia chương trình cán bộ của chính phủ và lại một lần nữa công tác ở miền quê.

Khi công tác và đầu năm 1957, tôi thấy ngay, và thấy rõ hơn nhiều, sự khác biệt giữa Sài Gòn và các tỉnh. Người dân ở thủ đô bắt đầu ăn mặc đẹp đẽ, thường mua hàng dọc theo các con lộ chính trong phố, và có vẻ giàu. Nhưng những dòng viện trợ và những hàng hóa nhập cảng đưa đến sự khác biệt ở Sài Gòn chẳng đem lại ảnh hưởng gì ở những vùng thôn quê nghèo. Nếu do với tiêu chuẩn ở miền Nam, người dân sống bám rễ và các ấp ở miền

Trung đều nghèo. Họ có vẻ thiếu ăn. Áo quần thường xơ xác và có chỗ vá. Sao với khán giả ở các tỉnh khác, khán giả đến xem các cuộc trình diễn văn nghệ ở Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Trị thường quá tuyệt vọng, quá khổ. Những khi họ tìm đến tôi sau buổi trình diễn, sự khổ cực của họ khiến tôi đã động lòng. Tôi đã tặng họ quần áo và tất cả số tiền tôi có thể cho.

Chẳng bao lâu sau, va-li của tôi trở thành trống trải và túi đeo vai của tôi nhẹ tênh. Tôi cần mua một số vật dụng, nhưng gần như chẳng còn đồng nào. Người quản lý đoàn hát chú ý sự khốn khổ của tôi. Anh ta hứa sẽ cho tôi tiền nếu tôi ngủ với anh ta trong khi công tác. Trước đây ở Sài Gòn, sau một cuộc trình diễn cho tổng thống Diệm, có lần có người lãnh đạo cao cấp mò người tôi. Tôi đã giải quyết chuyện đó bằng cách khiêu nại thẳng với ông Kiều Công Cung. Lúc này, tuy xa thủ đô và xa vĩ lãnh đạo cao cấp đạo đức đó, tôi vẫn nhất quyết không để các nhân viên tháp tùng lợi dụng. May thay, những người bạn cùng trình diễn đã chú ý và tự quyết tiền cho tôi mượn để đủ dùng cho đến khi hóm chúng tôi trở về Sài Gòn.

Trong mọi công tác dân sự vụ ở Cao Nguyên, nếu phải tiếp xúc gần gũi với những bộ lạc tại các vùng đồi núi, chúng tôi lúc nào cũng gặp khó khăn. Sự khác biệt về ngôn ngữ hết sức sâu rộng. Lúc đó, hơn sáu mươi năm về trước, số người Việt nói được tiếng Ra-Đê, Ja-Rai, Ba-Na, Se-Đang hoặc ngôn ngữ của những bộ lạc khác rất ít. Đây không phải chỉ là vấn đề khác giọng giữa các địa phương có cùng ngôn ngữ, chẳng hạn như giọng Bắc và giọng Nam mà là một hố sâu khác biệt giữ ngôn ngữ xử dụng dấu để chuyển giọng khi nói của người Việt và ngôn ngữ không xử dụng dấu của người Khmer hoặc các ngôn ngữ bắt nguồn từ tiếng Mã Lai. Chúng tôi có thể nói tiếng Pháp với các tù trưởng để họ chuyển thông điệp từ chúng tôi đến dân trong bộ lạc, nhưng xử dụng ngôn ngữ của thực dân để nhấn nhai những ý tưởng mới về chính trị và độc lập hình như không ổn.

Giữa người Việt và người Thượng ở cao nguyên miền Trung luôn có khác biệt chính trị quang trọng, tương tự căng thẳng giữa người Cam Bốt và người Việt ở các Tỉnh vùng đồng bằng Cửu Long. Vấn đề căn bản là mâu thuẫn trong vấn đề chủ đất và xử dụng đất. Mâu thuẫn này bị phức tạp hóa vì những thành kiến của người Việt về về người thân thiếu số và những căm hận của

người Thượng. Trước đây, thực dân Pháp lập ban điều hành riêng cho những vùng đồi núi và cao nguyên. Những ban điều hành này hoạt động khác với những ban điều hành tại các vùng khác trong nước. Sau khi đa số những công ty kinh doanh của Pháp rút đi, chính phủ mới, mở những vùng đất ở cao nguyên cho người Việt Nam đến định cư và cho các công ty thương mại Việt Nam hoạt động. Năm 1954, việc này đặc biệt có lợi cho người miền Bắc di cư những lại khiến người Thượng thuộc các bộ lạc Thượng sống ở vùng cao nguyên phần uất nghĩ người Việt đã lấn đất của họ.

Tháng 2-1957, một nhóm dân sự vụ được chọn tháp tùng tổng thống Diệm và các viên chức cao cấp đến Ban Mê Thuột, một tỉnh chính của vùng Ra-Đê, với tính cách viếng thăm nghi lễ. Phái đoàn của tổng thống đi trên một máy bay đặc biệt. Tất cả diễn viên trong đoàn Dân Sự Vụ, thông tin điện ảnh bay trên một chiếc C-47 khác — thường là máy bay chở lính — với hai hàng ghế vải không thối máy, nhưng có khoảng trống rộng ở giữa có thể để nhạc cụ và máy ảnh. Chúng tôi, những ca sĩ và nghệ sĩ múa được cho biết nên mặc y phục giần giống, theo con mắt người Việt, y phục của người Thượng. Trên đường bay đến Ban Mê Thuột, tôi tự hỏi chẳng hiểu khi thấy chúng tôi mặc như thế, những người dân Ra-Đê đến tham dự nghi lễ ở Ban Mê Thuột sẽ nghĩ thế nào?

Vui vì được tán dương? Bực vì thấy vị xúc phạm? Buồn cười? Hay họ đã quá quen với sự khinh thường của người Việt, và y phục của chúng tôi chẳng qua chỉ là một sự sỉ nhục khác trong số quả nhiều người sỉ nhục và chẳng ai thêm để ý?

Nhưng suy tưởng của tôi bị cắt đứt khi chiếc máy bay cũ kỹ của chúng tôi đáp xuống trước chiếc máy bay chở tổng thống Diệm. Chúng tôi lập tức đi ngay đến chỗ nghi lễ để đoàn hát Sài Gòn kịp trình diễn một màn chào đón diễm lệ đón mừng tổng thống và phái đoàn đi theo ông. Mặc y phục như đã được hướng dẫn, chúng tôi sẽ xuất hiện trên cuộc phim quốc gia như người dân Thượng háo hức. Nhưng vì là những người đến đầu tiên, chúng tôi, những nghệ nhân trình diễn, được đón chào bằng các điệu nhạc của chính người Ra-Đê, với một dịp lập đi, lập lại nhưng du dương của những tiếng công đủ mọi kích thước, âm thanh nghe như nước đang từ trên cao trút xuống dòng và vào đá lớn.

Chúng tôi nhanh chóng dàn hàng theo như trình tự xuất hiện, trình diễn và bắt đầu tiến lên khi tổng thống và phái đoàn tiến đến. Chúng tôi chào ông, tất cả tản ra xung quanh gần như một vòng tròn, và tôi nhớ thắm nghĩ trông phong cách tổng thống Diệm có vẻ niềm và thân thiện. Bất thành linh, một người đàn ông, tôi biết chắc là người Việt, rút súng bắn vào tổng thống.

Thật không ngờ, những nghệ sĩ, ca sĩ chúng tôi lại vô tình làm tầm chắn gần như những cận vệ quanh ông!

Sự hỗn loạn bùng ra ngay lập tức.

Tiếng gào, tiếng thét thất nhanh, nhưng những cận vệ của tổng thống phản ứng khá nhanh, chạy qua vòng trong các nghệ sĩ đang vây quanh, chụp vai tổng thống và đưa ông ra xa. Tổng thống Diệm không hề gì, nhưng một viên chức tháp tùng ông bị thương.

Phần chương trình còn lại bị hủy bỏ và mọi người được đưa trở lại trường để quay về Sài Gòn ngay.

Tôi biết tổng thống Diệm không hoàn toàn được ủng hộ. Tuy ông kính trọng vì đã dẹp được nhóm Bình Xuyên, tuy cuộc trưng cầu dân ý năm 1955, giải thể sự cai trị của hoàn đế Bảo Đại và tuyên bố một chính phủ Cộng Hòa được hoan nghênh, nhưng dân chúng vẫn có ấn tượng ông là một nhân vật xa vời, không gần gũi với họ. Hơn nữa, thay vì thế là lá cờ Bả Đại - Pháp, ông vẫn giữ lại là cờ của chính quyền bù nhìn đó. Việc này khiến một số người cho là ông chưa hoàn toàn đoạn tuyệt với quá khứ.

Chẳng bao lâu sau, theo lời mời của tổng thống Eisenhower, ông Diệm sang thăm Hoa Kỳ. Đối với người Việt Cam kết với một cá thể tách biệt với miền Bắc cộng sản, sự ủng hộ của Mỹ là một điều hết sức quan trọng.

Câu hỏi máu chốt nhất đối với nhiều người, kể cả tôi, là: Có nhân vật lãnh đạo nào có thể kêu gọi được tất cả, hoặc ít ra là đa số những nhóm khác biệt trong một quốc gia mới đang được ổn định không? Tổng thống Diệm đã đem lại một sự lãnh đạo cương quyết, và có thể nói là mạnh bạo. Ông đã “châm ngòi khởi động” quốc gia, nhưng một số người chỉ trích cho rằng việc “châm ngòi” khởi động đó đa số chỉ nhằm vào việc đàn áp những kẻ đối đầu hoặc có tiềm năng đối đầu với ông. Vài người trong gia đình ông, nhất là hai em ông. Nhu và Cần, là hai người được nhiều người nói đến, và có thể không ưa, vì tuy không được bầu vào bất cứ chức vụ nào, họ lại có ảnh hưởng và gần như có thẩm quyền quyết

định. Riêng tôi vẫn còn kinh hãi, khiếp người nhiều tuần vì đã ở quá gần cuộc ám sát tại Ban Mê Thuột.

Tôi chẳng có bất kỳ mối liên hệ chính trị nào dù chỉ là những mối liên hệ mong manh nhất. Nhưng tôi đang sống và làm việc trong một xã hội đang bị chính trị hóa, đang nghe bàn tán của những người xung quanh, nhạy cảm với những điều kiện và ý kiến ở Sài Gòn. Quan trọng hơn nữa, trong thời gian gần đây, tôi lại vừa quan sát một số tỉnh và ấp. Tôi thấy dường như ý định, và sự quan tâm đặc biệt của tổng thống Diệm và Kiều Công Cung với những việc ở thôn quê đã thay đổi khá nhiều vào cuối năm 1956 trong thời gian tôi ở nhà.

Trước đây khi chương trình công dân vụ ủng hộ trung cầu dân ý để chấp thuận một chính thể cộng hòa thay thế cho sự cai trị của đế quốc, lật đổ Bảo Đại, gia đình tôi vì đa số người quen đều cho điều đó chẳng thể có gì sai. Đê một hoàng đế ăn chơi ra khỏi chính trường có lẽ là điều ai cũng muốn. Trước đây khi công tác, tuy biết nhận diện các cự Việt Minh là việc cần, tôi chưa biết những người tự ra đầu thú hoặc bị tố cáo gần như lúc nào cũng bị bắt. Lúc này, từ cuối năm 1957 sang năm 1958, tuy chỉ là một phần tử nhỏ trong chương trình công dân vụ, tôi cảm thấy phần lớn cuộc sống của tôi đã thay đổi. Công tác củ tôi là kêu gọi sách động chú không phải thông báo. Sự chuyển hướng chú tâm còn bị phức tạp hóa thêm vì những khác biệt của các miền và của xã hội.

Lúc đầu chương trình Công Dân Vụ, việc chính phủ muốn bảo đảm mọi người được gửi đi vận động ở thông que đều hoàn toàn trung thành với chính phủ mới là việc có thể hiểu được. Đưa những người Bắc di cư trốn cộng sản, mới vào Nam, đa số là dân công giáo, vào làm việc trong guồng máy chính phủ lúc đầu có vẻ là cách bảo đảm sự trung thành. Nhưng về sau, những người miền Nam chúng tôi thấy ưu thế của người Bắc sẽ tự có đà phát động. Vì bản thân là người Công Giáo, tôi không xem căn cước tôn giáo là một vấn đề. Nhưng những khó khăn, hiểu lầm trong sự tiếp xúc Bắc, Nam vẫn hiện diện. Sự khác biệt giữa tiếng Bắc và tiếng Nam, không chỉ là vấn đề phát âm mà còn có cả khía cạnh văn hóa rất khác nhau. Đôi khi, những cuộc nói chuyện giữa người ở tỉnh Sa Đéc miền Nam và người tỉnh Hòa Bình miền Bắc dù cả hai người cùng có thiện chí, vẫn có sự hiểu lầm. Giữa

những người Bắc kiên quyết đã bỏ tài sản, bỏ gia đình để vào Nam, và những người Nam cảm thấy có nhu cầu bảo vệ thân nhân có thể là những lính Việt Minh, vấn đề thiện chí thường rất thiếu.

Có hai hoạt động tác Dân Sự Vụ được chỉ định.

Công tác dễ nhất là thấp tùng một đại biểu cao cấp chính phủ trong những chuyến thăm một vùng quân sự hoặc một tỉnh và chính thức trình diễn. Loại thứ hai, quan trọng hơn mà chúng tôi gọi là công tác đặc biệt. Công tác đặc biệt này là công tác đưa chúng tôi vào những ấp nơi chúng tôi trở thành một phần của chuyến dịch kêu gọi dân chúng khẳng định trung thành với chính phủ và tố cáo cộng sản. Những chuyến dịch này đang ngày càng nhiều.

Do với trước đây, lúc này tôi cảm thấy Dân Sự Vụ hay Công Dân Vụ đang trở thành dụng cụ tố cáo và hăm dọa cứ không phải kêu gọi ủng hộ cho chế độ cộng hòa. Trên đường công tác, những người lãnh đạo thường hành xử như thế nhiều vụ duy nhất của họ là nhận diện kẻ không thân thiện với chính phủ. Nếu các chính sách đưa ra không được diễn dãi một khách thuyết phục và nếu các chính sách đó chẳng đem lại bổng lộc gì cho các gia đình nông dân nghèo, chúng tôi thấy chẳng có động lực gì khiến họ phải mạo hiểm liều lĩnh cá sinh mạng để theo về với chính phủ.

Tuy chưa biết chắc những tự chính trị thực sự phải là gì, tôi bắt đầu suy nghĩ một cách thực tế và bắt đầu đặt câu hỏi. Tuy chỉ là một diễn viên trẻ, tôi vẫn có cơ hội trình bày suy nghĩ với Kiều Công Cung. Ông cũng là một người miền Nam, luôn thân thiện và hành xử đáng kính. Nhưng chẳng bao lâu sau, ông thường bị bệnh, phải về hưu ở nhà và vài năm sau đó ông qua đời. Vì chẳng cứu các nào để trình bày quan điểm cá nhân và cũng sợ bị cho là không trung thành, từ lúc đó trở đi, tôi quyết định không nhận công tác đặc biệt đến trình diễn ở các ấp nữa. Nhưng khi không thể từ chối khéo, tôi chỉ trình diễn ở các chương trình chính thức.

Tôi dành thời giờ vào việc trình diễn ở những câu lạc bộ Sài Gòn, xây dựng danh tiếng, và kiếm tiền để trang trải phí tổn chữa trị cho Lệ Thu ở bên viện Gralle.

Lệ Thu là đứa trẻ lúc nào cũng ốm, yếu và lừ đừ. Lúc này, dù đã hơn hai tuổi, dù đã được Má tôi và tôi hết sức chăm sóc, Lệ Thu vẫn yếu ớt hơn những đứa bé ở “tuổi nghịch phá” rất nhiều. Bé đã được chữa trị ở một nhà thương ngoại quốc hạng nhất, đắt

đỏ ở Sài Gòn, nhưng trông vẫn như một đứa trẻ thiếu ăn, bụng ỏng, chân tay gầy đét. Những thử nghiệm liên tục cuối cùng cho biết tình trạng là do đường tiêu hóa và được ruột bất thường. Chứng bệnh đó còn bị phức tạp thêm vì bé yếu xương và yếu cột sống. Sáu năm sau đó của bé là sáu năm đầy đau khổ. Bé phải chịu đựng nhiều cuộc giải phẫu và phải bỏ bột từ cổ đến hông. Tôi đã phải trả giá đắt cho cả tài chánh lẫn tinh thần.

Má tôi là một vị thiên thần đã liên tục chăm sóc Lê Thu trong khi tôi đi hát mỗi tối để kiến tiền trang trai mọi thứ. Nếu so với mức phát triển trong kỹ nghệ điện ảnh Hồng Kông thì kỹ nghệ điện ảnh Việt Nam với một số hãng phim nhỏ hơn nhiều, chỉ đang thành hình.

Vào năm 1957, mới 17 tuổi, tôi là một tài tử, tuy không phải tài tử chính trong phim *Người Đẹp Bình Dương*. Vai tôi đóng là một vai ác. Quá khó khi phải đóng vai ác đó, tôi đã quyết định tránh đóng phim một thời gian. Đôi khi tôi cũng tự hỏi, nếu cuộc tình lãng mạn của tôi với cậu học trò ở trọ suông sẽ từ những ngày ngây thơ vụng dại ban đầu cho đến lúc thành vợ, thành chồng, chẳng hiểu đời tôi sẽ ra sao?

Ngày tôi đồng ý ra Huế trình diễn cùng đoàn nhạc kịch Kim Cương cũng là cơ hội gặp gỡ lần cuối của tôi với người cha Lê Thu. Đối với cả hai chúng tôi, đây là sự thử nghiệm để xem mức độ tình cảm còn sót lại đang ở mức độ nào? Chúng tôi thu xếp để gặp nhau ở văn phòng kinh doanh của gia đình cậu học trò. Đây là một cuộc gặp gỡ nhiều cảm xúc trong một khung cảnh tro trụi. Chúng tôi cùng nói chuyện về những đáng nhẽ đã xảy ra. Cậu nói, lúc này cậu đã đồng ý rời nhận lời đính ước với một người đàn bà khác. Hơn nữa, nếu bắt bỏ liên hệ với gia đình, rồi cậu sẽ oán trách tôi và Lê Thu. “*Chúng tôi phải buồn bỏ quá khứ.*”, tôi nói. Để có kỷ niệm cho cuộc tình trong quá khứ, cậu xin tôi một nụ hôn cuối. Phần tôi, chỉ cảm thấy một khoảng trống trong tim nên đã nói với cậu rằng chúng ta tuyệt đối không nên tiếp tục bất kỳ sự liên hệ nào. Sáng sau chúng tôi chia tay.

Tôi cùng trở về Sài Gòn với đoàn trình diễn và chúng tôi chẳng bao giờ gặp lại.

Ngô Đình Diệm là vị tổng thống tự lập của miền Nam Việt Nam. Gia đình ông đã hậu thuẫn ông không chỉ đơn thuần bằng tình cảm. Ông Thục, anh ông, giám mục và rồi tổng giám mục,

có ảnh hưởng lớn rộng đối với bất kỳ vấn đề gì ông lưu ý. Ông cần, em ông, được coi như lãnh chức ở Huế. Ông Nhu, một người em khác, tổ chức nhân viên chính phủ và những người đề ý đến chính trị thành một phong trào gọi là Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia trong đó Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng là một đang bí mật sau điều động. Theo truyền thống quốc gia, thành viên của cả hai tổ chức gần như đều là đàn ông. Nhà bà Trần Lệ Xuân, vợ ông Nhu, dần dần tổ chức một tổ chức tương tự, hơi có vẻ đối lập là Phong Trào Liên Đới Phụ Nữ. Đây là một phong trào ủng hộ tổng thống Diệm, nhưng cũng nêu lên những ưu tư của phụ nữ theo sự hiểu biết và định nghĩa của bà.

Tuy vẫn còn rất trẻ, tôi đã trải qua kinh nghiệm bạo hành trong thời thơ ấu và đã chứng kiến những vấn đề thôn quê mà cộng sản có thể lợi dụng. Ở miền Nam, tổng thống Ngô Đình Diệm tuyên bố: Việt Nam Cộng Hòa sẽ không tham gia các cuộc bầu cử tương tượng mà những người ngoại quốc ở hội nghị Geneva năm 1954 cho là sẽ xảy ra năm 1956.

Việc đã hiển nhiên là đất nước sẽ bị chia cắt ít nhất là một thời gian dài. Nền Cộng Hòa trẻ của Việt Nam sẽ cần phải có quân đội để chuẩn bị bảo vệ một cá thể Miền Nam riêng rẽ.

Chương 4

Cuộc Hôn Nhân Sắp Đặt

Chẳng khác gì khó khăn của các nhân viên dân sự, hành tránh và cảnh sát, khó khăn nổi bật trong tương lai gần của tổ thống Diệm là vấn đề phải lệ thuộc vào các cựu viên chức của quân đội thực dân Pháp. Trong số đó, một số người đã quen thói lúc nào cũng lợi dụng tình thế để thủ lợi. Dĩ nhiên vẫn có những viên chức tốt hơn ở cấp nhỏ hơn, nhưng ngay cả ở những cấp đó, cách chỉ huy, thẩm quyền và những hoạt động nhân viên cũng tan loãng và hư hỏng, vì thừa địa vị và cấp bậc của thế lực thực dân bị đánh bại và đang rút lui, có quá nhiều vị tướng, tá và ngay cả một số sĩ quan việt trẻ hơn, mới được thăng thưởng. Có công vì mới giết những người Việt Nam khác và vừa được tướng thưởng, bọn họ thường đi đứng khệnh khạng trong các bộ quân phục gắn gầy huy chương của Pháp và Bảo Đại trông chẳng khác những con công.

Nếu muốn huấn luyện một thể hệ lãnh đạo dân sự và quân sự thế sẽ bảo vệ miền Nam và thử thách thể hệ đó hành động, tôi cho rằng cần có thời gian. Đồng thời, tổng thống cần phải cân trọng xem xét những người ông đặt vào vị trí chỉ huy. Ông phải đánh giá họ bằng khả năng sự sẵn lòng hy sinh vượt trên bổng lộc cá nhân của họ.

Cả nhân tôi cũng có các vấ đề riêng. Tôi đã ngay thơ cho rằng khi trở thành một người mẹ, tôi đã có cái khiên bao bọc. Nhưng đối với một số đàn ông thì người đàn bà trẻ có con, không chồng là người có nhược điểm, dễ bị lợi dụng và sẵn sàng. Hơn nữa, ở Sài Gòn lúa đó tôi lại đang muốn tạo dựng hình ảnh tôi như một nghệ sĩ táo bạo để có điểm khác với những nghệ sĩ khác. Trong bầu không khí chóng mặt của một Sài Gòn mới, rất nhiều người đàn bà trẻ tranh đua trở thành người mẫu quảng cáo để ký hợp đồng ca hát, trình diễn và tôi phải có óc sáng tạo để nổi trội. Tôi là người đầu tiên uốn tóc, để tạo vẻ ngoại quốc như một ngoại nghệ sĩ quốc tế, theo cái nhìn của người Việt Nam. Lúc này, lúc này tôi là đầu tiên mặc đồ bơi và mặc bikini ngắn, làm người mẫu

cho các tờ báo phổ thông và bích chương quảng cáo. Những chuyên viên quảng cáo cho rằng ngực to đi tôi với eo nhỏ là các bức ảnh bắt mắt.

Trong tận cùng tâm khảo, tôi vẫn ngay thơ, và vì thế dễ bị những kẻ gian xảo lợi dụng. Tôi nhớ đã đồng ý chụp hình quảng cáo cho một hãng nước ngọt không hề có chút suy nghĩ gì đến vấn đề hình ảnh quảng cáo đó có thể ám chỉ chuyện khêu gợi tình dục. Nhiều ngày sau, một trong số nữ ca sĩ bạn nói nhỏ cho tôi biết trong hình quảng cáo chụp hình tôi, được dán ở khắp nơi, có chỗ ngầm nói đến dương vật. Tôi chẳng biết bạn tôi có ý gì và tại sao lại có dính dáng đến chai coca-cola. Cô bạn đã giáng giải cặn kẽ hơn về những ý tưởng ngầm ngấm trong bức hình chụp để tôi hiểu. Từ đó trở đi, tôi thận trọng hơn mỗi khi chụp hình quảng cáo.

Nguồn tài chính quang trọng nhất của tôi là tiền hát ở các vũ trường quanh thủ đô. Tôi thường đi từ một nơi trình diễn đến nơi trình diễn khác bằng tắc-xi hoặc xích-lô. Hình ảnh ca sĩ đó cũng chính là hình ảnh đã khiến những bích chương quảng cáo có hình tôi gay được sự chú ý cho một số công ty. Nhiều người đàn ông thương hiệu xén quà, nữ trang hoặc tiền trong bì. Họ đưa những món quà đó cho người nhà đi kèm tôi để hy vọng được chú ý. Những món quà đó, Má tôi thường thu thập, cất vào một chỗ an toàn vượt khỏi vòng tìm kiếm của Ba tôi. Tuy chưa đến 20 tuổi và vẫn còn rất nhỏ, tôi đã biết cách tạo một hifnha rnh đặc biệt, một nụ cười bình thản và đồng tôi có vẻ xa xăm kỳ bí, tách biệt với cảnh vật xung quanh. Những khán giả: “mộ điệu” hiểu rõ tôi luôn tuyệt đối ở ngoài tầm với của họ. Thỉnh thoảng tôi lại rời Sài Gòn vài ngày để hát cho các chương trình giải trí cho chính phủ tài trợ. Những chương trình này thường dành riêng cho Công Bình hoặc Bảo An.

Sài Gòn những năm độc lập đầu tiên, là một thành phố hấp dẫn, sống động không có vẻ quý tộc giả tạo của Huế hoặc vẻ ảm đạm, ngột ngạt của cộng sản Hà Nội. Trong khi Huế là đất của triều đại cuối, đông đầy những kiêu hãnh phong kiến và Hà Nội là nơi những con đường nhỏ hẹp, quanh co che giấu những sự bất bình sôi sục thì Sài Gòn, nơi tôi sinh trưởng, có những đại lộ rộng với tàng cây cao che bóng. Quả tình có thể chối cãi bọn thực dân đang rời Việt Nam đã có công xây dựng Sài Gòn thành một thành

phố trang nhã.

Nhưng vượt trên cái đẹp của tất cả, tôi thấy dường như cái đẹp tự nhiên của Sài Gòn vẫn là do lượng mưa nhiều của thiên nhiên và do khi khí hậu mùa đông nhẹ nhàng. Cây cối và các bụi rậm xanh tươi quanh năm tươi phản với sự ẩm đậm của bầu không khí lạnh hơn ở miền Bắc. Ở Sài Gòn, ngay cả những ngôi nhà nhỏ nhất cũng vẫn có thể những một mảnh đất nhỏ để trồng những cây hoa đẹp hay những loại vị quan trọng nấu ăn thường ngày. Lúc này, những người Việt sở hữu gia sản của người Pháp khi trước có thể có cả những khu vườn gần như riêng. Và nơi còn có cả hồ bơi!

Dựa trên lượng gạo xuất cảng, cà các đồn điền cà phê, trà và cao su mà Pháp thiết lập về sau, bầu không khí thương mại của Sài Gòn đã phát triển hơn cả trăm năm. Hơn tất cả những trung tâm thành thị khác ở Việt Nam, Sài Gòn được hưởng được hưởng một không khí gần như quốc tế vì sự hiện diện của những người Âu Châu chứ không chỉ riêng người Pháp. Các công ty ngoại quốc đã quen với việc trao đổi mậu dịch với các sản phẩm của Việt Nam. Các công ty Nhật tìm đến những cây sơn, nhập carg mủ sơn và nước họ để dùng làm vật liệu chính trong thủ công nghệ truyền thống. Tôi được cho biết ngay cả cá ở vịnh Cam Ranh cũng có giá trị thương mại.

Khởi từ cuối thập niên 1950, càng ngày càng có nhiều người Mỹ trên đường phố Sài Gòn. Và những đồng minh của họ, nhất là đồng minh Phi Luật Tân bắt đầu ở đó ngày càng thường xuyên ngay sau khi quân đội Pháp rút.

Sau chuyến viếng thăm Hoa Kỳ 1957 của tổng thống Diệm, số cổ vấn Mỹ và nhiều dụng cụ được đưa vào Việt Nam gia tăng. Theo những sĩ quan Việt Nam nói với tôi thì một số người Mỹ vào trong cả những bộ chỉ huy của quân đội, như thế họ làm việc ở đó!

Theo tôi nhớ thì đa số người Việt, đều có cảm tình với những người Mỹ đầu tiên. Những người Mỹ đó đối xử với người Việt xuề xòa, thân thiện khác hẳn với viên chức Pháp và Lính Pháp. Số người Mỹ hiện diện vào lúc đầu cũng chưa quá nhiều.

Tuy lúc này ít đến các tỉnh hơn khi trước, tôi được bạn bè cho biết ở nhiều quận, nơi trước đây Việt Minh hoạt động tích cực chống Pháp, an ninh đang ngày càng tệ. Tổng thống Diệm đã

tuyên bố chính thể Công Hòa ở miền Nam sẽ không tham gia bầu cử toàn quốc năm 1956 như người ngoại quốc đề nghị ở Geneva. Đây là một quyết định khôn ngoan, nhưng lời tuyên bố này chắc chắn sẽ khiến hoạt động chính trị và quân sự của Cộng Sản mau chóng bùng ra.

Tôi tin chắc rồi đây những lãnh đạo của đảng cộng sản sẽ kêu gọi nổi loạn, nhưng bất kể có giả dối thế nào chăng nữa, lúc này cộng sản cũng chẳng thể tuyên bố ngoài cách thống nhất Nam, Bắc không còn cách chọn lựa nào khác. Tôi tự hỏi chẳng hiểu các chiến dịch nhận diện, tổ các có tách biệt người dân và khiến một số người trong các ấp cảm thấy chán nản hơn không.

Thường thì những kẻ tuyệt vọng hay nghe theo lý lẽ thuyết phục của những kẻ lớn tiếng kêu gọi trả thù. Vì chỉ là một trình diễn trong Dân Sự Vụ và ngay cả những công tác củ tôi với chính phủ cũng chưa sâu, tôi không muốn đào sâu thêm vào những ý nghĩa đó.

Hơn nữa, tôi cũng có những khó khăn riêng.

Một giới sĩ cao cấp mới, các tướng tá, có lẽ do bắt chước những sĩ quang Pháp lúc trước, hoặc chỉ đơn thuần do bản năng thiên nhiên của giống đực, đã cho rằng các nữ nghệ sĩ trong đoàn trình diễn sẽ hồi hộp đón nhận sự thắp bùng của họ.

Một trong những sĩ quan tệ nhất, lúc nào cũng khệnh khạng, huênh hoang là Tôn Thất Đính. Kể từ năm 1958, ông thường mở các buổi tiệc tiếp đón đãi những những nghệ sĩ được nhiều người chú ý ở bộ chỉ huy quân sự của ông ở Pleiku. Đoàn hát quốc gia ông yêu cầu đến hát để ủy lạo tin thần chiến sĩ thường gồm các nhạc ông và ca sĩ. Những người được lựa sẽ phải đi trên những chiến C-47 đã được chỉ định dành riêng cho ông. Trên các máy bay đón nghệ sĩ đó, ông thường hiện diện, và thường gọi một nữ nghệ sĩ đến ngồi cạnh ông. Vì những hành động mờ mẫm và nói năng dâm dăng của ông rất xúc phạm, tôi luôn chối từ với lý do mệt mỏi.

Lần này, sau một tôi trình diễn ở Ban Mê Thuộc, Đính yêu cầu tôi ở lại sau khi những người trình diễn khác trở về khách sạn. Tôi nhất định đòi phải có một người bạn gái khác ở lại với tôi. Đính toan tính tách rời chúng tôi, nhưng tôi nắm áo dài của bạn tôi chặt gần như cột chúng tôi lại với nhau. Lầm bầm chửi thề. Đính không còn cách nào khác ngoài cách lái xe jeep chở chúng

tôi về lại khách sạn. Trong suốt chiến đi, cung cách của ông đầy vẻ bực bội.

Những hành động bất nhã và những chủ quan về đặc quyền lãng mạn của Tôn Thất Đính không chỉ giới hạn ở vùng xa nơi ông là tự lệnh. Là khách thường xuyên đến Sài Gòn, nếu không để âm mưu hết chuyện này đến chuyện khác, thì cũng để đến các rạp hát hoặc vũ trường. Có lần ông ngồi ngay ở một bàn trước những nhạc sĩ, đặt khẩu súng trên bàn và yêu cầu tôi lên hát những bài ông thích. Một lần khác, đích cho lệnh một sĩ quan thuộc cấp thích. Một lần khác, Đính cho lệnh một sĩ quan thuộc cấp đến nhà tôi, yêu cầu tôi đến nơi cư ngụ của ông để chơi bài và chỉ có Trời mới biết được ông còn muốn làm những thứ gì khác.

Tôi từ chối, Ba Ma tôi chứng kèm hai bên cạnh tôi và báo vị sứ giả đến mời quay về.

Vì đa số cho rằng Đính đã cái đạo Công Giáo để được lòng tổng thống, tôi đặc biệt buồn vì những chuyện trò cười của ông. Sự thành công rõ rệt của sự lừa gạt đó khiến tôi nhắc thức mắc chẳng hiểu tổng thống suy nghĩ thế nào đối với những người ông tin sẽ bảo vệ quốc gia và mạng sống của chính ông? Riêng phần gia đình tôi, Ba tôi không muốn và cũng không đủ khiên nhẫn khi phải luôn tìm cách bảo vệ tôi khỏi rơi vào những vụ theo đuổi của các sĩ quan, trong số đó Đính là người đáng sợ nhất, nhưng không phải là người duy nhất.

Với sự đồng ý của Má tôi, Ba tôi quyết định và rồi thuyết phục tôi cần phải lập gia đình để tránh các vụ theo đuổi tai tiếng và cũng để được phát luật xã hội bảo vệ.

Nhiều chủ câu lạc bộ, chủ khách sạn ngỏ lời với Ba Má tôi xin cưới tôi, nhưng trong số đó có nhiều người khét tiếng theo đuổi đàn bà. Tuy chính ông cũng có khuyết điểm đó, Ba tôi không chấp nhận có một người con rể như thế. Một số thương gia giàu có đã thuê tôi làm quảng cáo cũng tỏ ý muốn cưới tôi. Nhưng họ là những người có số tuổi đời đôi tôi. Tôi cho trong quan hệ lâu dài, đây không phải là điều tốt.

Tôi cũng biết khi ký hợp đồng với người mẫu để quảng cáo, những thương gia giàu thường cho tiền hợp đồng không chỉ là tiền đặt cọc trước để có thể có những giờ chụp ảnh mà còn tiền đặt cọc trước để có thể có những giây phút riêng với người mẫu. Tương tự như thế, họ có thể dễ dàng cho hôn nhân cũng chẳng

khác gì muốn một người vợ và như sự ham muốn không còn, họ có thể rút lui, muốn một người vợ khác.

Đàn ông lúc nào cũng theo đuổi tôi, nhưng chuyện ai ân và có thai đã khiến tôi ngán ngẩm. Vì thế chẳng người đàn ông nào có thể xin tôi, dù chỉ là một nụ hôn. Tôi chẳng yêu ai và tuy đã có lần mơ được yêu lý tưởng, lúc này tôi chẳng nghĩ gì nhiều hơn ngoài việc tìm cách chăm sóc và giữ gìn sức khỏe cho con tôi.

Bực bội, và khó chịu trong vai trò làm người bảo vệ, Ba tôi dần dần giới thiệu tôi với một trong những người bạn trẻ của ông trong vùng. Anh bạn trẻ đó là một casn sự. Không Quân, thích nhạc, có khả năng sách tác và đã sáng tác bài nhạc.

Và như thế vào tháng 10-1958, chưa đến 20 tuổi, bị gia đình thúc đẩy, tôi lập gia đình với Phùng Nam Lương tức nhạc sĩ Hoài Nam. Đúng như Ba Má tôi nghĩ, việc lập gia đình quả đã đem lại một tấm khiên, chắc bứt chuyện theo đuổi của đàn ông. Tuy chưa hoàn toàn đạt được một tình yêu nồng ấm như tôi hẳn mơ ước sẽ là nền tảng của hôn nhân, ít nhất hai chúng tôi cũng có chung sở thích về nhạc. Vào lúc đầu thỉnh thoảng Lương mời một số bạn đến nghe tôi hát, và đôi hi chúng tôi bàn luận chuyện những bài nhạc nào sẽ hợp với giọng tôi nhất. Con trai đầu tiên của chúng tôi, Phùng Quốc Bảo, sinh vào tháng 7-1959.

Trong khi đời tôi đang tiến vào một giai đoạn ổn định trông thấy thì đất nước lại có nhiều biến chuyển khác. Trong cuộc chiến giành độc lập, đời sống dân chúng ở các ấp đang khốn khổ vì những cuộc phá rối của Cộng Sản, nhất là những tỉnh Việt Minh đang lên. Trong những năm 1955, 1956 và có lẽ ngay cả 1957, chính phủ đã bỏ qua một cơ hội nổi kế dân để hô vào, kêu gọi thông quê hũng hộ cho một tương lai không cộng sản.

Nhìn lại, hơn 60 năm qua, rõ ràng là vào năm 1959, những chính sách và hoạt động thông bắt nhất của chính phủ thời điểm đó, tương phản với những tổ chức cộng sản chống đối chính phủ Việt Nam Cộng Hòa ngày càng nhiều. Sự tương phản đó đã đưa hai bên đến điểm bắt đầu có chiến tranh trở lại. Ngay trong năm đó, chính phủ cho lệnh lập hòa án di động để hành hình những kẻ tình nghi ngay tại chỗ. Tôi thấy những tòa án này dường như dựng lại phương pháp đàn áp chống đối của thực dân Pháp, và cho phó với những người Việt không nên áp dụng những hiện pháp đó để đối phó với những người khác. Nhưng tôi chỉ là một

cô bé trình diễn múa hát, mới hai mươi tuổi. tôi có rất nhiều câu hỏi, nhưng chẳng nhân vật có ảnh hưởng nào muốn biết ý kiến của tôi. Hơn nữa, tôi còn phải đối với những vấn đề khó khăn cá nhân mới.

Chồng tôi không chỉ là một người quen với Ba tôi. Đôi khi họ là bạn nhậu và việc chè chén của cả hai không hề suy giảm.

Lương thường về nhà vào những giờ kỳ lạ, bước luôn vào phòng ngủ, vội vàng đòi hỏi tôi phải “*sẵn sàng ngay*” với chuyện yêu đương. Bị đánh thức, tôi phải cố gắng chiều theo, nhưng việc này không dễ. Lúc nào tôi cũng mệt mỏi. Ca hát, hiểu theo đúng nghĩa, quả là cách diễn là con người tôi, nhưng việc trình diễn múa hát, mới hai mươi tuổi. Tôi có rất nhiều câu hỏi, nhưng chẳng nhân vật có ảnh hưởng nào muốn biết ý kiến của tôi. Hơn nữa, tôi còn phải đối phó với những vấn đề khó khăn cá nhân mới.

Chồng tôi không chỉ là một người quen với Ba tôi. Đôi khi họ là bạn nhậu và việc chè chén của cả hai không hề suy giảm.

Lương thường về nhà vào những giờ kỳ lạ, bước vào phòng ngủ, vội vàng đòi hỏi tôi phải “*sẵn sàng ngay*” với chuyện yêu đương. Bị đánh thức, tôi phải cố gắng chiều theo, nhưng việc này không dễ. Lúc nào tôi cũng mệt mỏi. Ca hát, hiểu theo đúng nghĩa, quả là cách diễn tả con người của tôi, nhưng việc trình diễn một phần cũng là do nhu cầu tài chánh. Nhu cầu tài chánh đó, không những chỉ riêng cho Lương, Bảo, Lệ Thu và các nhân tôi, mà còn cho cả Ba Má tôi. Cả hai đều đã quen với việc thường xuyên nhận tiền tôi biếu.

Hơn nữa, ngoài giờ di chuyển đến các địa điểm, giờ trình diễn, khi về nhà, tôi còn phải giữ cho nhà cửa sạch sẽ, nấu nướng và chăm sóc cho Bảo. Tôi kiệt lực!

Lương say khướt vì rượu, chưa bao giờ được áp lực tôi phải đối phó. Lúc nào anh cũng muốn mọi sự phải theo ý anh. Cuộc cuộc sống hôn nhân, trong và ngoài phòng the, càng ngày càng đau khổ cho cả hai chúng tôi, nhưng đa phần là đau khổ cho tôi.

Lúc này, đất nước cũng đang trực diện với nhiều khó khăn gay go. Nền cộng hòa do tổng thống Diệm cùng gia đình ông thiết lập và đạo đag ngày càng đối phó với nhiều nguy hiểm.

Tháng 1-1960 có một cuộc tấn công lớn thường lệ và lực lượng chính phủ ở Tây Ninh, cách chưa đầy 1 ngày lái xe. Thần

kinh chúng tôi căng thẳng, không chỉ do hậu quả từ xe đe dọa quân sự dữ dội mới bắt đầu trở lại của cộng sản. trong chính phủ, đại biểu của gần như mọi thành phần không cộng sản đều thiếu. Điều đó có nghĩa là những thành phần tham dự đưa ra quyết định và lập chính sách chỉ giới hạn trong gia đình tổng thống và một số ít người khác trong nhóm của họ. Tôi bắt đầu nghe các chuyện bất bình từ những người chú tâm đến chính trị ở Sài Gòn. Nhiều người là người bạn viết báo hoặc viết các cột tuần san như Nguyễn Trọng Chất bút hiệu Trọng Minh, viết bang ngày và thường xuyên đến những nơi trình diễn ban đêm.

Tháng 4-1960, một nhóm cựu nhân viên cao cấp chính phủ à một số lãnh đạo tôn giáo mở cuộc họp ở khách sạn Caravelle. Họ soạn một bản tuyên cáo gửi cho tổng thống yêu cầu cải cách điều hành và chính trị. Phản ứng của chính phủ là đàn áp mãnh liệt hơn. Trong xóm chúng tôi, những người xung quanh bắt đầu xì xào về việc cảnh sát lạm quyền mở cả những cuộc lùng bắt ban đêm để bắt cóc những người được cho là trích chính phủ.

Quân đội mới, đặc biệt các six quan Dù là những người hơn tất cả người khác đã ủng hộ tổng phổ năm 1955 giờ đây, mới chỉ 5 năm sau sự ủng hộ đó đã rạn nứt.

Gia đình chúng tôi biết một số sĩ quan Dù, Như Đỗ Cao Trí và Đỗ Cao Lua6nj, em ông, vẫn tin tưởng mạnh mẽ vào tổng thống. Họ tin, như đôi khi được nghe, vì chẳng có sự chọn lựa thiết thực nào khác. Những người khác, cò vẻ ngày càng nhiều, bắt đầu nói về việc cần có thay đổi ở nấc cao nhất, và cần có cái cách đối với vấn đề chỉ định từ lệnh. Tôi luôn thận trọng lắng nghe, cả khi cố nén không đưa ra ý kiến. Tôi rất kính trọng tổng thống, nhưng ý kiến cho cần có sự thay đổi đang được xì xào ở những vũ trường và quán cà phê cứ tiếp diễn và rất tuyệt phục.

Tháng 11-1960, một nhóm những sĩ quan trẻ, chẳng có gì ngạc nhiên, dẫn đầu bằng linh Dù và người chỉ huy chính gần như là Nguyễn Chánh Thi bao vây nơi cư ngụ và các văn phòng của tổng thống, nhưng sao đó dừng lại vì thiếu kế hoạch chi tiết toàn phần.

Tôi biết hai sĩ quan trong số những sĩ quan Dù đó, vì thỉnh thoảng họ có đến xem các cuộc trình diễn dành riêng cho lính. Họ là người tốt và dường như không phải kẻ tham quyền. Họ có vẻ muốn yêu cầu cải cách quân sự và chính trị một cách lễ độ. Sự thật lòng cũng họ được chứng minh qua cách họ không có

những hành động cả quyết xâm lược đánh tổng thống. Vào lúc đầu, khi có thể tấn công và chiếm các vùng đất quanh dinh tổng thống, họ chỉ hành động như thể đã đủ để đưa lời yêu cầu, như những người thính nguyện trong những chiều đại phong kiến khi trước, xin được vui tiếp kiến.

Những sĩ quan tương đối cao cấp, các vị tướng được hưởng đặc quyền của chế độ thực dân là tay sai của Pháp khi trước, tạm khoan tay ngồi yên để suy tính nước cờ của họ. Trong khi tổng thống nói chuyện để kéo dài thời gian, dĩ nhiên những kẻ thính nguyện hy vọng có thể ông sẽ hưởng ứng nhu cầu cải cách. Khi lính Dù và những đồng minh dừng chân chờ đợi, các vị tướng già, chỉ nghĩ đến lợi ích cá nhân đem quân tăng cường đến ủng hộ tổng thống để giữ nguyên hiện trạng đang có lợi cho họ.

Nhưng vị chỉ huy Dù và Thủy Quân Lục Chiến, cảm thấy tình thế bất lợi đã ngã về họ, rút lui về sân bay Tân Sơn Nhứt và leo một chiếc C-47 trốn sang Cam-Bốt. Thay vì xem biến cố đảo chất hạt như một dấu hiệu cảnh giác cho thấy cần có cải cách, sao đó tổng thống và gia đình ông lại áp dụng những chính sách đàn áp mạnh hơn.

Tôi rất quen thuộc với khoảng ứng loại này, vì trong đời sống riêng, bất cứ khi nào tôi yêu cầu Lương nghĩ đến vấn đề tình cảm và giúp đỡ tôi trong vai trò, nội trợ, làm mẹ, làm vợ và là người đóng góp tiền bạc nhiều nhất vào tài chính gia đình, anh cũng hứa sẽ thông cảm và là người bạn đời đàng hoàng hơn.

Tuy thế, chẳng bao lâu sau vấn đề rượu chè, chửi bới, đánh đập vợ con lại xảy ra. Lương nhất quyết mọi thứ, mọi vấn đề, đều phải được hiểu như anh định nghĩa, tuy cách định nghĩa của anh không dễ giải thích. Trước đây Lương đã vui vì danh tiếng ca sĩ của tôi ngày càng nổi trội và đã rủ các bạn anh đến nghe tôi hát. Những lúc này anh lại cảm thấy uất ức vì tôi được hoan hô và chú ý.

Đàn ông, ngoại quốc cũng như Việt Nam, thường ngắm tôi ở các vũ trường, sau đó theo tôi từ chỗ trình diễn này đến chỗ trình diễn khác, và rồi tưởng tượng bằng cách nào đó, họ đang tạo được sự liên hệ đặc biệt. Một trong những người theo đuổi tôi đáng nhất là một sĩ quan ở sứ quán Phi Luật Tân, một thiếu tá tùy viên, đôi khi nhét phong thư tiền vào tay tài xế của tôi. Có lần, ông đi theo gia đình tôi ra Vũng Tàu và khi tôi đậu xe để mua sắm, ông

đã tháo cả bu-ri xe tôi ra để cố tìm cách nói chuyện với tôi. Lần đó, tôi đã giật gậy tre của một người bán hàng bên đường để đánh ông và yêu cầu cảnh sát ra lệnh cho ông không được đến gần gia đình tôi.

Lương không bao giờ hiểu. Tôi không hề đùa giỡn với ông. Tôi bị áp soát tôi ở nhà chưa đủ, lúc này anh muốn những người đàn ông khác thấy rõ anh là làm chủ tôi. Anh thường thỉnh linh xuất hiện ở bất cứ vùng trường nào, vào bất cứ tối nào và khi anh đang phần nộ trong cơn say, khách nghe thường phải tránh xa, đôi khi phải bỏ về. Đa số chủ nhà hàng ăn, bức bối vì mất khách, đổ lỗi cho tôi và Lương phải rời khỏi quán của họ. Tôi hết xúc xấu hổ, anh còn uống nhiều hơn và những giờ ở nhà sau đó trở thành ác mộng.

tuy tình cảm ngày càng tuyệt vọng, cũng giống như nhiều người đàn bà khác cùng hoàn cảnh, vì văn hóa người Việt, tôi có khuynh hướng tin trách nhiệm của tôi là chấp nhận hoàn cảnh và làm mọi như để giữ vững cuộc hôn nhân. Tình cảm đã phai nhạt, nhưng chấp nhận những luật lệ đôi của xa hội và sự mong mỏi của Lương, tôi lại có thai năm sau đó. Con trai thứ hai của tôi, Phùng Quốc Khải, sinh tháng 12-1961.

Cho đến nay, 60 năm, đôi khi tôi vẫn thắc mắc chẳng hiểu vấn đề của tôi hoàn toàn do văn hóa, hay do khuôn mẫu vũ phu phát sinh từ những khuôn mẫu gia đình của Ba Má tôi?

Tôi cố không nghĩ về chuyện đó vì biết mỗi khi Ba tôi ngoại tình, hoặc lấy tiền của gia đình để cờ bạc rồi về nhà hằn học, đập phá. Má tôi thường đau khổ. Ba tôi là một người hoang phí không biết tự kiềm chế. Chẳng bao lâu sau, những khoảng tiền rút ra từ tôi kiếm, hoặc ít ra phần tiền ông bắt Má tôi đưa, vẫn không đủ cho ông. Ba tôi là chủ một tiệm in. Ông có khả năng kỹ thuật và là người dễ mẩn khi tỉnh táo. Nhưng vì ăn chơi bạt mạng, ông đã phải cầm cố hăng in. Khi không trả nổi tiệm cầm cố, ông mất luôn hăng in.

Ngay cả khi đang an ủi Má tôi trong những giờ phút đau tủi nhất, cuộc đời tôi lúc đó cũng chẳng có gì sáng sủa hơn. Lương thường bắt tôi phải chấp thuận và tuân theo mọi ý kiến bất chợt của anh. Đôi khi anh nằm cổ, lắc người tôi mạnh đến độ lúc anh buồn tay, tôi không còn đứng nổi. thỉnh thoảng anh lại đòi tôi phải hát. Lương không hề thấy số tiền anh kiếm được chẳng hề

đủ chi tiêu cho một gia đình có ba con và đồng thời giúp Ba Má tôi như đã làm kể từ trước cả khi hôn nhân. Anh dùng con để áp lực buộc tôi thuận theo ý anh. Nếu tôi chưa chiều đúng ý, anh sẽ bẻ tay hoặc nhéo tay con cho đến khi chúng hét lên gọi Má. Có lần anh bắt Khải phải quỳ dang hai tay gần cả ngày tuy đứa bé chỉ mới 1 tuổi. Một lần khác, khi tôi về, nghe tiếng Khải khóc, Lương nghe tiếng tôi gõ cửa nhưng không mở. Tôi phải chèo qua nóc nhà hàng xóm, chui qua cửa sổ ở tầng hai để vào dỗ con.

Những chuyện vũ phu và áp lực tình cảm kéo dài liên tục không dứt từ tháng này sang tháng khác. Cô bạn thân nhất của tôi lúc đó là Thần Thị Hòa. Hòa thường đi theo tôi đến tất cả câu lạc bộ và quán ăn tôi hát, thường là ba bài ở nơi. Hòa đã mục kích tôi cười khi trình diễn, một nụ cười che giấu những đau xót trong lòng. Có lần khi đang cùng đi taxi với tôi đến chỗ hát, Hòa bật khóc. Tôi hỏi tại sao, Hòa bảo đang khóc cho tôi. Tôi không bao giờ quên những thông cảm sâu xa và tâm địa tốt của Hòa.

Mỗi khi tôi đến câu lạc bộ với vết bầm ở mặt, ở cổ đôi khi các ca sĩ bạn đã khóc cho tôi. Dĩ nhiên, tôi luôn nói dối rằng tôi vô tình để bị thương khi lau nhà hoặc bị té khi đang chơi với con. Chẳng ai dạy tôi cách né tránh sự thật. Dường như vậy là phản ứng của người đàn bà từ hàng triệu năm và phản ứng đó vượt trên văn hóa. Tôi không hề nghĩ đến việc cần tìm cách giải quyết hoặc phải đối phó thế nào? Trong những năm đó, ở Sài Gòn chưa hề có khái niệm về cách chữa trị bệnh nghiện rượu, hoặc những phương pháp trị liệu nhằm giải tỏa áp lực bên trong gia đình. Cuối cùng, tôi chỉ hiểu một cách đau buồn rằng bằng cách nào đó, tôi phải tự cứu mình và cứu ba đứa con.

Những đau buồn tình cảm và tâm lý đạo ra các vết hằn trầm trọng. Vì đã chịu đựng sự ngược đãi quá lâu, ngay cả sau khi đã ly thân và ly dị nhiều năm, những đau khổ di lại vẫn hành hạ tôi. Nếu thoát khỏi một cuộc hôn nhân tàn ác, dù do các luật lệ khắc khe của xã hội đã xử ép hoặc do rượu, thuốc phiện đã phá hỏng suy nghĩ của người đàn ông, tôi tin bất cứ người đàn bà bất hạnh nào trên thế giới, cũng điều hiểu rõ sự đau khổ dai dẳng của các vết thương đó. Nhiều năm sau, mỗi khi có nhiều lại hỏi thăm Ba của Khải và Bảo, tôi đã dựng chuyện nói dối Ba cháu đi lính và tự nạn khi máy bay nổ. Nói dối, hình như dễ chịu hơn là chịu đựng dày vò khi phải gọi lại việc tôi và các con đã bị ngược đãi.

Thời gian này, người đàn bà có ảnh hưởng nhất ở miền Nam Việt Nam là bà Trần Lệ Xuân, vợ ông Ngô Đình Nhu, em dâu tổng thống Diệm. Bà là người lãnh đạo phao trào Liên Đới Phụ Nữ, và theo danh từ người ta hay gọi ngày nay, là một người thích hô hào, khích động.

Năm 1958, bà đã thúc đẩy để có Luật Gia Đình và kiến việc ly dị trở thành vô cùng khắt, gần như không thể thực hiện. Căn bản của Luật Gia Đình là để bảo vệ phụ nữ và có lẽ đối với đa số điều đó đúng, nhưng đạo Luật Gia Đình đó đã trói chặt tôi vào một cuộc hôn nhân ngược đãi cả về tin thần lẫn thể xác.

Những căn thẳng ngày càng tăng ở Sài Gòn đã khiến tôi có một quyết định làm thay đổi hẳn cuộc sống của tất cả chúng tôi. Tháng 12-1962, hai phi công Không Quân, lái máy ba Mỹ, thả bom nơi cư ngụ và các văn phòng tổng thống. Những chống đối tiêu cực đối với gia đình nhà Ngô lúc đầu như phản phiên ở các quán cà phê, vũ trường, đã diễn dần thành tình nguyện chính trị thành cuộc đảo chính hụt rồi giờ đây trở thành một toan tính mưu sát bất cần che giấu nhằm giết tổng thống và bất cứ thân nhân nằm của ông nằm trong tâm bom nổ.

Tôi nghĩ Sài Gòn sẽ sớm trở thành một thành phố chiến tranh như '945 khi gia đình tôi trốn về Trà Vinh. Nhưng lúc này chúng tôi nên đi đâu?

Tôi đã biết có một chính sách tổng quát mời nhằm chuyển các ấp ở thôn quê thành một cộng đồng nhỏ có vòng rào quanh gọi là Ấp Chiến Lược có thể tự vệ khi có cuộc tấn công của cộng sản. Nhớ lại cảnh sống an bình ở làng ông bà ngoại, với những căn nhà dọc theo các con kênh, những dòng nước và những cây cổ thụ, tôi đã thấy trước rằng ép dân ở thôn quê phải tụ họp và sống lại các cộng đồng có vòng rào bao quanh sẽ khiến nhiều gia đình phải khốn khổ vì thiếu phương tiện. Nếu bị ép buộc phải dời vào những khung cung cư như thế, dân chúng sẽ bất bình, và sự bất bình đó sẽ bị cán bộ cộng sản lợi dụng, tương tự như những cán bộ đã thúc đẩy dân chúng chống Pháp năm 1945. Ý nghĩ đó đã khiến tôi bỏ ý định về lại quê tôi ở vùng đồng bằng Cửu Long, vì về đó có nghĩa là về vùng cộng sản đang mạnh và ngày càng mạnh hơn.

Cuối năm đó, Trần Lệ Xuân, ngày càng có nhiều ảnh hưởng, đã buộc một Quốc Hội bù nhìn thông qua các đạo luật bảo vệ luân

lý và thuần phong mỹ tục. Theo các đạo luật mới đó, khiêu vũ, một trong những vấn đề được cho là phản đạo đức, bị cấm. Dĩ nhiên, luật cấm có ảnh hưởng lập tức đến các chủ vũ trường và quán ăn. Những hoạt động kinh doanh của họ bất bình lình giảm sút. Và tiền hát của tôi ở những nơi đó cũng sút giảm theo.

Tôi chờ đợi vẫn vợ khoảng vài tháng.

Chúng tôi nghĩ có thể tình hình không đến nỗi mãi như chúng tôi lo. Nhưng tháng 1-1963 có một trận chiến dữ dội diễn ra suốt hai ngày giữa các đơn vị cộng sản và lực lượng Việt Nam Cộng Hòa xử dụng xe tăng, trực thăng gần Mỹ Tho, chỉ cách Sài Gòn khoảng 65 cây số về hướng Tây Nam, cách nơi chúng tôi sống khoảng 1 giờ lái xe. Báo chí và đài phát thanh đều tường trình về chiến thắng của chính quyền ở Ấp Bắc, nhưng mức độ lớn và gần thủ đô của trận chiến đã gây ra cảm tưởng báo đơ

Toou thuyết phục Ba Má tôi nên chuyển đến một vùng an toàn khác ngay. Đà Lạt, một vùng đồi núi, gần như nơi nghỉ mát, chưa bao giờ là mục tiêu của cộng sản, sẽ là một vùng hấp dẫn cho chúng tôi một cơ hội mới, thích thú hơn. Đà Lạt cách Sài Gòn 6 tiếng lái xe về hướng Đông Bắc, có khí hậu dễ chịu, tốt cho các con tôi, nhất là Lệ Thu. Tôi đã ly thân với Lương, đem các con về ở với Ba Má tôi và đã nhờ một luật sư hợp thức hóa chuyện đó. Rời Sài Gòn sẽ giải quyết hai vấn đề: Tôi sẽ thoát khỏi vấn đề hàng ngày bị chồng cũ quấy nhiễu, đe dọa và chúng tôi sẽ thoát khỏi sự nguy hiểm do các vận động mưu mô chính trị, các hoạt động nổi loạn trong và quanh Sài Gòn.

Tháng 2-1963, khoảng hai hay ba tuần sau Tết, chúng tôi phóng về Đà Lạt tìm cuộc sống mới.

Sự chọn lựa Đà Lạt được đặt trên chuyện mượn một chỗ mua bán ba tầng trên đường Minh Mạng, ở mé dưới đồi của ngôi chợ chính. Ma tôi đã dành dụm đủ tiền, giấu Ba tôi, đủ để chúng tôi có tiền đặt trước và trả tiền trước và trả tiền trước vài tháng. Chúng tôi sẽ mở một quán cà phê ở tầng thứ nhất và thứ hai. Gia đình chúng tôi sẽ tạm sống chen chúc trên tầng thứ ba. Vào lúc đầu chúng tôi phải sử dụng bên trong chỗ thuê. Tôi muốn quán cà phê của chúng tôi là một nơi trang nhã nhưng dĩ nhiên là một chỗ để mọi người có thể thoải mái lui tới, chứ không phải là một nơi chỉ dành cho khách giàu sang. Một người bạn tốt khác, Tôn Nữ Kim Chi, thỉnh thoảng cũng hát ở các vũ trường, cùng đi với

chúng tôi. Tôi biết hết sức mừng vì có bạn. Tất cả mọi người đều làm việc cật lực, kể cả Ba tôi, để dọn dẹp, sửa chữa, trang trí. Chúng tôi dát tường tre bên trong, trang trí, tô điểm mọi nơi, và đặt một tấm bảng hiệu đẹp, gọi tên quán cà phê của chúng tôi là “KIVINI.”

Chúng tôi chuẩn bị, sắp mở cửa thì bỗng lại có một tai họa nhỏ. Tuy đã cảnh cáo Lương là tôi sẽ lo cho các con và không chấp nhận việc anh liên tục quấy nhiễu, và tuy chúng tôi đã ly thân hợp pháp, một hôm anh vẫn tìm cách đến được chỗ ở của chúng tôi ở Đà Lạt. Lương đến trong cơn phần nộ và đang say. Anh hăm dọa tôi và đập bể cửa sổ mang tên tiệm.

Tôi phải gọi cảnh sát Đà Lạt.

Lương bị bắt nhốt.

Vì sự liên hệ giữa chúng tôi trong quá khứ, và vì anh là cha hai đứa con tôi, tôi đã xin cảnh sát đừng nặng tay với anh. Nhưng tôi muốn cảnh sát phải nghiêm trang cảnh cáo anh không được về Đà Lạt trong tương lai.

Chúng tôi phải thay lại những cửa sổ đã bị bể, những tiền sửa cũng đáng nếu cuối cùng Lương chịu từ bỏ quấy nhiễu để tôi có tự do.

Chương 5

Tình Yêu Tìm Được

Đà Lạt là thiên đường cho gia đình chúng tôi. Đây không phải một thiên đường đới như nhiều người không quen với địa lý Việt Nam có thể lầm tưởng, vì độ cao của cao nguyên nghĩa là nhiệt độ ban ngày không bao giờ nóng. Buổi tối mát, thường cần có áo khoát ngoài. Những cây cao rậm lá khác với cây ở Trà Vinh hoặc Sài Gòn và không khí khoáng hương thơm của rừng thông chứ không phải mùi dừa dại, mùi chuối hoặc các loại cây thường mọc ở vùng đất thấp. Trong mọi mùa, thác và các dòng suối nước chảy nhanh đều có nước. Hoa, trong số có hoa lan và hoa hồng nở quanh năm.

Nhưng nông trại gia tự quanh Đà Lạt, nhất là về mé tay. Gần là một tỉnh nhỏ ở ven đồi, ở một cao độ hơi thấp hơn, có những chợ bán rau quả của những nông trại quanh đó với rau, quả của từng vùng.

Đất đai màu mỡ cộng thêm sự cấy cấy dữ dội của những gia đình nông đã khiến ru quả gặt hái được rất nhiều là cải bắp và cải súp- lơ, được chở về Sài Gòn hàng ngày bằng đường bộ. Chợ Đà Lạt nhiều rau quả đến độ, những thức ru bán tươi hôm trước bán không hết, được bán với giá rẻ mạt hôm sau. Một số gia đình ở ngoài rìa thành phố trồng trà và cà phê, trong khi một số khác chuyên trồng cây cho quả. Tôi nhớ rượu dâu Đà Lạt trở thành một món tôi thích vì rượu ngọt hơn là say.

Tỉnh đã được những thực dân cai trị khi trước thiết kế rất đẹp. Tất cả dân cư, và ngay cả ở vùng chợ đều có đường xá rộng rãi. Hồ Xuân Hương, một hồ nhân tạo được xây bằng cách lập đê chắn một dòng suối nhỏ, nằm ở rìa phía Bắc Đà Lạt. Dân cư ngụ thường đến đó tản bộ, tán gẫu về những lạc thú ở một vùng không có nhiên tranh ở Việt Nam.

Khi hậu mát ở Đà Lạt khiến đó số dân Đà Lạt có nước da trắng khác thường. Các cô gái Đà Lạt hay đảo đôi mắt tình tứ phía trên những làn má hồng thắm.

Cũng có một số ngoại kiều những người Pháp hành nghề thuốc,

những giáo sư ở các trường Công Giáo và các chủ tiệm ăn. Hầu hết người Việt sống tại thành phố và quanh các trang trại nhỏ, riêng người Thượng mà tôi nghĩ đa số là người Koho và Chu Ru, luôn đem các đồ thủ công nghệ và sản phẩm của rừng để bán ở chợ Đà Lạt. Chúng tôi thấy họ ra vào những quầy hàng, y phục của họ thường là màu xanh đậm hoặc những màu đậm hơn, gần như màu đen, có viền thêu, chứ từ vải tự dệt. Tôi chưa bao giờ thấy có sự thù nghịch nào giữa những người địa phương. Những người Pháp còn sót lại, dù là nhân viên các trường nội trú, các đoàn truyền giáo hoặc các văn phòng ý tế, vì có vẻ do dự, không muốn rời một quốc gia mà họ đã thân thuộc còn hơn quê quán nơi họ sinh trưởng.

Chỉ có vài người Mỹ, đa số đều là cố vấn cho trường Võ Bị Quốc Gia ở phía Bắc Đà Lạt. Những người Mỹ trẻ hơn thường đến quán cà phê của chúng tôi vào buổi tối. Và người dôi mắt nhìn hướng về hương tôi lâu hơn bình thường. Không còn là đứa bé, tôi đã nhận thấy những ý định khác thường của họ. Bỏ thế, tuy có thể có vẻ quyến rũ, tôi cố giữ khoảng cách đối với những khách định đến gần và lúc nào tôi cũng có thể rút lui vào phía sau quầy tính tiền.

Một cậu Mỹ trẻ, chuyên viên nông nghiệp, tên Dan thỉnh thoảng đến vào buổi tối. Cậu làm việc với giám đốc dịch vụ nông nghiệp của tỉnh, một người có hai người con gái đẹp. Cô con gái lớn tên Uyên Như, đã đính hôn với một trong hai phi công ném bom dinh tổng thống năm trước. Cô bị bắt, bị tù và bị thẩm vấn tàn bạo trong nhiều tháng. Đa số người ở Đà Lạt, thận trọng và sợ bị vạ lây, tránh gặp gia đình đó.

Tôi nghĩ đa số người đó đều ác.

Tôi có ý muốn học thêm ý tiếng Anh. Chính vì vậy, nên một người Mỹ mà tôi chú ý nhất là Douglas Ramsey. Anh thường đến quán vào buổi tối, lúc nào cũng lịch sự, và thích nói tiếng Việt với gần như tất cả mọi người khách của tiệm.

Vì chưa bao giờ được nghe người ngoại quốc nào có thể nói tiếng Việt trôi chảy, không cần ngập ngừng để nói chữ như anh, tiếng Việt của anh khiến tôi rất phục. Nếu nhắm mắt người nghe có thể lẫn tưởng anh là người Việt.

Vì đã biết một tiếng Pháp, tôi nghĩ học thêm ngoại ngữ khác có lẽ cũng không đến nỗi quá khó. Douglas Ramsey có một văn

phòng, một chi nhánh của USIS, ở một bin-đỉnh nhỏ nơi anh trông coi chương trình dạy tiếng Anh, và thỉnh thoảng chiếu một phim vào buổi tối. Bin-đỉnh đó nằm trong “khu chính phủ” của Đà Lạt, gần chủ sở tỉnh, phía dưới chân đồi khách sạn Đà Lạt Palace, băng ngang đường là văn phòng vé máy bay của Việt Nam Hàng Không. Tôi nghĩ nơi đợi gặp Douglas Ramsey để có cơ hội hỏi thêm về các lớp học.

Tuy Lương lúc này đã ở xa, chuyện quấy nhiễu của anh khiến tôi thấy chúng tôi nên thay đổi lối sống. Dĩ nhiên, tôi gần như lúc nào cũng phải ở quán cà phê để tiếp khách. Nếu ai cũng có thể tìm đến gia đình chúng tôi bằng cách đến quán cà phê, gia đình chúng tôi sẽ khó thể tránh các chuyện quấy nhiễu.

Cách hay nhất để giải quyết là mượn một căn nhà. Gia đình tôi sẽ thoải mái hơn, và có cuộc ống riêng tư hơn sống trên lầu một quán cà phê.

Chúng tôi tìm được một căn nhà cho thuê.

Nhà cũ, cần sửa nhưng có điện, có nước. Căn nhà cần sửa chữa rất nhiều. Chúng tôi có thể sửa chữa dần, nhưng tôi không thích sửa chữa để rồi cuối cùng căn nhà mình sửa lại thuộc về người khác.

Khi tôi dẫn đo nói điều đó với người chủ, cũng đang sống với gia đình ông ở căn nhà kế bên, ông nói tôi có thể dễ dàng mua căn nhà tôi định thuê, chứ không cần mượn. Ông nói như thế tôi dự sức có tiền để mua!

Chúng tôi cùng nói chuyện và trả giá, nhiều lần, cho đến khi tôi đồng ý và xin ông thêm một khoảng thời gian để lo liệu. Má tôi và tôi về Sài Gòn, bán hết tất cả đồ nữ trang gia đình đã thích trữ từ trước đến nay. Chúng tôi tìm cách vơ vét mọi thứ, mỗi nơi một ít. Cuối cùng chúng tôi cũng nhặt nhạnh đủ để mua căn nhà ở Đà Lạt.

Căn villa có lẽ từng là nơi ở của một thực dân trung lưu, làm bằng gạch vừa là mái ngói, có phòng tiếp khách phía trước, phòng ăn ở giữa và hai phòng ngủ ở hai đầu nhà. Một khu bếp nhỏ hơn, tách rời với ba phòng cũng nhỏ cho nhân viên, và cách cửa sau khi chỉ vài bước là một lối đi che kín. Tuy căn nhà mới có một số thứ cần phải sửa ngay và những thứ khác có thể sửa dần sau, tôi yêu căn nhà ngay và lập tức bắt đầu lên kế hoạch để sửa hai tòa bin-đỉnh tối nhau. Tuy từ ngày đầu, tôi mơ sẽ có vườn hoa và

một hồ cá trong cái sân rộng phía trước.

Tôn Thị Kim Chi, người bạn thân nhất trong số bạn thân, đã theo gia đình chúng tôi từ Sài Gòn và cùng tôi sửa sang tiệm cà phê, lúc này thay tôi đứng trông tiệm. Trong khi đó, tôi chú tâm sửa sang căn nhà mới cho mọi người. Kim Chi luôn khích lệ tôi, và hơn tất cả, tính tình vui vẻ của cô trong khi tôi chần chừ lại cuộc đời, lo cho Ba Má của ba đứa con tôi là một động lực không thể thiếu. Khi hồi tưởng lại, tôi cảm thấy may mắn đã có được một người bạn cùng tuổi luôn sát cánh.

Một người khác trong đoàn di tản của chúng tôi là người cậu lái chiếc Citroen tôi đã mua bằng tiền hát. Ông là người lúc nào cũng vui vẻ, ngay cả khi khuôn vác đồ đạc di chuyển từ Sài Gòn về Đà Lạt, và vào lúc này lại khuôn vác những đồ đạc đó từ quán cà phê về căn nhà mới. Tất cả chúng tôi đều bận rộn, nhưng hài lòng, trong những tháng đầu đó. Ngay cả Ba tôi dường như cũng thay đổi. Có lẽ vì chúng tôi ở xa Sài Gòn và những cảm dỗ củ ông đã cách xa ông 6, 7 giờ lái xe. Cách hành xử của Ba tôi có vẻ bình thường lại vì cuộc sống mới ở Đà Lạt hay tôi chỉ thấy những gì tôi luôn mong mỏi mới thấy?

Hai tuần luyện viên trẻ của quân đội ở trường võ bị Đà Lạt đại tôi cưới ngựa. Thiếu úy Đoàn và Khuê đã nghiêm trang, cẩn thận để tôi cưới ngựa ở một nơi an toàn dọc theo bờ hồ.

Vì là lần đầu tiên cưới ngựa, tôi không biết cách ngồi trên ngựa khéo như hai người bạn. Tôi bị tai nạn bất tỉnh, không phải do lỗi của ngựa và được đưa về Trại Y Tế Soulier.

Khi tỉnh lại, tôi ngạc nhiên khi thấy đại tá Phi Luật Tân tôi tưởng đã vĩnh viễn buông bỏ ý nghĩ theo đuổi tôi. Được tôi tin tôi phải vào nhà thương do một người bạn thông báo, ông đã lái xe sáu tiếng từ Sài Gòn đến Đà Lạt và cho rằng ông sẽ có cơ hội diễn tả những tình cảm sôi sục của ông. Khi thấy quanh tôi có nhiều sĩ quan Việt trẻ từ trường võ bị, trong số có hai sĩ quan cảm thấy ân hận vì đã thu xếp để tôi cưới ngựa, vị đại tá không thể tỏ tình. Hôm sau, tôi còn thấy nhẽ nhõm hơn khi được Kim Chi cho biết vị khách không mời đã trở về Sài Gòn.

Đà Lạt cũng là nơi để từ thuở nhỏ, tôi có dịp đưa Lệ Thu, Bảo và Khải đến chơi ở những thác gần đó, đặc biệt là thác Prenn, nơi có một sở thú nhỏ.

Đà Lạt cũng là nơi tôi có thể cùng các con nghịch nước ở thác

Cam Ly, gần chỗ phi trường quân sự ít khi xử dụng, nơi nước chảy êm hơn.

Tôi được hưởng những buổi picnic ở Hồ Xuân Hương và tản bộ vào các gian hàn quanh chợ Đà Lạt, qua con, tôi cảm thấy sự cảm nhận vĩ đại, bao la tỏa khắp tâm hồn về ý nghĩa chân thực của cuộc sống. Bốn mẹ con tôi, đôi khi với Kim Chi, cùng ra ngoài hòa mình vào những người xung quanh, nhưng khác với khi còn ở Sài Gòn, ở Đà Lạt không ai làm phiền tôi. Thỉnh thoảng tôi lại tiếp tục cưỡi ngựa qua những đồi nhấp nhô, uống lượng ở phía bắc hồ.

Thời gian cứ thế trôi theo nhịp điệu an bình, êm ả.

Mọi thứ điều có vẻ chuyển hướng tốt đẹp trong hoàn cảnh tốt hơn cho tôi và gia đình tôi ở Đà Lạt, và tôi còn hy vọng sẽ có một số sự cải thiện ở Sài Gòn và các tỉnh cho phép miền Nam có một chính phủ công bằng, được nhiều người ủng hộ.

Những đầu tháng 5, chỉ vài hôm trước sinh nhật 24 tuổi của tôi, ở đường phố của đô Huế có một cuộc đụng độ giữa cảnh sát và người Phật Giáo. Những người trong đàn Cần Lao bí mật ở trường võ bị và các nhân viện. Hai người bạn huấn luyện viện thuận lại cho tôi những tin đó và những sự nghi ngờ của cá nhân họ.

Mọi người bạn khác, cũng là ca sĩ như tôi đã ra Huế thăm bạn, trên đường trở về Sài Gòn, cô bạn tôi đã nghỉ lại hai ngày cuối tuần ở Đà Lạt. Cái nhìn của cô khác xa những tin của Đảng Cần Lao đưa ra.

Trước ngày đó đại lễ Phật Đản, cô bạn nói với tôi, Chính quyền Huế, tái khẳng định lệnh cấm treo cờ tôn giáo, tuy chỉ mới vài ngày trước Cộng Giáo được quyền treo cờ để ăn mừng ngày thụ phong linh mục của ông giám mục Ngô Đình Thục, anh ruột tổng thống.

Khi một số lớn cờ Phật Giáo xuất hiện trên đường phố Huế, tổng giám mục Thục xem đó là một sự sỉ nhục cá nhân. Ông khiếu nại với chính quyền thành phố và với ông Ngô Đình Cẩn, một người cư ngụ ở Huế và gần như người cai trị Huế cho gia đình nhà Ngô.

Hôm sao, các lượng cảnh sát đàn áp một cuộc biểu tình. Vì có nhiều người bị giết, chuyện nhanh chóng trở thành một lý tưởng kêu gọi Phật tử và đồng thời biến thành một vấn đề gây chia rẽ

trong sự đồng thuận của chính phủ. Phản ứng cá nhân của tôi như một giáo dân Công Giáo ít đoan đơn vì tôi có nhiều bạn Phật Giáo. Để cân bằng với sự nghi ngờ có thể có những kẻ cộng sản khích động mặc áo nhà sư, tôi tin nhắc cũng có những người Công Giáo là cộng sản.

Tôi cho thay vì cử đại biểu, nếu đích thân xin lỗi và có hành động sửa sai, tổng thống Diệm có thể phục hồi lòng tin của chính phủ. Nhưng những suy nghĩ đó tôi giấu kín, vì sợ có người báo cáo tôi chống chính phủ. Hơn năm mươi năm sau, tôi vẫn tin nếu làm những điều đó, tổng thống Diệm có thể thành công.

Tại sao tổng thống Diệm không làm điều hợp lý đó?

Tôi cho vì vấn đề là khó khăn lại bị phức tạp sâu thêm bằng hành động của ông Cẩn. Tuy hành động ngược với anh em ông chính là điều nên làm, tổng thống Diệm đã chẳng thể hành động như thế. Trong những tháng hè, tin đồn về căng thẳng chính trị, về sự tê liệt của chính quyền, về hậu quả của những căng thẳng của Phật Giáo - Công Giá, từ Sài Gòn trôi dạt về hướng chúng tôi ở Đà Lạt, chúng tôi chỉ mong các tin đồn ảm đạm đó sẽ trôi xa.

Các con tôi đã vào học ở một trường học tốt, và tôi cho đã đến lúc tôi nên hỏi thăm về vấn đề học thêm tiếng Anh. Trong lần sau đó, đợi khi Douglas Ramsey vừa đến quán cà phê, chưa kịp đến những bàn khác nói chuyện, tôi nhanh nhẹn đến ngồi đối diện với anh, và buộc miệng nói luôn là tôi muốn học tiếng Anh. Tuy biết anh không dạy tất cả các lớp tiếng Anh, tôi nhờ anh giúp ghi danh vào một lớp học phù hợp với tôi, một lớp tiếng Anh nào mà người dạy cũng biết nói một ít tiếng Việt.

Tôi sắp sửa thất vọng. Douglas Ramsey trả lời, hết sức lịch sự, rằng cách tốt nhất để học tiếng Anh là học với một người không nói được tí tiếng Việt nào cả, vì như thế tôi sẽ bị buộc phải cố gắng tập chung và cố gắng học hơn là với một người thầy nói được tiếng Việt.

Hơn nữa Douglas Ramsey nói thêm, anh sắp rời Đà Lạt. Anh sẽ chuyển đi Qui Nhơn ở miền Trung, và một người Mỹ khác sẽ đến thay thế anh ở Đà Lạt. Tôi hỏi người giám đốc mới có dạy tiếng Anh không? Douglas Ramsey mỉm cười, có lẽ cười thành tiếng và trả lời anh không nghĩ thế, nhưng sẽ hứa giới thiệu tôi với người đốc mới để tôi có thể tự hỏi.

Hai tuần lễ trôi qua, Douglas Ramsey không đến, anh vắng hẵn. Rồi một tối, sau khi từ lâu hai, căn lầu thường có những khác là nhân viên chính phủ hoặc những người làm ăn có tiền, đi xuống, tôi thấy anh đang ngồi với một người khách quay lưng về phía tôi.

Tôi chạy đến để nhắc Douglas Ramsey là anh hứa sẽ giới thiệu tôi với người giám đốc mới mà tôi hy vọng sẽ dạy tiếng Anh.

Vội quá, tôi vấp và phải chụp tay vào bàn của anh để khỏi té. *Anh có ở đây làm khôn? Và khi nào thì người giám đốc mới nói đến?* ”

Tôi quay người lại để nhìn người đàn ông ngồi quay lưng về phía tôi khi tôi chạy đến để hỏi thăm Douglas Ramsey.

Tôi không diễn tả được cảm tưởng khi nhìn sâu vào đôi mắt đó: xám, xanh nhạt, xanh lát cây, một sự hòa hợp của những màu đồ. Người khách mỉm cười, nhẹ nhàng.

Bỗng dưng tôi cảm thấy người như mất thăng bằng. Tôi vẫn đứng cạnh bàn, cảm thấy như tôi là một cọng lông: mong manh, yếu đuối, bất động và không nói thành tiếng. Thỉnh thoảng, tôi vẫn có những cơn ác mộng, trong đó tôi đang trước mặt khán giả, sắp hát, nhưng âm thanh trong cổ không bật ra thành tiếng.

Và lúc này đây, tôi hoàn toàn chết sững, ngay trong quán cà phê của tôi, và chẳng có lý do gì chính đáng cả. Trong tiềm thức ta thường có những hình ảnh sâu kín, một cái bóng, một hình tượng mơ hồ nào đó – như âm bản của một bức hình chưa trán – về một người chúng ta biết trước sẽ là bạn đời. Và rồi hình tượng đó bất chợt xuất hiện, trước mặt ta, trước mặt tôi.

Tôi chưa từng cảm thấy lạ lẫm như bao giờ.

Tôi vẫn nắm chặt bàn khi Douglas Ramsey hỏi có phải tôi bị vấp đau không? Tôi nói với cả hai rằng tôi không sao. Nhưng tôi quá thật chó với.

Tôi cảm thấy như trời đất đảo lộn, đầu óc quay cuồng, chóng mặt. Tôi không nhớ đã làm thế nào để quay về nói chuyện với Kim Chi bên quầy tính tiền.

Đêm đó, tôi tự hỏi nhiều lần, *“Trời ơi, chuyện gì đã giải ra?”* Người đó là người ngoại quốc!

Chắc tôi có phản ứng nhầm lẫn.

Tôi chóng mặt, muốn ngất xỉu, nhưng không phải vì ông ta. Chắc chắn không thế nào. Tối đó giấc ngủ đến muộn. Tôi cảm

thấy khó chịu và hơi bức mình vì những phản ứng ngờ ngẩn của tôi. Anh chỉ là một người khách đến uống cà phê. Và tôi suy nghĩ thêm, có lẽ cũng chẳng cần học tiếng Anh làm gì.

Hôm sau, Kim Chi hỏi tôi có cảm thấy mệt không.

Tôi nói trông tôi như vừa lên cơn sốt, như vừa mới ngủ không trọn giấc và hỏi có chuyện gì đáng ngạc nhiên đến người khách Mỹ trẻ đã đi cùng với Douglas Ramsey.

Không có gì”, tôi trả lời. “Bạn sẽ thấy khi anh ta đến uống cà phê hôm nay. Anh ta chỉ là một người khách.”

Nhưng trong nhiều ngày, người khách mới đó không trở lại. Mọi sự vẫn bình thường với tôi!

Khi anh ta trở lại. Kim Chi đang ở quầy tính tiền.

Cô gọi điện thoại lên lấy cho tôi, cắt ngang câu chuyện tôi đang nói với những người khách Mỹ đặc biệt đến.

Tôi chần chờ, kéo dài thời gian, xem lại dáng vẻ bên ngoài qua gương, rồi chạy nhanh xuống lầu. Nhưng tôi ngừng lại trước khi xuống, để thở, để tạo, vẻ bình tĩnh và phớt tỉnh.

Anh ta ngồi ở bàn dài gần quầy tính tiền, đang nói chuyện với Kim Chi, mỉm cười khi nhìn về hướng tôi.

Kim Chi nói thầm nhưng rõ, rằng tôi nhớ anh ta.

“Đâu có,” tôi cả quyết, *“nhưng đây là quán cà phê chúng tôi cần mọi người khách.”* Anh lại cười, ánh mắt ấm áp, thân thiện, nhưng đồng thời làm tôi gần như chết sững. Anh bảo khi ở Đà Lạt anh đã có thói quen uống cà phê ở KIVINI. Anh nói tiếng Việt không đúng giọng như Douglas Ramsey, nhưng không chút khó khăn. Anh bảo sau khi ở Qui Nhơn và Quảng Ngãi với Douglas Ramsey vài ngày, lúc này anh ở Đà Lạt khoảng một tuần.

Tôi nói với anh rằng những khách quang trọng – cá tướng, tá, nhân viên cao cấp, và những nhân vật làm ăn lớn – lúc nào cũng uống cà phê ở lầu hai và anh có thể lên đó mỗi khi đến uống cà phê. Nhưng anh trả lời tầng trệt, ngay ngang tầm với đường phố, là nơi hoàn toàn lý tưởng với anh. Các cách với quân nhân, học sinh và những nười khác có lẽ hấp dẫn hơn những gì ở gần trên.

Trong nhiều ngày tới, anh thường đến vào buổi tối, uống cà phê ở những bàn các khách bình dân và chỉ lên lầu một lần như để cho biết người, biết cảnh bên tre6nthe61 nào. Một tối, khi sắp đóng cửa, tôi hỏi anh có thể dùng xe jeep chở tôi đi quanh Đà Lạt hóng gió trước khi tôi giúp Kim Chi dọn dẹp để đóng cửa không?

Anh ngáp ngừng một phút, trông gần như có vẻ bối rối, rồi đồng ý.

Chúng tôi lái trên các đường phố yên tĩnh quanh hồ Xuân Hương, chậm chậm và tôi thực sự thường thức không khí mát mẻ của núi. Khi chở tôi về quán cà phê, anh nói có lẽ phải một, hai tuần nữa anh mới có thể trở lại uống cà phê. Anh cần phải đến những tỉnh khác, nhưng hy vọng có dịp đi chơi buổi tối với tôi lần nữa. Tôi gật đầu, Cảm ơn anh. Hy vọng của anh cũng là hy vọng của tôi.

Và như thế, anh đã đến thêm một lần nữa, khiến tôi bối rối, và rồi anh lại đi cũng nhanh chảnh khác gì khi đến. Nhưng ngoài việc mong mỏi, tôi còn nhiều việc khác để làm. Lệ Thu đã bảy tuổi và đang đi học ở trường Le Couvent des Oiseaux. Sức khỏe của bé đã khá nhiều sau những chữa trị ở Sài Gòn, nhưng lúc này đang trong tuổi lớn, bệnh cột sống bất thường của bé lại tái phát, cần thường xuyên có hẹn ở sở y tế Scoulier Clinic ở Đà Lạt. Hai con trai tôi, Bảo và Khải, thỉnh thoảng nghịch ngợm, đang học ở trường Pháp *petit lycée*. Cả hai đều học được, nhưng vẫn cần sự chú ý thương xuyên theo dõi để chỉnh lại các thói hư.

Má tôi là người giúp đỡ không thể thiếu, giúp tôi một tay trong việc trị liệu vật lý cho Lệ Thu và trong coi hai đứa bé trai trong khi tôi làm việc ở quán cà phê. Chị có một vấn đề khó khăn cho cả hai chúng tôi là Ba tôi muốn nhusg ty vào chuyện làm ăn và vì thế, tìm mọi cơ hội để chỉ trích Kim Chi và làm tổn thương sự liên hệ giữa hai chúng tôi.

Cuối tháng 10, đã vào sâu tởng mùa khô ở cao nguyên và những buổi tối có không khí núi mát, Frank lại trở lại quán cà phê của chúng tôi ở Đà Lạt.

Với một nụ cười thu hút, anh nói anh đã ra miền Trung trở về Sài Gòn, rồi trở lại để gặp tôi.

Anh trở lại để gặp tôi!

Tôi chẳng cần biết anh đã đi đâu. Con tim tôi chỉ thất lại với ý niệm có thể anh trở lại, sau những cảm giác lẫn lộn của tôi, đã nghĩ về tôi như tôi đã nghĩ về anh. Đêm đó, chúng tôi lại lái xe qua đường phố Đà Lạt, qua ngôi chợ trên đồi, mé trên quán cà phê của tôi và đi quanh một phần khu hồ. Frank đưa tôi vượt qua một căn nhà lớn ở đường Trần Hưng Đạo và khi chúng tôi đi qua, anh nói đó là nơi anh ở khi ở Đà Lạt. Tôi nghĩ anh có thể hỏi tôi

có muốn xem phía trong không, nhưng chúng tôi nhanh chóng vượt qua lối vào ngôi nhà và vẫn tiếp tục đi. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm, không hiểu nên phản ứng, thế nào nếu Frank đưa câu hỏi.

Tôi đã mơ về anh, vâng, nhưng mặc dù những cảm xúc mãnh liệt của con tim... chúng tôi vẫn chỉ mới biết nhau.

Nhưng tôi đã đưa tay cầm nhẹ tay tôi.

Tôi cũng khẽ nắm tay anh.

Trong tôi có một cảm giác đặc biệt, không hẳn là khát vọng, vì cử chỉ thân mật này, nhưng tay anh ấm áp và không chỉ tương phản với luồng gió mát luồng qua những lớp vải che của chiếc xe jeep. Cảm giác đó truyền qua tay tôi, đi sâu vào thân thể và tôi nắm chặt tay anh, hy vọng anh sẽ hiểu có một sợi dây vô hình nào đó vượt trên vật chất đang nối kết hai chúng tôi. Tôi cảm thấy như được che chở, bảo vệ. Mỗi khi anh rút tay lại để sang số, tôi lại đưa tay lại gần hơn để chúng tôi cùng dễ nắm tay. Và nhanh quá, tôi nghĩ, chúng tôi lại đã về đến cửa.

Sự quen biết đã gia tăng thêm một mức qua hững cái nắm tay vội vã. Tôi vừa vào cửa tiệm, Kim Chi cười, nói trông tôi như thể một người đang yêu. Tôi trả lời: *“Đáng lẽ bạn phải biết rõ chứ. Tôi đã vượt quá xa điểm yêu đương từ lâu rồi rồi.”*

Dù vậy, tôi vẫn thất vọng khi tối hôm sau, Frank chỉ ghé lại quá cà phê một thời gian ngắn, chỉ ngồi lại một tí với tôi và Kim Chi. Anh nói có nhiều chuyện phải làm ở nhà, kể cả chuẩn để đón các vị khách. Tôi hiểu nơi anh ở là chỗ làm việc nhiều hơn là nhà, và tôi cảm ơn anh đã đến để cho tôi biết chúng tôi không thể tiếp tục các chuyến đi hóng gió vào buổi tối. Đồng thời tôi cũng khó chịu khi thấy anh xem việc có thể khách đến thăm quan trọng hơn những khoảng thời gian chúng tôi cùng chia sẻ.

Hôm sau, vào lúc xế chiều, vị cách sát lúc trước giúp tôi khi lương, người chồng củ của tôi đến dọa nạt, đến quán cà phê để thông báo với Ba tôi là hôm sau, an ninh trên đường phố sẽ gia tăng vì có những khách quan trọng ở Sài Gòn đến thăm. Chúng tôi chẳng thém bỏ thời giờ thắc mắc xem vị khách đó là ai, chỉ nghĩ đến chuyện bất tiện của riêng chúng tôi. Đêm đó Frank không đến quán cà phê. Tôi chưa bao giờ đoán anh có thể có sự liên hệ nào với các chuyện đang xảy ra. Tôi chỉ nghĩ về chuyện anh vắng mặt, nhưng không thắc mắc vì lý do gì.

Chỉ sau khi họ ra về tôi mới biết những vị khách quan trọng

đến thăm vùng núi rừng Đà Lạt là tổng thống Diệm và đại sứ Lodge của Mỹ. Họ đến phi trường Cam Ly, ở lại một đêm và trở về Sài Gòn ngay. Biết họ gặp nhau ở Đà Lạt khiến tôi được an ủi đôi phần vì hai lý do.

Thứ nhất, tôi hiểu Frank có lý do chính đáng để không thể gặp tôi đêm trước.

Thứ hai là một lý do khác, ít ích kỷ hơn: Tôi hiểu tổng thống Diệm bị rơi vào một tình trạng chính trị tế nhị và nguy hiểm, một phần do chính gia đình ông. Sửa đổi những sai lầm là một điều khó khăn.

Biết đại sứ Mỹ cùng đi với tổng thống Diệm và họ gặp nhau bàn luận ở Đà Lạt, khiến tôi hy vọng người Mỹ đang giúp người Việt giải quyết một vấn đề tế nhị trong êm đẹp.

Khi Frank đến quán cà phê khuya đó, anh nói một cách bình thường rằng phần của anh trong chuyến viếng thăm là đón đại sứ Lodge và phu nhân ông ở phi trường, cùng đợi với họ cho đến khi tổng thống Diệm đáp xuống trong một máy bay khác, rồi đưa vị đại sứ về nhà anh để nói chuyện trước khi anh tháp tùng họ đến phòng khách tiết của tổng thống Diệm. Frank ở nhà một mình để chờ xem đại sứ có cần gì anh không, nhưng họ không tiếp xúc với nhau. Tôi hỏi anh có biết gì về những bàn luận của ông tổng thống Diệm và đại sứ Lodge không. Anh trả lời anh không hiện diện ở buổi họp, vì thế không thể biết nhiều về cuộc nói chuyện của họ.

Tôi tựa vào ghế, tự hỏi làm sao sự liên hệ của nước tôi với nước Mỹ có thể quan trọng như thế mà vẫn khó hiểu đến thế. Tuy không biết được gì thêm qua Frank, tôi tin việc tổng thống Diệm và đại sứ Mỹ gặp ở Đà Lạt, xa rời những mưu mô của Sài Gòn là một điều khích lệ. Và quan trọng hơn nữa, đối với cá nhân tôi là khi Frank và tôi tiếp tục các chuyến đi xe quanh tỉnh buổi tối, lúc nào chúng tôi cũng nắm tay.

Chỉ ba ngày sau, ngày 1-11, tổng thống Diệm, bị đảo chánh và bị nhóm tướng tá phản bội giết chết. Những kẻ giết ông chính là những kẻ tổng thống đã thăng thưởng, và tin tưởng sẽ bảo vệ nền Đệ Nhất Cộng Hòa của Việt Nam. Biết đại sứ Lodge vừa có một cuộc họp riêng với tổng thống Diệm ở Đà Lạt, tôi chẳng thể hiểu tại sao người Mỹ không dùng ảnh hưởng của họ để đạt một giải pháp chính trị, thay vì đứng im khoanh tay hoặc có thể còn

khuyến khích một cuộc thay đổi chính phủ sát nhận bất cần xử dụng hiến pháp để che đậy. Tôi biết một số tướng tá tiềm quyền và bất kể họ lý luận thế nào, tôi vẫn không tin vào các động lực thúc đẩy và khả năng cai trị của họ.

Và lúc này, ngay sau tai họa đó, Frank lại lên đường.

Anh thường nói mơ hồ về những chỗ anh đi, những việc anh làm và những người cùng làm việc với anh, nhưng lần này, anh nói sẽ lái xe đến Sài Gòn để họp với sếp và các bạn anh. Anh sẽ vắng mặt chỉ vài ngày, nhưng anh biết anh sẽ lái xe trên những con đường mà nhiều người khác không đi, tôi bắt đầu cầu nguyện cho anh hằng đêm. Tuy đây là một cách điển hình đối với đời sống người Việt – một cách pha lẫn Phật Giáo - Công Giáo – và không hoàn toàn tin vào sức mạnh của lời cầu nguyện, ít nhất tôi cung tin chắc cầu xin cho một người mình thương không có gì là hại, và biết đâu, ngay cả chỉ “*biết đâu*”, vẫn giúp được người mà hình ảnh đã in vào tim tôi.

Sau khi Frank từ Sài Gòn trở về, lần đầu chúng tôi có một cuộc bàn luận chính trị sâu hơn bình thường. Anh nói trong những ngày, đêm đi vào những ấp của các tỉnh khác trước khi về Đà Lạt, anh đã thấy thay vì giải quyết những tệ hại, chính phủ còn vướng những mỗi lần kiến các vấn đề tệ hại trầm trọng thêm. Anh tin hai lỗi lầm quan trọng nhất là việc các nhân viên chức tránh thiếu kính trọng đối với người dân, nhất là người dân ở thôn quê và các luật lệ thiếu suy nghĩ đã gia tăng sự căng thẳng giữa Phật Giáo và Công Giáo. Rủi thay, anh nghĩ, cho đến lúc này, sự thay đổi chính phủ vẫn không cho thấy những sĩ quan quân sự mới nắm quyền sẽ có những chính sách tốt hơn. Anh kết luận họ có thể còn tệ hơn.

Tôi hỏi, vậy chẳng lẽ tòa đại sứ Mỹ không đưa ra lời khuyết tốt, hướng dẫn chính phủ về một hướng đúng sao?

Anh chậm chậm lắc đầu trả lời, anh thấy chẳng ai, kể cả người Mỹ, có thể đưa ra một kế hoạch thực dụng để đặc đúng người vào đúng vị trí cho những mục điều đã đề ra, và những quan niệm, nguyên tắc để đó có thể khách quan đo lường mức tiềm triển.

Anh bảo trong một, hai ngày nữa anh lại lên đường đi về những tỉnh hướng Bắc. Tôi đề nghị tôi có thể đi theo, nhưng anh phản ứng bằng một nụ cười tếu và bảo chẳng thế nào đi như thế được. Tôi biết rất rõ chuyện anh chú ý đến Đà Lạt hỉ giới hạn vào tôi,

nhưng con tim tôi đang hơi buồn và cảm thấy muốn biết thêm. Anh thay chơi với các con tôi và thân thiện với Ba Má, Ông Ngoại tôi. Dĩ nhiên họ bắt đầu thắc mắc về liên hệ của tôi và Frank. Suy nghĩ là việc dễ cho mọi người, nhưng không dễ với tôi, vì tôi chắc bao giờ biết chắc anh ở đâu hoặc đang làm gì. Tôi thực sự biết quá ít về anh.

Chán nản, tôi quyết định về Sài Gòn vài ngày trong khi Frank rời Đà Lạt. Tôi thấy những bạn tôi ở thủ đô, trong số có nhiều người là sĩ trình diễn như tôi, nhưng cũng có một số là người kinh doanh, văn sĩ, nghệ sĩ. Đa số đều cho trong những tháng mới đây, người Mỹ đang điều động mọi chuyện xảy ra trong nước. Tôi không tin chắc điều đó. Thay vì vậy, tôi nghĩ lúc nào cũng có nhưng dòng lịch sử luân lưu bên trong Việt Nam, và người ngoại quốc sẽ chẳng ba giờ biết được những gì lưu phía dưới bề mặt bên trên.

Đồng thời, tôi cũng hiểu những kinh nghiệm thực dân phía dưới để giày của Pháp vẫn còn. Điều đó khiến nhiều người cho một thế lực ngoại quốc có thể định đoạt hơn người Việt trong nước. Tôi có ấn tượng những nhân vật lãnh đạo mới của Sài Gòn, các tướng và những người thân cận, có thể lệ thuộc vào người ngoại quốc nhiều hơn, chính quyền của tổng thống Diệm khi trước. Điều đó chắc chắn sẽ khiến họ vấp ngã khi suy nghĩ về những chính sách điều khiển quốc gia.

Lúc nào, so với một, hai năm trước, hiển nhiên có nhiều người Mỹ ở Sài Gòn hơn. Chúng tôi thấy họ ở khắp nơi. Người Việt, ít nhất là trong những thành phố nhỏ và tỉnh nhỏ, đa số đều có thiện cảm với người Mỹ. Chúng tôi chú ý sự xuề xòa, tò mò và thực thà hiển của họ. Dù vậy, sau khi nói chuyện với các bạn tôi, tôi thắc mắc chẳng hiểu những người Mỹ thân thiện này có nhúng tay vào sâu quá không? Họ đã đóng vai trò vì sau hậu trường, trước và trong cuộc đảo chính lật đổ tổng thống Diệm của một chính phủ hiện định. Chúng tôi có thể duy trì được thể diện và các thế quốc gia khi làm việc gần gũi với những người bạn Mỹ này không? Chúng tôi có thể thắng những người Việt Minh mới, một đoàn thể Việt Minh mới, cái gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam không? Người Mỹ có hiểu chúng tôi không, và họ có quyết tâm không?

Cách chuyển đổi chính phủ bằng bảo lực là do các tướng tá

nhieu tham vọng cầm đầu. Có một số tôi đã gặp lúc trước, khi còn ca sĩ. Khi tôi trở về Đà Lạt, vô là những người chỉ chú tâm vào mình, tự đưa mình lên cao, hiển nhiên, họ lưu ý nhiều đến việc ăn mừng hơn là chú tâm vào việc điều hành cả guồng máy dân sự lẫn quân sự.

Say sưa với uy quyền chỉ có trong giấc mơ khi trước, những người lãnh đạo mới chìm đắm trong việc thăng thưởng, hoặc thăng thưởng các bạn hữu lên các bậc cao hơn. Các vị đá, những đồng minh cơ hội trong cuộc đảo chánh, được đẩy lên thành tướng. Các vị tướng có thêm các ngôi sao trên áo để trang điểm như biểu tượng thanh công, bất kể giả dối đến lúc nào.

Tháng 11 và 12-1936, nhiều người trong số tướng đá đã lấy Đà Lạt làm sân chơi. Chiếm những dinh thự của thực dân và tổng thống Diệm như phần thưởng cướp bóc và biểu tượng của những đặc quyền mới có. Gia đình tôi phải phục vụ họ ở quán cà phê. Đôi khi chúng tôi phải mỉm cười và mặt nhận, khi rõ ràng họ cho chúng tôi phải biết ơn sự hiện diện của họ và không lấy tiền nước của họ. Dĩ nhiên họ có thể trả tiền dễ dàng, nhưng nghĩ chúng tôi hãnh diện với sự hiện diện của họ là một chúng khác về địa vị với họ. Thật là đau lòng khi cách xử sự đặc quyền và dõn xược của họ gợi lại những các hành xử băng đảng của Bình Xuyên trước.

Tôi được mời cùng với một số những nghệ sĩ trình diễn và một số nhân viên cao cấp quan trọng của Đà Lạt, đến một buổi dạ tiệc ở dinh Bảo Đại do các tướng mới nắm quyền tổ chức.

Một trong những vị tướng đó, được biết là một người háo sắc, sinh ở Pháp và nói tiếng Pháp giỏi hơn tiếng Việt, mời tôi đi xem những phòng bên trên dưới đây là những phòng của hoàng hậu, vợ vua Bảo Đại, trước khi hoàng gia bị lật đổ vào năm 1955. Ông nói với tôi là ở mọi nơi đều có ngọc. Tôi hiểu sự liêu lĩnh khi nhận lời mời của ông, nhưng tôi tò mò muốn xem cung điện nơi các nhân vật hoàng tộc đã đi dạo khi trước. Tôi đã thận trọng chuẩn bị giữ mình. Và đúng như tôi nghĩ, khi lên cầu thang đến chỗ giường ngủ của cựu hoàng. Trần Văn Đôn chộp vào người tôi và cố tìm cách hôn tôi hi ôm chặt tôi. Tôi nhanh chóng xoay người và đẩy ông mạnh đến nỗi ông xem ngã. Tôi nói với ông “*Ông là một vị tướng của quân đội, và tôi chỉ là một ca sĩ giản dị, ông không thấy xưaasu hổ khi lừa gạt, bắt tôi phải ăn nằm với ông*

sao?”

Rồi tôi bước nhanh xuống cầu thang, hăm dọa sẽ thét lên cầu cứu. Ông hiểu ngoài những người bạn thờ cơ như ông đang dự dạ tiệc, còn có những khách khác có thể làm chứng nên không dám làm to chuyện.

Ngay sau đó, tôi bỏ về.

Khi Frank từ Đà Lạt trở về sau khi làm việc ở một số tỉnh miền Trung, tôi nghĩ tốt nhất không nên kể lại chuyện rủi ro của tôi. Tôi đã giữ được mình và sẽ thận trọng hơn trong tương lai. Frank cần chú tâm vào việc của anh, bất kể việc đó là gì. Và ngay trong tối đầu tiên lái xe quanh con hồ lãng mạn, tôi được biết hôm sau anh sẽ lại lên đường về Sài Gòn và rồi lại tiếp tục đi đến một tỉnh ở miền nam. Anh sẽ đi xa khoảng vài tuần.

Các con tôi và bạn tôi khiến toot bận bịu, không có thời giờ để buồn bã. Lệ Thu vẫn gặp bác sĩ để theo dõi bệnh trạng. Bảo và Khải vẫn luôn nghịch phá như những đứa bé ở tuổi đó. tuy Má tôi đã giúp đỡ rất nhiều, tôi vẫn phải để mắt trong chùng và luôn tay, luôn chân. Ngoài Kim Chi, hai người bạn tốt khác của tôi là hai trung úy huấn luyện viên trường Võ Bị Đà Lạt Toàn và Khuê. Đôi khi họ đưa tôi đi khiêu vũ, và khi chúng tôi vào, người ta thường liếc về hướng chúng tôi, thì thầm “Mimosa... “Mimosa Đà Lạt là một loại bụi cây nhỏ có hoa nhạt. Cho đến nay, tôi vẫn không hiểu tại sao người ta lại liên tưởng tôi với hoa mimosa.

Một hôm tôi gặp một toán sinh viên trường võ bị. Họ tụ họp quanh tôi ở một sân cỏ và lịch sự xin được nghe tôi hát vài bài. Họ hỏi thăm gia đình tôi và những dự định của tôi trong tương lai. Họ là những thanh niên trẻ, háo hức vì tò mò và thực sự thật thà khiến tôi xúc động. Tôi nói với họ quá lâu và hoàn toàn do tôi, tất cả đều trở về trường trễ và bị kỷ luật ngày hôm sau.

Thế là các cuộc gặp gỡ thân mật, ca hát chấm dứt!

Toàn và Khuê thường đến tiệm cà phê và biết tôi có cảm tình đặc biệt với Frank. Tôi nghĩ cả hai có thể có một tình yêu cao cao quý hành cho tôi. Tôi cảm thấy an toàn vì cả hai luôn trong chùng lẫn nhau. Lúc nào họ cũng đi chung, và một khi chúng tôi cùng đưa các con tôi đến công việc hoặc cùng đi xem phim ở rạp xi-nê Đà Lạt gần chợ.

Tôi chưa bao giờ xem trọng người này hơn người khi và họ

chưa bao giờ nghĩ có thể có gì hơn là tình bạn. Chắc chắn là họ muốn biết Frank làm gì mỗi khi vắng mặt ở Đà Lạt, nhưng vì chính tôi cũng không biết nên sự tò mò của họ chưa bao giờ được thỏa mãn.

Chương 6

Tình Yêu Siết Chặt

Và ngày sau Giáng Sinh 1963, Frank trở lại Đà Lạt. Chúng tôi nói chuyện trong khi anh uống cà phê ở tiệm tôi. Anh vừa trở về sau khi quan sát tình hình ở các ấp trong tỉnh Long An, nơi thiếu tá Lê Minh Đảo, một thiếu tá năng nổ, mới được chỉ định làm tỉnh trưởng.

Lúc này anh tin, nếu sự chỉ định Đào là một tí dụ công bằng trong việc chỉ định của chính quyền mới thì có thể có thay đổi thực sự ở các ấp và các tỉnh. Chính phủ sẽ có một chính quyền mới năng nổ và trong sạch. Theo Frank, cách đối phó hữu hiệu nhất với hoạt động của cộng sản là tổ chức những đội nhỏ được truyền mộ, huấn luyện và phối hợp ở địa phương, nhưng được chính quyền ủng hộ. Anh nói, quân đội chính quy của VNCH chỉ nên đóng vai trò phụ nhằm ủng hộ chính quyền địa phương và các đội đặc nhiệm chứ không phải ngược lại.

Tôi hiểu những điều Frank mô tả vì những điều này cũng gần giống lý thuyết của Bộ Công Dân Vụ mà tôi đã tham gia nhiều năm về trước. Nhưng tôi hỏi Frank rằng một người Mỹ như anh làm sao dám cả quyết quann niệm này đúng? Anh bảo vì đây là điều đã được thử nghiệm và chính minh từ các ấp Long An, nơi anh vừa ở cả ngày lẫn đêm với các đội địa phương Việt Nam.

Nhớ lại kinh nghiệm bản thân, tôi ngắt lời Frank, nói không chính phủ mới nào có thể cuốn bị nhanh kịp để có ngay chương trình hoạt động trình hoạt động khác với những hoạt động khác với những hoạt động đã có từ trước. Tôi nói phân tán nhỏ thẩm quyền có nghĩa là chia thẩm quyền từ trên xuống dưới, nhưng các tướng lại thường có khuynh hướng tụ quyền chứ không phải tản quyền. Frank nói suy nghĩ của tôi có thể đúng nhưng tình hình mới quan sát ở Long An biến chuyển quá nhanh nên phải có hoạt động địa phương lập tức và chính quyền quốc gia bắt buộc phải theo sau. Anh giải thích “*Biến chuyển quá nhanh,*” ở Long An và ở những tỉnh khác, có nghĩa là những nơi đó đang rơi dần vào tay của các tổ chức chính trị cộng sản vì sự thụ động và lỗi lầm

của chính phủ.

Tôi đồng ý với điểm đó. Qua các cuộc nói chuyện mới đây với bạn bè ở Sài Gòn, tôi được biết chính quyền quân nhân mới không tái tổ chức được các bộ và các văn phòng hữu hiệu đúng mức, không đưa ra được các kế hoạch, chương trình thiết thực có thể phục vụ người dân và tăng cường an ninh. Mọi người đều bảo là chính quyền gần như tê liệt. Tôi thấy các tướng biết cách lật đổ chính quyền, nhưng không biết cách xây dựng một chính quyền, nhưng không biết cách xây dựng một hình ảnh âm đạm, nhưng thay vì cảm thấy chán nản như tôi, Frank dường như tin đáp án ở Long An có thể là các đội được huấn luyện với mục tiêu đặc biệt.

Trước đây, đã có lần tôi ăn tối với Frank ở nhà anh trên đường Trần Hưng Đạo. Lần đó, chúng tôi chỉ cầm tay nhau. Tôi thích chị Bảy người giúp việc nấu nướng và dọn dẹp nhà cửa khi anh đi vắng. Bởi thế, lúc này chuyện Frank có thêm một khách như tôi là hoàn toàn bình thường. Chị Bảy chào đón tôi như thể chúng tôi là hai chị em. Trong khi nói chuyện, Frank giải thích một nhân viên cao cấp mới của Mỹ cùng vợ con sắp đến Đà Lạt để trông coi công việc văn phòng hàng ngày. Để gia đình mới đến có thể xử dụng căn nhà lớn, anh đã dời sang một phòng nhỏ thường dành cho khách ở kế bên. Vì tò mò, tôi xin được xem căn phòng dành riêng cho khách đó. Dù ngoài nhìn vào, căn phòng quá nhỏ, chỉ như một kho chứa đồ. Tôi thắc mắc chẳng hiểu không gian bên trong dành cho Frank được sắp xếp ra sao. Tôi chẳng nghĩ gì hơn là thỏa mãn sự tò mò.

Chúng tôi cùng đi bộ qua con đường trải sỏi.

Frank mở cửa vào một phòng cabin lớn rộng, có một cái bếp nhỏ và chỗ ăn, một vòng khách nhỏ có lò sưởi để phòng các đêm, lạnh ở Đà Lạt và một phòng ngủ. Một số quần áo của anh, một cái ba lô, súng đủ các loại và những mảnh dụng chẳng biết là gì, ít ra là đối với tôi, rải rác đó đây. Chỗ trông thật bừa bộn, và tôi nói với Frank như thế. Anh quàng tay qua người tôi, hứa sẽ tu sắp để căn phòng gọn ghẽ hơn. Anh bảo anh hy vọng thỉnh thoảng tôi vẫn sẽ cùng ăn với anh ở đó. Tôi ngược mặt lên để đồng ý. Chúng tôi gần nhau quá đến độ nụ hôn đầu, gần như không thể tránh khỏi. Rồi nụ hôn đầu, gần như không thể tránh khỏi. Rồi nụ đầu dẫn đến nụ hôn kế tiếp và kế tiếp. Trong căn phòng nhỏ đó, chúng tôi chỉ còn cách phòng ngủ vài bước. Chúng

tôi cùng vào phòng, rồi vào giường.

Tuy tôi đã có ba con, những gì xảy ra sau đó, là hương ái ân thăng hoa cùng tận đầu tiên của đời tôi. Tôi chưa bao giờ nghĩ có thể đắm chìm trong những cảm xúc mê mê tận cùng như thế. Sau khi về nhà, người tôi như trôi lững đặng đến nhà, đến phòng. Tôi cảm thấy khác hẳn con người cũ củ amifnh mới chỉ vài giờ trước đó. Lúc này tôi chắc chắn Frank sẽ là người bảo bọc tôi trong tình yêu tôi thường mơ tưởng, nhưng không có. Một cam kết song phương sẽ bảo đảm chúng tôi luôn hạnh phúc bên nhau.

Tình yêu là một cấu tạo phức tạp. Trên phương diện vật chất, nhiều mạch thần kinh, nhiều hạt hạ nguyên tử – subatomic particles – hoặc có thể cả mùi hương hòa hợp một cách siêu hình với những gì vượt trên sự suy nghĩ, tạo ra một thực tế mơ màng. Một nguyên do huyền bí lý kỳ dẫn đến việc ta có thể đánh đổi sự độc lập cá nhân để có sự lệ thuộc song phương. Sự lệ thuộc song phương bao gồm những lo lắng về cả sự an toàn lẫn tình trạng sống của một người khác, cộng thêm những lo lắng, và dĩ nhiên có thể có cả những đau đớn tâm hồn. Những cảm xúc đó thường mãnh liệt mãnh liệt đó chúng ta có thể thắc mắc chẳng hiểu tình yêu của chúng ta có bao giờ được đến đáp xứng đáng không. Thỉnh thoảng, chúng ta phải chịu đựng đau khổ. Đây là một phần bất khả tránh của bất cứ mối liên hệ nào quan trọng như giữa những tình nhân, giữa cha mẹ và con cái, giữa anh em hoặc bạn thân. Nhưng trong tình yêu chút khổ đau đó không làm giảm giá trị những theo đuổi, những tiếng gọi từ con chỉ riêng một cá nhân. Đau khổ vì tình yêu có lẽ là cho phép tin vào cảm xúc bất kể liều lĩnh.

Cho đã cầu nguyện cho Frank mỗi tối và lúc này hình như chỉ cần anh đi xa khoảng 2 hoặc 3 ngày là tôi bắt đầu lo lắng. Anh thường nói chung chung, đại khái về những nơi anh đến và thường mơ hồ về ngày trở lại. Tuy chúng tôi đã nói chuyện về Long An, tôi vẫn không biết, vẫn chẳng có bất cứ khái niệm nào, dù nhỏ nhất về những việc anh làm, hoặc biết rõ anh là nhân viên quân sự hay dân sự. Phải chăng anh đang cố áp dụng các kinh nghiệm ở Long An vào những tỉnh khác? Anh nhún vai và trả lời anh chỉ muốn tìm đáp án cho một số bài toán và tuy anh không hoàn toàn là nhân viên quân sự, rất nhiều bạn anh là nhân viên quân sự.

Anh nhắc nhở tôi là trên tất cả mọi thứ, những ngày đêm anh ở Long An đã khiến anh tin cách đối phó hữu hiệu với cộng sản phải là để những lực lượng địa phương hoạt động từ trong ấp tiến ra chứ không phải những lực lượng của chính phủ từ ngoài tiến vào. Anh cho đây là cách tốt nhất để đối phó với cộng sản ở cấp ấp. Mở một mức cao hơn, ở tần mức quốc gia, anh nghĩ Miền Nam Việt Nam cần có một chương trình chính trị, cần có một số nguyên tắc hết sức thu hút để thuyết phục người dân về những điều cộng sản đưa ra chẳng thể nào sánh nổi với những nguyên tắc đó. Và những nguyên tắc đưa ra phải được áp dụng uyển chuyển, chúng không chỉ để in trên giấy.

Với tôi, những đáp án của anh không hoàn toàn thỏa mãn, vì cái nhìn của anh chỉ là cái nhìn của người, và hơn nữa, chỉ là cái nhìn của một người Mỹ. Người lãnh đạo Việt Nam nào là người tin tưởng như anh?

Và tuy anh có vẻ ngại thẹn khi nói chuyện với tôi, chỉ trong khoảng một ngày sau tôi đã thấy so với trước lúc nó chuyện, tôi vẫn chẳng biết rõ về anh thêm chút nào.

Tôi vẫn nhớ khi có cuộc đảo chánh lần thứ hai vào cuối tháng giêng, Frank đang ở Lâm Đồng, một tỉnh kế cận, chứ không phải ở Đà Lạt. Anh chỉ ở lại một ngày và sau đó lại đi Sài Gòn. Chúng tôi chỉ có ở một đêm với nhau, và tôi không muốn phí thời giờ vào chuyện bàn thêm vị tướng nào của chính quyền đang là người đứng đầu. Sẽ có dịp để bàn các chuyện đó khi chúng tôi có nhiều thời giờ hơn. Nhưng hai ngày sau, khi đài phát thanh Sài Gòn thông tin có chính phủ mới ra đưa qua danh sách những vị tướng thất sủng đang bị quản thúc tại gia ở Đà Lạt, tôi biết ngay tôi sẽ có vấn đề khó khăn cá nhân.

Vị tướng ăn chơi, Tôn Thánh Đính, đã có lần theo đuổi tôi ở Sài Gòn, là một trong các vị tướng bị quản thúc ở Đà Lạt. Vị tướng háo sắc Trần Văn Đôn, người đã tìm cách đến gần ở dinh Bảo Đại nhiều tuần trước là một vị tướng bị quản thúc khác! Tuy lời tuyên án được thông báo với những tố cáo không rạch ròi của Nguyên Khánh, vị tướng lãnh đạo mới, là quán thúc tại gia, tôi biết chẳng bao lâu vòng đai quán thúc đó sẽ được mở rộng ra thành những chuyến đi tổng tỉnh. Điều đó có nghĩa là những kẻ đã sách nhiễu tôi sẽ đến quán cà phê của tôi, và tự cho là họ sẽ được đối đãi như thượng khách. Tôi biết sức mừng vị gia đình

tôi không còn sống trên lầu ba của các quán cà phê.

Đà Lạt là nơi bảo vệ một trò chơi chính trị kỳ quái vì trong khi Dương Văn Minh vẫn ở Sài Gòn giữ danh vị quốc trưởng, những tướng thất sủng khác lúc này được chỉ định ở Đà Lạt, miễn là họ không đi đâu. Người đóng vai canh gác là đại tá Đinh Văn Đệ, đồng thời là tỉnh trưởng kiêm thị trưởng thành phố của chúng tôi. Ông là người theo đạo Cao Đài và có thể đã được chỉ định để tránh việc phải chỉ định một nhân vật Phật Giáo hoặc Công Giáo. Đại tá Đệ, nói năng chỉ cốt em tai người nghe, hiển nhiên là người luôn cúi, có nhiều khuôn mặt, một người vừa khéo chiều ý Nguyễn Khánh, vừa khéo hiểu lộ sự kính trọng đối với các tướng đang thất sủng mà ông có nhiệm vụ canh chừng. Có thể ông còn có thừa khéo léo để đồng ý với một chính quyền cộng sản.

Nhờ có vi-la riêng, nhà có cổng và cũng nhờ lệnh “*Quản thúc tại gia*” các tướng chưa được tha lỏng để đi đâu ở Đà Lạt, ngoại trừ khu chợ, tôi đã thoát được nạn phải đối phó với các vị tướng cứ tự coi mình là thượng khách. Tôi quên không nhớ là tướng Trần Văn Đôn còn có một người con trai nhỏ là Trần Văn Thanh, lúc đó bắt đầu đi theo tôi như một con chó nhỏ.

Tuy thế vì Thanh chỉ là thiếu niên mới lớn, còn vụng về và nhỏ hơn tôi bảy tuổi nên vấn đề dễ đối phó. May cho tôi, lúc nào cũng có hai huấn luyện viên của trường võ bị đi kèm. Họ trông chừng lẫn nhau, và nhìn nhận quan hệ đặc biệt của tôi với Frank.

Vào mùa thu 1964, Frank phần nhiều ở xa, thường là cá tỉnh ở Quảng Ngãi và Bình Định. Vùng đó nổi tiếng là một vùng nguy hiểm nhất Việt Nam. Ở mọi quận, và đôi khi ngay cả tại những ấp dọc theo ven biển Quốc Lộ 1 đều có nhiều hoạt động cộng sản. Quảng Ngãi là quê của Phạm Văn Đồng, lúc đó là thủ tướng chính quyền cộng sản ở miền Bắc. Chẳng những không thấy các nguy hiểm đó, Frank còn cho hai tỉnh này có lịch sử hấp dẫn vào ở khắp Việt Nam nơi đâu cũng có người tốt.

Khi được cảnh giác về những nguy hiểm của các con đường lái xe, Frank luôn không đồng ý. Anh bảo tôi và các bạn anh bằng những con đường anh đi điều không nguy hiểm như mọi người sợ. Tôi không an tâm vì có lần anh từ Đà Lạt trở về, mé trên kính chiếu hậu có một lỗ hồng của đạn bắn. Lần đó, anh phớt lờ lời tôi nói rằng anh đã đánh giá quá thấp sự nguy hiểm, và chẳng bao lâu sau anh tìm được một chỗ sửa xe ngoài rìa tỉnh để thay kính

chiếu hậu. Tôi thắc mắc, chẳng hiểu anh có né tránh như thế với gia đình và các bạn ở Mỹ không.

Lúc này anh có hoàn toàn khai báo với thượng cấp của anh không? Bất kể họ là ai!

Thời gian này, có vài chuyện khá khôi hài.

Thỉnh thoảng có những vị khách đến nói chuyện với Frank. Họ thường đến ở bãi đáp Cam Ly ngay phía ngoài tỉnh. Có lần anh phải lái xa hơn nhiều đến phi trường Liên Khương. Vì trễ và vội, xe anh trượt khỏi đường và lật. Chính tôi đã phải vực anh dậy, đưa anh về lều, và chị Bảy được một màn cười thoải mái khi tôi phải rút những mảnh kiếng vỡ cắm vào móng anh ra trước khi đưa anh vào viện y tế Soulier.

Một lần khác, anh Talbot Huey, bạn anh làm việc dưới mé nam vùng đồng bằng Cửu Long đến Sài Gòn, rồi cần ra phi trường liên Khương. Tôi tình nguyện đưa anh ta đi vì Frank bị kẹt ở chỗ khác.

Xe tôi bị kẹt trong bùn vì trời mới bắt đầu sang mùa mưa và Talbot, làm một việc cả hai chúng tôi đều thấy phi lý. Anh ra phía sau xe để đẩy xa ra khỏi bùn. Tôi rồ ga và đã hất phần lớn bùn từ bánh xe bắn đầy người từ đầu đến chân!

Tôi đã đau buồn vô hạn khi thấy những hậu quả trầm trọng. Ba tôi đã gây ra cho Má tôi. Ở Đà Lạt, Ba tôi vẫn tiếp tục theo đuổi những người đàn bà khác. Từ quán cà phê chúng tôi, ông thường đi dạo trên những con đường lên đồi, đi quanh khu chợ, làm quen với bất cứ người đàn bà nào, bất kể già, trẻ chịu để ý đến ông để đổi lại những lại món tiền ông hứa sẽ cho. Một hôm ông thông báo cần phải về Sài Gòn một thời gian ngắn để xem xét tình hình căn nhà cũ của chúng tôi. Nhưng tôi đã biết trước ông định tìm lại một cô bồi bàn trẻ ở Đà Lạt ông quen, định vui chơi với ông để được vài ngàn đồng ông hứa. Dĩ nhiên, số tiền đó chỉ có thể Ba tôi lấy trộm của gia đình, nhưng việc lấy trộm đó không khiến tôi phẫn nộ bằng việc Ba tôi cứ lừa gạt và tiếp tục xe rẽ má tôi.

Ba tôi bay trên một chuyến hàng không. Hôm sau tôi bay về Sài Gòn để bắt quả tang cái hai. Tôi mua chuộc được cô bé, con mồi của ông, bằng cách cho cô số tiền nhiều hơn số tiền Ba tôi đã hứa, với điều kiện cô phải tránh xa gia đình tôi và nhất là Ba tôi... vĩnh viễn. Riêng với Ba tôi, tôi không có đủ sức mạnh và nhẫn tâm để đánh ông bằng roi mây nhưng ông đã dừng đánh tôi khi còn bé, nhưn tôi đã rửa sả ông nhục nhã và dữ dội đến độ nhiều

tháng sau đó, chúng tôi gần như không nhìn mặt nhau.

Trong lần gặp Frank sau đó, tôi một mực bắt anh phải đưa đi xem những nơi mà lúc anh còn quen thuộc hơn tôi, dù đây là đất nước tôi, chứ không phải đất nước anh. Tôi mong nhất là cùng đi với anh về phía bắc, đến những tỉnh miền Trung.

Lúc nào, anh cũng nhất quyết định bảo không được vì so với vài tháng trước, đường xá lúc này không còn an toàn. Hơn nữa, anh phải chú tâm vào nhân sự, vào việc và vào các đội nằm trong trách nhiệm của anh. Bởi thế, không có thỏa hiệp: tôi sẽ không được đi chung trong những chiến lái xe vài hai hoặc ba ngày về hướng bắc. Chán nản, sau đó tôi nhất quyết đòi, ít ra là để chia sẻ cảm tưởng, anh phải nói cho tôi biết thêm, thực sự, anh đã làm gì khi đi vắng trong các khoảng thời gian dài như vậy. Anh trả lời anh đang giúp các bạn anh tổ chức những đơn vị đặc biệt để đối địch với cộng sản trong và quanh các ấp Quảng Ngãi – cũng giống như những gì anh đã làm ở Long An nhiều tháng trước. Câu trả lời có đáp ứng phần nào, nhưng vẫn quá mơ hồ. Tuy vậy tôi chỉ có thể biết đến một thể và chẳng còn cách nào để biết thêm.

Frank đề nghị, có lẽ để đánh lạc hướng chú tâm, rằng tôi có thể theo anh đến Sài Gòn, rồi đến Vũng Tàu, nơi anh ghé thăm một trại huấn luyện đặc biệt. Tôi hăm hở vì gia đình tôi – các con và Má tôi – sẽ có thể cùng đi. Tuy Frank như vẫn có vẻ né tránh vấn đề, ít nhất chúng tôi cũng có dịp có thời gian với nhau.

Chúng tôi đến Sài Gòn sau vài giờ, lái chiếc Citroen của gia đình tôi, thay vì đi xe jeep của anh. Đường từ Đà Lạt đi ra vẫn mở, không hề có tập kích và Frank còn ngủ được khoảng 1 tiếng. Khi anh tỉnh dậy, tôi hỏi nếu bị chặn đường chúng ta phải giải thích thế nào? Anh bảo tôi có thể nói với những người chặn đường rằng anh là người chông Pháp của tôi.

“Nhưng tiếng Pháp của anh tệ quá!”

“Không sao,” anh nói, “tôi sẽ bảo họ rằng quê tôi là một vùng ở Alsace nơi gần như mọi người đều nói tiếng Đức.”

“Và nếu họ hỏi anh bằng tiếng Đức thì sao?”

“Nếu thì kẹt thật, nhưng chúng ta có thể gặp một người Cộng Sản Việt Nam biết nói tiếng Đức trên đường Sài Gòn - Đà Lạt! Và tôi biết em cũng sẽ có cách gì đó để trả lời!”

Chúng tôi chỉ ở Sài Gòn khoảng 3, 4 ngày. Một đội biệt kích Việt Cộng, bằng cách nào đó đã xâm nhập vùng của hải quân dọc

theo sông và đặt chất nổ ngay sát đường nước của một hàng không mẫu hạm Mỹ. Tuy là những người Việt chống Cộng, chúng tôi vẫn phải công nhận “*Đây là một thành tích đáng kể.*” Trong bữa tối đó, một số bạn của Frank thấy buồn cười vì cách nhà chức trách Mỹ báo với báo giới.

Tôi tin họ đưa ra thì: Thứ nhất, chiếc hàng không mẫu hạm bị đặt bom không hẳn là hàng không hạm là một hàng không mẫu hạm cũ, lúc này chỉ dùng để chở máy bay. Thứ hai, tôi không bị chìm vì sống tàu chỉ hạ xuống nằm trên đái sông, nước chưa bao giờ lên đến sàn chưa máy bay. Một thiếu tá tên Kelly, lớn tuổi hơn Frank, nhưng tôi sự thân mật với Frank như một người anh cười nói, may cho phe chúng ta là con sông không sâu hơn, nếu không tranh luận vấn đề “*chìm hay chưa chìm*” còn vô lý hơn.

Hôm sau chúng tôi ra Vũng Tàu! Đường đến Vũng Tàu là về hướng Biên Hòa trên xa lộ hiện tại được xây bằng viện trợ Mỹ và rồi quẹo về phía bờ biển.

Sau khi đi qua Long Thành, đường thường đi qua những vùng đất rộng. Mé phải chúng tôi chỉ cách sông Sài Gòn bằng những cách đồng nhỏ, và đầm lầy. Mé trái và nhiều đồng ruộng nhỏ và rồi bên trên, về hướng Xuân Lộc, các đồn điền cao su hòa vào mé xa với rừng. Đường đi Vũng Tàu hiếm khi - có thể nói là chưa bao giờ - bị cộng sản tập kích hoặc ngăn chặn. Cũng như đường Đà Lạt, con đường thường xuyên của những người giàu có và những viên chức cao cấp. Hình như cộng sản muốn tránh không quấy nhiễu chính những người mà họ khinh miệt nhất khi tuyên truyền.

Frank dự định dùng đa số thời giờ trong ngày mở một trại huấn luyện gần xa lộ, gần sân bay Vũng Tàu. Chúng tôi cũng ở trong một khách sạn hạng trung trong vòng 2 đêm. Chúng tôi ở hai phòng, phòng lớn cho Má tôi, tôi với các con và phòng nhỏ cho Frank. Chúng tôi đi chợ, rất vui trong khi có người đến đón Frank đi một nơi khác. Tôi cảm thấy mất bạn đi cùng, nhưng đây lại là điều may vì vị tại tá khó chịu ở tòa đại sứ Phi Luật Tân, người thường xuyên đến các hộp đêm Sài Gòn và lúc nào cũng quấy nhiễu, lại chặn Má tôi và tôi ở chợ. Ông đã được cá bạn cho biết tôi mới về Sài Gòn, và khi không tìm thấy tôi, ông đoán có thể tôi ra Vũng Tàu.

Đầu tiên, ông năn nỉ nói ông không thể sống thiếu tôi được.

Trong khi Má tôi không hiểu ông có ý nói gì, tôi phản ứng ngay một cách thẳng thắn. Tôi bảo ông sẽ phải chấp nhận thực tế rằng ông không bao giờ có thể sống chung với tôi. Tôi giải thích những người đàn ông thích giọng hát của tôi thường chỉ yêu giấc mơ họ tự tưởng tượng, chứ không phải tôi. Và để nói hoàn toàn rõ ý định của tôi, tôi lớn tiếng ông nếu ông tiếp tục đi theo tôi hoặc bất cứ ai trong gia đình tôi, và ngay cả nếu thấy ông trong tầm mắt tôi, tôi sẽ phải khiêu nạy với bộ tầm chỉ huy cảnh sát và quân cảnh ở Sài Gòn, rồi dù có là nhân viên ngoại giao đi nữa, ông cũng sẽ gặp khó khăn với sù quán của ông. tuy thất vọng và phần nộ, ông vẫn dám mạo hiểm để mất đặc quyền đang có.

Ông bỏ đi và không bao giờ quấy nhiễu tôi nữa.

Hôm sau, khi chúng tôi có chút thời gian yên tĩnh ngoài bờ biển, tôi kể cho Frank nghe chuyện gặp gỡ khó chịu, hy vọng anh sẽ không nổi ghen.

Frank không hề ghen. Anh giải thích rất nghiêm trang “*Chúng ta cùng chia xẻ những cái cung với nhau. Những cái chung đó chỉ là của riêng chúng ta. Mọi người khác đều không đáng kể. Khi chúng ta gặp nhau trong quán cà phê, anh không hề biết em là ca sĩ và tài tử. Nhưng em là nghệ sĩ. Bởi vậy, người ta the đuổi, chụp hình, tìm cách nói chuyện với em. Ở Mỹ, những người nổi tiếng trong lĩnh vực thể thao giả trí cũng phải đối phó với trường hợp này. Chuyện này lúc nào cũng là một phần đời sống ngoài đời của em, và lúc nào vẫn tiếp tục, nhất là khi anh thường đi vắng. Đây chỉ là vấn đề khi anh không tin em. Một người đàn ông sống mà không tin người đàn bà mình yêu là một người thiếu tự tin và thiếu lòng tin người. Anh không phải là loại người đó.*”

Tôi nhẹ nhõm khi nghe anh nói sự chú ý của mọi người đàn ông khác chỉ là chuyện nhỏ, không có gì quan trọng đối với chúng tôi. Và rồi, lo cho anh, thấy anh chẳng nói gì đến chuyện gặp gỡ của anh, tôi hỏi anh là thời gian của hai chúng tôi ở Vũng Tàu, ngoại trừ một hai tiếng ngoài biển với tôi, có ích gì cho anh không?

Anh trả lời anh đã bỏ thời giờ tiếp xúc với hai nhân viên Việt Nam cao cấp điều hành trại huấn luyện. Anh phục cá tính và tinh thần làm việc của họ, nhưng anh cũng chú ý những bằng chỉ phun khu, và các cùng của trại chỉ toàn bằng tiếng Anh. Anh nghĩ tốt hơn nên anh dùng toàn bằng tiếng Việt chứ không phải

để những người Việt đang được huấn luyện có cảm tưởng người ngoại quốc đang nắm quyền ở trung tâm. Anh nói thêm một số bạn anh cùng làm việc khi huấn luyện các đơn vị đặc biệt lúc này đưa ý khiến là nên có một cách huấn luyện khác: Giúp tổ chức dân địa phương, đưa dân địa phương vào các ấp ngay trong quân đội của họ để huấn luyện, huấn luyện họ ban ngày, bảo vệ vùng và bảo vệ họ và ban đêm.

Việc này chẳng có gì khác với những gì trước đây anh đã kể về các điều anh và các bạn anh đã làm ở Quảng Ngãi. Nhẽ nhỡ, tôi cho có lẽ anh cũng chẳng phải đối phó với nhiều nguy hiểm như tỉnh thoảng tôi vẫn sợ, vì anh vừa nói công việc của anh chỉ là một phương thức huấn luyện mới.

Là một người đàn bà trẻ dốt nát lúc đó, tôi lắng nghe anh nói, và tin điều tôi muốn tin. Đây chỉ là các tính của một người bình thường.

Trở lại Đà Lạt, sau một ngày đôi đôi không khí ở Sài Gòn, chẳng mấy chốc Frank lại lên đường đi về phương bắc. Dựa trên những ảo tưởng hợp ý bắt nguồn từ câu chuyện của chúng tôi ở Vũng Tàu, tôi không lo lắng lắm. Nếu được biết rõ hơn là ngoài việc huấn luyện, anh còn làm những chuyện khác nữa, chuyện lo lắng củ tôi, anh còn làm những chuyện khác nữa, chuyện lo lắng của tôi hẳn sẽ không nhẹ nhàng như thế.

Chỉ vài tháng sau, tôi mới biết rõ tôi đã sai lầm biết bao. Một phần cũng vì tôi không hoàn toàn mở được mắt. Vì ngay cả khi Frank ở Đà Lạt một hoặc hai ngày, trách nhiệm không thể tránh của tôi vẫn là chăm sóc cho các con. Dĩ nhiên, tôi muốn Ba Má có những sự quan hệ tương đồng, nhưng tôi không hề tạo quan hệ đó cho họ. Tôi vẫn tin môi trường Đà Lạt sẽ tốt cho Ba Má tôi, những vẫn còn lâu lắm, Ba tôi mới đạt được sự tin tưởng của tôi. Tôi có thương Ba tôi không? Dĩ nhiên có, nhưng sau những lần chứng kiến những thất vọng và đau khổ Má tôi phải chịu, tôi chẳng tin gì mấy cho Ba Má, ba con tôi vừa là nguồn vui vù alf mới lo thường xuyên, nhất là về chuyện học hành và chuyện nghịch ngợm thỉnh thoảng của bọn trẻ ở nhà.

Vài tuần sau, khi Frank về “*nhà*” ở Đà Lạt, tôi thấy hình như chuyển về Sài Gòn và Vũng Tàu nhẹ nhàng và chẳng khó khăn gì đến độ tôi lại tính thuyết phục anh cho tôi đi cùng khi anh lái xe về Bình Định, Quảng Ngãi, ở phía bắc và ngay cả bên trên

Huế. Tôi bực mình khi anh lại từ chối. Anh là người Mỹ và khẳng khẳng đòi lái xe qua các con đường mà anh bảo không an toàn cho một người Việt như tôi.

Còn ai có thể kiêu ngạo hơn?

Đó là cách tôi dùng để đối đáp với anh, lên án người yêu tôi là một người ngoại quốc kiêu hãnh tự cho một người, đến từ Mỹ, mới ở Việt Nam hai năm đã có hiểu biết về Việt Nam hơn người Việt Nam chúng tôi. Anh có vẻ bối rối, chuyển ánh mắt sang hướng khác như một đứa bé, và giả thích anh không muốn đưa tôi về phía Bắc, bên trên Nha Trang vì mỗi lần chúng tôi gần nhau anh lại yêu tôi hơn và không muốn tôi gặp bất cứ nguy hiểm nào. Anh nói thêm bất kể tôi có suy nghĩ hoặc lý luận thế nào đi nữa thì chắc chắn đây vẫn là một sự liều lĩnh.

Tôi chớ với một chút với thú nhận đó, một sự nhìn nhận tình yêu dành cho tôi, nhưng vẫn sáng suốt như mọi lúc, tôi lại rút ra ngay từ câu nói của anh, có thể có một thỏa hiệp cho phép chúng tôi có thời gian với nhau nhiều hơn và một cơ hội để tìm hiểu về việc làm và những người bạn công tác ở xa của anh. Bỏ thể phản ứng tức thời của tôi là đề nghị chúng tôi cùng đi Nha Trang nhưng, nhưng như anh vừa nói, không đi xa hơn bên Nha Trang. Anh ngập ngừng nhưng chỉ trong giây phút, khoảng một hai giây, và trả lời chúng tôi có thể đến Nha Trang và ở với một người bạn anh cũng ở tương đối gần bờ biển.

Trước khi anh có dịp đổi ý, tôi đòi phải có ngày giờ khởi hành rõ ràng, vì tôi muốn báo cho Má tôi và Kim Chi biết rõ thời khóa biểu. Càng sớm càng tốt, tôi chúc giục. Ba ngày sau chúng tôi lên đường.

Đường dẫn tới bờ biển toàn là những đường quanh co rồi từ đập Đa Nhim đến rừng Phan Rang, đường gióc gề như chúi xuống. Đầu tiên chúng tôi lại quẹo một lần nữa vào con lộ phụ dẫn đến Vịnh Cam Ranh. Có một quán cà phê nhỏ ở Ba Ngòi. Chúng tôi dừng lại ăn trưa. Cảnh thật đẹp và miền quê thật an bình.

Đến Nha Trang, chúng tôi lái dọc theo đường bãi biển trước khi quẹo qua quán Frigate và khách sạn để đến địa điểm của chúng tôi cách đó một dãy phố.

Trước khi rời Đà Lạt trong chiếc xe jeep của anh sáng đó, Frank nói với tôi về người bạn sẽ đón chúng tôi là anh Charley

Fisher và anh là một nhân viên nhân sự sửa chữa ăng-ten cho dụng cụ radio và điện thoại. Tôi chẳng biết việc đó là việc gì, nhưng tôi ngạc nhiên khi đến thấy bạn anh là người da đen. Một người Mỹ Đen, như người Việt thường nói.

Tôi không hề phân biệt chủng tộc, chỉ ngạc nhiên vì thường thì “*đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu.*” Người Việt thường tụ hợp chung với nhau, người Việt gốc Miên sống chung với nhau và người Thượng cũng sống chung thành những bộ lạc riêng, ít khi sống trộn lẫn với người khác. Frank và bạn anh hiển nhiên hoàn toàn khác.

Charley chỉ cho chúng tôi một giường ngủ mà anh nói dành riêng cho khách và đề nghị chúng tôi nghỉ ở đó, Frank và tôi quyết định đi buộ xuống biển và chún tôi mời Charley cùng đi. Có một quán ăn vặt ở ngay bên kia đường ra biển và ngay trên cát. Chúng tôi tản bộ đến đó, thanh thoi uống nước chanh. Tôi mệt vì ngồi trên xe jeep, đường xóc gằn trộn ngày. Bởi thế, cuối cùng được dựa ghế đan, đuống nước chanh thật là những giây phút thanh thoi. Tôi hài lòng để tư tưởng thả trôi trong khi hai người đàn ông nói chuyện về tình trạng đường đi, về các nơi cho thể nhiều nguy hiểm và vào những giờ nào trong ngày phải tranh những điểm nào. Có thể tôi đã ngủ lúc họ nói chuyện. Tôi không còn nhớ nữa.

Sáng sau, khi tỉnh dậy, với tôi điều đó luôn có nghĩa là đã gần trưa, tôi nhìn qua cửa phòng ngủ. Rõ ràng Frank đã đi rồi. Charley đang đọc sách trong phòng khách. Anh cười nói Frank bảo anh rằng tôi là người ngủ trễ. Nhưng anh, Charley, sẽ làm một đĩa bánh mì trứng điểm tâm cho tôi. Tôi mau mắn thay quần áo và khi ra đã có đĩa điểm tâm trên bàn. Charley tán gẫu với tôi và nói anh chỉ mới uống ly cà phê thứ ba.

Tôi hỏi Frank đi đâu. Charley nói vẫn như thường lệ khi ở Nha Trang, Frank luôn đi thăm nhữn người ở sân bay. Rồi anh nói khi đến cùng với Frank hôm trước, tôi có vẻ ngạc nhiên và anh thắc mắc chẳng hiểu tôi có thoải mái khi ở với những người như anh không? Đây là lần đầu trong đời tôi bị hỏi trực tiếp về câu hỏi chủng tộc. Tôi quyết định câu hỏi nên có câu trả lời thành thực, và Charley, xứng đáng được nghe câu trả lời thành thực đó. Bởi thế tôi nói “*Vâng, tôi ngạc nhiên, nhưng chỉ vì Frank không nói trước và tôi chưa chuẩn bị tinh thần.*”

Tôi không bao giờ quên câu trả lời của Charley. Anh nói kể từ khi biết Frank, anh chưa bao giờ thấy Frank chú ý gì hơn là khá nặng. Vì cái mà người ta có thể làm quan trọng hơn ngoại diện. Và Charley nói tiếp, Frank không nói trước với tôi vì anh cho tôi cũng suy nghĩ chẳng khác anh.

“Đúng quá!” Tôi nói với Charley. *“Những chẳng lẽ không ai không thấy khó chịu với các tình trạng không quen thuộc? Chẳng lẽ mọi người đều không ngạc nhiên?”*

“Đúng!” anh trả lời, *“Chắc chắn Frank sẽ không do dự khi để người khác ngạc nhiên và một số có thể còn khó chịu nữa. Nhưng anh chẳng để ý gì đến chuyện đó.”*

Bởi thế, trong buổi sáng muộn vớ trứng, bánh mì và cà phê, tôi hiểu từ quan niệm của bạn anh, có điều gì hết sức quan trọng về Frank và tôi. Chúng tôi nhìn mọi người khác như những cá nhân và cả hai chúng tôi cùng quan tâm đến việc người ta có thể làm, chứ không phải họ đã bị người khác phân loại ra sao. Và tôi sẽ nghĩ với sự khẳng định mới về điều này.

Chiều đó, Frank và tôi đi bộ ra biển, bơi và chơi trên cát như trẻ con. Khi chúng tôi chụp hình bằng máy hình của tôi, hình như Frank lúc nào cũng nhăn mặt có vẻ thiếu tự nhiên thấy tôi cười rất nhiều.

Thời gian nghỉ ở Nha Trang, khi chúng tôi trở về Đà Lạt, dường như ngắn ngủi đến buồn bã. Chỉ mới hai đêm với nhau ở căn chòi nhỏ của Charley, vài giờ trên biển rồi Frank lại rời Đà Lạt lên đường.

Lần này anh được một máy bay nhỏ đón từ sân bay Cam Ly đi Pleiku để họp với vị đại sứ mới. Tôi tin đó là tướng Taylor.

Trong khi đó, tôi phải chuyển toàn thể sự chú ý vào cuộc xung khắc lớn giữa Ba tôi và cô bạn thân Kim Chi.

Tôi lúc nào cũng nghi ngờ Kim Chi là tai mắt của tôi, và Kim Chi cũng là người khi trước đã tiết lộ việc Ba tôi lên đi Sài Gòn để ăn chơi với cô bồ đã bắt tay thỏa hiệp với ông. Ba tôi lúc nào cũng muốn là người đứng đầu trong coi quá cà phê, nhưng không do không tin khả năng của ông và thánh chính hăng in của ông ở Sài Gòn sập tiệm, tôi đã đẩy ông vào một vị trí chẳng có gì thiết thực. Nhưng Ba tôi cứ nằng nặc đòi ông phải được giao một số trách nhiệm quản trị. Lúc này, ông tuyên bố Kim Chi không làm đúng và đã cho khách uống miễn phí thường xuyên. Ông nói,

ngoài tiền lương, Kim Chi còn ăn cấp các khoản tiền nhỏ.

Kim Chi sững sờ và phần nộ trước các tổ cáo bất công. Cô nói nếu tôi cảm thấy không tin tưởng được, cô sẽ về Nha Trang, nơi các bạn cô đã mời cô hát ở một câu lạc bộ quân sự. Tôi bị kẹt giữa cuộc mâu thuẫn của hai người. Tôi thương Kim Chi như một người em, nhưng trong văn hóa Việt Nam, gia đình phải trên tất cả và tôi không thể cắt bỏ Ba tôi. Bởi thế, ông lợi dụng tình cảm để tạo hố ngăn cách giữa tôi và Kim Chi. Người bạn thân nhất của tôi rất buồn, nhưng cô hiểu tôi không thể đặt cô trên người cha tệt bạc của tôi. Cũng giống như chuyện gia đình tổng thống Diệm đã ngăn cả, không cho phép ông chống đối người anh cả là tổng giám mục Thục và các người em là Ngô Đình Cẩn, Ngô Đình Nhu, chưa đầy một năm sau màn bị kịch của gia đình họ Ngô, tôi cũng bị rớt vào cái bẫy mạng nhện liên hệ gia đình trong văn hóa Việt Nam. Kim Chi thề với tôi rằng chúng tôi lúc nào cũng là bạn và lên xe buýt về Nha Trang.

Tôi vô cùng đau khổ vì bị tách xa người bạn thân.

Ba tôi thắng cuộc và tôi biết từ giờ trở đi, Má tôi và tôi sẽ phải để mặt kỹ vào những giấy tờ chi, thu. Tôi đã thấy vẻ thoái trá của Ba tôi và chuyện lấy tiền để thỉnh thoảng du hí, đối với ông lúc này, và chuyện quá dễ.

Ba tôi là người xảo quyệt và lừa phải trông chừng ông, vừa phải trông chừng Lệ Thu, Bảo và Khai, sức khỏe của chính tôi suy sụp.

Tôi quá mệt mỏi đến độ khi Frank đề nghị chúng tôi gặp nhau ở Sài Gòn trong khi anh tham dự một số buổi họp, phản ứng bản năng của tôi khiến tôi nghĩ ngay đến việc phải ở Đà Lạt để theo dõi Ba tôi và trông coi quán cà phê cho mọi chuyện đầu vào đấy.

Tôi biết Frank sẽ từ một trong số tỉnh ở phía bắc lái về Sài Gòn. Vì sự mất an ninh giữa năm 1964, anh còn ngần ngại hơn, không muốn cho tôi theo anh khi lái xe trên đường. Trong thời gian gần đây nhất, Frank thường có người bạn ở địa phương, một thanh niên Thượng trẻ tên Tonch Ton, đi cùng. Tôi an tâm khi biết anh không phải đi lại một thân một mình. Hơn nữa, nếu anh ghé Đà Lạt để đưa tôi đi cùng, trong chuyến đi đó, tôi lại phải ngồi sau chiếc jeep sơn xanh. Nhưng xóc trời lên, hụp xuống khi đi đường sẽ khiến tôi bần gất, khó chịu: Không phải là cách tốt để có quan hệ yêu đương.

Bởi thế, tôi bay về Sài Gòn. Tôi có thể ở Sài Gòn vài ngày gặp

lại một số bạn đã đề nghị tôi trở về Sài Gòn tiếp tục hát lại những hộp đêm ở thủ đô.

Thật là một ngạc nhiên lớn khi chúng tôi gặp nhau ở Sài Gòn! Frank đang nói chuyện với một văn phòng từ thiện về việc bán chiếc xe jeep củ anh. Tôi luôn nghĩ chiếc xe jeep xanh là do chính phủ Mỹ cấp cho anh. Lúc này anh giải thích anh đã mua xe jeep riêng khi mới đến Việt Nam, vì không muốn chiếc xe cấp phải biến thành cái cớ giới hạn việc đi lại của anh trên đường. Nhưng anh kết luận việc đi lại ở miền trung giữa năm 1964 nguy hiểm hơn nhiều so với khoảng một, hai năm trước.

Anh giới thiệu tôi với một bác sĩ trẻ người Canada, vừa cùng anh lái xe ba ngày từ Quảng Ngãi về phía nam. Frank để tôi ở lại với bạn anh sau khi ăn trưa, nói anh cần đến phòng thông tin dưới phố để nói chuyện với sếp của anh. Không tưởng tượng được ai có thể “*ra lệnh*” cho anh, tôi muốn được đi cùng để gặp sếp anh, nhưng anh chỉ cười nói “*Để dịp khác đi.*”

Bạn anh là Stan Frileck, một người cao, đẹp trai và lúc nào cũng mỉm cười, nói chuyện với đôi mắt sáng, linh hoạt như chiếu vào người đối diện. Stan Frileck nói với tôi là trong ngày đầu khi anh và Frank lái xe về phía nam, có vài phán đạn bắn về hướng xe khi đi qua vùng Đức Phổ, nơi thường xuyên có hoạt động sản. Lúc này, họ chuẩn bị quay lại trong vòng hai, ba ngày nữa và lại quay lại ngay địa điểm đó! Thật là điên rồi!

Phải chăng tất cả bạn của Frak đều điên cứng đầu như anh? Và còn việc bá xe jeep? Ô, Stan Frileck giải thích, cơ quan viện trợ y tế của anh sẽ mua xe và giấy tờ sang phượng sẽ xong xuôi sau chuyến đi sắp tới, khi anh và Frank lái xe trở về Sài Gòn!

Tôi thấy hình như tôi luôn biết về Frank qua các bạn nhiều hơn khi nói chuyện trực tiếp, cởi mở với anh. Chuyện thật là chán nản cho tôi vì mỗi khi chúng tôi đối diện, bất cứ gì anh làm đều đã được quyết định rồi, trước khi tôi có cơ hội đưa ra ý kiến. Và lúc này, chỉ qua Stanley Frileck tôi mới biết anh định bán chiếc xe jeep vì đường phía bắc Nha Trang nguy hiểm hơn rất nhiều. Nhưng trước khi đưa xe cho người chủ mới, anh sẽ lại cùng người bạn điên rồ của anh quay về đúng nơi anh bị phục kích thêm một lần nữa, và rồi lại từ đó lái về Sài Gòn tuy đã nhìn nhận đường xá lúc này nguy hiểm đến độ này!

Hai ngày sau, hai người lại phóng lên xe jeep đi về hướng bắc.

Tôi bay trở lại Đà Lạt, cố tự an ủi có lẽ hai người sẽ thận trọng hơn những gì tôi nghĩ. Và biết đâu, họ thực sự biết rõ họ đang làm gì. Dù ý kiến của tôi, nếu phát biểu mạnh mẽ, có thể có chút ảnh hưởng nào đó, nhưng cuối cùng Frank và bạn anh cũng vẫn lên đường theo cách của họ, và luôn bằng đường lái xe!

Chương 7

Tình Yêu Căng Thẳng

Tình trạng tài chánh gia đình, khi tôi trở về Đà Lạt, là một đống hỗn độn các món nợ chưa trả, các biên nhận bừa bãi về tiền thu của quán cà phê và một chồng hóa đơn chưa thanh toán. Tôi ân hận biết bao vì Ba tôi đã đuổi Kim Chi về Nha Trang, tố cáo cô bạn tôi một cách bất công là cô đã làm những điều có lẽ chính ông đang làm. Ba Má tôi thường xuyên nếu không cãi nhau về chuyện của ông cứ theo đuổi các người đàn bà khác vì mua đặt họ những phẩm vật bằng tiền của gia đình thì cũng trừng trừng nhìn nhau trong im lặng. Tôi biết vì xem trọng tình gia đình và những bộ áp lực của Ba tôi, khi đuổi người bạn thân đi xa, tôi làm hại gia đình.

Tháng 9-1964, tôi thấy có quá nhiều người đang tựa vào tôi để có người tài chánh. Ba tôi đang gửi các số tiền nhỏ hàng tháng cho họ hàng ở Sài Gòn. Chúng tôi phải trả tiền không chỉ cho nhân viên ở quán cà phê mà còn cho tài xế và người làm vườn ở căn biệt thự nhỏ. Dĩ nhiên, ngoài các khoản đó, tôi còn phải đóng tiền học cho Lệ Thu, Bảo, Khải. Giấy nợ phải trả cứ liên miên không dứt và hình như còn tăng thêm mỗi tháng. Tôi biết Kim Chi sẽ không quay về Đà Lạt, nhưng nghĩ có thể cô sẽ có các đề nghị cho ý kiến. Tôi gửi một lời nhắn, nhờ Frank đưa đến tận tay Kim Chi, khi anh có dịp ghé qua Nha Trang trong các chuyến đi về những nơi chẳng ai biết. Kim Chi nhanh chóng trả lời qua thư rằng tuy Ba Má tôi lúc này hoàn toàn sống tựa vào tôi. Ba tôi lúc nào cũng dùng thủ đoạn. Rồi đây thủ đoạn tình cảm của ông có thể còn hiến tôi gạt bỏ cả quyền lợi của các con tôi. Kim Chi đề nghị giải pháp duy nhất là tách rời. Ba tôi ra, nhưng cô hiểu đây là điều vô cùng khó, có thể không thể làm được, vì bất kể lỗi lầm của Ba tôi với bà nặng nề đến độ nào, Má tôi vẫn luôn chiều theo Ba tôi.

Nghiền ngẫm nhiều ngày trong đau khổ, tôi kết luận quán cà phê không còn là cái neo chắc chắn cho sự ổn định của gia đình như tôi mong mỏi. Có lẽ cách hay nhất là bán quán đi, giữ lại

văn villa, để các con tiếp tục theo học ở Đà Lạt với Ba Má tôi. Riêng tôi sẽ trở về Sài Gòn, tiếp tục nghề hát để đem kiếm tiền nuôi gia đình.

Trong chuyến về Sài Gòn mới đây với Frank, các bạn cũ và các chủ câu lạc bộ đã thúc tôi y hệt như thế. Họ một mực bảo nếu hát trở lại, có thể tôi còn kiếm được tiền nhiều hơn trước. Nhưng trong tim tôi, Đà Lạt luôn là mái ấm ở ven núi, nơi tôi gặp Frank lần đầu. Ở lại một nơi thảnh thơi chúng tôi có thể gần gũi, không phải phân tâm vì các thứ khác là điều quan trọng căn bản. Tôi vẫn thường mong ít ra cũng một lần trong vài tuần, được gặp Frank. Nhưng làm thế nào để có thể vừa đáp ứng như cầu tài chánh gia đình, vừa đáp ứng những khát vọng sâu kín trong tim tôi?

May thay, tôi không cần phải suy nghĩ về việc này. Khi trở về Đà Lạt, Frank đã bảo tôi chỉ ít lâu sau anh sẽ chuyển từ miền Trung về miền Nam làm việc với các quận gần Sài Gòn. Bởi thế, anh sẽ dọn khỏi căn hà chòi nhỏ ở Đà Lạt, nơi chúng tôi từng chia xẻ những giây phút quý báu. Tuy Frank nghĩ sẽ có thu xếp để anh tạm thời có chỗ ở tại Sài Gòn, sứ quán vẫn chẳng hứa hẹn gì cả. Và vừa cho biết tin xong, Frank lại vội vã lên đường đi về hướng bắt đầu giả từ những người đã cùng làm việc với anh hai năm qua. Tôi tổng kết mọi thuế để cố nhìn rõ ớn, hoặc ít ra cũng cố nghĩ cách sắp xếp sao cho ổn chuyện tôi sẽ làm khi về Sài Gòn. Tôi vẫn có ý rất chắc chắn, sau khi bán quán cà phê, là giữ lại căn nhà nhỏ ở Đà Lạt. Ba Má tôi sẽ trông coi nhà cửa và các cháu. Các con tôi sẽ tiếp tục đi học. Tôi nghĩ nếu chưa thuyết phục được ngay, tôi vẫn có thể thuyết phục Kim Chi dần dần, khuyên cô nên rời Nha Trang để làm bạn với tôi và lo việc tài chánh cho tôi. Kim Chi và Ba tôi sẽ hoàn toàn không có gì chung chung, không có lý do gặp nhau và trong môi trường Sài Gòn, tôi thực sự cần một người bạn thông minh, tin tưởng được.

Chúng tôi tìm được người mua quán cà phê. Vì quán có khách đều và vì có tiếng tốt ở địa phương, chúng tôi không bị lỗ. Thực ra, việc mua bán nhanh chóng có vẻ khẳng định các khó khăn tài chính thực sự chỉ do sự biến của Ba tôi. Số tiền bán được tôi nghĩ có thể đủ để tôi có hợp đồng đặt thuê một căn nhà ở Sài Gòn. Chúng tôi không đủ tiền để mua trong cảnh thị trường địa ốc đang lạm phát, nhưng tôi hy vọng sẽ ký được hợp đồng thuê dài hạn.

Tôi có nhiều bạn cũ ở Sài Gòn. Một người bạn giới thiệu tôi với bà Nguyễn Thị Hai, một người dễ mến và biến nhiên đầu óc nhanh nhẹn, làm việc ở văn phòng cố vấn cảnh sát của Cơ Quan Phát Triển Quốc Tế USAID. Bà Hai có nhiều tài và cũng là người để ý đến địa ốc. Bà biết tôi là một ca sĩ được ưa chuộng và thỉnh thoảng cũng có tài tử. Bà có vẻ thích chúng tôi trở thành bạn. Bà Hai cho tôi xem nhà có thể mượn, và tôi chọn ngay căn nhà nhỏ hai tầng do bà làm chủ. Căn nhà số 185 đường Trương Minh Giảng ở cuối con đường đất, song song với con suối là một phụ lưu ô nhiễm của thành phố chảy về sông Sài Gòn.

Đầu tiên, tôi hát cho câu lạc bộ khách sạn Majestic ở tầng thượng cao nhất, rồi câu lạc bộ của Maxim và Ma Ca Ban. Tôi đi từ chỗ hát này đến chỗ hát khác trong một xe tắc-xi Sài Gòn màu xanh da trời pha màu kem. không lâu sau nhà hàng ăn trên nóc khách sạn Rex cũng là nơi tôi hát. Tôi biết Rex lúc này là một câu lạc bộ của nhân viên cao cấp Mỹ, nhưng ngạc nhiên thấy người Mỹ, ở khắp nơi, và đa số khách sạn ở các quán ăn Sài Gòn trên những con đường hàng quán như Nguyễn Huệ, Hai Bà Trưng, Tự Do là khách Mỹ. Không phải người Việt hoàn toàn biến mất, nhưng rõ ràng họ bị đẩy sang bên vì số lượng tiền nhiều hơn từ khách Mỹ. Từ thời Pháp thuộc, đã có một chợ đen để đổi tiền. Lúc này như cầu tiếng Mỹ tăng vọt đến độ cả người Việt lẫn người Mỹ đều chẳng để ý gì đến hốt suất. Người Mỹ và các bạn họ có tiền đô-la cùng được lợi.

Khán giả nồng nhiệt đón nhận tôi trở lại, có thể còn háo hức nữa, nhất là lính Mỹ xa nhà hưởng ứng các bài hát gọi lại ký ức của họ như *“I Left My Heart in San Francisco - Tôi đã để quên con tim ở San Francisco”*, *“Love is a Many Splendored Thing - Tình yêu là hiện thân nhiều thứ tuyệt vời”*, *“I Can’t Stop Loving You - Em không thể ngừng yêu anh”* ... và những tựa đề là ký ức. Thỉnh thoảng, có những người đưa tặng hoa và tặng vật, đôi khi họ đi theo xe tắc-xi tôi từ câu lạc bộ này đến câu lạc bộ khác. Ít lâu tôi thấy cách hay nhất là kéo thêm hai người bạn gái người Việt cùng theo làm lá chắn cho tôi thoát đi từ chỗ hát này đến chỗ hát khác. Tôi cố giữ nụ cười tươi vui cho tất cả, ngay cả khi trái tim tôi mong một ngày hiếm hoi người tôi yêu sẽ xuất hiện ở Sài Gòn.

Cuối cùng, sứ quán Mỹ cấp cho Frank một căn nhà ba phòng ở

quận Tân Bình, một vùng thành thị giữa Sài Gòn và phi trường Tân Sơn Nhất.

Ngạc nhiên và vui thay, khi căn nhà sát bên là nhà của Douglas Ramsey, người đã giới thiệu chúng tôi hơn một năm trước. Biết Frank ở cạnh nhà một người bạn của cả hai chúng tôi khiến tôi cảm thấy an tâm hơn, tuy tôi vẫn chưa hiểu họ đang làm gì, đang làm việc riêng, chung hay cùng với những người khác. Tôi chỉ biết cá nhân tôi được lợi khi Frank và các bạn đang làm việc ở các quận tại Gia Định sát bên thành phố. Chúng tôi có thể gặp nhau thường xuyên hơn so với khi anh đang ở xa cả trăm cây số tại các tỉnh miền Trung. Và những ai là bạn anh?

Tôi nhớ rõ nhất một người là Đỗ Minh Nhật, một người nói giọng Bắc. Có lần, khi đợi Frank ở căn nhà anh mới được chỉ định làm nơi ở, Nhật nói với tôi nhiều năm trước một số người Mỹ đã huấn luyện anh — ở một hòn đảo ở xa, anh nói — rồi anh làm việc với một đội nghiên cứu của đại học. Sau đó, sau khi làm với Pháp Thông Tin Hoa Kỳ, anh làm việc với Frank ở một số ấp ở Long An.

À, sự huyền bí của những ấp ở Long An!

Tôi hỏi Nhật, anh và Frank đã thật sự làm gì ở Long An năm trước? Anh nói tất cả chỉ là đi thăm các gia đình trong ấp, thân thiện với mọi người, họ hỏi về cuộc sống và làm thế nào để sống sót giữa cuộc tranh đua của chính phủ với cộng sản. Dĩ nhiên, anh nói tiếp, đôi khi họ gặp một đội cộng sản nhỏ cũng đang cố gắng trụ lại vùng đó.

Lúc này, Nhật giải thích anh và một số người khác đang làm cùng các bạn Mỹ để giúp dân ở các ấp phía tây phi trường tổ chức một đơn vị lực lượng phòng thủ đặc biệt. Tôi đưa ý kiến vì quá gần Sài Gòn, vùng này tương đối an toàn rồi. Nhật cười, trả lời các tháng mới đây, chẳng cần phải đi xa thành phố để chạm trán với cộng sản.

Còn những người bạn Mỹ của Frank?

Dần dần tôi đã gặp tất cả. Tên những bạn anh với một người Việt Nam như tôi, không dễ nhớ. Tôi chế ra những tên đơn giản vì quá nhiều khuôn mặt có nghĩa là những cái tên của họ là những cái tên dài ngoằng tôi chẳng thể nhớ. Sếp của Frank tuy với liên hệ có vẻ giống chú, cháu nhiều hơn được gọi là với là Ev. Có một người khác gần giống như chú tên là Vann — đầu tiên, tôi

tưởng tên ông là Văn như cái tên Việt Nam phổ thông nhưng tên đó có thể một chữ “n” ở cuối. Một người chú thứ ba, tôi nhớ từ trước là “*Kelly ở Quảng Ngãi.*” Có hai đại úy tên Werbiski và Drinkwater mà tôi hay dùng mẹo để nhớ tên hai anh như hai món uống “whiskey” và “uống nước.” Hai đại úy khác nữa tôi nhớ là Mad và Mac.

Tôi ước sẽ ghi được tất cả các tên, vì khi nhắm mắt, tôi có thể hình dung được tất cả, ít nhất là hình ảnh họ, dù đã hơn 50 năm. Những người khác gồm Lương, một người quê ở sâu dưới miền Nam, rồi một người Mỹ đi cà thọt, lúc nào cũng cười tên “Joe” hay là “Joey V.” Cũng có cả những hạ sĩ, một người tên Lonnie. Tôi làm sao để phân biệt một hạ sĩ? Thỉnh thoảng lại có một người Mỹ lớn tuổi hơn đến họp với họ. Ông là Ralf Jonson, nhân viên CIA. Làm sao tôi biết điều đó? Bởi vì, ông nói với tôi. Và tôi chẳng biết ba chữ đó nghĩa gì, ngoài trừ việc ông có vẻ cho ba chữ đó quang trọng, vì khi nói đến, ông nhỏ giọng như đang thổ lộ một điều bí mật. Bạn đọc có thể cho là tôi ngay thơ, và tôi quả thật ngay thơ như thế.

Frank cũng có gặp một số bạn anh, vì khi anh có thể về Sài Gòn, lúc đầu khoảng một tuần một lần và sau đó ít hơn, chúng tôi có thể đi xem những tuồng cải lương hoặc xem triển lãm nghệ thuật. Kim Chi rời Nha Trang về Sài Gòn, là người bạn tôi tin tưởng nhất. Tôi chẳng bao giờ biết lúc nào Frank sẽ xuất hiện trước cửa nhà tôi. Khi anh đến, tìm tôi rộn ra, nhưng hãnh diện cá nhân khi đang có khách Việt Nam hiện lúc nào cũng khiến tôi phải nén nổi vui mừng. Bởi thế, tôi thường giới thiệu anh với những người khác rằng anh là một người bạn Mỹ mà tôi đã gặp ở Đà Lạt. Các nhà văn nhạy cảm, nhất là ký giả Trọng Minh có thể có kết luận riêng khác. Nhưng tất cả những người đoán đúng tâm trạng của yêu một người Mỹ. Khi Frank ở Sài Gòn một hoặc hai ngày, tôi sẽ đến với anh và ở lại qua đêm ở đó.

Các hợp đồng tôi ký và đồng ý hát hàng đêm là ở nơi các chủ cũ còn nhớ tôi hai năm về trước. Vì cần tiền để tiếp tục giúp đỡ Ba Má tôi các con tôi ở Đà Lạt, và để trả chi phí ở Sài Gòn, chẳng bao lâu sau tôi ký hợp đồng thêm với vũ trường Kon Tiki ở vùng Da Kao, gần khúc đầu xa lộ Biên Hòa. Một người khách, Ngô Viết Thụ là kiến trúc sư nổi tiếng, luôn yêu cầu tôi hát bản *Dòng Sông Xanh*. Đây là bản trình diễn rất mệt cho tôi, tôi vẫn phải

chiều theo yêu cầu của khách.

Hình như mọi người đều cảm thấy quãng thời gian ở Đà Lạt chẳng hiểu sao lại khiến giọng tôi mạnh và ngọt ngào hơn. Lời khen lan truyền còn nhanh hơn tôi nghĩ. Tôi bị các thủ câu lạc bộ và các chủ nhà hàng bao vây và trả các khoản tiền lớn cho một bài tiếng Mỹ, khiến tôi được nhiều người hâm mộ hơn, nhưng lần trình diễn nào tôi cũng xen các bài gọi lại ký ức quá khứ “*Nỗi Lòng*” và “*Đêm Đông*.”

Mỗi sáng tôi tập hát khoảng một tiếng, rồi sau khi ăn trái cây tươi Kim Chi mua ngoài chợ, tôi nghỉ buổi trưa trước khi lại hát một lần nữa. Tuy mệt, tôi cần phải có tiền vì theo hợp đồng sửa lại với bà Nguyễn Thị Hải, tôi mua căn nhà lúc này bà cho tôi thuê. Tôi còn có tiền đủ để mua một xe hơi cũ, và thuê tài xế đưa tôi đi, về, qua, lại các địa điểm hát. Đây là một khoản chi phí lớn nhưng có xe riêng an toàn hơn vì tôi có thể tránh các khách hâm mộ có thể đút lót tài xế tắc-xi để bám theo tôi trên đường qua những câu lạc bộ, và có thể còn theo tôi về nhà.

Những buổi tối hiếm hoi, quá hiếm hoi với tôi, là những tối Frank ở Sài Gòn. Những tối đó anh đến nghe tôi hát, thường ở khách sạn Majestic hoặc Ma Ca'Ban. Nếu thấy anh, bài kết của tôi “*Nỗi Lòng*” – *Yêu Ai, Yêu Cả Một Đời*. Anh hiểu ý nghĩa bài hát đó đặc biệt dành riêng cho anh. Cần như Frank lúc nào cũng đi với hai hoặc ba người bạn Việt và Mỹ. Một số người cho các người đi theo anh có vẻ hung dữ, tôi chẳng thấy họ có gì là và tôi hiểu họ thân thiết như anh em. Họ lễ phép, im lặng so với những khách khác và hình như luôn không thoái mái với với không khí Sài Gòn. Trong họ có vẻ như nôn nóng, muốn trở về các ấp, về các ruộng lúa, hoặc những con đường rừng.

Khi ngồi với Frank, tôi nghe họ nói nhỏ với nhau về Rừng Sác, Chợ Đêm, Nhị Bình và một số nơi không xa Sài Gòn làm tôi nhớ khi làm với Bộ Công Dân Vụ. Đây là các địa danh mà người Sài Gòn ăn mặc bảnh bao, ngay cả những người Việt thành phố cũng chưa từng nghe chứ chưa nói đến việc đặt chân đến những chỗ đó. Về địa lý, Frank và tôi ở gần nhau hơn các tháng trước, khi anh ở đâu đó xa Nha Trang về phía bắc và tôi bị trôi chân vì gia đình và làm ăn ở Đà Lạt. Nhưng, ngay cả lúc đó những gì tôi biết, tức là thực sự hiểu, vẫn chẳng có gì hơn những gì anh và các bạn anh nói với tôi, và những sự mô tả của họ hiển nhiên cố tình

mơ hồ.

Đến mùa xuân 1965, sự hiện diện quân đội Mỹ chỉ là cố vấn hoặc kỹ thuật chuyên môn. Tôi còn nghĩ Frank và các bạn anh là các cố vấn có thể thỉnh thoảng cũng chỉ huy, những trách nhiệm chính của họ vẫn là tìm cho đúng người, và luôn ủng hộ, khích lệ các hành động địa phương tự đề xuất. Một số việc đặc biệt hiển nhiên là từ Mỹ như máy bay. Tôi biết trực thăng là của Mỹ, nhưng cũng biết chỉ một số người Mỹ lái trực thăng còn thường họ chỉ là cố vấn Không Quân của Việt Nam Cộng Hòa.

Một sự thay đổi khổng lồ của cuộc chiến, chuyển thành một sự thay đổi có hấp lực mãnh liệt, xảy ra vào mùa thu thì lính chính quy - không phải cố vấn, không phải chuyên môn, mà thực sự là những đoàn quân, sư đoàn, trung đoàn - được đưa sang Việt Nam. Ngay cả ở Sài Gòn, tách biệt với những cuộc chiến ở miền quê, điều này được hiểu là cần thiết để đẩy lui cộng quân đang ngày càng bạo dạn, mà chúng có hiển hiện là các tiểu đoàn, và các trung đoàn mới được tổ chức của họ đang đe dọa đánh gục những chính quyền đang tranh chấp, tự làm suy yếu của Miền Nam Việt Nam. Nhóm tự gọi là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, ngày càng bạo dạn, tổ chức nhiều nhóm lớn hơn trước đây với vũ khí trang bị chẳng kém gì những lính của chính phủ, đang tiến về chẳng những chỉ vài tỉnh ở xa mà còn ở những quận không xa thủ đô.

Từ các quán cà phê và các địa điểm uống cà phê như Brodard Givral đến các quán nước dọc theo các đại lộ và ở ngõ hẻm, mọi người đều nói về sự thay đổi. Ngay cả người trước đây bức bối vì sự có mặt ngày càng nhiều người ngoại quốc, các người Mỹ khệnh khạng trên đường phố Sài Gòn, lúc này cũng nhìn người Mỹ như một cách giải quyết thần thánh để cứu Miền Nam, bất kể lượng giao thông gia tăng. Thỉnh thoảng có cả những đoàn vận tải đi qua trung tâm thành phố. Giá cả thuê nhà và vật liệu tăng vọt.

Tôi cảm thấy lo sợ. Nước tôi, dân tôi, tất cả những người dân kể cả người Cam Bốt và người Thượng ở các bộ lạc và người Việt Nam của ba miền, không thể dễ dàng nhập thành một khối. Tôi biết rõ điều này từ kinh nghiệm cá nhân. Một trong những điều đa số người Việt điều cảm thấy là sự khinh bỉ thực dân Pháp. Lúc này một thế lực ngoại quốc khác, có thiện ý, nhưng vẫn là ngoại quốc, sẽ giết một số người Việt. Với mục đích gì? Với mục tiêu

nào? Và để chu toàn giấc mơ của ai?

Hơn tất cả mọi thứ, tôi muốn nói với Frank, vì sự nhận biết vấn đề của anh sâu hơn mọi người tôi biết. Nhưng Frank và các bạn anh lại ở xa, lúc đầu ở Long an rồi ở Sa Đéc, Vĩnh Long còn xa hơn nữa. Tôi biết từ một người bạn của Frank, đi qua Sài Gòn, rằng nhân số của họ gia tăng không chỉ do có thêm một số người Mỹ mà vì đôi khi họ còn tuyển mộ thêm các nhân tài trong số người họ huấn luyện. Họ cho phép một số người chiêu hồi tham gia hàng ngũ và còn phủ dụ thêm được ba kẻ địch bị bắt gia nhập các lực lượng địa phương chống cộng sản.

Cuối cùng, Frank trở về Sài Gòn.

Ngày đầu, chúng tôi cùng ăn trưa và có một buổi chiều sung sướng bên nhau. Tôi dự đoán chúng tôi sẽ được vài ngày cùng vui thú, và thậm chí cầu nguyện cho số ngày chúng tôi được bên nhau dài hơn. Bởi thế, vào ngày thứ hai, sau một cuộc họp của anh, tôi bàng hoàng khi anh trở về bảo tôi, vài ngày nữa, công việc bắt buộc anh phải trở lại Mỹ. “*Nghĩ phép về nhà*” có thể là điều đúng, nhất là trường hợp của anh, vì đã nhiều năm anh ở nước ngoài, và ở một nước đang có chiến tranh. “*Nghĩ phép về nhà*” có thể cho phép thanh niên hòa nhập trở lại với cuộc sống bình thường ở nơi mình sống. Nhưng nếu “*nhà*” quả thực là “*nơi gửi gắm con tin*” thì Việt Nam mới thực sự là “*Nhà*” thực của anh. Tuy vậy, tuân theo luật của sở là điều bắt buộc. Và tôi nghĩ, đây cũng có thể là cơ hội cho phép tôi cùng đi với anh về gặp gia đình anh. Tôi dắt Frank đến một tiệm may nổi tiếng dưới phố để đo kích thước và chọn vài cho anh may một bộ đồ com-lê. Khi Frank về gặp mẹ anh, hình ảnh người thanh niên ăn mặc đàng hoàng sẽ khiến mẹ anh thấy tôi không chỉ yêu mà còn chăm sóc con trai bà.

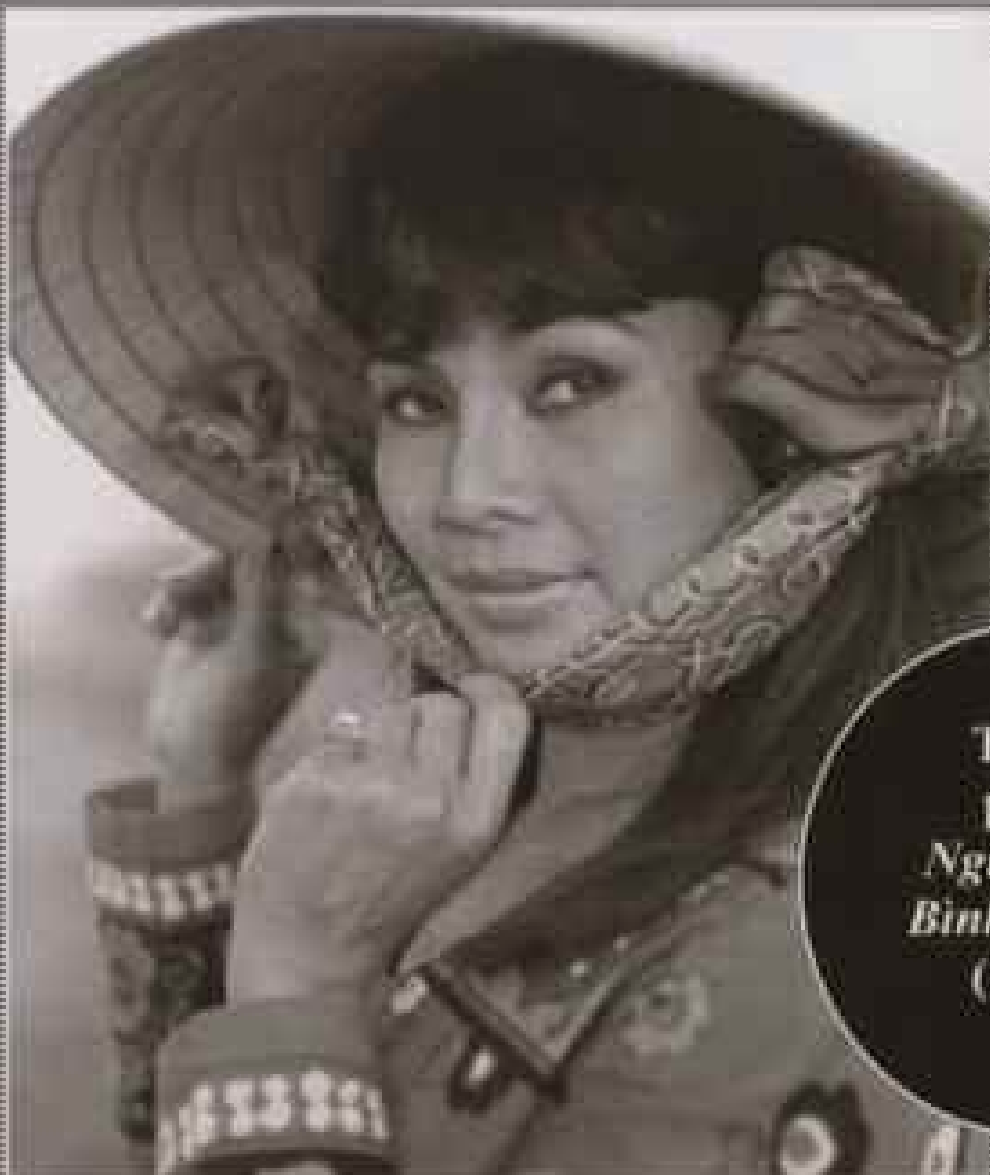
Có hy vọng lạc quan đó, giấc mơ của tôi, tắt ngấm khi đơn xin giấy thông hành của tôi bị bác. Những phức tạp từ đạo luật gia đình của bà Nhu áp dụng vài năm trước dưới chính quyền nhà Ngô vẫn chưa được sửa đổi. Bởi thế, tuy đã ly thân và độc lập, tôi vẫn chưa thể có giấy thông hành vì chưa chính thức ly dị. Thay vì chưa cay, tôi quyết định khi Frank trở về Mỹ một mình và trở lại, tôi sẽ liên lạc với dịch vụ pháp lý làm mọi thứ gì cần làm để có được tờ giấy ly dị. Nhiều tháng sau ngày 16-10-1965, tôi đã nhận được tờ chứng nhân tôi toàn toàn độc lập và có quyền

tự do. Vài ngày trôi qua Frank lên đường.

Tôi không thể tiễn anh ở phi trường Tân Sơn Nhứt. Cuộc tiễn đưa công khai sẽ khiến tôi không thể giấu được sự đau lòng. Một người bạn đưa anh đi bằng xe jeep. Khi họ đi khỏi. Tôi thấy lúc nào Frank cũng bị kéo xa tôi.

Lúc nào, mỗi giờ anh mỗi rời xa Việt Nam, trên đường bay về đất nước anh. Tôi biết và biết một cách tuyệt đối rằng nếu chúng tôi có thể cùng đi thì tôi không chỉ là thành viên biểu tượng mà còn là một thành viên đích thực cùng chung tham dự vào gia đình Frank. Những ngày này sẽ buộc chúng tôi mãi mãi với nhau. Vòng tròn của chúng tôi sẽ nói kết hoàn toàn, không thể tác rời. Dĩ nhiên tôi hiểu Frank chắc chắn sẽ trở lại, không chỉ vì tôi mà còn vì cuộc chiến nữa. Cuộc chiến, một phần nam châm phức tạp, đa chiều, lấp lánh như kiếng vạn hoa, hải hùng sẽ kéo Frank và các bạn anh, chìm dần vào các ấp, các rừng rậm, để tìm một công thức thắng cuộc.

Vâng, tôi đã nhận ra, ngay ở thời điểm đó, sự phức tạp của cuộc chiến dần dần nhưng chắc chắn sẽ cuốn lấy Frank nhưng cuộc chiến này ở nước tôi. Cũng như Frank không thể vĩnh viễn rút khỏi Việt Nam, anh sẽ vĩnh viễn dính chặt vào tôi. tôi biết, hoàn toàn chắc chắn anh sẽ luôn trở lại. Tôi là một phần không thể chia cắt khỏi phần đời quan trọng nhất với anh. Và, chắc chắn cũng như tôi là một phần thế giới Việt Nam của anh, tương tự anh là một phần của tôi.



Trong
phim
*Người Đẹp
Bình Dương*
(1957)



Trong
một băng
Nhạc
Xưa



Ca sĩ Duy Mỹ, Kim Vui, nghệ sĩ Tùng Lâm



Dạo mát
công viên
với bạn
(1957)

Làm việc
với đài
Radio
Freedom
1968



Từ trái :

- Doug Ramsey
- Kim Vui
- Frank Scotton





Kim Vui và nghệ sĩ Hùng Cường



**Kim Vui (lái xe) cùng các bạn nghệ sĩ và
Trịnh Công Sơn (trước đầu xe, bên trái)**



Kim Vui và Thanh Lan (Trước Dinh Độc Lập)



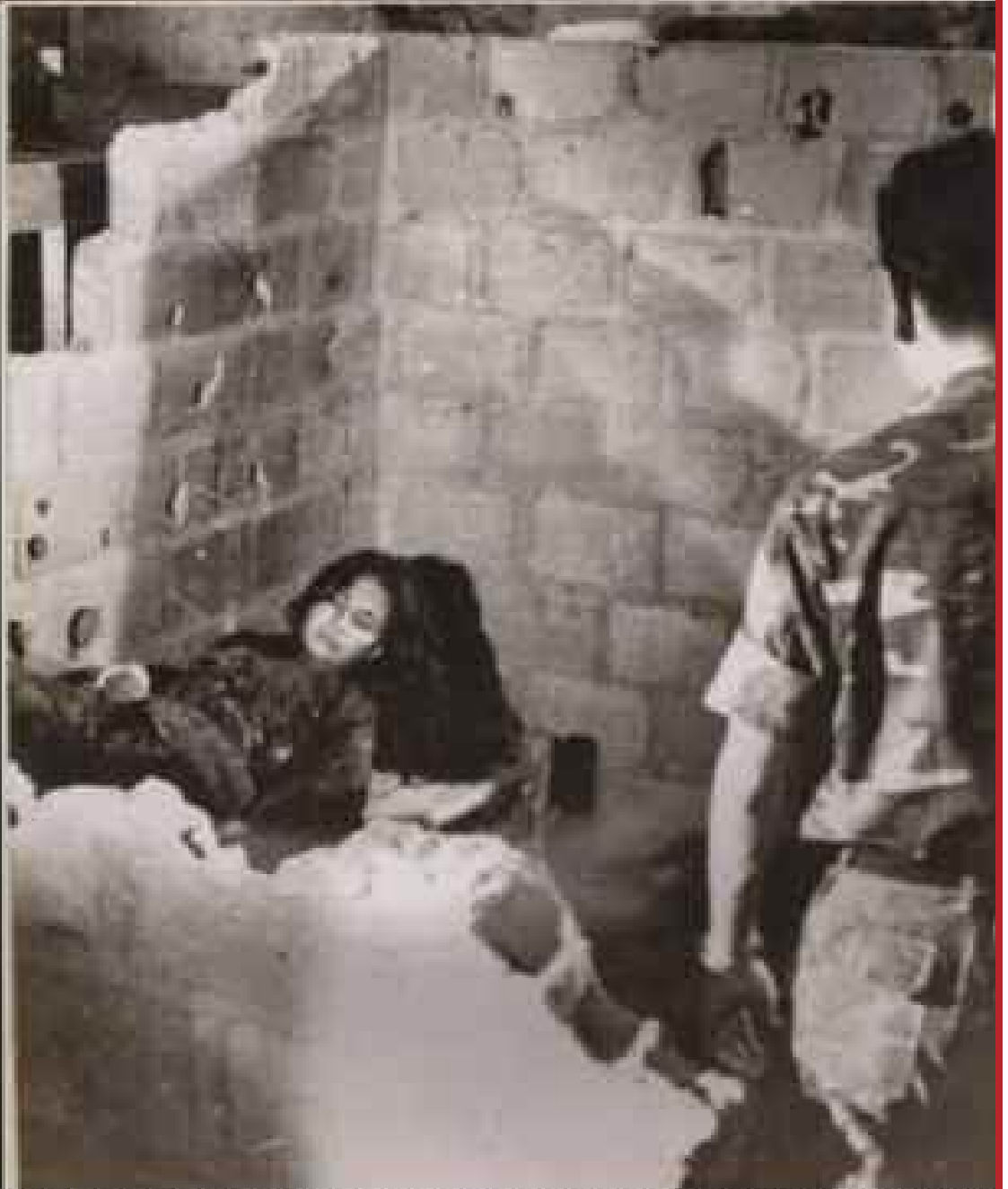
Kim Vui và Thâm Thủy Hằng



Kim Vui
và
nữ nghệ sĩ
Thanh Nga



Hai
cảnh
trong phim
*Thương
Hận* :
- cảnh
Gái Mìn
(hình trên)
và
- cảnh
Bị Bắt
(hình dưới)





✦ Kim Vui
và
tài tử
Trần
Quang
(thứ 2 và 3
từ trái)



✦ Kim Vui
và
cố nghệ sĩ
Ngọc Đức

100

with subunit chaperone

CHÂN TRỜI TIM

[illegible]

卷之五

卷之四

此碑係清乾隆二十六年（1761）所立，碑文係乾隆皇帝御筆，內容係乾隆皇帝對西藏的統治政策，以及對西藏的地理、歷史、宗教、文化等方面的描述。此碑係西藏歷史文獻的重要實物，現藏於北京故宮博物院。

卷之四

卷之四

卷之四

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

20



1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 2679, 26

卷之四



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

卷之四

卷之四

THE UNIVERSITY OF CHICAGO PRESS

卷之四

卷之五

卷之四

CHÂN TRỜI TIM

with subunit chaperone

100

Ra Mắt Phim Chấn Trời Tim (Anh Bảo)



Kim Vui : Một cảnh trong phim Chân Trời Tím



**Chân Trời Tím : Tranh vẽ khoa thân
(*Họa sĩ Trương Thị Thịnh*)**



Kim Vui
và giải
Nghệ Sĩ
Xuất Sắc
của
T.T.Thiệu
1970



Kim Vui
và phu nhân
T.T.Thiệu
cùng
nhân viên
chức sắc
trong lễ
trao giải
Nghệ Sĩ
Xuất Sắc
(1970)



Toàn Thể Cử Tọa Trong Ngày Trao Giải Nghệ Sĩ Ưu Tú (1970)



✦ Tham dự
Liên Hoan
Phim Á Châu
*Asian Film
Festival*
(bên trái Kim Vui
là nữ tài tử
Kiến Chinh)

✦ Giải thưởng
Tài Tử Xuất Sắc
*Best Artistic
Expression*
ở Đài Bắc 1971
cho phim
Chân Trời Tím



✦ Anh Lân, Mỹ Thê, Kim Vui, Túy Hồng,
đạo diễn Lê Hoàng Hoa.

✦ Trình diễn ở Câu Lạc Bộ (1969).





Như cầu
diễn xuất
và
nổi đau
nội tâm
(1969)

Chương 8

Tình Yêu Khuất Lập

Tôi rớt vào trạng thái ngưng đọng gần như mộng du, trong cảnh nửa tỉnh nửa mê suốt ba, bốn tuần Frank ở Mỹ cùng gia đình và bạn hữu. Đồng thời Việt Nam của tôi lại ngày càng bất an. Mọi tỉnh đều bị khổ sở do cộng sản kích động với các cuộc tấn công thường xuyên hơn của du kích. Đông bắc Sài Gòn và phía bắc miền Trung là các cuộc tấn công quân sự lớn của cộng sản cộng chung với nhiều phản ứng không thỏa đáng, khiến sự hiện diện của chính phủ ở các quận và thủ các tỉnh bị rút đi.

Chính quyền bấp bênh của vị thủ tướng mới, phi công và tướng Nguyễn Cao Kỳ không thể tự đối phó. Chẳng còn cách nào khác ngoài cách chấp nhận gia tăng các toàn quân Mỹ cùng các cố vấn, chuyên gia để chống chọi với chiến dịch lan rộng của cộng sản lúc này được tăng cường như các thanh thép bằng các đơn vị chính quy do chính quyền Hà Nội gửi vào nam.

Sài Gòn hết còn được miễn nhiễm với sự lan rộng của cuộc chiến. Tháng 3, khi Frank ở một nơi nào đó phía nam đồng bằng Cửu Long, sứ quán Mỹ ở Sài Gòn bị bom đặt ở con đường gần đó đánh vỡ khiến một số người gồm cả Mỹ lẫn Việt bị thương và thiệt mạng. Từ đó, ai cũng hiểu một nét nổi bật của cuộc chiến sẽ là kéo cuộc chiến vào trung tâm Sài Gòn. Cuối tháng 6, vừa trước khi Frank trở lại, nhà hàng nổi Mỹ Cảnh trong tầm nhìn và cách khách sạn Majestic không xa bị đặt bom. Chúng tôi đều biết nhà hàng đó là mục tiêu vì là một nhà hàng được người Mỹ và những người bạn Việt của họ ưa chuộng.

Phản ứng sợ hãi lập tức có thể thấy được ngay. Các nơi tôi hát mỗi tối lúc này mượn nhân viên an ninh đứng gác như một cách ngăn ngừa tối thiểu, dù chỉ để khách có thể thấy ngay sự an ninh từ cổng vào. Việc chưa bao giờ rõ ràng vào may mắn thay chưa ba giờ gặp thử thách, xem những người vũ trang gác cửa có thực sự ngăn ngừa gì không. Cũng tương tự, kẽm thép dăng qua cửa sổ hoặc chuyển ghế ra ngòai trời có thể ngăn chặn những kẻ ném mìn hoặc biểu hiệu nhược điểm phòng thủ yếu kém. Nhưng cả

hai trường hợp, việc ném mìn đã tạm ngưng một khoảng thời gian.

Frank trở lại vào cuối tháng 7. Gần như cùng lúc đó, một vụ thanh toán nhau vì tình cho thấy người Mỹ cũng có thể thanh toán vì ái tình lâm ly chẳng kém gì người Pháp. Bà Nguyễn Thị Hải, người đã bán nhà cho tôi, bị một anh kép Mỹ ghen tuông giết. Bà làm việc trong Bộ An Ninh Công Cộng trong cơ quan Phát Triển Quốc Tế Hoa Kỳ USAID, một cơ quan Mỹ có trách nhiệm cố vấn và yểm trợ cảnh sát Việt Nam. Báo Sài Gòn đăng đầy tin về vụ giết người này. Báo viết một cố vấn Mỹ điên đảo vì tình đã giết một trưởng văn phòng cố vấn an ninh Mỹ. Sau đó anh ta giết luôn bà Hải. Vụ giết thứ hai không rõ là vì phần nộ hay vì bị bội tình. Bà không là bạn thân của tôi, nhưng tôi khó thể kìm nổi thương cảm cho số phận bà và những đứa con. Nhiều năm sau, tôi nghĩ về cái chết của bà Nguyễn Thị Hải như biểu tượng của hành động đáng sợ nhất từ cả người Việt lẫn người Mỹ. Một số người Việt đã bị sự cám dỗ làm mờ đạo đức để có thể nhận các tặng phẩm to lớn của người Mỹ trong khi một số người Mỹ thích theo đuổi đàn bà và chơi các trò chơi để thủ lợi cá nhân trong khung cảnh thực dân nửa mùa.

Cuối cùng Frank cũng trở lại.

Tôi hết sức vui mừng trong vài ngày đêm anh ở Sài Gòn. Một số bạn anh đến ăn với chún tôi ở các quán ăn, và một số đi theo anh nghe tôi hát. Ban ngày, khi tôi nghỉ, anh đi vòng vòng qua những văn phòng có vẻ như có ảnh hưởng nếu không là tuyệt đối chỉ định, nhưng công tác của anh ở Việt Nam. Chẳng bao lâu sau, có quyết định từ một nơi nào đó chỉ định anh phải đi Châu Đốc. Dĩ nhiên, tôi biết anh sẽ không xa biên giới Cam Bốt, nhưng vùng đó đa số dân chúng là Phật Giáo Hòa Hảo và Hòa Hảo có lẽ là nhóm chống cộng dữ dội nhất ở Việt Nam. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm cho đến khi được biết từ một người bạn của anh là họ từ một trại lực lượng đặc biệt ở An Phú tiến dần ra ngoài. Từ kinh nghiệm với Dân Sự Vụ nhiều năm trước, tôi biết An Phú là một vùng đất riêng, một địa thế bản đồ, nhìn như một ngón tay thọc vào Cam Bốt.

Lúc này biết rõ hơn, cảm giác nhẹ nhõm của tôi biết mất khi Frank đi sâu về phía nam cùng với các bạn anh trong lực lượng đặc biệt, những người Mỹ và nhiều người Việt đã làm việc gần

gửi với họ suốt hai mươi năm qua. Tôi chẳng thể làm gì hơn là cho anh biết tôi luôn đợi chờ và hằng đêm... cầu nguyện. Tôi hoàn toàn không nghi ngờ anh có thể sẽ vượt ra ngoài vòng tình yêu, sự chung thủy và lo lắng của chúng tôi cho nhau. Việc lạ nhất là vấn đề anh mang một người đàn bà khác đến căn nhà của anh ở Sài Gòn cuối mùa thu đó và anh thực sự đã nói cho tôi biết anh sẽ làm điều đó!

Khi anh từ Châu Đốc trở lại lần đầu, sau khi kể lại khá nhiệt thành về các ấp và người ở vùng biên giới, Frank bảo tôi khi anh quay về Sài Gòn lần tới, sẽ có một thiếu nữ trẻ cùng về với anh. Anh giải thích cô là cháu một viên chức quan trọng tỉnh và về Sài Gòn xin việc. Anh đã được yêu cầu giúp bảo đảm cô an toàn khi ở thành phố. Sau khi cô trở về lại với gia đình ở Châu Đốc, anh sẽ lại đến với tôi. Ngoài mặt, việc này đối với tôi có vẻ hợp lý trong hoàn cảnh các việc xảy ra ở Việt Nam. Nhưng cũng như các việc luôn xảy ra ở Việt Nam, nhất là trong riêng từng mối quan hệ, phải dè chừng những gì ẩn sâu phía dưới! Chi tiết nào đã bị gạt lọc và có lợi cho ai?

Tôi chỉ biết chắc ngày anh quay lại khoảng hai tuần sau, với một thiếu nữ trẻ, vì chị Bảy, người làm và nấu nước tôi đã gặp khi trước ở Đà Lạt gửi lời nhắn cho tôi. Chị thúc giục dữ dội tôi nên đến nhà Frank và gọi chị ở cổng sau. À, Frank, người tình của tôi, giỏi vào ấp, giỏi đi rừng, giỏi đi trên các con lộ, nhưng lại quá khờ dại khi cho chị Bảy sẽ trung thành với anh trong khi liên hệ giữa chị và tôi như hai người đàn bà Việt Nam luôn mạnh hơn.

Bởi thế, sau khi lái xe đến căn nhà nhỏ tôi đã quá quen thuộc đó và vào bếp với chị Bảy, cả hai chúng tôi cùng nghe Frank nói một cách lịch sự và gần như ân cần, tương tự khi anh thường nói chuyện với tôi, nhưng lúc này với một thiếu nữ Châu Đốc. Chị Bảy nhăn mặt, nghiêng răng, đi đi lại lại để mang đĩa chén từ bếp lên và sau đó dọn bàn ăn. Tôi có thể nghe chủ và khách nói với nhau, nhưng không hiểu rõ đích xác câu chuyện. Chẳng bao lâu sau, Frank đưa người đàn bà đến thăm lên lầu.

Tôi biết rất rõ phía trên có hai phòng ngủ: một phòng thỉnh thoảng chúng tôi vẫn dùng và một phòng cho khách. Chị Bảy, mắt tóe hào quang, một mục đòi tôi phải lên lầu để trực diện với hai người mới vừa ăn chung và có thể đang còn chia xẻ những gì

hơn nữa.

Hai người chúng tôi đẩy nhau qua lại, khi tôi từ chối, không làm chuyện đó. Tôi sẽ không đóng vai tài tử trong bi kịch hoặc một trò cười của đời sống.

Dần dần, chúng tôi cả hai lâm vào thế bí.

Tôi đi bộ ra xe, quyết định lái xe trở về nhà.

Trước khi mở cửa xe, trong một khoảng ửng bất ngờ đối với việc đã quyết tâm nghe lõm chuyện Frank với chị Bảy, tôi bắt đầu khóc thầm. Cảm thấy như từ cổ kéo suốt xương sống mềm nhũn không còn sức lực, tôi gần như sụm xuống. Tôi chỉ còn vừa đủ sức vặn chìa khóa, nổ máy, nhả thắng xe và trở về nhà với con tim đau khổ.

Frank đã đi vào đường lăm lặc, đã vượt rào, như anh vẫn thường nói, có thể chỉ mới sơ sơ ngoài mặt, nhưng ở mức độ nào? Tôi cảm thấy buồn và đau đớn trong tim. Có thể không phải là cảm giác bị phản bội, nhưng bị trả đũa trên một khía cạnh nào đó. Tuy nhiên, vì chưa mục kích rõ những gì xảy ra sau bữa ăn tối và không thể biết chắc chuyện gần gũi giữa hai người có xảy ra không, tôi quyết định không suy nghĩ sâu thêm về những gì có thể, nhưng không nên, có xảy ra hay không? Dù đau khổ và bức tức, tôi sẽ không vứt bỏ mối quan hệ tôi không thể có với bất cứ người đàn ông nào khác. Nhưng lúc này bị tổn thương, sự tin tưởng của tôi suy giảm.

Trên phương diện này, nhìn lại sau quá nhiều năm, sự thể có vẻ như tôi đã lập lại cách hành xử của Má tôi, lập lại khuôn mẫu hy sinh danh dự cá nhân để có sự ổn định trong mối quan hệ. Thực ra, đây hình như là phản ứng đau không quá thường xuyên cho rất nhiều người đàn bà như chúng tôi. Chúng tôi chịu đựng đau khổ những sự khinh nhờn, nói xấu, những nhát dao cảm xúc đâm vào tim, rồi hợp lý hòa mọi sự trong khi bỏ qu sự sỉ nhục của chính bản thân mình. Hết thấy mọi toan tính chr để giữ sự liên hệ có thể bị phá hỏng, nhưng sự phá hỏng đó còn tàn phá cảm giác của chúng tôi về mình nhiều hơn.

Hôm sau, Frank xuất hiện ở nhà tôi, bảo là người thiếu nữ trẻ ở một đêm và đã về lại Châu Đốc. Anh vui vẻ như chẳng có chuyện gì đáng ngờ đã xảy ra giữa anh với cô ta. Và tôi, tuy chưa được cho là tài tử giỏi nhất Việt Nam, vẫn đóng vai cười, nói tự nhiên trong màn kịch có thể là một tấn tuồng giả dối với cả hai

chúng tôi. Tôi thắc mắc, ngay cả khi anh đang nói chuyện với vẻ ngây thơ hiển hiện, phải chăng khả năng lừa gạt và gian dối đã tiềm ẩn sâu trong con người tất cả đàn ông?

Hoặc giả Frank đã được huấn luyện bởi các bậc sư để chuẩn bị cho các sứ mạng ở ngoại quốc, về nghệ thuật lừa dối và đánh lạc hướng đến độ những thứ đó đã biến thành tự nhiên?

Có quá nhiều khác biệt giữa đàn ông và đàn bà đến độ muốn liệt kê những khác biệt đó phải cần có nhiều cuốn sách, nhiều giờ bàn luận về mối sự lệ hệ, và nhiều cái nhìn hài hước của cả hai phía. Một trong những khác biệt, tất cả chúng tôi đều thấy, là chuyện mua sắm. Chỉ cần nói đến hai chữ đó, đối với đàn bà, là xem hàng, thử thả ngắm nghía mọi thứ, dù là chẳng có ý mua gì cả, nhìn quanh, vui lòng phân tâm vì bất cứ món hàng nào vừa được chú ý. Đàn ông không đi “*xem hàng*.” Họ đi đến nơi nào đó để mua, với một sự chú tâm, hoặc có thể nói là chỉ có cái nhìn với đầu óc hạn hẹp, vào một hoặc hai thứ. Nếu cần mua nhiều hơn một hoặc hai thứ, họ sẽ làm một bảng liệt kê, không phải để quên thứ quan trọng cần mua, mà để khỏi phí thời giờ chú tâm vào thứ mà đàn bà chúng tôi có thể cho là thích thú.

Riêng với hoàn cảnh của tôi về phương diện Frank, và có thể bẩm sinh nơi đầu óc mọi người đàn bà, là chúng tôi muốn được yêu trong khi đàn ông thường là muốn yêu. Chúng tôi muốn được hiểu, muốn người khác biết rõ giá trị của mình. Trong khi đàn ông muốn định lượng giá trị, muốn theo đuổi. Đàn bà chuẩn bị để định hướng cho một gia đình, không phải không thể có chuyện cơ nghiệp bên trên gia đình, nhưng đối với đa số đàn bà ở một số thời điểm nào đó trong đời, gia đình sẽ là cái chính. Đàn ông thường dễ nhìn bên trên gia đình. Tôi nhớ Frank đã kể cho tôi nghe về cha anh, không muốn bị xem là thiếu lòng yêu nước, đã một mực tự nguyện vào quân đội, bỏ lại vợ và hai đứa con thơ. Ông đi theo tiếng gọi của quốc gia và lương tâm, chẳng bao giờ trở lại, vì tử trận trong một trận đánh ở Âu Châu. Frank cảm thấy việc cha anh làm là một việc cao thượng. Tôi cho mẹ anh chắc không nghĩ thế.

Tôi hiểu có một sự khác biệt thực sự giữa những người đàn ông nhìn đàn bà với sự tò mò, và những người đàn ông nhìn đàn bà với đôi mắt háo sắc tình dục. Tôi cũng biết đôi khi có những cách nhìn từ quan điểm tiến hóa: vì tổ tiên chúng ta, khoảng 70 ngàn

năm trước là vài bộ lạc đơn lẻ từ Phi Châu tiến dần ra, và bởi vì họ được xem như con mồi của các động vật có vú khác có nanh vuốt, mức sinh tồn của loài chúng ta sẽ gia tăng nếu có sự giao hợp càng thường xuyên càng tốt. Tôi chẳng biết cách giải thích đó khoa học đến đâu, hoặc được chấp nhận đến độ nào, nhưng đôi khi đã được đưa ra để giải thích các hành động sai lệch của giống đực trong xã hội đương đại. Ngay cả dù là với mục đích tiến hóa, vì sự sinh tồn của nòi giống, là yếu tố thúc đẩy hành vi la chạ của giống đực, chẳng nhẽ chúng ta không thể tiến hóa dần đến một khuôn mẫu khác, một khuôn mẫu tương kính trong qua hệ gia đình? Chúng ta có kèm hãm được bản năng xuất phát từ thời tiền sử không? Chúng ta có thể đạt một sự chuyển dạng đạo đức không?

Tôi đã nghĩ rất nhiều về vấn đề này.

Nhưng tại thời điểm đau buồn của tôi vào mùa hè 1965, con tim tôi vẫn chắc chắn Frank chỉ vô tình lầm lạc phía ngoài mặt, chứ không thực sự lầm lạc. Tôi biết, từ sâu thẳm trong tâm hồn, Frank sẽ không bao giờ phản bội tôi. Mỗi liên hệ giữa chúng tôi quá đặc biệt, Frank không bao giờ có thể tìm được mối quan hệ tương tự. Với Frank, chẳng có người đàn bà nào khác có thể sánh với tôi. Vì nghĩ thế, tôi lại tự đưa mình đắm chìm trong tình cảnh có thể được mô tả như khuynh hướng lý luận từ những người đàn bà đang yêu, đi xa hơn giới hạn bình thường, để hợp lý hóa hành động vô ý thức, bất cần của người mình yêu.

Tôi chưa bao giờ cho Frank biết những gì tôi đã quan sát, đã nghi ngờ. Bất cứ khi nào nhwos đến tối đó, một cảm giác khó chịu muốn tách rời với Frank lại lộ dạng trong tim. Tôi không nói với ai, kể cả Kim Chi.

Sự đau đớn là của tôi. Vấn đề là vấn đề của tôi.

Hai ngày trôi qua, một khoảng thời gian để tôi tập dượt cách tự kiềm chế và cho Frank đi quanh Sài Gòn đến các buổi họp với mục đích gì, tôi không bao giờ hỏi. Quá nhanh cho tôi, cho sự cân bằng cảm xúc của tôi, anh lại lên đường lái về Châu Đốc.

Tôi chỉ cảm thấy nhẹ bót, ngay cả giữa lúc đang lo lắng về sự an toàn của anh, vì biết anh vẫn ở mé nam đồng bằng Cửu Long. Tôi là một người Nam bằng giọng nói và tiêu chuẩn phân loại miền của người Việt. Những người nam chúng tôi, kể chung người Việt Nam, người Cam Bốt, người Phật Giáo, Công Giáo,

Hòa Hảo, Cao Đài thường có kinh nghiệm sống chung hòa hợp hơn người miền Trung hoặc miền Bắc. Hơn nữa, nếu cần, nếu anh ở đâu đó trong miền quê tôi, tôi sẽ biết cách để tìm được anh. Ngay cả các con đường chính phía nam Sài Gòn vẫn thường an toàn, ít nhất là vào ban ngày. Mọi cuộc chạm trán mạnh hơn, khốc liệt hơn đều ở phía bắc Sài Gòn.

Bởi thế, dĩ nhiên do mĩa mai của số phận nhiều ngày sau Frank trở lại và sau khi họp với những người điều hành các công tác của anh, anh cho tôi biết một số tin tức làm tôi giật mình. Anh sẽ tiếp tục làm việc với lực lượng đặc biệt Hoa Kỳ và sẽ đem một số cán bộ Việt Nam về phía bắc đến Bình Định và Quảng Ngãi. Anh cho đã nói đủ rõ với tôi khi cho tôi biết lực lượng đặc biệt chỉ “*mượn*” anh một thời gian.

Mượn? Có nghĩa là sao?

Sự giật mình của tôi chứng minh ngay cả sau hai năm, mặc dù đã nghe mô tả về những gì được tổ chức ở mé tây Sài Gòn nhiều tháng trước, tôi thực sự hiểu rất ít về việc anh làm.

Tổ chức nào, văn phòng nào, thực sự bảo trợ anh?

Khi chúng tôi gặp nhau ở Đà Lạt, anh đã bảo anh là một nhân viên dân sự và là nhân viên của sở ngoại vụ. Nhưng nếu thực sự là nhân viên dân sự, tại sao anh lại khác nhân viên dân sự khác? Tại sao nhiều văn phòng khác nhau lại hòa hợp để gửi anh và các bạn anh, đa số là nhân viên quân sự, không phải dân sự, đi chỗ này, chỗ nọ? Và nếu anh và những người khác thực sự là nhân viên quân sự mặc áo dân sự, tại sao họ lại có thể nói năng và hành động một cách độc lập như thế?

Tôi biết các tỉnh miền Trung nguy hiểm hơn những tỉnh miền Nam và các tỉnh đó cũng nằm ngoài tầm với của tôi. Những con đường nằm phía trên đà Lạt và Nha Trang lúc này cực kỳ nguy hiểm. Người dân miền Trung thường gồm nhiều nhóm người có nhiều gốc khác nhau và tương đối có huynh hướng hòa hợp. Dân miền Trung luôn có huynh hướng bè nhóm và không tránh né dụng độ, đối đầu nhau. Giọng của họ nặng hơn giọng Nam của tôi. Đôi khi họ chống đối người Nam cũng chẳng khác gì học chống đối người Bắc. Những Phật tử ở Huế và Đà Nẵng, đối với người Sài Gòn chúng tôi, hình như hung hăng và thiếu cởi mở hơn Phật tử ở miền Nam.

Chỉ sau vài tháng ở Châu Đốc, chàng Frank của tôi đã là một

Phật Tử thuộc Phật Giáo Hòa Hảo. Anh giải thích với tôi là anh nhận thức được giá trị từ việc nhận mạnh các cam kết của một cá nhân vào những nguyên tắc hành xử đạo đức, nguyên tắc của thiện và không có vấn đề giai cấp trong giới tu sĩ. Với tôi, điều đó chẳng có gì là khó chấp nhận. Thà tin tưởng một số giá trị tinh thần còn hơn chẳng tin gì cả. Nhưng những Phật tử ở Qui Nhơn, đã biết anh hai năm trước, cảm thấy thế nào về chàng Mỹ Phật Tử Hòa Hảo mới cạo tóc này?

Tôi chắc chắn Frank hiểu nhiều về Việt Nam hơn bất kỳ người ngoại quốc nào khác, nhưng hiểu 60% chẳng có gì giống hiểu 90% hoặc hơn 90% như anh cho rằng anh hiểu. Một năm trước đây, Frank đã đến và có thể đã tổ chức và huấn luyện ở các tỉnh rất xa Sài Gòn. Bởi thế, tôi nhìn nhận anh biết nhiều về những vùng đất bên trên Nha Trang hơn tôi. Nhưng tình hình lúc này, cuối năm 1965, đã rất khác với những gì chỉ có mới 12 tháng trước.

Đảng cộng sản bắt đầu đưa các đơn vị chính quy từ Bắc vào vùng biên giới miền Trung. Các đơn vị đó chỉ là những đơn vị đầu của rất nhiều đơn vị về sau. Ở Sài Gòn, tuy tương đối tách biệt với mức phát triển một thực tế mới, chúng tôi hiểu tình hình miền Trung đang ở giai đoạn tệ nhất từ trước đến nay. Làm sao người dân Sài Gòn chúng tôi biết về tình hình đáng sợ ở xa chỉ mới xảy ra này? Trước hết, chúng tôi đã quen với việc không nên quá cả tin các tin chính thức từ đài phát thanh và báo chí. Thứ hai, lúc nào cũng có binh lính về phép hoặc bị thương ở các bệnh viện kể lại sự thật cay đắng với gia đình.

Đất nước tôi đặc biệt có nhiều nhược điểm vào lúc đó bởi các vấn đề chính trị bấp bênh bên trong giai đoạn từ 1964 sang 1965. Các vị tướng sảo trá phản bội Ngô Đình Diệm vào tháng 11-1963 đã sát hại chính vị tổng thống từng đeo sao vào cổ áo họ. Rồi chính các vị tướng đảo chánh lại bị một nhân vật mới lên, lúc nào cũng mưu mô là tướng Nguyễn Khánh đưa về Đà Lạt đầu năm 1964. Lúc này, chỉ mới hơn một năm sau, Nguyễn Khánh, một người đủ đoạn thiếu khả năng đã bị đẩy ra khỏi trung tâm chính trường và được tướng Nguyễn Cao Kỳ và tướng Nguyễn Văn Thiệu thay thế. Trong khi đó ở Đà Nẵng và Huế, tướng Nguyễn Chính Thi đang lặng im quan sát. Thật là một mạng nhện mưu mô! Người miền Nam có lẽ đang xây một căn nhà rơm. Và một như bài hát

ru em, con sói to Hà Nội đang tìm cách phá tan căn nhà rơm đó.

Người đàn ông mà tôi yêu say đắm, lúc này đang ở nơi cuộc chiến bành trướng mãnh liệt hơn nơi khác trong nước. Tôi không còn thấy các khuôn mặt quen thuộc trong vòng thân hữu của anh ở vũ trường nơi tôi hát. Tôi tự tranh luận với tôi, và lý luận không có tin ít ra cũng tốt hơn là có tin xấu. Và sau nhiều tuần anh lại trở về ba ngày. Căn nhà nhỏ ở Tân Bình, trước đây cấp cho anh xử dụng đã được cấp cho người khác, khi anh được gửi đi công tác ở phía bắc. Lúc này, khi ở Sài Gòn, anh có một phòng ngủ nhỏ dành riêng ở một khu cư ngụ của sứ quán. Tôi chẳng để ý là chúng tôi ở đâu, chỉ cảm thấy ấm cúng khi lại được nằm cạnh anh lần nữa.

Những tháng 11-1965 đó, Frank trong ảm đạm khác thường. Anh đã giảm cân rất nhiều và ít khi cười. Theo tôi nhớ thì đúng hơn chẳng bao giờ thấy anh cười. Hình như, anh chỉ cảm thấy mái khi tôi hỏi thăm các người bạn đã đi theo anh, người Việt và người Mỹ, một số quen thuộc với tôi, số khác là những người mới. Mới thoáng chốc, tôi có cảm tưởng như mới chỉ vài giờ, anh đã lại lên đường trở lại. Tôi chưa có cơ hội để cho anh biết tôi đã hoàn tất thủ tục ly dị và lúc này có thể tự do thành hôn với anh. Tôi không muốn cho anh cảm tưởng bị ép phải cam kết liên hệ với tôi, và tôi cũng cảm thấy Frank có thể đang trôi xa, ngày càng xa dần tôi và biến mất trong những làn xương cuộc chiến đau khổ. Nếu anh cho phép, tôi có thể là cái neo của anh. Tôi biết với anh, chẳng người đàn bà nào khác có thể sánh với tôi, nhưng tôi chưa đoán trước được các tiếng gọi hân dẫn ma quái: những tiếng gọi thì thầm của những người bạn chiến đấu, một sự mạo hiểm chung và hy sinh cho một lý tưởng cao thượng.

Chúng tôi không gặp nhau, cũng không chia xẻ tình thương trong Lễ Giáng Sinh và Tết 1966. Tôi không nhận được tin nhắn và không hề biết Frank đang ở đâu. Một hôm, tôi gặp một sĩ quan VNCH ở Chợ Bến Thành. Anh bảo Frank đã đem hai người lính bị thương về trạm y tế nơi em anh làm việc ở một nơi nào đó ở Bình Định. Tôi không cầm được nước mắt. Chúng tôi thường nói đất nước cũng như một cái làng, trong đó, trước hay sau gì, bạn cũng gặp người biết gia đình bạn. Nhưng nghe tin người thân có thể đang gặp nguy hiểm qua một người lạ chẳng thể là gì khác hơn cảm thấy đau khổ.

Vào tháng 1, Frank trở lại. May thay, anh lại tìm cách giới thiệu chị Bảy được làm đầu bếp ở căn nhà sứ quán nơi anh được cấp một phòng nhỏ có phòng tắm.

Bởi thế trước khi anh có thời giờ tắm rửa, thay quần áo, tôi đã ở đó với anh. Tuy anh vẫn lặng lẽ như thường lệ về trách nhiệm trong những tháng gần đây, chúng tôi ôm nhau và đối với tôi, khi vòng tay anh đang choàng qua người tôi mọi sự đều cân bằng. Trong vòng vài ngày, anh sẽ chỉ ở quanh Sài Gòn, báo cáo, giải thích rõ hơn, bàn luận họp với các người khác trong ngoài văn phòng. Ngoài khuya mỗi tối, sau khi đã hát ở nhiều câu lạc bộ, tôi sẽ trở về với anh trong căn phòng anh. Tất cả dường như bình thường, bình thường như tình trạng bình thường có thể có khi Việt Nam đang chiến tranh.

Một buổi chiều, anh giải thích với tôi lý do chính khiến anh trở về Sài Gòn là việc có liên quan đến việc tái tổ chức công việc của anh. Tất cả người Việt Nam làm việc với anh được một văn phòng dân sự yểm trợ, nhưng lúc này toàn thể bọn bị chuyển sang làm với lực lượng đặc biệt. Mọi đàn xếp đều đã xong, và đêm đó sẽ có một bữa tiệc tối ăn mừng ở một quán ăn giữa Sài Gòn và Chợ Lớn. Hôm sau mọi người sẽ tản ra, trở lại nhiều địa điểm khác nhau, nhưng Frank hứa sẽ ở Sài Gòn với tôi thêm hai ngày nữa.

Tôi nghĩ hôm sau sẽ là cơ hội tốt nhất để cho anh biết tôi đã có thai với anh trong về thăm vào tháng 11. Tôi đoán con của chúng tôi sẽ nối kết trong tương lai giữa hai chúng tôi vĩnh viễn. Tôi không hề biết đêm đó sẽ là đêm cuối của chúng tôi ở Việt Nam.

Sáng sau, khi chúng tôi vẫn còn trên giường, có tiếng gõ cửa phòng ngủ chúng tôi, và một giọng nói thông báo một người bạn anh, Vann, cần gặp anh gấp. Người Việt gõ cửa đợi ngoài xe jeep trong khi Frank mặc quần áo, hôn tôi hứa sẽ trở lại ngay. Tôi sợ sẽ có việc gì xảy ra, nhưng chưa đầy 1 giờ sau anh đã quay lại.

Tin anh báo thật là ảm đạm. Douglas Ramsey, người giới thiệu chúng tôi khoảng 2 năm trước đã bị bắt trưa hôm trước gần Trung Lập, mé tây bắc Sài Gòn. Frank, Vann và hai nhân viên người việc công tác bên ngoài sẽ đến đó, bằng cách này hay cách khác tìm cách cứu Douglas Ramsey. Với những người khác, đây là hành động điên rồ, nhưng hiểu là hành động phát xuất do tình đồng chí.

Ba ngày đi qua, cuộc sống của tôi trống rỗng trong đau khổ. Tôi gần như chỉ còn thoi thóp. Rồi Frank xuất hiện ở nhà tôi, bần thủ, một mệt, nhìn như một bóng ma của người tôi yêu. Trong nhà đang có bạn tôi, một họa sĩ và hai ký giả, đang ở phòng khách. Frank không chào họ, chỉ cầm tay đưa tôi vào bếp. Anh bắt thần bảo tôi là anh không thể tiếp tục phân đôi người anh để vừa đến với tôi, vừa tham gia cuộc chiến. Anh sẽ không trở lại Sài Gòn để cùng chia xẻ cuộc đời với tôi nữa. Không có thời giờ cho hai chúng tôi, không có không gian dành cho tôi trong thế giới của anh. Tôi lập tức chết sững, ngã xuống sàn, và không thể ngừng khóc. Frank quay người, biến mất.

Nhà tôi như không còn không khí. Má tôi chạy vội đến vực tôi dậy, nhưng tôi không nói được. Frank không để cho tôi có dịp nói một chữ, có dịp nói chuyện, bày tỏ cảm xúc với anh, có dịp để tôi cho anh hiểu sự thông cảm của tôi về nỗi khổ tâm của anh. Anh đã quyết định, hoàn toàn về phía anh, cho anh rồi biến mất. Anh sẽ chẳng bao giờ biết tôi đang mang thai con trai hay con gái anh.

Trong một tháng, và nhiều ngày sau đó, tôi chỉ gần như thoi thóp. Mẹ tôi chăm sóc tôi như một đứa trẻ ốm. Lúc này tôi nghĩ nếu chết cũng chẳng có gì nuối tiếc. Tôi lảo đảo quanh nhà hết gào khóc lại la hét. Tôi ngưng không hát ở các câu lạc bộ Sài Gòn. Ai, trong hoàn cảnh tôi, có thể giúp vui cho người khác bằng những bài, những điệu hát vui? Tôi không thiết ăn uống, xây thai và chìm sâu vào trầm cảm. Tôi sống chỉ còn nhờ tinh thần trách nhiệm đối với gia đình, với ba đứa con đang học ở Đà Lạt, và sự chăm sóc hết sức thương yêu của Má tôi.

Nếu không, tôi chẳng thắc mắc gì về chuyện sống nữa. Tôi không sợ chết. Những dần dần, hết sức từ từ, tôi ổn định lại, và sau nhiều tuần, tuy gầy và mặt bốc bác, tôi lại tiếp tục hát.

Như thế, Frank đã chọn lựa.

Anh chọn cách xa tôi, không cho phép tôi có thể giải bày bất cứ cảm tưởng riêng của tôi. Lúc này, tôi sẽ giết chết tình yêu, xóa bỏ dĩ vãng và chỉ nghĩ về tương lai của chính tôi. Vì anh đã chú ý đến các bạn chiến đấu hơn, bởi thế lúc này tôi không cần lý gì đến anh nữa.

Khoảng ba tháng sau, ở một thời điểm đó trong tháng 4, Frank bất ngờ xuất hiện ở Đà Lạt. Tôi đang bỏ thời giờ ở đó với các

con, đang phục hồi tinh thần, đang tái định hướng cuộc đời. Lúc giữa ngày, tôi cùng Ông Ngoại và một người bạn đang chăm sóc vườn trước sân và cái ao nhỏ. Tình linh và vẫn như thường lệ, Frank xuất hiện. Chỉ hơi mỉm cười một cách vụng về, anh chỉ tay đến chiếc xe vận tải quân đội Việt Nam đã chở anh từ sân bay Cam Ly đến nhà tôi và nói anh đang mang cái máy là nước nóng cho gia đình. Máy làm nước nóng!

Khi anh đang nói, hai người lính từ phía sau xe vẫn tải nhẩy xuống và vát vả hạ một cái thùng to xuống đất bên cạnh đường lái xe vào nhà tôi.

Chỉ vừa vài tuần trước, tôi đã xảy thai đứa con của chúng tôi. Lúc này, tôi cảm thấy tôi muốn quăng anh vào nồi nước sôi hơn là nhận bất kỳ quà tặng nào. Chúng tôi nhìn nhau, với cái nhìn bối rối, của anh và của tôi, nhìn nhau. Ông Ngoại lui lại và bước, đứng về phía sau tôi, như thể để né một lần đạn và người bạn đang giúp chúng tôi mỉm cười vụng về bước sang bên, bối rối, nhưng biết có sự căng thẳng. Frank nói anh thấy tôi đang bận, rồi ngừng lại như thể đợi tôi mời anh ở lại.

Tôi không dễ đưa lời mời đó, hoặc đưa ra bất cứ cử chỉ lưu tâm gì đến việc anh có thể muốn nói điều gì. Bỏ thể nhún vai, cảm thấy cảm tưởng của tôi, và liếc nhìn trời, anh chỉ nói “*À, máy bay đang đợi tôi ở Cam Ly. Xin chào nhé.*” Rồi quay đi, anh leo lên ngòai vào ghế trên xe. Người tài xế quân đội Việt Nam, cùng hai người lính khác đứng nhìn, cũng lên xe, nổ máy và lái đi cùng với Frank.

Tôi lão đảo ngả người về phía sao Ông Ngoại tôi đỡ tôi đứng lên, y hệt thỉnh thoảng ông vẫn làm ngày tôi còn là đứa bé gái ở ấp Trà Vinh hai mươi năm trước. Ông nói nhỏ, “*Đi tìm anh ấy đi.*”

Tôi chạy về trước nhà. Tài xế đi vắng, nhưng tôi biết có một xâu chìa khóa sow0cu đâu đó trong phòng. Khoảng thời gian tìm chìa khóa như kéo dài vô tận và khi tìm được tôi lại ở bên ngoài, xe tôi đậu ngược hướng. Khi chó nhà sủa, tôi quành đầu xe, động cơ máy hạ xuống rồi lại rút lên, banh xe quây bản sỏi về phía sau và tôi lên đường.

Tôi biết chiếc xe vận tải Frank đi, một chiếc xe vận tải cũ, đậu vĩnh viễn ở sân bay Cam Ly để quân đội sử dụng, xe chạy chậm điều đó tốt. Nhưng tôi ở quá xa phía sau, chẳng thấy bóng dáng

xe đâu. Đường đến Cam Ly đi qua Đà Lạt. Tôi hy vọng họ dừng lại vì kẹt xe hoặc vì lý do khác, bất cứ lý do gì, nhưng người tài xế đó đang vội vã trở về trạm xe. Trong khi lái xe rất nhanh trên đường song song với cuối Cam Ly và sân bay ở mé trên kia, gần đến, nhưng chưa đến hẳn, tôi nghe tiếng động cơ chiếc Caribou quân đội đang rú lên chuẩn bị cất cánh.

Tôi lái nhanh hơn, ầu hơn, cuối cùng quẹo nhanh vào đường nhựa khu đậu xe. Xe vẫn tải vẫn còn đó, người tài xế và hai người lính vẫn còn đó, nhưng phía xa phi đạo máy bay đang cất cánh đưa Frank rời xa tôi. Tôi nghĩ, nhưng có lẽ chỉ do tưởng tượng, cửa lên phía sau máy bay mở. Nhưng ngay cả cửa mở, tôi cũng không thể thấy có ai đứng nhìn xuống phi trường. Chỉ vài giây sau, máy bay chỉ còn là một điểm nhỏ trên bầu trời, rồi mất hút.

Con phần nộ và đau khổ kéo dài đã hòa hợp để tôi bị phạm tâm và bịt mắt tôi. Có thể đã có cơ hội để giải thích minh bạch, để chấn chỉnh lại mọi thứ cho đúng, nhưng vào trưa đó, khi anh tìm đến tôi, tôi lại lùi lại cho đến khi quá trễ, và giờ đây Frank lại biết mất tôi chẳng biết đi đâu. Mắt tôi mờ đi, cổ họng tôi nghẹn lại như bị hóc. Tôi cảm thấy nước mắt sắp rơi, nhưng tôi nghiêng rãnh, nắm chặt tay tự kèm chế mình. Tôi có lý do chính đáng để giận dữ, phần nộ với Frank và đồng thời tôi cũng không hiểu nổi phản ứng tình cảm của chính mình.

Một thi sỹ Mỹ đã viết: *Hai con đường dẫn về hai hướng trong rừng, và tôi đã đứng thật lâu,*” hoặc những gì tương tự trạng uống đó.

Tôi đã đứng rất lâu trên sân bay hịu quanh, ước chiếc Caribou sẽ quay lại. Nhưng máy bay không trở lại, sau một giờ đứng đợi, tôi lái xe từ từ về nhà với con tim nặng trĩu.

Chương 9

Điều Chỉnh

Trở về nhà sau một cuộc đợi vô ích ở sân bay Cam Ly, để xe ở sân sau, vào nhà bằng cửa bếp, tôi thấy gia đình đang ở bàn ăn. Khi thấy tôi, cuối nói chuyện củ gia đình tôi nhỏ xuống chỉ còn là tiếng thì thầm sốt ruột.

Không cho ai có cơ hội đặt câu hỏi, tôi nhanh chóng xin mọi người để tôi được yên nghỉ một mình, rồi đi thẳng đến phòng tôi. Nếu có người định chặn lại, có lẽ tôi cũng lách qua để về phòng.

Một mình, tôi nằm trên giường, quàng tay qua cái gối ôm và cứ để mặc nước mắt rơi. Tôi chỉ muốn tát cạn mọi cảm xúc. Sau này, vào ngày nào đó, tôi có thể nghĩ về những gì vừa xảy ra. Lúc này, tôi chỉ muốn băng bó con tim đang rỉ máu.

Tuy thế, tôi không thể dần lòng tự hoi hai chúng tô đã gần sát vấn đề giải tỏa tất cả sự hiểu lầm của đôi bên đến độ nào. Chỉ cần thêm một, hai phút, nếu anh không đi ngay như thế hoặc phản ứng củ tôi có thể nhanh hơn, mọi việc có thể đã khác, nhưng sự may mắn không đến với người thiếu quả quyết.

Tôi khóc không ngừng, như thế chưa bao giờ khóc.

Nhiều giờ sau tôi thức dậy, kiệt lực, nhưng quyết định một bắt đầu mới. Tôi sẽ không bao giờ nghĩ đến tự đồ lỗi cho tôi. Chính Frank là người đã không lý gì đến tình yêu giữa chúng tôi. Anh là người bỏ đi. Tôi sẽ chôn kín trong tâm khảm một kỷ niệm cay đắng là anh đã chọn làm nát trái tim tôi, không cho tôi một cơ hội công bằng để có thể nói, có thể giúp anh đi giai đoạn đen tối. Tôi sẽ không bao giờ gặp lại anh. Trong khi đó, tôi còn bồn phận với gia đình, với các con, với Ba Má. Tôi cần phải giữ cho đầu óc bình thản. Tôi sẽ tiếp tục cuộc sống.

Tôi bỏ hết thời giờ hôm sau để chú tâm vào các con, quyết định tốt nhất nên để hai con trai tôi tiếp tục đi học ở Đà Lạt với thầy, cô và các bạn trong khi tôi sẽ mang Lê Thu, con gái lớn theo tôi về học ở Sài Gòn.

Sáng hôm sau, Má tôi và tôi đi chợ sớm mua rau và dâu tươi rồi chúng tôi lại lên đường về Sài Gòn với cuộc hành trình 6 giờ

bằng đường lái xe.

Tôi tiếp tục thời khóa biểu hát ở các câu lạc bộ, với một khác biệt quan trọng. Những lần Frank hoặc các bạn anh thỉnh thoảng xuất hiện khi trước và những chào hỏi, chuyện trò của tôi với họ cho người thường đến câu lạc bộ và khách của quán ăn thấy rõ tôi đã có quan hệ các nhân với một người đàn ông, và tuyệt đối không thể nói chuyện với ai khác. Lúc này, tôi lại có thể bị các khách hàng khác quấy nhiễu. Nhiều người đi theo tôi từ chỗ hát này đến cho hát khác.

Và đã bị một người Mỹ phụ rầy, thúc thực, tôi đâm ra ghét tất cả người Mỹ khác. Đoạn đời này của tôi quá thật là đoạn đời cay đắng. Sự xoa dịu duy nhất là có người bạn tốt Kim Chi, đã rời Nha Trang về ở với tôi, khuyên tôi nên hành xử bình tĩnh, kiên nhẫn và chú tâm vào sự nghiệp.

Bởi thế, 1966 là năm hết sức đau buồn, chán nản với tương tự. Các vị tướng nhiều tham vọng đã gần sao cho nhau chẳng khác tuồng con nít và trong năm trước đã xô đẩy để dành địa vị lãnh đạo quốc gia thay Nguyễn Khánh, người đã thay Dương Văn Minh... từng là thủ lĩnh cuộc mưu sát tổng thống Diệm.

Lúc này, hội đồng quân nhân được tổ chức quanh Nguyễn Cao Kỳ, một tướng Không Quân và Nguyễn Văn Thiệu, một tướng bộ binh, đã quyết định dẹp bỏ nguyên Chính Thị, vì tướng luôn chỉ trích họ đang là tự lệnh ở vùng Huế - Đà Nẵng. Nhưng không ngờ việc đuổi tướng Thi lại ngược với ý người dân, đặc biệt là những Phật tử, đến độ họ tổ chức nhiều cuộc tình và một số đơn vị quan sự ở Huế và Đà Nẵng biểu lộ bất bình mạnh mẽ. Việt Nam đã tránh được một cuộc nội chiến, nhưng cuộc chống đối ở vùng I chỉ được dẹp với cái giá cực cao của sinh mạng và tướng Thi bị trục xuất khỏi nước để “trị bệnh.” Tôi thấy dường như người Mỹ đồng lõa hoặc có thể chính họ là nhân vật chính đã quấy nhiễu chuyện xảy ra trong đất nước tôi.

Một ngày đầu mùa hạ 1966 chỉ Bảy gặp tôi. Chị nghĩ tôi nên biết Frank đã trở lại Sài Gòn và bị ốm. Chị đã tự hỏi nên cho tôi biết hay nên để chuyện dĩ vãng biến thành dĩ vãng. Cuối cùng chị nghĩ, nếu tôi biết người yêu cũ của tôi đã trở lại, nhưng chị không cho tôi biết, có thể tôi xem chị là một người bạn không tốt. Tôi ôm chị Bảy, nói tôi vẫn biết chị tốt hơn ngạc nhiên. Chị nói, Frank đã ở nhà thương quân đội ở đường Hai Bà Trưng vài ngày,

nhưng lúc này ở phòng cũ của anh tại căn nhà trong khu sù quán nơi chị vẫn đang làm việc. Tôi hỏi chị tình trạng của anh ra sao và nhấn mạnh tôi chỉ muốn hỏi thăm sức khỏe. Tôi không có mục đích gì khác hơn, và fnosi với chị Bảy là tôi sẽ không đến thăm vì như thế sẽ tốt hơn cho cả đôi bên. Chị Bảy nhìn tôi có vẻ hơi nghi ngờ nhưng gật đầu ra về.

Nhiều ngày trôi qua.

Tôi chẳng còn lý gì đến Frank nữa, đã vứt bỏ được mọi sự, sẽ không hạ mình đến thăm. Nhưng dần dần, sau khi tự thuyết phục không nên để ý gì đến Frank nữa, tôi quyết định mình phải là người vượt trên con người của Frank và vì thế sẽ đến thăm anh như một người bạn cũ. Nhưng trong khi tôi chần chừ và thuyết phục tôi về bản chất tốt của con người tôi – tốt hơn anh – mọi sự lại thay đổi. Anh đã lại lên đường đi xa lần nữa. Chị Bảy khẳng định chị không nói với anh chị đến gặp tôi. Anh đã hồi phục một và chỉ hai ngày trước đã gói mọi thức, chẳng có gì nhiều, vào cái bao lớn của lính và một ba-lô lên xe jeep đi với tài xế.

Xong, xong, thế là xong.

Tôi cảm thấy nhẹ nhõm và buồn, chỉ hơi buồn. Nhưng tôi biết không còn chướng ngại trên con đường tôi đi nữa. Những ký ức nặng nề không còn là gánh nặng.

Tôi tiếp tục nhìn người Mỹ một cách cây đặng. Chuyện này không dính dáng gì đến việc mất cơ hội để tôi và Frank có thể đến với nhau. Tôi tự hỏi tại sao lại có quá nhiều người Mỹ ở Sài Gòn? Tại sao họ có vẻ quá tin tưởng tự đề cao họ? Tại sao họ hành xử quá hỗn hào? Và quan trọng không kém, tại sao họ không ở ngoài chiến trận mà lại ở Sài Gòn? Người người ngoại quốc này ở Sài Gòn làm gì? Ai quyết định người nào sẽ chiến đấu và người nào có quyền hưởng thụ? một câu hỏi cũ, thực sự vẫn là một câu nhiều người Việt Nam vẫn hỏi.

Có một điều tốt theo sau những hỗn loạn chính trị mùa xuân 1966. Như một cách để làm dịu mức rối rắm chính trị, các nhân vật lãnh đạo quân sự hứa sẽ có một hội đồng đại biểu được giao nhiệm vụ soạn thảo hiến pháp. Khi bản hiến pháp mới, thay thế cho bản hiến pháp cũ đã bị đình chỉ vì việc ám sát tổng thống Diệm, được soạn thảo xong, bản hiến pháp đó được giới lãnh đạo quân sự bàn bạc, ngoại trừ việc xoáy vào vấn đề bầu cử các tỉnh trường, bản hiến pháp được chấp thuận và được định áp dụng vào

năm sau.

Tuy là người trình diễn, một ca sĩ há tnhajc tình buồn, sự chú tâm củ tôi vào sự việc đang xảy ra trong nước vẫn đều đặn. tôi muốn tin chúng tôi đã “*đi qua khúc quanh*” từ tình trạng gần sụp đổ năm 1965 đến một cam kết có một chính phủ hiến pháp, có trách nhiệm và đáp ứng nhu cầu dân chúng.

Sài Gòn đang có nhiều biểu hiện hậu quả của một thủ đô giữa lúc chiến tranh. Những người di tản, những dân quê trốn chạy đại pháo và oanh tạc, trốn chạy cướp bóc của cộng sản, sống trên các đường phố Sài Gòn, các con hẻm và ở vài mảnh đất trước đây là đất trống ở thành thị. Nhưng tuap lêu, rồi những cái chòi, lúc đầu chỉ tạm bợ, về sau trở thành vĩnh viễn, lan ra bất cứ nơi nào có thể được. Tiền mướn nhà tăng, không chỉ vì số người Mỹ và lính đồng minh gia tăng không chỉ vì số người Mỹ lính đồng minh gia tăng mà còn vì những gia đình khá giả từ thông quê về thành phố để tìm sự an toàn. Lăn đàn tiên có thể thấy không khí ô nhiễm vì xe nhà binh di chuyển gần như liên tục. Sài Gòn là trung tâm điểm của những xa lộ di chuyển một số lượng lớn lính và quan dụng từ điểm này đến điểm khác. Một số cây đẹp bị đôn để mở rộng đường giúp giao thông dễ dàng hơn, tuy vẫn chậ chạp.

Bất kể khó khăn, các quán ăn vẫn đông trở lại và những cửa hàng đông đảo người Việt. họ đang cảm thấy an toàn vào lúc này và tin, không hẳn hoàn toàn vô căn cứ, bá tkeer phức tạp, với một số người chúng tôi, tương lai có vẻ sáng sủa hơn. Việc tiếp tục hát của tôi đã đem lại đủ chi dụng cho tất cả chu cầu gia đình, nhưng hai con trai tôi, và Ba Má tôi, vẫn ở Đà Lạt. Mỗi tháng tôi về Đà Lạt khoảng 2 hoặc 3 ngày, thường là bằng đường xe hơi, và ngoài việc mặt đường xa lộ 20 có một số nơi bắt đầu hư hỏng, chúng tôi không thấy nhiều thay đổi. Những tảng đá lớn chồng chất lên nhau từ thời đồ đá vẫn nằm yên ở Định Quán chưa bị ảnh hưởng gì vì cuộc chiến hiện đại của con người. Những đồn điền trà và cà phê quanh Bảo Lộc và Di Linh ở Lâm Đồng vẫn có vẻ lạng lẽ.

Không giống thứ phủ nhiều tỉnh khác. Đà Lạt đã tránh thoát hầu hết căng thẳng từ cuộc chiến. Người ta phải tìm kỹ mới thấy những người có thể là người bị nạn chiến tranh ở các tỉnh xung quan. Lúc đó, tôi nghĩ có thể chẳng chú ý gì mấy, nhưng biết đâu có thể có một thực tế ám đạm hơn. Bắt đầu chính quyền ở vùng này đã có một thoả hiệp nào đó để dành riêng bầu không khí Đà

Lạt cho những kẻ có đặc quyền. Biết đâu cộng sản cũng có các lợi ích riêng cần thành phố đó được bảo vệ?

Tôi cố bắt mình quên quá khứ, sống với hiện tại và luôn nhìn về tương lai: quên đi ảo tình yêu và chỉ nghĩ về các con. Quyết tâm của tôi bị thử thách một lần, chỉ vài tháng sau vào mùa xuân 1967. Tôi đang đi với người bạn tin cẩn Kim Chi trên đường Tự Do về hướng một tiệm sách tôi thích. Khi đi qua tòa bin-đình Quốc Hội, chúng tôi thấy Frank và một người bạn đang đi về hướng chúng tôi, khoảng cách quá gần, không thể tránh né. Nhanh chóng, ra tay trước, tôi vờ gọi như thể thực sự vui mừng, *“Ô kìa... hình như Frank Scotton, nhưng không thể là vậy được! Vì anh có bao giờ về Sài Gòn đâu!”*

Frank Scotton trông như một người ăn trộm bị bắt quả tang, nhưng rồi anh nói bằng giọng nhỏ đến độ tôi và Kim Chi phải cúi người về phía trước, lắng tai nghe anh phải đưa một người bạn, mới bị bệnh lao tuần đó và phải rời Việt Nam. người bạn anh, người tôi đã nhớ từ hai năm trước, cao, gầy như một cao bồi, buồn bã gật đầu và khẳng định anh đã nhớ Frank Scotton đến Sài Gòn để hứa khi anh khỏi bệnh, Frank Scotton sẽ thu xếp cho anh trở lại Việt Nam. Bởi thế, cảm thấy hơi bối rối, vì nghĩ tôi đã lột mặt nạ được người yêu cũ, lại chỉ thấy anh đi cùng một người chiến sĩ lãng mạn khác, tôi gật đầu và tiếp tục đi với Kim Chi.

Cô khúc khể cùi chỏ trái vào tay phải tôi và khuyên tôi *“Quành lại, chỉ một lần, chỉ lần này thôi. Chỉ nói với anh ta bạn nhớ anh ta, chúc anh mọi sự tốt đẹp, xem anh phản ứng như thế nào.”* Tôi liếc mắt nhìn cô và trả lời cả hai chúng tôi, Frank Scotton và tôi, đã qua giai đoạn lãng mạn và có cử chỉ thân ái. Nếu cần phải hòa thị người bắt đầu phải là anh ta, người đã đâm vào tim tôi, chứ không phải tôi tỏ vẻ quy, lụy vì anh. Bởi thế, như những con tàu ở biển của thi sĩ Longfellow, chúng tôi hững hờ vượt qua nhau trong mùa xuân đó trên đường phố Sài Gòn.

Chiến dịch bầu cử giữa năm 1967 rất háo hức, không phải chỉ vì người Việt Nam đã bị cai trị quá nhiều năm dưới các thể chế không dân chủ mà còn vì nhiều người trong chúng tôi tin có một cơ hội để thay đổi quan trọng. Về phía Mỹ, vì đại sứ độc tài cabotge, nhà quý tộc mù tịt về chính trị Việt Nam đã hủ hộ cuộc đảo chánh 1963, hoan hô cuộc đà áp ở Đà Nẵng thay vì ủng hộ thỏa hiệp đã vĩnh viễn rời Việt Nam. Đại sứ Ellsworth bunker, người

thay thế ông cũn là một người quý tộc, nhưng ít ra có vẻ thỉnh thoảng chịu lắng nghe người Việt.

Các cuộc bầu cử 1867 có nhiều đặc điểm. Dĩ nhiên, có một ứng cử viên quân nhân. Tướng Nguyễn Văn Thiệu là ứng cử viên tổng thống và người đồng nghiệp bướng bỉnh của ông là ứng cử viên phó tổng thống, nhưng cũng có các ứng cử viên dân sự dù là các ứng cử viên khắp khểnh do thiếu tài nguyên. Dân biểu ứng cử hạ viện có thể là những ca nhân, tổng khi ứng cử viên vào thượng viện phải cùng ra ứng cử trong một liên danh mười người. Một người đáng kính trong một liên danh ứng cử thượng viện đã yêu cầu tôi tham gia vận động. Nhưng có các người khác cùng liên danh của ông mà tôi nghĩ không nên ra ứng cử. Và theo nếp văn hóa Việt Nam, tôi nghĩ cách hay nhất là nên tránh việc ủng hộ công khai.

Xã hội Việt Nam là một xã hội lấy gia đình làm trung tâm. Khía cạnh tích cực của đặc tính này là sự vui lòng hy sinh cho gia đình. Khía cạnh tiêu cực và khó khăn hơn là tự kèm chế, không thể xảy ra bất cứ việc gì có thể hơn thượng hoặc làm một quan điểm của thiểu số. Tiêu cực hơn nữa, người ta có thể tính toán lợi lộc đối với gia đình. Tôi nghĩ đa số bao nhiêu chỉ nhằm hợp lý hóa các chuyện. Tôi nghĩ đa số bao biện chỉ nhằm hợp lý hóa các chuyện lợi dụng địa vị. Và lợi dụng địa vị là vấn đề tham nhũng thường xảy ra: *“Tôi làm việc đó vì gia đình, chứ không phải chỉ cho các nhân tôi.”*

Hết tháng này sang tháng khác, khi không về Đà Lạt xum họp với các con, tuy đôi khi vẫn đau khổ vì mất liên hệ với người tôi nghĩ sẽ là bạn đời, tôi vẫn hát, hát, và hát.

Tôi yêu nhạc, nhưng như một thứ lao động kéo dài, quá nhiều nơi trình diễn, quá nhiều giờ mỗi đêm, là hậu quả việc tôi là nguồn tài chính duy nhất không chỉ cho chính gia đình tôi mà còn cho cả những thân thích của gia đình. Một số người khác, như người cậu đã lái xe đưa tôi từ chỗ hát này đến chỗ hát khác, hiển nhiên cần tiền cho dịch vụ đó. Nếu ông không giúp, tôi sẽ phải mượn người khác và có lẽ người đó còn không có tinh thần trách nhiệm bằng ông.

Nhưng ững có một số họ hảng xa, có thể khác nhiều, cứ xin xỏ Má tôi các khoản tiền và bà thấy chẳng thể chối từ.

Tôi nghĩ không ai tổng gia đình hiểu được các áp lực tình cảm

và thể lực khiến tôi gần ngã quy vào tháng 11-1967. Tôi cảm thấy đau trong và quanh những sợi dây thanh quản. Uống dầu đau cổ và nước trái cây, chuối và sầu riêng, vẫn không đủ xoa dịu mức khó chịu. Việc trình diễn của tôi bị ảnh hưởng và tinh thần tôi xuống dốc. Tôi đi chẩn bệnh, bác sĩ nói cần giải phẫu. Ngày nay, phương pháp mổ bằng rô-bô và quan tuyến đã tiến xa đến độ việc giải phẫu lúc đó của tôi chri là cuộc giải phẫu nhỏ, không có gì đáng ngại. Nhưng 50 năm trước, việc cắt bỏ các vết u nhỏ ở thanh quản không phải giải phẫu nhỏ. Tôi hết sức lo lắng và sợ hãi, vì vết thương vĩnh viễn không lành hoặc giải phẫu không thành công, gia đình tôi sẽ hoàn toàn đổ vỡ tài chánh.

Kim Chi, người kiên tâm ứng bộ tinh thần khác thường ngồi cạnh giường tôi, kể các chuyện tếu giúp tôi cười, khi với tôi việc nói vẫn còn nhỏ khăn. Hai uấn luyện viên ở trường võ bị tôi quên cũng đến thăm và đề nghị tôi nên về Đà Lạt vài tuần để hồi phục cùng gia đình không khí tươi mát. Lời khuyên của họ nhanh chóng trở thành ý định của tôi.

Tôi lo lắng về số tiền trị bệnh phải trả và việc cần có tiền trang trải những chi dụng của gia đình. Một người đến thăm khác đã giúp tôi và việc đó tôi vẫn nhớ với lòng biết ơn. Ralf Jonson thường đến nghe tôi hát ở các vũng trường. Ông luôn thân thiện nhưng không bao giờ nghĩ đến tôi có thể trở thành người gần gũi ông. Về sau, tôi gặp lại ông như một người bạn của Frank. Lúc này ông đến thăm tôi ở nhà thương và sau khi những người đến thăm khác đã ra về, ông nhất định bắt tôi phải nhận một phong bì đầy tiền để trả tiền trị bệnh ở nhà thương. Tôi không nhận. ông giải thích món quà tặng không phải chỉ của riêng ông: Những người khác nhớ các bài hát tôi trình diễn cũng đã đóp góp gửi tặng tôi. Họ chẳng mong đền đáp gì ngoài hy vọng tôi chóng phục hồi. Chẳng biết hành động rộng lượng này là của riêng ông hoặc thực sự do ông đại diện cho một số người khác, tôi vẫn rút nước mắt cảm ơn.

Khoảng 3 tuần sau, tôi là người tài xế không thể thiếu, đã có thể lái xe về Đà Lạt trong khi Kim Chi ở lại Sài Gòn. Lúc này giữa tháng 12 và năm giữa những núi, Đà Lạt ban ngày mát mẻ, ban đêm lạnh. Những cũng có một cơn lạnh sờn tóc gái loại khác. Một tuần trước, một lực lượng thám thính của chính phủ, điều tra một tiền đồn bị tràn vào ở phía nam Đà Lạt phục kích. Vị cố vấn

cao cấp Mỹ, những người Mỹ khác và nhiều lính Việt Nam bị giết. Đây là biểu hiệu lực lượng chưa từng có của cộng sản ở Đà Lạt. Tôi lo lắng, nhưng không quá lo vì dần dần bắt buộc chúng tôi cũng phải nếm mùi những gì các nơi khác đã phải gánh chịu.

Đầu tháng 1-1968, sự hồi phục của tôi dường như hoàn tất và tôi hát bình thường trở lại, trong và quanh vùng Đà Lạt. Xum họp với gia đình dịp lễ Giáng Sinh là một thời gian tuyệt vời. Một chuyện điều tốt đẹp cho đến một tối, vài ngày trước lúc tôi trở về Sài Gòn, Ba tôi chú ý thấy có nhiều người mặt đồ đen đi về hướng tỉnh. Đường họ đi gần con suối nhỏ sau nhà tôi. Chúng tôi cẩn thận xem lại và khóa chặt tất cả khóa cửa, then cửa sổ. Sáng sau, chúng tôi thấy chó của chúng tôi bị đánh thuốc độc.

Tôi nghĩ toàn thể gia đình phải về Sài Gòn ngay. Nhưng Ba Má tôi cho phản ứng của tôi quá cực đoan. Đây là Đà Lạt! Bởi thế, tôi vẫn giữ nguyên thời khóa biểu và, vài ngày lên đường, sau khi ôm hôn vào chào các con, tôi trở lại Sài Gòn. Tuy thế, tôi hết sức lo lắng, vì cái tỉnh tôi cho là bất khả xâm phạm có lẽ không còn êm ả, yên tĩnh, và thoát khỏi phạm vi cuộc chiến như khi trước. Hơn nữa, khu vực sát nhà tôi có một vùng đất là tài sản của tòa lãnh sự Pháp và một vùng đất khác được quân đội Mỹ thuê làm một khu tùy viên quân sự nhỏ.

Trở về Sài Gòn, với sự phụ giúp của Kim Chi, tôi chuẩn bị thời khóa biểu cho cuộc trình diễn ở những vũ trường và các buổi tiệc dành cho dịp Tết sắp đến. Những lễ hội mở mà bắt đầu vài ngày trước, và tôi được yêu cầu trình diễn rất nhiều ở cả những buổi ăn mừng đặc biệt lẫn thời khóa biểu trình diễn thường xuyên ở các vũ trường. Khi quá 12 giờ đêm gia thừa, thời, thời khóa biểu trình diễn ngày đó của tôi hoàn tất! Quá mệt mỏi, tôi đề nghị Kim Chi và tài xế lái xe đi quanh thành phố xem mọi người đón xuân trước khi về nhà. Một năm mới đang bắt đầu, năm Khi, thường được cho là biểu tượng của sự nghịch ngợm, tinh ranh.

Ác ôn thay, biểu tượng đó lại thành sự thật.

Khi vừa quẹo qua con đường đất dài dẫn đến nhà chúng tôi gần đường Trương Minh Giảng, chúng tôi thấy xác một người hàng xóm, hai chân bị trói vào đầu một cột điện, người buông thõng xuống một cách quái đản và thô bỉ. Tôi có chứng cứ ngay trước mắt để tin không phải tất cả âm thanh tối đó đều là tiếng pháo.

Tết 1968, Việt Cộng tấn công khắp nơi trên toàn quốc. Nếu có

một tỉnh nào đó vẫn hoàn toàn yên tĩnh thì đó là tỉnh tôi chưa được biết. Má tôi nói với tôi qua điện thoại, ngạc nhiên thay, điện thoại vẫn không bị cắt. Bà báo cho tôi biết các con tôi ở Đà Lạt vẫn an toàn và trường học vẫn nguyên vẹn, nhưng lính cộng sản xâm nhập vùng chợ và tự do qua lại trong tỉnh hai ngày trước đó, như cơn bão gió mưa rồi cuối cùng giảm dần. Kim Chi, quê ở Huế được các bạn cho biết tỉnh nhà bị cộng sản chiếm. Lính Mỹ đang chiến đấu với cộng sản ngoài đường phố trong khi lính Việt Nam phòng thủ các cứ điểm tại cổ thành.

Sài Gòn tê liệt. Các quán ăn và vũ trường đóng cửa, Đường phố hoang vắng, mọi người đóng chặt cửa trong nhà, bảo vệ gia đình. Trừ khi đang tham gia chiến dịch đẩy lùi lực lượng cộng sản khỏi thành phố, đa số người Mỹ đều ở luôn trong các nhà mướn và những nơi cư trú quân sự. Những người chỉ huy, điều hành cuộc tấn công của Hà Nội có thể mong mỏi, hoặc chỉ muốn nâng cao tinh thần lính Bắc Việt, khi nói cuộc tấn công Tết Mậu Thân sẽ thúc đẩy cuộc tổng nổi dậy, nhưng chẳng có cuộc nổi dậy ở bất cứ tỉnh nào. Những chuyện xảy ra cho thấy cuộc tổng tấn công lệ thuộc phần lớn vào các đơn vị tấn công đã đóng quân trước, những kho tiếp liệu đã được chuẩn bị trước và cộng sản không bị chỉ điểm. Sự kiện cũng chứng tỏ có quá nhiều người dân vẫn khoanh tay, không thực sự ủng hộ phe nào.

Không khí sợ hãi và tê liệt bao phủ Sài Gòn khiến các quán ăn và vũ trường đóng cửa, tắt đèn. Không thực phẩm chính đồng thời tăng giá. Sự nguy hiểm khi di chuyển qua các đường chính của các tỉnh, khiến giá cả sinh hoạt tăng vọt. Chỉ ít ngày sau, tình hình trở thành tuyệt vọng, vì nhiều hộ hàng xa của Ba Má tôi đã quen sống dựa vào tiền thu nhập của tôi. Tất cả đều cạn sạch tiền. Tôi hết sức đau buồn vì không giúp gì được những hộ hàng đang nương tựa vào tôi.

Lúc này, ngạc nhiên và mừng thay, một số người Mỹ thường đi theo tôi từ nơi hát này đến nơi hát khác và ngay những người đôi khi hành xử thô bỉ, thỉnh thoảng theo tôi về nhà, khiến tài xế phải khóa ngay cổng sau khi vào, gần như ngược, đến những hộp đồ ăn ở các trạm bán hàng cho quân đội, bấm chuông, vẫy tay chào và ra về. Bản tính con người quả là lạ: Đôi khi cực xấu, đôi khi tốt đến ngạc nhiên.

Chúng tôi chia xẻ mọi thứ với hàng xóm, không chỉ vì thực

phẩm người Mỹ đem lại nhiều hơn như cầu của gia đình tôi mà còn vì chia xẻ là một bước thận trọng cần thiết để tránh mức ghen tị có thể gây cảm phần. Dù đã có sự giúp đỡ, có thực phẩm đưa đến tận cửa, tôi vẫn thiếu tiền chi dụng cho học phí, tiền phụ cấp giúp Ba Má, tiền trả các tài xế và người giúp việc gia đình.

Sắp đến lúc phải mượn tiền với giá cho vay cắt cổ, bỗng có một người Mỹ hay quấy nhiễu tôi trong quá khứ ngỏ ý muốn mượn tôi làm phát ngôn viên cho đài phát thanh Radio Freedom, đài phát tin Viet Nam do người Mỹ trả tiền và điều hành là đài hoàn toàn chống cộng.

Michael Brown, trước đây là một người khác ở câu lạc bộ, một người khách tìm mọi cách để lấy lòng tôi, muốn mượn tôi làm phát ngôn viên và thỉnh thoảng trình bài các bình luận. Lúc này ông tha hồng ngồi sau phòng phát thanh lên mặt. Tôi bắt cần. Ông đã bước ra giúp đỡ, và gia đình tôi được lợi.

Nhiều tuần sau, khi an ninh tỉnh cải thiện nhiều và được tăng cường thêm các trạm kiểm soát, giờ giới nghiêm gia tăng, Sài Gòn bình phục, các xa lộ lại mở và rau quả được trở về các chợ. Các quán ăn, rồi vũ trường nhanh chóng mở cửa lại. Một tối, Ralf Jonson, người bạn tốt cùng đi với một người Mỹ khác xin được ngồi với tôi ở một bàn bên cạnh chỗ trình diễn, nơi ca sĩ thường ngồi đợi đến phiên mình trình diễn. Anh nói có vẻ khẩn cấp và mạnh mẽ là tôi nên thực sự suy nghĩ tìm cách đưa gia đình ra khỏi Việt Nam. Tôi hỏi ngược lại “*Sao phải làm thế vào lúc này? Sao anh nói có vẻ quá chắc như thế? Tình trạng an ninh đã tốt hơn. Cộng sản đã rút lui khỏi các thành phố và các tỉnh rồi!*”

Anh nói hãy nhìn điều xảy ra ở Huế, nơi cộng sản giết hàng trăm người bị bắt trước khi rút lui, và chuyện rút lui của cộng sản hẳn không là vĩnh viễn. Anh cho nếu bị bắt, chắc chắn người như tôi sẽ không được đối xử tử tế hoặc công bằng. Hơn nữa, anh nói thêm, Ba Ma tôi vvaaf các con tôi sẽ phải khốn khổ vì sự lệ hệ của họ với tôi. Rồi Ralf cười, nói sẽ có nhiều người Mỹ muốn lập gia đình bảo đảm lo được cho toàn thể gia đình tôi. Ralf đứng dậy, vỗ vai tôi cáo từ. Chúng tôi không hề gặp lại. Nhiều thập niên sau, tôi được anh lập gia đình ới thiếu nữ trẻ làm việc cho sứ quán Mỹ. Tôi tin anh chắc chắn sẽ là một người chồng có trách nhiệm như đã từng là một bạn tốt với nhiều người khác.

Tôi cảm thấy tôi chưa sẵn sàng để nghĩ đến việc rời khỏi Việt

Nam. Tôi ngần ngại về việc phải mang gánh nặng của Má tôi 20 năm trước khi bà tổ chức cuộc chạy trốn cho gia đình từ Sài Gòn về Trà Vinh. Nhân định có nhiều người đàn ông sẵn sàng cứu giúp tôi là một nhận định trọng. Một nhân viên cao cấp lớn tuổi có đường dây làm ăn với các người thầu nhờ cuộc chiến để làm tiền qua việc thầu các cảng, các nhà kho, xây cất đường xá, sân bay, các dịch vụ thông tin chiến tranh, cho tôi biết riêng là vợ ông ốm nặng, sẽ không sống được lâu. Ông ngỏ lời muốn đưa tôi sang Hồng Kông, cấp nhà cao, cửa rộng và tiền bạc để tôi tiêu xài “thả cửa” và sẽ lập gia đình với tôi khi hoàn cảnh cho phép. Nhưng việc ông chẳng lưu tâm gì đến gia đình tôi, mô tả lạnh lùng về vợ ông và chỉ đưa ra sự giàu sang vật chất hơn tình cảm, khiến tôi nghi ngờ.

Một người Mỹ trẻ tên John tỏ vẻ yêu tôi say đắm, và theo tôi nghĩ, có vẻ thật lòng. Anh hứa sẽ đưa các con tôi và tôi sang Mỹ, chăm sóc các con tôi với tình thương không khác tình cảm anh dành cho tôi. John cũng tỏ vẻ lo lắng tương tự Ba Má tôi, tôi vẫn không cảm thấy hoàn toàn tin tưởng. Cũng như Ba Má đã không bỏ lại tôi năm 1945, lúc này tôi không muốn bỏ Ba Má tôi lại. Bởi thế, tôi tạm thời giắc lo sự ngỏ lời của John, bảo cả hai chúng tôi sẽ nghĩ về vấn đề này trong khi anh quay về Mỹ.

Trong khi đó, một số thương gia Tàu khởi đầu một vụ làm ăn thành công về vụ trứng cút. Có hai thương gia đề nghị cung cấp chim cút mái cho tôi và hứa sẽ mua trứng của tôi để bán cho các quán ăn. Căn nhà của chúng tôi dọc thei nhánh sông Trương Minh Giảng không lớn, nhưng cả gia đình có thể cùng phụ giúp nuôi cút. Một người Mỹ vẫn bám theo tôi đi hát hứa tìm cho tôi một máy ấp trứng để nở ra thêm nhiều cút hơn, nhờ đó lượng trứng sẽ tăng theo cấp lũy thừa. Không lâu sau, chúng tôi có quá nhiều cút đẻ trứng. Cút sinh sản ở các lứa sau càng nhiều đến độ Má tôi và Kim Chi than phiền chúng tôi đang chết ngộp vì long cút cút. Chúng tôi làm được nhiều tiền trong vụ cút này. Tiền nhiều quá, Má tôi phải gói tiền trong các bao gạo cũ, giáo trong tủ.

Tôi đem một số cút cho những người đàn bà trong xóm. Tôi quyết định tôi không sờ vào lông, trứng gì nữa và dùng số tiền kiếm được vào một công việc ít “thối” hơn. Vài tuần sau, cũng như vụ dịch hoa tulip ở Âu Châu khi trước, giá cút trứng bắt đầu

rớt vì thặng dư. Tôi thả những con cút còn lại, nhưng chúng cứ quay lại nhà cho đến khi một số sống sót trở thành món ăn cho gia đình chúng tôi và hàng xóm.

Tôi mở một cửa tiệm dưới phố, dùng tiền kiếm được trong vụ cút và số tiền mượn để mở Trung Tâm Thu Bổng Kim Vui. Chúng tôi cung cấp dịch vụ thu âm, sao nhạc, in nhạc. Một công ty hợp tác cho phép khách photocopy, bán giấy in và máy in nhập cảng. Tôi tin xây dựng một nguồn lợi tức ổn định, không liên quan gì đến việc nuôi chim cút, sẽ giải quyết vấn đề tài chánh của gia đình.

Vì quen mặt tôi, một số “dân vỉa hè,” đa số vô gia cư, bắt đầu tụ tập gần cửa ra vào. Lúc đầu tôi cho họ một ít tiền mua thức ăn, và chỉ xin họ tránh ối cho khách ra vào. Đa số đều là các cụ già lớn tuổi. Nhớ lại những cụ già hàng xóm đã làm bạn với tôi ngày còn bé, và những người đã giúp tôi lúc Ba tôi đuổi tôi khỏi nhà khi tôi có thai lần đầu, tôi chẳng thể không chú ý và giúp đỡ họ.

Khi một cụ già trong số đó chết, Má tôi và tôi đã giúp tiền chôn cất. Tôi cũng chẳng phải thiên thần, nhưng khi người khác gặp khó khăn, bạn có thể ngoảnh mặt hoặc giúp đỡ. Tôi chẳng thể ngoảnh mặt.

Chương 10

Trôi Nổi

Thật bất ngờ, đầu mùa hạ 1968, một công ty trình diễn quốc tế, gửi đại diện đến gặp tôi vào một tối sau khi trình diễn ở khách sạn Majestic, hỏi tôi có muốn tham gia một buổi trình diễn đặc biệt ở Las Vegas dành riêng cho các tài năng Á Châu không. Tôi chú ý ngay, vui lòng đồng thời lo lắng. Đà bà cùng đi xa với người lạ dù trong số người lạ đó cũng có nhiều người là đàn bà, vẫn phải thận trọng. Cô bạn thân nhất Kim Chi và Má tôi thận trọng đồng ý để tôi cùng đi với đoàn trình diễn, vì cho đây có thể là liều thuốc chữa lành sự buồn bã vẫn tâm ỉ trong tôi. Vì chương trình này được chính phủ chấp thuận, gia thông hành và chiếu khán được chấp phát rất nhanh. Vài sau đó trôi qua trong nháy mắt như cuốn phim chiếu với tốc độ nhanh. Một số chúng tôi lên đường sang Tokyo để đến Mỹ!

Tôi biết một ca sĩ Việt Nam trẻ Bạch Yến, có giọng ngọt ngào là người khiêm tốn và cũng là người miền nam như tôi, đã từ Pháp sang Mỹ vài năm trước. Bạch Yến đã trình diễn ở Las Vegas trên sân khấu và ti-vi. Nhưng Bạch Yến còn ở ngoại quốc đang ở một nơi nào đó ở Pháp hoặc có lẽ vẫn ở Mỹ. Không có cơ hội nói với Bạch Yến, tôi chẳng biết phải mong đợi gì. Bởi thế, Las Vegas, ngay cả 50 năm trước, vẫn là một bóng ma hải hùng.

Tiếp tục đầu tiên của tôi với thành phố này là ánh sáng rực rỡ: những ánh đèn nhấp nháy nhấp nháy, sáng lóe, rực rỡ màu sắc. Cảm giá thứ hai là bị bao phủ, vì những đám đông, thực sự là bị rút vào giữa chỗ hàng bà sa số, dày đặc người, trên vỉa hè, quanh và trong các lâu đài thú vị, tất cả điều di chuyển cuồng loạn, như những con kiến đang chạy đi chạy lại. Trừ những người đang ngồi chơi bài, chơi xúc xắc hoặc đang chú tâm kéo cần các máy đánh bạc, tất cả người khác đều di chuyển không ngừng. Cảm giá thứ ba để lại một ấn tượng mạnh mẽ Las Vegas là một thành phố của nước hoa và các thú mua vui nhục dục. Bên trong và bên ngoài các tòa lâu đài bài bạc đầy đàn bà sẵn sàng đón khách. Những gì có thể xảy ra ở chỗ tôi hơn, ít có người lui tới hơn là

điều tôi chẳng thể tưởng tượng nổi. Chợt nghĩ về tuổi thơ của tôi ở khu Sài Gòn - Chợ Lớn, nơi hoạt động của tổ chức tội phạm, nơi Bình Xuyên vừa là cảnh sát vừa tham gia hoạt động bài bạc, thuốc phiện, đĩ điếm, tôi cho những tay gia hồ của Việt Nam ngày trước có lẽ sẽ sững sờ vì tầm mức làm ăn hợp pháp của Las Vegas trước việc thủ lợi qua sự sa ngã con người.

Cuộc trình diễn giới hạn của chúng tôi là một phần chương trình gói gọn đã được thu xếp để trình diễn khiến tôi sững sờ. Có thể 50 năm trước cũng đã có những nơi trình diễn có cấu trúc tinh vi và vĩ đại hơn, nhưng tôi chưa được thấy. Nhớ lại ký ức xa xăm từ xưa, tôi nhớ khu khách sạn hiện ra rất giống một tổ ong với sự di chuyển liên tục và một tiếng ù ù không ngừng có thể là âm thanh từ một đoàn loa bao quanh nhưng cũng có thể chỉ là âm thanh do sự di chuyển của hàng loạt khách đang hóa hức. Tôi nhớ mơ hồ về một trần nhà bằng kính và cảm giác sợ hãi vì trần nhà có thể rơi xuống nếu kỹ thuật kiến thiết chưa đủ chuẩn hoặc vì rung chuyển nếu có động đất. Ấn tượng của tôi là một sự lấp lánh, nhưng ngầm chiếm hiểm nguy. Tôi không hề nghĩ đến độ tương tự giữa Las Vegas và nhóm Bình Xuyên.

Tôi có cảm tưởng dự án trình diễn Las Vegas này là một dự án thăm dò, một thử nghiệm phân ứng của khán giả. Màn trình diễn của tôi gồm một bài ca lính Mỹ ưa thích, “*Love is a Many-Splendored Thing – Yêu là một thứ Muôn Màu Rực Rỡ*” được khán giả đứng lên vỗ tay đến độ làm tôi giật mình, cũng như lần trước đây, kỳ còn trẻ hơn nhiều, tôi đã làm lần cho đó là tiếng khán giả la ó, chê bai. Sau khi được giải thích, tôi yên trí và thoải mái hát lại lần nữa bài tôi vừa hát như khán giả yêu cầu. Cùng lúc đó, băng nhạc Count Basie cũng đang hơi ở Las Vegas.

Đoàn trưởng của tôi nói Basie từng nghe tôi hát và có thể đề nghị tôi trình diễn cùng với băng nhạc của ông, nếu tôi có thể chuyển từ các bản nhạc pop sang nhạc jazz. Tôi không chắc có thể chuyển đổi như thế không và bất cứ hợp đồng nào cũng sẽ phải là một bản hợp đồng tôi đã ký khi sang Mỹ. Người đoàn trưởng cũng giải thích thêm cần một thủ tục xin thêm thời hạn để theo đúng đòi hỏi của giấy thông thành và chiến khán. Vì chỉ sống trong thế giới tách biệt Sài Gòn, tôi chưa được biết dạng tiếng của Count Basie. Nhưng tôi được giả thích trình diễn với băng nhạc của ông có thể xem như cùng lúc trúng nhiều xổ số

của Las Vegas. Tôi xin được xem bản sao của thảo hợp đồng như đã sửa lại, để có thể gọi điện thoại nói chuyện với Má tôi. Tôi muốn nói với bà không chỉ riêng vì thận trọng. Thực sự thì tôi hoàn toàn bối rối, không biết phải chọn lựa cách nào cho thận trọng. Tôi không phân biệt được cơ hội tốt và vấn đề có thể có sự lợi dụng.

Phải khó khăn lắm mới có được đường dây điện thoại, và khả năng Anh ngữ giới hạn của tôi không đủ để hiểu thấu ngôn ngữ phức tạp của bản hợp đồng, nhưng Má tôi đã giúp tôi quyết định.

Bản hợp đồng được sửa lại có vẻ đem lại lợi lộc tài chánh cho trưởng đoàn hát nhiều hơn cho tôi. Mỗi liên hệ, nối kết với ông Basie có vẻ mơ hồ và mong manh. Dù sao thì tôi vẫn có thể bị bỏ rơi, chơ vơ ở một đất lạ, nơi tôi chỉ biết lồm bồm ngôn ngữ và chẳng có ai bảo vệ. Má tôi sợ chấp thuận hợp đồng sẽ là ký cả cuộc đời vào tay người khác. Bà đề nghị trước tiên tôi nên bỏ ra một tháng để tham quan nước ỹ và suy nghĩ về việc tôi có cảm thấy thoải mái ở một vùng đất lạ không. Sau đó, tôi nên trở về Việt Nam để quyết định.

Trước đây, một thanh niên trẻ tên John đã đề nghị kết hôn với tôi trước khi anh rời Việt Nam. Lúc đó tôi đã trả lời anh là thay vì quyết định hấp tấp, cả hai chúng tôi nên dành thời giờ nghĩ kỹ lại. Lúc này, tôi nghĩ tôi có thể tin tưởng anh đủ để cùng anh tham quan nước Mỹ.

John nhận điện thoại của tôi và vẫn đang theo đuổi tôi, anh báo nhân cơ hội đang ở Mỹ, anh muốn mời tôi đến thăm gia đình anh ở Key West. Tôi có thể đến ở với mẹ anh. Nhưng trước tiên, anh đề nghị, chúng tôi nên gặp mẹ anh. Nhưng trước tiên, anh đề nghị, chúng tôi nên gặp ở Washington DC, vì đây là cơ hội lớn để thăm thủ đô của Mỹ. Đề nghị là đề nghị rất hay mà tôi chưa nghĩ đến. Tôi có một người bạn tốt ở Virginia. Sự hiện diện của bạn tôi sẽ giúp tôi tránh được chuyện John có thể nghĩ tôi sẽ về ở chung với anh. Bởi thế, không ân hận và cảm thấy nhẹn nhõm, tôi rời Las Vegas, nơi tự do phóng đảng, bay về Washington, trụ sở của một chính phủ tuy quyết nhất trong thời đại chúng tôi.

Tôi đã liên lạc với Lang Miller, cựu chủ nhân vũ trường Kon Tiki ở Sài Gòn và em Trần Thị Hoà, người niên năm trước cùng đi với tôi khi tôi hát từ trình diễn này đến ới trình diễn khác, khi

tôi đan gphari chịu diển này đến nơi trình diển khác, khi tôi đang phải chịu đau khổ vì chồng hành hạ, đánh đập. Tôi luôn có giấu các vết thương trên thân thể và vết thương lòng, nhưng Hòa đã cầm tay tôi và khóc cho tôi. Tôi tin tưởng Hoà và vì vậy tin tưởng Lan, em Hòa, một người lấy chồng người Mỹ và định cư ở Virginia.

Lang đón tôi ở phi trường National. Trong một ngày lạnh, có nắng, khi đến gần sông Potmac, một khách ngoại quốc như tôi được chiêm ngưỡng những toa bin-đỉnh vĩ đại, phần lớn là đá trắng, trải quanh phần đất nhiều có mé bắc con sông rộng. Tôi nghĩ về Washington trụ sở của chính quyền Mỹ như thành phố của một đế quốc, vì cũng như Rome hoặc Luân Đôn trong các thế kỷ trước, dù hay hoặc dở, những chính sách và quyết định đưa ra ở đây sẽ được quốc quia lệ thuộc hoặc phụ thuộc, những quốc gia mặc nhận uy quyền của Hoa Thịnh Đốn chấp thuận và án dụng.

Người Việt Nam chúng tôi chẳng thể không quen thuộc với cách hành xử của đế quốc Trung Hoa trong nhiều thế kỷ trước. Sợ chuyện đó lại tái diễn trong tương lai, chúng tôi nhận ngay ra được các khuôn mẫu quen thuộc trong cách hành xử Mỹ, bất kể là nguy trang hay phát xuất từ hảo tâm. Xin đừng vội cho so sánh phân tích của tôi là vô căn cứ. “Đèn xanh” của Mỹ cho phép có cuộc đảo chánh quân sự 1963 dẫn đến việc ám sát tổng thống Diệm là một thí dụ đau thương rõ ràng và chắc chắn còn có nhiều trường hợp khác nhau như quyết định đổ quân của Mỹ 1965 và bắt đầu từ 1968, các chi tiết bí mật đã bị lộ về cuộc hòa đàm Ba Lê để chấm dứt chiến tranh.

Nhưng vào mùa hạ đó, những lo lắng cấp thời của tôi nằm trong phạm vi và cá nhân hơn. John ở khách sạn trong khi tôi là khách của gia đình Lang. Chúng tôi cộng thêm John vào tất cả chương trình hàng ngày. Thời khóa biểu của chúng tôi tuần tuý là du lịch, nhưng gồm cả các sinh hoạt chiều và tối. Các sinh hoạt đó được Lang đề nghị, nhưng do đại sứ Bùi Diễm và phu nhân làm chủ tọa. Bùi Diễm đã được tổng thống Thiệu chỉ định đại diện Việt Nam Cộng Hòa ở Mỹ. Ông hơn tôi 15 tuổi và sinh trưởng trong gia đình lưu ở miền Bắc. Trước đây ông đã là một chủ báo thành công ở Sài Gòn. Tại buổi tiệc hôm đó, phong cách ứng xử của ông đáng nể và ông hết sức hiếu khách. Có thể 40 năm về sau

ông không còn nhớ tôi, nhưng tôi vẫn nhớ trong ông có vẻ mệt mỏi và có vẻ hơi buồn bã. Đại diện cho một quốc gia lệ thuộc ở thủ đô của một đế quốc hiển nhiên là việc khó dù là ở Rome như một cổ sử hoặc một đế quốc có háo ý như Washington DC. bên bờ Potomac.

Trước khi rời Washington DC., chúng tôi đến thăm Nghĩa Trang Quốc Gia Arlington và mộ tổng thống John Kennedy. Đây là nơi thiêng liêng, nơi an nghỉ của những người đã phục vụ Hoa Kỳ đến hơi thở cuối cùng. Tôi nghĩ về sự đối xứng đang buồn giữa tổng thống Diệm và tổng thống Kennedy, hai vụ ám sát chỉ cách nhau vài tuần. Và tôi không khỏi nghĩ đến cha của Frank, nằm ở một nghĩa trang quân đội Âu Châu nào đó, cũng tương tự nghĩa trang quân đội Hoa Kỳ.

Vài ngày sau, John và tôi bay về Key West. Rời phi trường National ở Washington DC., tôi không hề có tiên cảm dù chỉ là tiên cảm xa vời rằng nhiều năm sau tôi sẽ sống và làm việc ở vùng Washington DC.

Key West, địa điểm đến của chúng tôi, nếu nhìn qua bản đồ là vùng nằm sâu về phía Nam tiểu bang Florida. Mẹ của John, theo tôi nhớ, tên Olga, là một người ân cần và gần như háo hức chào tôi. Sự ân cần thật lòng quý. Điều này xóa hẳn sự áy náy trong tâm tôi vì sợ làm phiền bà về chuyện ăn, ngủ.

Chúng tôi giao quanh nhiều nơi mua sắm, dùng thuyền thăm một hòn đảo nhỏ khác, rồi đi thăm thành phố Miami. Tuy nói vòng vèo về đề tài hôn nhân trong vài ngày, John và tôi vẫn chưa có quyết định thoải mái về vấn đề hôn nhân. John đã đề nghị kết hôn với tôi ở Sài Gòn, theo đuổi tôi đến Đà Lạt, khi chúng tôi vẫn chưa tiếp xúc nhiều chứ chưa nói gì đến chuyện hiểu nhau. Tôi cảm thấy thoải mái với John, như một người bạn và tôi thường thức mỗi ngày ở Key West, thậm chí một ngày nào đó những hải đảo ở ven biển Việt Nam, cũng với vị trí hấp dẫn tương tự, có thể là những địa điểm hấp dẫn du khách.

John có một người em sinh đôi, và khi em đến thăm, cả hai thích chí trêu, chọc tôi trong bữa ăn. Cả hai mặc y phục như nhau và bắt tôi đoán người nào là John. Trò chơi đó, hoạt kê vào lúc đầu, nhưng rồi lập đi, lập lại cuối cùng có vẻ khó chịu vì sự bối rối của tôi là trò cười cho họ. Và khi suy nghĩ lại mọi sự, tôi có

cảm tưởng việc đề nghị kết hôn của John ở Key West không hợp với tôi.

Tôi trở về Việt Na. Sau vài tháng, tôi nhận thư của John báo tin đã có người tình là một y tá và sẽ kết hôn với cô, nhưng sẽ không bao giờ - anh viết - quên tôi. Nhưng các trang giấy đã viết tôi cũng không hề quên anh và sự tốt bụng của mẹ anh.

Trở lại Việt Nam là cảm giác tuyệt vời. Tôi không tự hỏi liệu tôi có đòi hỏi quá nhiều khi tìm đường thoát khỏi Việt Nam qua một người Mỹ không. Dù gì đi nữa, vào cuối năm 1968, miền Nam Việt Nam dường như có vẻ ổn định. Các đơn vị Việt Cộng tấn công đã phải gánh chịu tổn thất đau thương. Các hoàng hốt trong cuộc tấn công Mậu Thân tan biến. Có vài vụ tấn công khủng bố, như quả bom đặt ở vũ trường Tự Do, nhưng nhiều người tin các hành động đó thực sự biểu hiện tuyệt vọng của công sản.

Các cuộc điều đình ở Ba Lê vẫn diễn ra với mục đích chấm dứt cuộc chiến giữa Nam và Bắc Việt Nam. Đồng minh Mỹ là người điều đình chính cho phe chúng tôi. Cam kết sinh mạng và tài nguyên của Mỹ đã vĩ đại đến độ người Việt chúng tôi tin Mỹ vẫn cương quyết đòi hỏi có một miền Nam độc lập. Ngoài vài trường hợp ngoại lệ, đa số bạn tôi đều tuyệt đối tin tưởng Mỹ. Bởi thế, thay vì nghĩ sâu thêm về việc tìm cách chạy trốn ra ngoại quốc để tìm an toàn, tôi chuyển hướng quan tâm vào vấn đề tìm cách ổn định tài chánh cho gia đình, cho Ba Má và các con tôi, trong tương lai ở ngay tại miền Nam Việt Nam.

Khi lên đường sang Mỹ, tôi đã giao lại việc quản trị hãng thuê băng và hãng in, hai hãng tôi đã tư tất cả tiền lời có từ vụ bán chim cút, cho Lương, người chồng cũ tôi đã ly dị hơn 3 năm trước. Tuy anh đối xử vũ phu với tôi và phá hỏng cuộc hôn nhân, nhưng vì anh là Ba của Bảo và Khải, tôi cho tôi có thể tin tưởng anh sẽ làm việc đàng hoàng vì ít nhất anh cũng phải có trách nhiệm với các con. Nhưng có tiền bạc trong tay cảm dỗ, Lương không tự kềm chế được mình. Anh dần dần phung phí tiền bạc vào các bữa tiệc rượu, bài bạc với bạn bè. Khi tiền lãi không đủ, anh bắt đầu bán hifi ảnh, giấy in trong kho và cuối cùng bán luôn cả các máy in cần có để kinh doanh. Tôi đã hy vọng Ba Má tôi sẽ hãm lại phần nào không vấn đề tụt hốt của việc làm ăn. Nhưng lúc này, tôi nhận ra đã quá trễ vì lỗ hổng tài chánh quá sâu. Ba

tôi có thể và có lẽ vui lòng về chuyejn bê bối ăn cắp của Lương xảy ra để thu lợi, trong khi Má tôi lại né tránh không muốn trực tiếp đụng độ với Ba tôi.

Sự xuất hiện bất chợt của Frank càng làm rối bù thêm mức tính toán tôi đang cố xoay sở để gỡ gạc, bủ cho các mất mát, chấn chỉnh sai lầm và tìm cách làm ăn khác. Một sáng cuối năm 1968, tôi bị cô bạn Kim Chi kéo gỏi đánh thức, bảo tôi *“Anh ấy trở lại, đang đợi dưới nhà.”*

“Ai?”

“Frank!”

“Bảo anh ấy về đi.”

Nhưng Kim Chi trả lời người khách là vấn đề của tôi. *“Đáng nhẽ bạn phải nói cho anh ta rõ từ lâu anh ta nên ở hay đi, nhưng bạn lại không tỏ rõ thái độ và cứ để anh ta đến đi tùy tiện.”* Kim Chi nói tiếp *“đừng tưởng bạn có thể núp trên này. Anh ấy đậu xe jeep chắn ngay lối ra vào, và chúng ta sẽ chẳng đi đâu được cho đến khi bạn kết thúc câu chuyện với anh ta.”*

Như thế, chẳng đề ý đến chuyện ăn mặc lịch sự cho người khách tôi đã từng yêu với cả con tim, vài phút sau tôi bước xuống nhà. Kim Chi biến vào bếp, vừa né tránh không để dính líu vừa né tránh luôn cả việc phải mục kích các chuyện không hay.

Frank đang đứng thẳng và tôi ngồi vào chiếc ghế xa nhất chỗ anh đứng. Anh hỏi tôi có thời giờ để nói chuyện không. Anh tỏ ra tự tin, như bao giờ và đang hỏi ý kiến, như thể câu trả lời của tôi có thể khẳng định đối với anh. Tiếc thay, sự tế nhị tìm đến với nhau thế này đã không xảy ra nhiều năm về trước. Thời điểm lúc này đã quá trễ, cho tôi, cho anh, và vì thế cho cả hai chúng tôi. Đây là câu trả lời của tôi, là lời nhắn gửi của tôi với Frank.

“Nếu 3 năm trước, anh nói chuyện với em, thực su cởi mở, sẵn sàng chia sẻ tình cảm như lúc này, chắc chắn em đã chọn sống với anh và chỉ riêng anh. Nhưng anh chưa bao giờ cho em, cho chúng ta, một cơ hội. Giờ đây anh muốn biết em có thời giờ để nói chuyện không. Nhưng em biết điều anh muốn giải thích là những lý tưởng lãng mạn của anh về cuộc chiến ở đất nước em. Như một bonh ma ở Đà Lạt trong quá khứ, anh chợt biến, chợt hiện. Anh có thể bị bối rối, nhưng anh không thể khiến em bối rối, dù chỉ một chút. Đừng, đừng hỏng. Trở về với các bạn anh đi, với những người suy nghĩ như anh, với những người anh chọn

sống chung sâu trong rừng, trong ấp, thay vì để dành dù chỉ một chút thời gian cho em. Vâng, anh đã chọn lựa sự chọn đó từ lâu, lâu lắm rồi. Lúc nào anh cũng là người chọn lựa chứ không phải em. Nhưng hôm nay, em là người chọn lựa, và em quyết định cho chính em, chứ không phải cho anh. Anh về đi. Đừng bao giờ nghĩ đến em nữa. Về đi.”

Chành tình nhân mắt xanh gầy gò của tôi gật đầu, như thể lời tôi nói đúng là những điều anh đã đoán trước, và anh yên lặng đi về phía cửa. Bỗng anh dừng lại, quay nhẹ về phía sau, nói “*Mọi sự không đơn giản như em nói, như em nghĩ đâu. Anh không bao giờ quên em, Kim Vui ạ.*” Anh bước sải vài bước, rồi lên xe jeep, lùi ra khỏi lối đi và vì anh đang nhìn về phía sau, anh không thấy tôi khóc. Tôi không cầm được nước mắt. Trong nhiều năm sau tôi thường xuyên nhớ lại giây phút đó. Tôi thật sự khóc cho cả hai chúng tôi, vì chúng tôi không bao giờ nên chia tay.

May mắn cho suy nghĩ và cảm xúc của tôi, chỉ trong vài tuần tôi đã bắt đầu làm việc với hai cuốn phim trong đó tôi đều thủ vai nữ diễn viên chính: *Cuối Mặt* và *Thương Hận* là hai cuốn phim với chủ đề chống cộng.

Cuối Mặt mô tả một người cộng sản trở về với chính phủ Sài Gòn qua chương trình *chiêu hồi*, phản ánh một phần các chương trình Dân Sự Vụ hay Công Dân Vụ tôi đã tham gia hơn 10 năm trước.

Trong Thương Hận, tôi đóng vai người đàn bà cứng cỏi, đứng đầu một nhóm cộng sản bị thương và bị bắt. Cô được chữa trị, được chín quân đội kẻ thù tiếp máu. Trong cuốn phim đó, cuối cùng người đàn bà Việt Nam can đảm từ bỏ chế độ cộng sản! Cả hai cuốn phim đều bị đòi hỏi rất nhiều lực vì tôi chưa bao giờ đeo khi giới thiệu có đoạn tôi phải vác vũ khí nặng. Một đoạn phải phải diễn lại nhiều lần, tôi trằm mình dưới sông để gắn chất nổ vào cầu trong khi phải né một con rắn không hề có trong phim!

Hiển nhiên là sau 1975, đảng cộng sản chiếm miền Nam Việt Nam bằng quân sự, tất cả bản sao của các cuộc phim đó đều bị phá hủy. Tôi nghĩ ngày nay, chẳng thể nào tìm được một cuộn phim đó. Nhưng năm 1969, còn 6 năm nữa mới đến thời điểm đối với tất cả người Việt Nam thực sự hiện diện. Người cộng sản sẽ phản ứng thế nào về các cuốn phim là điều tôi chẳng bao giờ nghĩ đến. Điều quan trọng, nhất là với gia đình tôi, hai cuộc phim

đó sẽ mang lại số tiền cần thiết để chúng tôi có thể vực dậy việc kinh doanh của hãng in và hãng thuê thanh.

Ảo ảnh về chuyện đi tìm một chỗ an toàn ở Mỹ nhạt dần, phần vì mức độ cấp thiết về việc đó đã giảm một năm sau thời điểm Tết Mậu Thân, và phần khác là vì tôi kết luận khó thể tìm được một cách đào thoát gồm cả Ba Má tôi lẫn các con tôi. Để giải khuây giữa các đợt trình diễn liên tục, tôi cỡi ngựa gần trường đua cũ ở Sài Gòn và tập bắn cung trở lại — Vâng, và đôi khi tôi có hình dung khuôn mặt Frank lồng vào khuôn mặt mục tiêu!

Tôi khước từ các lời mời tham gia Circle Sportif của giới nhà giàu ở trung tâm Sài Gòn, vì nghĩ đó là nơi lui tới của các thực dân ngày trước và là một nơi của các kẻ ăn chơi, trụy lạc. Các người cỡi ngựa ở câu lạc bộ Hippique là người thực sự đề tâm vào việc cỡi ngựa và không có ý tưởng lãng mạn nào khác. Nơi đó tôi tìm được sự yên tĩnh.

Khi tôi gặp lại Frank nhiều tháng sau đó, may mắn cho anh là tôi không thêm theo cung tên! Tôi đang lái xe trên đường Lê Văn Duyệt từ phố về, một đường quanh đẽ về nhà,, bỗng thấy Frank trước mắt như đang đi theo chú ý trong đầu. Tôi không tìm được cảm giác lái xe vượt lên phía trước và đậu xe để quay lại chào người vẫn ám ảnh tôi trong những lúc mơ màng và trong những giấc mộng về đêm. Frank ngừng lại, rồi dừng dưới một bóng cây bên vệ đường. Tôi đến gặp anh ở đó. Trưa đó anh nói, anh đang trên đường đến một văn phòng ở tít mé trên đường Lê Văn Duyệt. Đây là một chuyến cuộc bộ dài, nhưng là một chuyến cuộc bộ thích thú.

Tôi hỏi anh đã ở đâu kể từ sau cuộc nói chuyện giữa chúng tôi nhiều tháng trước. “Ở Đài Loan!” Anh trả lời, “Đôi khi trở lại Việt Nam, rồi sẽ đi một nơi nào đó chừng một năm. Nhưng không thực sự xa Việt Nam thường xuyên khi cần.”

Có một sự nhận mơ hồ thông thường về chuyện anh đến một nơi nào đó, và rồi có ai đó gọi anh trở lại, tuy việc ai gọi anh trở lại và anh cần trở lại để làm gì, chưa bao giờ rõ. Rồi hai chúng tôi cùng yên lặng. Quá khứ cùng chia xẻ đang lùi xa dần, như nước thủy triều đang rút dần ra khỏi bãi cát bất thần, quá nhanh chóng.

Còn gì mọi người chúng tôi có thể nói? Tôi chỉ biết hỏi, không phải để kéo dài câu chuyện mà với tò mò thực sự, “Anh sẽ xa Việt

Nam khoảng bao xa?”

Anh trả lời *“Ở Borneo qua ngã Singapore,”* rồi anh khiến tôi cũng sờ bằng một câu chẳng ăn nhập gì với chuyện đang nói là anh sắp kết hôn với một thiếu nữ anh gặp ở Đài Loan, cô ta vừa mới sinh con trai.

Tôi nghe chẳng tim mình tập và máu tôi dường như đang thoát ra theo các tĩnh mạch, dồn hết xuống chân. Có thể tôi đã lão đảo. Tôi muốn thét lên, nhưng tim lại. Một cơn giận bùng lên cùng nỗi đau: *“Con trai! Và còn đưa con tôi của anh với tôi thì sao! Đưa con tôi mất vì anh bỏ đi, bước sâu vào cuộc chiến, không hề nghĩ đến, và không hề bận tâm suy nghĩ chút vào, về tôi?”*

Thay vì phản ứng bằng các sự kiện thật thà nhất đó, tôi nói dối và trả đòn. *“Ồ, em cũng sắp kết hôn, với một kỹ sư Mỹ đang có hợp đồng làm việc ở Sài Gòn.”* Câu nói đó có thể lừa anh, nhưng chẳng xoa dịu tôi tí nào. Câu trả lời vội vã của tôi là sự lừa dối cố tình và có thể là hành động nhỏ để xoa dịu phần nào các vết thương, nhưng chắc chắn không thể là liều thuốc chữa lành các vết thương đó. Nhưng khi anh gạt đầu, ghi nhận sự giả dối đó, tôi thầm nghĩ *“Rồi đây, tôi cũng sẽ kết hôn, một ngày nào đó và với tất cả kỹ sư Mỹ quanh Sài Gòn chắc phải có hơn 1 người tương xứng.”*

Trong một, hai hoặc ba phút, chúng tôi cùng đứng, quên bằng mọi sự xung quanh. Tôi có thể chờ anh đi một quãng đường và chúng tôi có thể nói chuyện thêm, nhưng ý nghĩ đó đã bị gạt sang bên vì anh nói đang *“thích thú cuộc bộ.”* Tôi không muốn nghe lời khước từ nhã nhặn đó, nếu lại là lời khước từ một lần nữa.

Tôi hỏi anh có tin gì về Douglas Ramsey, người bạn giới thiệu chúng tôi 6 năm trước ở Đà Lạt, người đã bị bắt và biến mất từ lâu không? Chính sự kiện đó dường như đã đầy chàng tình nhân Frank của tôi thành một kẻ ngoài lề. Về mặt và câu trả lời của Frank thật ảm đạm. Anh bảo Douglas Ramsey đang ở một nơi nào đó gần biên giới Cam Bốt cùng vài tù nhân khác. Tất cả bọn họ thường bị duy chuyển từ trại này đến trại khác nên chưa bao giờ có vị trí đích xác.

“Thôi, chào em nhé!” Frank nói trong anh có vẻ buồn bã, như chính anh mới là người đang chịu nỗi đau. Hoặc giả đó chỉ là tưởng tượng của chính tôi?

Cuối cùng, chỉ giản dị như thế, anh xoay mình là một lần nữa

bước. Tôi đứng đó, từ mình vào gốc cây, nhìn bóng anh nhỏ dần, khuất vào những khách bộ hành đang đi lại ở phía xa. Khi không còn thấy anh, tôi mới cả thấy nỗi đau thực sự. Con đau cực đỉnh chắc chắn có liên quan đến một phần thể xác. Con đau khiến tôi gạt thở. Tôi cảm thấy gần như không thể thở, mắt gần như chẳng nhìn thấy gì. Con đau tột đỉnh không chỉ nhói trong con tim một lần nào đã yêu mà còn sâu tận xương, xuyên vào tủy. Chân tôi xum xuống và vì mới tựa vào thân cây, người tôi tuồn dằng xuống và vì mới tựa vào thân cây, người tôi tuột dần xuống đất. Một cụ già đi ngang hỏi tôi có sao không. Tôi trả lời tôi không sao, chỉ nghỉ khoảng vài phút thôi. Lại thêm một lời nói dối cho một ngày khốn nạn. Nhưng sau một lúc, mặc những cái nhìn chòng chọc của người qua lại trên đường, tôi đứng dậy, tuy lão đảo, vẫn cố gắng đến được chỗ xe đậu để vào xe.

Như thế, chúng tôi đã nói chuyện, không phải như nhiên lần chuyên trò những năm trước, nhưng là lần cuối, và tôi đã biết điều vượt quá mong mỏi hoặc từng tưởng tượng. Tôi luôn nghĩ tình yêu của chúng tôi sẽ là mãi mãi, nhưng giờ đây tôi hiểu mãi mãi chẳng bao giờ là khoảng thời gian dài hoặc là một hằng số như chúng ta hy vọng. Cuối cùng Frank đã ra đi thực sự, vĩnh viễn vượt khỏi tầm nhìn, bất kể ra đi để mọi sự tốt hoặc xấu hơn, đó vẫn là một sự ra đi toàn diện.

Chương 11

Chân Trời Tím

Sau cuộc gặp gỡ ngoài đường đó, tôi ném mình, trần mình vào công việc. Tôi thực sự gia tăng thời khóa biểu trình diễn. Tài xế cứ đưa tôi từ câu lạc bộ hoặc quán ăn này đến một câu lạc bộ quán ăn khác. Mỗi nơi tôi chỉ hát 3 hoặc 4 bài, không hát hơn và không hát lại bài hát dù có yêu cầu. Tôi kiệt lực mỗi lần về nhà đến độ Má tôi và Kim Chi phải đưa tôi vào giường. Má tôi sợ sự kiệt liên tục có thể ảnh hưởng cổ họng, và tôi buộc phải trở lại nhà thương. Dần dần, tôi giảm thời khóa biểu điên rồ của những cuộc trình diễn không ngừng.

Đầu năm 1970, tôi được giải thưởng nữ tài tử hạng nhất Việt Nam, giải được các hãng phim chấp thuận và được tổng thống Nguyễn Văn Thiệu trao tặng. Nhiều năm trước, khi ông còn là một tư lệnh chiến trường, tôi đã gặp tổng thống Thiệu và phu nhân Rạch Giá. Bởi thế buổi lễ trao giải diễn ra trong không khí thân thiện và kính trọng. Một số quan sát viên đã ngạc nhiên thấy chúng tôi nói chuyện với nhau khá lâu. Một số người tham dự bình luận với nhau, tỏ vẻ rõ công việc của tôi, nói tôi đang bắt đầu làm việc với cuốn phim mới *Chân Trời Tím* rồi.

Chân Trời Tím là cuốn phim tốn kém tài chánh “vĩ đại” đầu tiên của Việt Nam, là cuốn phim đầu tiên được quay hoàn toàn bằng kỹ thuật phóng đại CinemaScope và kỹ thuật hình màu Eastmancolor. Số lượng tiền chi dụng cho phim vượt quá khả năng đơn lẻ của mọi hãng sản xuất hoặc làm phim. Do đó nhiều hãng phải cùng hợp lại, bắt tay để đầu tư việc làm phim. Việc các hãng phim lớn cùng hợp tác có nghĩa là sẽ có tranh luận giữa họ với nhau về vấn đề lựa chọn tài tử. Trong danh sách tài tử có thể được chọn để trở thành nữ tài tử chính của *Chân Trời Tím*, có ít nhất là hai nữ tài tử khác, một nữ tài tử đã bắt đầu mua trước y phục để đóng phim. Cuối cùng sự chọn lựa tôi, theo như đạo diễn Hoàng Hoa nói với tôi, là sự lựa chọn đồng thuận của một nhóm đặt tiêu chuẩn trên vấn đề quyết rũ giới tính và vì danh tiếng của một ca sĩ vũ trường truyền cảm có vẻ phù hợp với nhân vật trong

phim. Mĩa may thay, trong *Chân Trời Tím*, tất cả bài hát tôi trình diễn lại trình bài quay giọng hát Lê Hiền, một ca sĩ có giọng trong, phù hợp với dụng cụ âm thanh.

Tìm tiết phim đượ rút từ cuốn tiểu thuyết thịnh hành với tựa về vẻ đẹp chân trời tím thắm giây phút cuối của hoàng hôn. *Chân Trời Tím* là chuyện nhạy cảm với tôi, vì vai tôi đóng là một ca sĩ vũ trường trong khung cảnh Sài Gòn yêu một quân nhân cam kết với đồng chí chiến đấu, bởi thế cả hai đều bị dọa và kiếp sống khốn khổ song hành tách biệt. Bí mật tương đồng từ tính tiết phim với nỗi éo le trong cuộc sống của tôi là căn bản đau khổ cho diễn xuất với cảm xúc thực sự từ đáy tim. Trong phim, tôi diễn cảnh, “*Khỏa thân nửa người*” đầu tiên trên màn ảnh phim Việt Nam, vì phim đòi vai chính phải phải làm mẫu cho nghệ sĩ vẽ khỏa thân. Người vẽ tranh là nữ họa sĩ Thượng Thị Thịnh, và bức họa của cô tựa như bức danh họa, “*La Maja desnuda*” thế kỷ 18 từ họa sư Goya. Tôi đang giữ bức họa đó, bức họa đã dùng trong cuốn phim. Bức được tôi treo ở phòng khách. Người người khác đã xin phép được mua bức tranh. Tôi luôn trả lời “*Có thể một ngày tôi sẽ bán, nhưng tôi không biết khi nào.*”

Hoàn cảnh niền Nam Việt Nam mùa thu và mùa hạ đó có vẻ không căng thẳng như 5 năm hoặc ngay cả 2 năm trước. Tôi nghĩ các buộc bầu cử ba năm trước đã thực sự đặc được căn bản cho quốc dân hay đa số dân chúng tham gia chính phủ. Vâng, vẫn có vấn đề chẳng hạn như, tổng thống Thiệu đã đặc nhiều mục tiêu quá cao trên một số khía cạnh, nhưng báo chí chống đối, đại biểu quốc hội thượng thị sĩ đều có tiếng nói, bởi tất cả bạn tôi ở Sài Gòn đều tin cái mà chúng tôi có ở Miền Nam hiển nhiên tốt hơn hẳn chế độ độc tài, động đảng cộng sản, dù là cộng sản quốc gia. Một vấn đề tiêu cực, có vẻ đi ngược với tiến triển là việc bắt giam tổng thư ký Hạ Viên Trà Ngọc Châu. Nhưng nhiều người đã lên tiến ông sẽ được, và ắt hẳn rồi đây sẽ được thả. Ngoài ra, còn có cả một cuốn phim độc lập, *Đất Khổ*, về người nghệ sĩ và nhạc sĩ nổi tiếng Trịnh Công Sơn, mới bắt đầu dựng với chủ đề chống chiến tranh. Chẳng có bất cứ thứ gì tương tự tiếng nói hoặc phong trào này được lộ dạng dưới chế độ cộng sản cai trị ngoài Bắc.

Môi trường sống, kinh tế, xã hội và chính trị đều có vẻ ổn định, nhưng tôi vẫn hơi sợ vì biết việc các đơn vị quân sự Mỹ đang tiếp tục rút đi sẽ phơi bày nhiều yếu điểm của Miền Nam.

Để bù đắp sự vắng mặt của những tiểu đoàn và trung đoàn đồng minh, quân đội Miền Nam, nhất là bộ binh, sẽ phải bảo vệ mọi nơi và như thế sẽ phải trải ra quá mỏng. Tôi tự hỏi để tổ chức một lực lượng chiếu thuận có thể phản ứng kịp thời, chẳng hiểu miền Nam có đủ tài nguyên không? Sự rút đi của quân đội Mỹ có khiến một số chính khách Mỹ cho Việt Nam không còn quan trọng như lúc đầu khi Mỹ mới vào nữa không? Bởi thế, tuy ngoài mặt Việt Nam yên tĩnh, tôi vẫn tiên cảm có thể, một sự có thể gần như hiển hiện, sẽ có song gió.

Tôi đã thả trôi cuộc đời theo cuộc sống, nhưng giờ đây giác quan thứ sáu khiến tôi nghĩ lại về chọn lựa của gia đình tôi. Ít ra cũng có thể có ít chao đảo trong đất nước. Khi cần, tôi phải “*có lối thoát*” cho bản thân, cho các con, và cho Ba Má tôi. Lúc này, nhờ cuộc gặp gỡ tình cờ ngoài phố, tôi đã thực sự cắt rời với chàng tình nhân mắt xanh trong quá khứ. Tôi có thể thận trọng xem xét người ngoại quốc đang theo đuổi tôi ở các vũ trường và ở các nơi tiếp cận. Việc xem xét của tôi diễn ra gần như thế những người tôi từng trình diễn thứ mỗi khi sắp ký hợp đồng quảng cáo, ca nhạc hoặc diễn thử mỗi khi sắp ký hợp đồng quảng cáo, ca nhạc hoặc diễn xuất trong phim.

Có vẻ có vô số nhân viên cao cấp sứ quán và doanh nhân hào hứng tuyên bố yêu tôi, muốn đưa tôi ra nước ngoài để cùng hưởng hạnh phúc mãi mãi. Nhưng khi thấy phải gách vách thêm ba đứa con tôi, gần như tất cả đều khựng lại. Đề cập đến Ba Má tôi dường như dập tắt nụ cười rực rỡ trước đó của họ.

Một người theo đuổi tôi thường xuyên, Robert Henry, cam kết mang theo các con tôi khi đưa tôi ra khỏi Việt Nam, và hứa sẽ đưa Ba Má tôi rời Việt Nam nếu một ngày nào đó chuyện trở thành cần thiết. Robert làm cho một hãng thầu lớn. Tôi nghĩ có thể là Pacific Architects and Engineers. Công ty đó cũng giống các công ty khác, hãng của Robert Henry đã có hàng trăm nhân viên Mỹ khác ký hợp đồng với hãng, Robert Henry, được trả lương hậu, được ở một căn nhà đầy đủ tiện nghi của hãng. Robert Henry luôn nói năng thuyết phục và tôi tin lời anh hứa sẽ không bỏ rơi gia đình tôi. Để thử tính tình của Robert Henry, tôi dọn vào nơi anh ở. Cảnh sống ở đó khác hẳn những gì tôi đã quen, nhưng có thể chịu đựng được. Với người biết rõ tôi, đã hẳn Robert Henry không phải là người mộng của tôi. Nhưng giữa

khúc quan khẩn cấp của cuộc sống, chúng ta cần thay đổi để thích nghi với thực tế.

Chúng tôi quả có những khó khăn. Robert Henry là người thấp, thấp hơn tôi mỗi khi tôi đi guốc cao gót để trình diễn. Tôi thấy cực kỳ khó chịu với con người anh. Hơn nữa, về mặt cảm xúc, chúng tôi chẳng hợp nhau tí nào. Hai chúng tôi chẳng có gì chung để chia sẻ, cũng chẳng có đề tài gì chung để nói nhiều với nhau. Robert Henry hay ghen quá đang, không chỉ đi theo tôi từ quán cà phê này đến cà phê khác khi tôi hát, anh còn chú tâm rất nhiều vào phản ứng của tôi đối với khán giả, thay vì của khán giả đối với tôi. Anh đòi đi theo tôi đến cả các buổi tập dượt với người tập hát cho tôi mỗi khi có cuộc trình diễn mới.

Tuy bất an và nghi ngờ, Robert Henry lại hãnh diện bắt được tôi, nàng Kim Vui khó thể gần, và được cho là quyến rũ đối với các người đàn ông khác. Ở Sài Gòn, khi liên hệ với tôi, người đàn ông thiếu chiều cao đó trở thành có địa vị. Anh có mặt trong mọi buổi trình diễn, có vẻ như người chủ, khi tôi hát. Anh còn lên mặt về chuyện đã trình phục tôi với các bạn anh. Một số đã thuận lại nguyên văn những gì anh nói khi họ nói chuyện riêng với tôi.

Cuối năm đó, thật tệ vấn đề Mỹ giảm quân đã hiển hiện. Tuy đường phố Sài Gòn ít tiếng la ó hơn, và sự giảm quân chắc chắn phản ánh trên một số bản đồ đặc biệt, quân đội VNCH đã bành trướng, và cuối được đồng minh Mỹ vũ trang tốt hơn. Mức độ giảm quân Mỹ chưa tặng vọt đến độ làm mất tin tưởng của người dân, của kinh tế hoặc những người Việt mong mỏi. Và số hiện diện những người Mỹ ở các vũ trường Sài Gòn, quán ăn không suy giảm. Thận ra, tôi có cảm tưởng số những người Mỹ dân sự trả lương cao ở một thời điểm nào đó có thể còn gia tăng. Họ đi đứng khênh khạng, khi không có lính Mỹ và có vẻ còn ồn ào lo tiếng hơn lúc đầy khi được chỉ định là “những nhà thầu của cuộc chiến” để yểm trợ thêm cho “*những người chiến đấu.*”

Rủi thay, không khí chung lại là không khí nơi mọi kẻ trong cuộc tin rằng “*tiền là vua.*” Sài Gòn có vẻ nhơ nhuốc hơn vì tham nhũng và tôi đã sợ vết nhơ sẽ loang ra khi “*những nhân vật quan trọng*” thường xuyên mơ tiệc cho nhau, tranh đua xem ai tiêu pha xỉ nhất. Vừa là tài tử vừa là ca sĩ, có thể ở trong số người trình diễn nổi tiếng nhất thời đó, tôi khó tránh khỏi việc thường

xuyên dự tiệc. Một bài hát thịnh hành thời đó là bản “*Sài Gòn đẹp lắm, Sài Gòn ơi, Sài Gòn ơi*”, nhưng tôi cho thực tế có thể ngược lại và nhiều người Việt bấp sự tách biệt ngày càng lớn giữa các ấp và thành phố có lẽ sẽ đồng ý với tôi.

Ngày nay nhiều người Việt ở hải ngoại, thế hệ thứ nhất, thứ hai đã có các tiếc nỗi sai lầm, có thể nói là “*ảo tưởng*” về một “*Sài Gòn cũ*” lãng mạng thu hút với ánh đèn lấp lóe, nhất là về đêm. Đôi khi thật ngay thơ, họ còn xử ngấm ngấm của Pháp khi dùng danh từ đó. Từ điệu khiêu vũ Arc en Ciel và quán ăn ở Chợ Lớn vượt quá quán ăn Bông Lai đường Lê Lợi đến các quán bar dọc đường Tự Do, nhiều cô gái tiếp khách đôi khi có thể làm điếm, một số trong đường dây bất hợp pháp, một số nghiện ngập. Đa số các cô đều trốn cảnh khó khăn ở thôn quê do chiến tranh. Chúng ta nên nghĩ thận trọng về câu tục ngữ nhắc nhở “*không phải mọi thứ lấp lánh đều là vàng.*”

Đời sống về đêm không phải nơi của các trao đổi chính trị, mưu mô, tuy nhiều kẻ mưu mô có quá lại câu lạc bộ và vũ trường. Kế hoạch, mưu mô thường được đưa ra, thay đổi, chấp thuận hay hủy bỏ tại các nơi đặc biệt như Câu Lạc Bộ Không Quân Việt Nam ở Tân Sơn Nhứt hoặc sau các bức tường an toàn văn phòng tổng thống. Các kẻ vận động, mưu mô có thể sẽ ăn mừng ở nơi công cộng, những kẻ hoạch và âm mưu thường đã vẽ ra trước mở một nơi nào đó. Không có kiểu âm mưu giữa phố như cảnh “*Quán Cà Phê Rich*” trong phim Casablanca ở Sài Gòn.

Đầu năm 1971, tổng thống Thiệu đồng ý một cuộc hành quân khổng lồ gồm nhiều tiểu bang vượt biên giới vào Nam Lào. Các đơn vị Dù, Thủy Quân Lục Chiến, Sư Đoàn 1, biệt Động Quân đều tham gia. Báo chí, các đài truyền thanh, truyền hình, do chính phủ hậu thuẫn vì thế phát thanh tiếng nói của chính phủ, đều tường trình tiến triển và thành công ban đầu. Ngay cả Tchepone, ngã tư hệ thống hậu cần của Đảng Cộng Sản từ Bắc Việt qua Lào, cũng tạm thời bị quân đội VNCH chiếm dữ. Dần dần, chúng tôi biết được cuộc hành quân được mở ra vì sự thúc đẩy liên tục của Mỹ, và hoàn toàn lệ thuộc sự yểm trợ của trực thăng và Không Quân. Rồi chậm chạp hơn, chúng tôi biết toàn thể nỗ lực của quân thiếu phối hợp và được chỉ huy kém cỏi. Sự tổn thất binh lính, sĩ quan cấp thấp và quân dụng chính thật là kinh ngạc.

Làm thế nào chúng tôi biết rõ tầm mức các tin tức tai họa thật

tế đó? Gần như mọi tay họa đều có người may nắm sống sót và họ không thể im lặng lâu. Người sống sót chẳng có lý do gì để bịa chuyện. Chỉ một mô tả gián dị đã đủ khiến người nghe sững sờ. Những người may mắn trốn về được bằng trực thăng, một số bằng đường bộ, lui về phía sau đến chỗ an toàn. Họ kể với bạn bè, và người được nghe kể lại các chuyện khủng khiếp với người khác. Những lính bị thương kể với gia đình, với nhân viên ở các nhà thương. Một số gia đình được báo về người cha, chồng hoặc con trai họ bị mất tích. Vì vậy, tin bay ngay về thủ đô chẳng khác các hung tin năm 1965.

Cảm tưởng của tôi rối mù. Tại sao người Mỹ đặt kế hoạch, thúc đẩy và yểm trợ quan nhu, quân cụ cho cuộc mạo hiểm vào Lào mà chính họ không làm trước đây? Tổng thống VNCH có thể bị bùng bít đến độ ông tin vì tư lệnh vùng thâm niên có thể đối phó được với loại trách nhiệm đó? Hậu quả tai họa này chẳng là gì khách ơn khách lệ kẻ thù cộng sản ở cả cuộc điều đình ở Ba Lê và có thể dần dần ở ngoài chiến trường nữa.

Bất kể tai họa kéo dài vào tháng 2, tháng 3 đó, đời sống bình thường người dân theo tiêu chuẩn của Sài Gòn vẫn như chẳng có gì xảy ra. *Chân Trời Tím* là cuốn phim hết sức ăn khách khi được hãng phim Liên Anh cho trình chiếu năm 1971. Có thể thấy ngay sự sôi nổi ngoài đường phố Sài Gòn. Bất cứ nơi nào có bích chương gắn vào cột hoặc treo trên cây quảng cáo một rạp hát nào đó sắp trình chiếu, người ta đều bu đến để xem. Rồi ai đó lén lút kéo tấm bích chương xuống, lấy đi làm kỷ niệm. Rạp hát vừa mở là bán sạch vé. Có cả các náo loạn nhỏ khi người xếp hàng được báo vé đã hết và họ phải trở lại xếp hàng mua vé vào hôm khác. Hình của tôi được đăng ngoài bìa gần như mọi tờ báo. Tôi không dám theo Má tôi ra chợ vì đã hai lần chúng tôi xém bị đè bẹp bởi người xin chữ ký, người muốn sờ tay, sờ mặt hoặc nắm ngay cả quần áo tôi.

Chuyên viên phỏng vấn của chương trình ti-vi Người Dân muốn biết đã hỏi tôi trong một trương trình phỏng vấn với tài tử Kiều Chinh và Thẩm Thúy Hằng xem tôi có cảm tưởng cảnh khỏa thân có khía cạnh nào không trông sạch không? Tôi trả lời bằng cách hỏi ngược lại anh ta, trong khi xem phim, anh nghĩ đó là cảnh đẹp, tôi đưa ý kiến trong cuộc sống vấn đề đẹp hay không tùy thuộc người quan sát và phản ánh tâm tư của người đó.

Nhìn lại sau 50 năm, tôi cho điều quan trọng là cuốn phim không chỉ mô tả giới tính hấp dẫn của tôi. Cuốn phim còn cho khán giả tin tế cũng có thể thấy sự bậy bạ của một nhân viên trong ban tham mưu ở hậu trường, vì lợi ích cá nhân đã cấp phát giấy tờ chỉ định công tác sai lầm cho người lính đang chiến đấu. Cũng có một khúc phim ngắn đề cập vụ đảo chánh ám sát tổng thống năm 1963. Tuy vai tôi đóng được xem như vai lãng mạn, vai đó cũng minh hóa cảm bầy từ các người đàn bà có thể bị gạ gẫm, đưa mình vào quan hệ đáng tiếc, và nhiều đàn bà Việt có thể liên tưởng đến cảnh đó. Tháng 6-1971 trong cuộc Triển Lãm Phim Á Châu ở Đài Bắc, Chân Trời Tím đoạt giả Nghệ Thuật Xuất Sắc.

Và ngay cả lúc này, thì tôi đã bước vào tuổi của “*người cao niên*”, sự thịnh hành lâu dài của *Chân Trời Tím* và vai trò của tôi trong cuốn phim vẫn khiến tôi ngạc nhiên. Năm 2018, *Chân Trời Tím* được chiếu trong cuộc triển lãm phim ở California. Có khoảng 200 đến 300 khán giả đến xem, và hàng chục người đã nán lại nói chuyện với tôi trước khi ra về.

Khác với hãng phim khác, tôi có một bản copy của *Chân Trời Tím* trên DVD, và tôi cảm tạ hãng phim Mỹ Vân tặng tôi món quà đó. Rất kể những gì thực sự xảy ra từ cuộc chiến không ngừng của Việt Nam, nhiều người, cả Việt lẫn Mỹ đều chuẩn bị trước kế hoạch thoát thân. Các gia đình giàu có hoặc quen biết giới quyền thế cả ngay cả đường dây trong tay để đưa con em họ ra nước ngoài du học. Người Mỹ, nhất là các nhà thầu, nhạy cảm với cơ hội đang nhỏ dần, đã bàn về cơ hội làm ăn tại quốc gia khác.

Robert Henry không muốn hoặc việc kết hôn, không muốn xen lẫn lộn xộn các tính toán trong kế hoạch chuẩn bị ra đi, với tính toán cấp thời cần giải quyết khi thu xếp những rắc rối gia đình. Riêng phần tôi vẫn do dự, băn khoăn, ân hận... và thấy việc Robert Henry trẻ hơn tôi 3 tuổi không phải khoảng cách không quan trọng. Trưởng thành không là vấn đề tùy thuộc tuổi tác, nhưng trường hợp của anh, điều đó có vẻ đúng. Nhưng dừng lại trên ván nhún bề bơi cuộc đời là một trì hoãn vô ích của điều bắt buộc phải và sẽ phải làm. Tôi không thể trì hoãn quyết định của mình và không có lựa chọn nào khác cho gia đình. Bởi thế, ngày 17-8-1971, chúng tôi làm lễ thành hôn. Hơn 300 khách tham dự buổi tiếp tân trong đó Robert Henry đi đứng khệnh khạng như ông

hoàng hãn diện. Và có lẽ bạn đọc không khỏi ngạc nhiên: đây cũng là ngày sinh nhật của Frank. Một trùng hợp ngẫu nhiên, hay một sự trừ tà cố ý?

Tháng sáu tổng thống Thiệu tại đắc cử, nhưng lần này ông không bị bất cứ ứng cử viên nào chống đối. Phó tổng thống mới của ông là Trần Văn Hương, nhân vận chính trị lớn tuổi, gốc người Nam. Với một số chúng tôi đây là điều khích lệ. Tuy tôi bầu cho tổng thống Thiệu, vấn đề không có ứng cử nào tranh cử với ông gây bối rối do dự luận. Phải chăng không có ứng cử viên nào cảm thấy hội đủ tiêu chuẩn? Phải chăng các chính khách khác nghi ngờ thủ tục bầu cử thiếu trong sạch? Phải chăng nhiều người chỉ đơn giản tin ai làm tổng thống cũng chẳng có gì khác? Các bạn tôi lưu tâm đến vấn đề chính trị tranh luận, nhưng chẳng thể đạt sự đồng thuận nào.

Sau cuộc bầu cử, tôi cho chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên, kinh tế có vẻ tụt dốc nhanh hơn. Sự rút đều đặn quân đội Mỹ, trên khía cạnh tinh tế, tụt cận tiền trong thị trường tụt cận tiền thu nhập của gia đình người Việt. Bạn đọc không nên ngạc nhiên. Các ngăn cản quân sự lớn của Mỹ mướn nhiều người Việt và quanh các căn cứ đó, chợ chứa đông đúc. Thịnh vượng. Những chi tiêu đó thường không phải chi tiêu khôn ngoan, nhưng là chi tiêu phóng khoáng. Lúc này, các đơn vị Mỹ và các nhà thầu Mỹ ít mướn người Việt Nam hơn, bởi thế có ít tiền đô-la để hậu thuẫn, vực dậy sự yếu ớt của đồng bạc Việt Nam.

Tôi nhớ cuối năm 1971, tôi chưa hề cảm thấy hoảng hốt hoặc bị đe dọa. Nhưng tôi sợ các thay đổi choa đảo đang nằm dưới bề mặt yên tĩnh của Việt Nam. Một chân trời tím ngấn ngủi vào lúc hoàng hôn dường như nét đẹp sắp mất của Việt Nam vào lúc cuối.

Chương 12

Từ Biệt Việt Nam

Đảng Cộng Sản Việt Nam, Đảng của một quốc gia 3 miền nhưng có bộ chỉ huy ở miền bắc và một bộ phận nòng cốt nhỏ, có kỹ thuật được giới lãnh đạo miền trung chỉ huy, ra lệnh cuộc tấn công quy ước khổng lồ vào miền Nam Việt Nam vào đầu 1972.

Từ lúc đầu của nền Đệ Nhất Cộng Hòa, qua các chính quyền đội lãnh đạo, cho đến khi Đệ Nhị Cộng Hòa được tổng thống Nguyễn Văn Thiệu thành lập, thỉnh thoảng vẫn có khát cự lễ tế chống chính phủ bên trong Việt Nam Cộng Hòa. Cuộc kháng cự đó có thể do các cự Việt Minh chăm ngòi, hoặc do các bộ lạc hay tôn giáo. Nhưng từ năm 1958 và 1959 trở đi, nổi loạn để diệt chính phủ miền Nam do đảng cộng sản toàn quốc đặt bộ huy ở Hà Nội tổ chức và chỉ huy.

Qua năm 1963, có thể ngay cả đầu năm 1964, đa số lính cộng sản đều là người nam, tức là người có nguyên quán ở phía nam sông Bến Hải. Tuy vậy, cán bộ chính trị, vật dụng và chuyên gia yểm trợ thường được gửi từ miền bắc và chưa bao giờ có sự nghi ngờ gì về việc Hà Nội là người chỉ huy và kiểm soát. Đảng cộng sản dùng dân chúng ở miền bắc để tạo dựng quân đội với số lính động viên yểm trợ hoạt động ở miền nam, chuẩn bị cuộc xâm lược miền nam khi có cơ hội.

Theo hiểu biết của tôi qua các dịp trò chuyện với các bạn Việt và Mỹ thị từ 1965 trở đi, tương ứng với sự đổ quân Mỹ và các quốc gia khác, Hà Nội gửi các trung đoàn, sư đoàn vào nam để bổ túc các đơn quân sự của Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam.

Trong cuộc tấn công Mậu Thân 1968, các đơn vị “giải phóng” địa phương ở miền Nam và cán bộ người nam, được lệnh tiên phong tấn công các thành thị không chỉ Sài Gòn mà hầu như một thủ phủ các tỉnh.

Nhưng toán tiên phong này bị buộc phản công của Việt Nam Cộng Hòa và Mỹ triệt hạ, gần như bị tiêu diệt trong các trận đánh

sau đó.

Vì vậy, từ năm 1970 trở đi, gánh nặng chiến đấu của đảng cộng sản rớt gần như toàn bộ vào vai lính miền Bắc được động viên, huấn luyện, tổ chức và gửi vào nam.

Cuộc tấn công mùa xuân 1972 trải rộng, nhưng tập trung nhất ở bốn điểm.

Thứ nhất, một mũi dùi đâm qua vùng biên giới Bắc - Nam vào tỉnh Quảng Trị, đưa đến việc Quảng Trị thất thủ.

Thứ hai, cuộc tấn công chính phát xuất từ các căn cứ ở Lào, bên kia biên giới, vào Kontum.

Thứ ba, các lực lượng cộng sản có sẵn ở Bình Định và phía nam Quảng Ngãi thuộc viên hải miền trung tràn vào một số vị trí của chính phủ miền nam, và cắt đứt lưu thông trên hai xe lộ chính là Quốc lộ 1 và 19.

Thứ tư là cuộc tấn công từ các căn cứ ở vùng biên giới Cam Bốt, chiếm Lộc Ninh bao vây An Lộc.

Qua nhiều tuần, sau sự bàng hoàng lúc đầu, lính VNCH đã anh dũng chống trả, phản công và tái chiếm hầu hết các vùng đất bị chiếm. Tuy nhiên vẫn có vấn đề.

Quảng trị được tái chiếm, các xa lộ ở miền trung mở lại, Kontum được giữ vững nhưng vòng vây An Lộc vẫn chưa bị phá vỡ và hiển nhiên là không lực Mỹ tuyệt đối cần thiết cho sinh tồn tương lai miền Nam Việt Nam.

Tôi xin lỗi bạn đọc nếu mô tả quân sự ngắn ngủi, sơ sài đó không hấp dẫn bạn, nhưng tôi tin kiến thức thái quá về biến cố đó là cần thiết để bạn có thể hiểu con đường tôi tiếp tục đi, vì lợi ích gia đình. Hiểu biết về tình trạng miền nam của tôi là căn bản cho mọi quyết định của tôi về sau.

Bạn đọc có thể ngạc nhiên vì sự phân tích của tôi, nhưng rút tĩa sự kiện đó từ các tin truyền thông chính thức thực sự chẳng có gì khó, dù giới truyền thông thường vẫn có các tuyên bố không đúng hẳn.

Các bạn tôi quân đội, các sĩ quan trong ban tham mưu và quan trọng hơn nữa, một số người bạn tạm trở về từ các mặt trận đã chia sẻ ý kiến của họ với tôi.

Tương cũng nên nhắc lại từ khi chỉ là một bé gái, tôi phải mục kích thức tế trần trụi ở thôn quê.

Chẳng tấm vải mỏng nào che được mắt tôi.

Trong mùa xuân đó, tôi đã tin chắc tương lai không chỉ khó khăn mà còn ảm đạm khó để chối cãi.

Hơn nữa, triển vọng tương lai có thể chuyển hướng tốt đẹp là không hề có. Lúc này, cảm tưởng có thể đạt được một thế hòa như nhiều người nghĩ trong quá khứ gần như chỉ là ảo tưởng.

Tôi thấy sự kiên quyết của đảng cộng sản với vấn đề phải thống nhất đất nước không hề suy giảm. Nếu cuộc điều đình bí mật giữa Mỹ với Bắc Việt ở Ba Lê trở thành thương lượng cho lợi ích riêng của họ bất kể sự thua thiệt của miền Nam thì quyết tâm đạt được sự cân bằng lực lượng của miền Nam để có thể cùng hiện hữu với miền Bắc sẽ ngăn ngui và tan biến.

Mỹ đã rút hầu hết lực lượng chiến đấu đã cứu Việt Nam trong năm 1965 và 1968. Khi số người Mỹ ít ỏi còn lại được rút về khi không cần yểm trợ trực tiếp những lính Mỹ trẻ chiến đấu ở Việt Nam, Mỹ sẽ khó thể tiếp tục duy trì nỗ lực Không Quân.

Cuối cùng, Mỹ sẽ làm những gì có lợi nhất cho Mỹ, bất kể danh dự và tôi biết tự ái tim và quyết định của Mỹ sẽ không tốt cho Việt Nam Cộng Hòa.

Tôi không mất tin tưởng vào người Mỹ vì một người đã xa tôi. Thực ra, tôi biết từ Kim Chi, người đã có lần nhìn thấy Frank cùng người vợ Đài Loan và con trai, rằng Frank đã trở lại Việt Nam. Tôi dám cá là anh sẽ ở những an toàn ở Sài Gòn rất ít, chẳng khác các năm trước.

Đã suốt 6 năm, Douglas Ramsey người thanh niên trẻ dễ mến từng giới thiệu chúng tôi 9 năm trước, vẫn là tù nhân, vẫn đang ở nơi nào đó trong rừng rậm gần biên giới Cam Bốt. Ba năm trước, một người bạn khác của Frank bị giết ở Lào. Lúc này, tin từ báo chí cho biết John Vann, một bạn thân khác xem gần như “chú” của Frank Ramsey cũng tự nạn gần Kontum vài tuần trước.

Không có gì vượt hơn sự kính trọng của tôi với những người Mỹ tôi biết hoặc chưa biết, đã bằng cách này hay cách khác, tận lực hy sinh trong trường hợp khốc liệt.

Những từ chuyển du lịch ngắn của Mỹ và qua qua các dịp trò chuyện với người Mỹ ở Sài Gòn, tôi cũng biết chắc chắn lãnh đạo Hoa Kỳ tổng thống Nixon và cố vấn ông đặc biệt tin cậy, Henry Kissinger, lúc này cho người Việt chúng tôi và miền Nam Việt Nam và quần đề quá phức tạp, quá huyền bí, “*một vấn đề nan giải*” và vì thế là một công trình đòi hỏi cái giá không thể chấp

nhận được.

Tôi chắc Mỹ sẽ rút khỏi Việt Nam.

Nếu Đảng Cộng Sản đạt mục tiêu thống nhất đất nước và tập lập sự độc tài đáng trị, vai trò của tôi trong các phim có chủ đề chống cộng tế nhị sẽ biến tôi thành một kẻ bên lề. Gia đình tôi, nhất là các con tôi chắc chắn sẽ khốn khổ vì các “*tuyên án của nhân dân*” đối với các nhân tôi.

Tin là Mỹ sẽ bỏ Việt Nam và hoàn cảnh bức thiết buộc tôi phải rời khỏi đất nước, tôi vẫn nhất quyết không bỏ rơi gia đình. Như Má tôi đã cứu Ba tôi và tôi năm 1945, giờ đây, gần 30 năm sau đến phiên tôi, và trách nhiệm của tôi là phải cứu gia đình.

Bởi thế, bất kể cảm xúc lẫn lộn của các nhân, chọn lựa kết hôn với Robert Henry đã đem lại một lối thoát cho các con và dần dần, cho cả Ba Má tôi.

Và tôi lại có thai!

Lúc đầu, việc có thai của tôi trở thành một vấn đề giữa Robert Henry và tôi, vì một kẻ xấu bụng, ghen tị với thành công của tôi về điện ảnh, ghen tị với cách thoát đi dễ dàng của tôi và gia đình, đã liên tục xấu miệng với Robert Henry rằng mỗi khi rời nhà để làm việc với huấn luyện viên tập hát, tôi thường lén gặp một người tình bí mật. Chúng tôi có vài tuần lự trước khi Robert Henry thấy rõ lời nói láo cay độc anh được nghe không những gì anh thấy.

Robert Henry được sở cho cơ hội và anh đang nghĩ về việc nhận công tác mới ở Guam, nơi công ty có hợp đồng lớn nhận việc yểm trợ một chi nhánh hoạt động của quân đội. Tôi không biết Guam ở đâu, nhưng sau khi xem bản đồ thế giới an tâm khi biết đảo chỉ là một bước, chưa phải nửa đoạn đường, về hướng đại lục Hoa Kỳ. Tuy không biết về sau Robert Henry sẽ có cơ hội nào cũng chẳng biết ý kiến của tôi có lý lô nào không, tôi vẫn khuyến khích người chồng trẻ nên nhận cơ hội hăng đưa ra.

Thực ra, nếu còn ở Việt Nam, tôi không thấy cuộc hôn nhân vì thuận tiện cần thiết với Robert Henry là vấn đề không giải quyết được. Tôi có thể phục hồi sự độc lập chẳng khó khăn gì.

Nhưng bị chứng rẫy khỏi Việt Nam hoàn cảnh cuộc sống của tôi sẽ thuộc rất nhiều vào người khác. Tôi không muốn vô tình gây ấn tượng chọn lựa này dễ dàng hoặc đặt căn bản hoàn toàn trên một quá trình quyết định hợp lý. Như bất cứ đồng bào Việt nào

khác, tôi bị cám dỗ trầm mình vào suy nghĩ lạc quan quá độ. Tiếng tăm của tôi các năm 1971, 1972 đang ở đỉnh cao, không có quá nhiều nghệ sĩ tương đương.

Các tuần sau có hình tôi bán sạch. Báo chí tường trình mọi chi tiết có thể tìm về đời tôi, một số chi tiết khám phá do các ký giả tận tụy, một số chi tiết khác hoàn toàn là sản phẩm sự tưởng tượng của những người viết càn. Tôi vẫn biết ơn ký giả Trong Minh, một ký giả có tiếng đã viết nhiều tờ báo thịnh hành ở Sài Gòn, luôn có các bài đính chính các tin sai lầm, bảo vệ tiếng tăm của tôi. Bất kể đúng hay sai, bài viết nào cũng có độc giả.

Tôi có thể đi bất cứ chợ nào không có người đề ý. Đám đông tụ lại rất nhanh, kháng giả hâm mộ sẽ xin chữ ký và người ta sẽ tiến gần đến độ bán hiệu của gian hàng đôi khi đổ xuống.

Có lần đám đông xô nhiều đến độ tài xế không thể chặn cửa xe để tôi vào và cảnh sát phải can thiệp xe chúng tôi mới có thể rời đi. Ngay cả khi đã có cảnh sát can thiệp, áp lực đẩy cửa xe vẫn mạnh đến nỗi trước khi bước được hẳn vào trong, chân tôi bị kẹt khiến tôi phải trị thương.

Tôi vẫn thường xuyên hát, để duy trì nguồn tài chánh ổn định và đôi khi bị các ký giả hoặc khán giả hâm mộ theo sao bằng sẽ riêng của họ từ nơi hát này đến nơi hát khác. Tài xế của tôi thương khôn ngoan đánh lạc hướng người theo đuổi bằng cách thay đổi lộ trình, nhưng khi Kim Chi hoặc một bạn gái khác phải đứng che để tôi có thể rời xe, tiến vào câu lạc bộ kế tiếp theo thời khóa biểu.

Tổ chức để rời Việt Nam là chuyện dễ với người Mỹ làm tại các hãng thầu quân đội lớn nhất thế giới.

Thủ tục của Robert Henry giản dị vì chiếu khán ra vào Việt Nam do một phần viên cao cấp ở tòa lãnh sự Mỹ lo liệu. Tình trạng của tôi, như một công dân Việt Nam, thù có giấy công hành, vẫn khó khăn.

Bước đầu sau khi được Mỹ cấp chiếu khán qua tòa lãnh sự Mỹ là phải sang Guam để nhập tịch cấp tốc, nguyên hệ trung thành với Mỹ như một công dân mới. Nhưng có giấy thông hành Việt Nam mới với chiếu khán cho phép vào Mỹ chỉ là bước đầu. Tôi còn cần có chiếu khán được phép rời Việt Nam, quốc gia nguyên quán.

Người ta có thể nghĩ đây là vấn đề đơn giản, nhưng ít có gì

suông sẻ trong một quốc gia mà luật lệ hoàn toàn lệ thuộc ý muốn của các nhân viên nắm quyền.

Để có chiếu khán rời Việt Nam cho tôi, rồi cho các con tôi là một quá trình khôn khổ, đầy chướng ngại, trắc trở. Hoàn cảnh các nhân tôi nguy hiểm hơn người nộp đơn khác. Tuy Bộ Ngoại Giao sẽ cấp chiếu khán, văn phòng cấp chiếu khán lại cho một sĩ quan quân đội dân đảng biệt phải đứng đầu. Ông ta gửi lời nhắn tin cho tôi biết ông đang giữ duyệt hồ sơ của tôi và sẽ cấp chiếu khán cho tôi nếu tôi đến gặp ông tại một khách sạn nghỉ mát ở Vũng Tàu do người bạn ông là đại tướng và bà Cao Văn Viên làm chủ.

Một dạng tham nhũng thông thường của các sĩ quan cao cấp thời đó là làm chủ các khách sạn cho người Mỹ mượn. Việc xoay sở luôn được các bà vợ nhanh chóng dàn xếp giữ tiếng tăm liêm khiết tưởng tượng cho các ông chồng sĩ quan cao cấp.

Đưa điểm hẹn ở khách sạn Cao Văn Viên ngầm cho thấy gã sĩ quan dân đảng quen biết cao và tôi nên chiều theo ý nghĩ phóng đảng của gã. Nhưng tôi đã đưa theo một người hộ về là Khải, con út tôi, đứa bé cao lêu nghêu và khó chịu sau chuyến đi 2 tiếng từ Sài Gòn ra.

Gã khôn nạn giữ hồ sơ và chiếu khán của tôi gặp chúng tôi ở nơi tiếp tân, bực bội vì tôi dính chặt với đứa con út, một mực đòi tôi phải để con lại cho nhân viên tiếp tân ở văn phòng giữ, và tôi phải theo ông vào phòng riêng để bàn luận trường hợp của tôi.

Khải mệt mỏi, có vẻ như đang sốt và tôi thỉnh thoảng lại lén nhéo Khải, khiến Khải rên rỉ. Rõ ràng là tôi chẳng thể đưa Khải cho người khác trong coi.

Bực tức, gã sĩ quan ném hồ sơ và chiếu khán rời Việt Nam của tôi xuống sàn, đuổi tôi về. Tôi vui lòng ra về với đứa con út theo sau, vì không phải theo gã đòi bại về một khách sạn hẻo lánh nào đó để chiều ý gã.

Chướng ngại vượt qua, tháng 4 tôi đến Guam một mình, để nhập tịch, trở thành công dân Mỹ. Tôi đang có bầu khoảng ba tháng, nhưng đường bay không có gì khó khăn và tôi đến nơi an toàn.

Hơi có chút vấn đề vì khách sạn hết chỗ, tôi được đưa đến một chỗ ở mé ngoài giữ một hàng nhà sau khách sạn. Có hai người đàn ông dương như đang quan sát tôi và bám đuôi theo sau khi

tôi về chỗ ở. Sợ hãi, tôi báo với nhân viên phòng đợi, yêu cầu họ có biện pháp an ninh. Sau đó, tôi không thấy hai người đàn ông đó nữa. Điều tôi thấy về sự chú ý khác thường của hai người đàn ông có thể chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên, nhưng một người đàn bà đi xa một mình trên một vùng đất lạ chẳng thể không thận trọng hết mức.

Soạn thảo kế hoạch là nền tảng thành công.

Vài tuần trước, tôi đã trả tiền để một nhân viên quân đội biết tiếng Anh hướng dẫn tôi chuẩn bị thi nhập tịch. Tôi chỉ làm sai một câu duy nhất và đã trở về Sài Gòn vào tháng 5 1972 như một dân Mỹ.

Nhiều người bạn trong số có bạn Việt và một số đồng nghiệp Mỹ của Bob, vẫn mời chúng tôi ăn tối và dự các buổi tiếp tân. Nhưng chuyện việc tùng, tiếp tân giảm dần khi tôi bắt đầu chuyển hướng chú tâm và nỗ lực vào thủ tục đưa các con tôi sang Mỹ.

Chuẩn bị thủ tục cho Lệ Thu, con gái lớn của tôi và hai con trai Bảo, Khải là một đầy thử thách. Lúc này Bảo đã 13 tuổi và tôi được cảnh giác theo tinh thần luật cộng viên, Bảo có thể không được phép rời Việt Nam. Cũng như nhiều luật lệ khác, việc thi hành lỏng lẻo, ít nhất đối với gia đình già và con các vị tướng. Chúng tôi không thể để bất cứ khó khăn gì xảy ra. Tương lai Việt Nam đang mờ mịt, ảm đạm, bởi thế mỗi năm tuổi lớn của Bảo lại là nhắc nhở về việc nên rời Việt Nam.

Hoàng thành có thủ tục giấy thông hành, chiếu khán rời Việt Nam, chiếu khán vào Mỹ cho hai con trai tôi là quá trình suông sẻ.

Chuẩn bị hồ sơ cho Lệ Thu phức tạp hơn vì vấn đề sức khỏe sau khi con gái tôi ra đời đã pháp quá nhiều bệnh viện thuở vẫn còn bé. Chuẩn bị hồ sơ sức khỏe cần thiết để có chiếu khán di dân vào Mỹ thật khó. Lệ Thu đã được nhiều bác sĩ và nhiều bệnh viện chăm sóc. Và tương cũng không cần phải nhắc lúc này các bệnh viện chưa có hồ sơ điện toán để có thể chuyển sơ đồ lập tức từ nơi này đến nơi khác. Tất cả hồ sơ cần thiết đều là bản sao photocopy chỉ có thể có bằng cách lui tới bệnh viện nhiều lần bằng tắc-xi.

Hôn nữa, tôi lại không có mặt ở Sài Gòn!

Ngay giờ phút khó khăn đó, Robert Henry cần trình diện cho công việc mới ở Guam và anh muốn bảo đảm tôi sẽ sinh con trên

đất Mỹ. Bởi thế, với áp lực tình cảm gia đình tặng, chúng tôi buộc phải để Lệ Thu và hai con trai tạm thời ở lại với Ba Má tôi đầu tháng 9 trong khi chúng tôi sang Guam.

Ngày 24-10-1972, con gái đầu của chúng tôi sinh tại một bệnh viện ở Guam. Chúng tôi đặt tên là Catherine.

Trước đây Robert Henry đã khổ tâm và còn tố cáo tôi vì các lời thì thầm xấu miệng từ một người đàn bà ở Sài Gòn. Nhưng khi Cathy ra đời, diện mạo bé trông giống hệt Robert Henry! Áp lực tình cảm tôi trải qua và thời kỳ trầm cảm tôi trải qua và thời kỳ trầm cảm sau khi sinh khiến tôi chơi vơi. Tôi thấy bị oan ức, ngược đãi và hết sức nhớ thương Lệ Thu, Bảo, Khải đã bị bỏ lại ở Việt Nam.

Lo lắng thường xuyên của tôi chỉ vơi bớt khi được biết tất cả giấy tờ thiết cho ba đứa con tôi đều đầu vào đầy và các con sẽ sớm đoàn tụ với tôi ở Guam. Thật may mắn tôi được cô Hoa, người mà chúng tôi gọi là “*Hoa Y Tá*” tận tình giúp đỡ. Cô là một y tá trẻ dễ mến đã trở thành bạn tôi nhiều năm. Cô chính là người bạn tuyệt đối cần thiết và một người bạn đã giúp tôi tận tình suốt thời gian tuyệt vọng đó. Nhờ cô ra công tìm kiếm, đầu thập, tôi mới có đủ hồ sơ ý tế cần thiết cho Bảo, Khải và nhất là Lệ Thu.

Với trẻ con, bị cắt rời khỏi nơi sinh trường không phải việc khốn khổ, khó chịu lắm. Trẻ con, ít nhất là ở tuổi thiếu niên, rất dễ thích khi có người lớn hướng dẫn đúng mức. Nhưng với tôi, rời nơi sinh trường là việc khốn khổ hơn nhiều.

Ký ức về thờ thơ ấu, những công tác Dân Sự vụ ở các ấp, ca hát, xi-nê, một cuộc tình đã mất, tất cả cứ hiện ra mỗi đêm. Tôi chỉ có các giấc ngủ vật vã, chập chờn. Nếu không chuyển mọi sự chú ý vào những gì tốt nhất cho Lệ Thu, Bảo, Khải, chắc chắn tôi sẽ không chịu đựng nổi cuộc sống lúc này.

Trước đó, vì đã bám rễ sâu ở Việt Nam và vẫn còn ở Việt Nam, cuộc hôn nhân của tôi với Robert Henry không phải bất khả thay đổi. Nhưng giờ đây, do theo kế hoạch nhiều giai đoạn để chuyển gia đình sang Mỹ, tôi trở thành kẻ bị gắn chặt vào hợp đồng nô lệ nhân với cái giá phải trả để đánh đổi một lối thoát tương lai cho các con và lối thoát tương lai cho Ba Má tôi khi cần.

Hoàn cảnh làm việc của chồng tôi ở Guam với tư cách kỹ sư cho một hãng có hợp đồng, tạm thời ổn định. Khi nghĩ lại, tôi

thấy rắc rối có thể xảy ra là đa số việc của hãng và kinh tế của đảo nói chung đều đặt trên các chỉ định xa xỉ của Bộ Quốc Phòng. Sau khi các đơn vị chiến đấu Mỹ rời Việt Nam nhưng với tình trạng Mỹ vẫn chưa rời hẳn cuộc chiến Việt Nam, Guman vẫn là điểm hoạt động quan trọng, nhất là với sứ mạng B-52 và các pháo đài bay vẫn bay, bay liên tục, nhất là tháng 12-1972.

Sau khi Cathy ra đời được ít lâu, tôi nghe người Mỹ ở Guman nói với nhau về tổng thống Nixon và cố vấn chính sách đối ngoại Kissinger. Họ nói tổng thống và cố vấn đã ký một hiệp định với Đảng Cộng Sản Việt Nam để Mỹ có thể rút hết quân đội ra khỏi Miền Nam Việt Nam.

Tôi lắng nghe các chuyện vào cuối năm 1972 và biết Hà Nội, bộ tư lệnh của Đảng Cộng Sản, được phép giữ các đơn vị quân sự ở miền nam, tại nội địa miền Nam Việt Nam... và còn có quyền bổ túc, thay thế nhân sự!

Trước đó, vì đã bám rễ sâu ở Việt Nam và vẫn còn ở Việt Nam, cuộc hôn nhân của tôi với Robert Henry không phải bất khả thủy đôi. Nhưng giờ đây, do theo kế hoạch nhiều giai đoạn để chuyển gia đình sang Mỹ, tôi trở thành kẻ bị gắn chặt vào hợp đồng nô lệ hôn nhân với cái giá phải trả để đánh đổi một lối thoát tương lai cho các con và lối thoát tương lai cho Ba Má tôi khi cần.

Hoàn cảnh làm việc của chồng tôi ở Guam với tư cách kỹ sư cho một hãng có hợp đồng, tạm thời ổn định. Khi nghĩ lại, tôi thấy rắc rối có thể xảy ra là đa số việc của hãng và kinh tế của tôi nói chung đều đặt trên các chỉ định xa xỉ của Bộ Quốc Phòng. Sau khi các đơn vị chiến đấu Mỹ rời Việt Nam nhưng với tình trạng Mỹ vẫn chưa rời hẳn cuộc chiến Việt Nam, Guam vẫn là điểm hoạt động quan trọng, nhất là với sứ mạng B-52 và các pháo đài bay vẫn bay, bay liên tục, nhất là tháng 12-1972.

Sau khi Cathy ra đời được ít lâu, tôi nghe người Mỹ ở Guam nói với nhau về tổng thống Nixon và cố vấn chính sách đối ngoại Kissinger. Họ nói tổng thống và cố vấn đã ký một hiệp định với Đảng Cộng Sản Việt Nam để Mỹ có thể rút hết quân đội ra khỏi Miền Nam Việt Nam.

Tôi lắng nghe các chuyện vào cuối năm 1972 và biết Hà Nội, bộ tư lệnh của Đảng Cộng Sản, được phép giữ đơn vị quân sự ở miền nam, tại nội địa miền Nam Việt Nam... và còn có quyền bổ túc, thay thế nhân sự!

Phải chăng thành tích Việt chống cộng chúng tôi và người Mỹ đã chiến đấu cố đạt bằng được là mặc nhận sự hiện diện hợp pháp của quân đội Bắc Việt tại Miền Nam?

Sự kinh tởm của tôi, gần như lợm giọng, đối với những gì có vẻ như sự phản bội, phỉ tay của Nixon và Kissinger với những người Mỹ và người Việt Nam đã hy sinh. Sự kinh tởm đó không hề vơi khi tôi được biết tổng thống Thiệu thấy bị sỉ nhục vì sự vụng về ngoại giao của Mỹ, đã không chịu ký bản hiệp định lúc đầu. Tài liệu điều đình cho miền Nam Việt Nam chỉ có bản tiếng Anh còn cho thấy thái độ hoặc sự kém cỏi của Kissinger.

Bực mình không kém gì sự bất lực của Kissinger trong việc thuyết phục miền Nam đồng ý việc Hà Nội trả đũa bằng cách đưa ra một số thay đổi vụn vặt. Những trao đổi qua lại vụng về phá nổi thế bí, vì vậy B-52 lại tiếp tục cho đến khi tổng thống Thiệu ngời ngoai. Một hiệp định cho phép Mỹ rút quân được ký kết với Hà Nội, hoàn toàn thiếu điều khoản nhượng bộ quan trọng của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Nỗi buồn nặng trĩu của tôi chỉ vơi bớt đôi phần khi đọc được tin trên báo một đôi nhân tù binh đã nhận hơn 20 tù binh Mỹ từ một trại giam ở Lộc Ninh, gần biên giới Cam Bốt. Bài báo liệt kê tên tù binh được thả, trong số có Douglas Camsey không chỉ vì anh là điểm nối tôi với Frank mà còn vì anh là một người Mỹ phi thường nói tiếng Việt chẳng khác gì người Việt.

Mỹ vẫn đóng vai trò phòng vệ quan trọng ở Á Châu và B-52 có thể vẫn là ông cảnh sát khu vực lớn. Không khi B-52 còn nằm ở Guam, bộ tư lệnh quân sự Mỹ, cùng với các công ty thầu vẫn luôn là những bộ phận cần thiết cho kinh tế của Guam. Tôi được biết từ trước có một Hội Đoàn bản xứ Guam được người Chamorro bản xứ thành lập. Nhưng hơn 40 năm trước, vấn đề đặt B-52 ở Guam đã khiến “*văn hóa nhà thầu*” và kinh tế của Guam ngự trị tất cả Quân đội Mỹ hiện diện ở Guam đã bảo đảm sự liên hệ của giới cai trị đảo và Mỹ. Trong các cuộc tiếp tân tổ chức vào bất kỳ dịp nghi lễ nào, sự hiện diện các sĩ quan cao cấp Không Quân Mỹ cũng quan trọng chẳng khác cuộc tiếp tân của thống đốc hoặc thị trưởng Guam.

Các hãng thầu tranh nhau mở những buổi tiệc hào hứng nhất. Những buổi tiệc này, ít nhất cũng một phần, là để lấy lòng nhân viên cao cấp nắm quyền phân phối hợp đồng. Chính các nhân

viên phân phối này là người báo cáo về sự tiến triển và thi hành của mỗi hợp đồng. Robert Henry và tôi luôn là khách được mời. Vì đã khỏe lại sau khi sinh Cathy và ổn định việc đưa con vào trường học, đầu năm 1973, tôi đồng ý một hợp đồng hát ở vũ trường của khách sạn Agana. Ban nhạc trình diễn là ban nhạc Phi Luật Tân rất quen thuộc với tất cả ca khúc Mỹ hàng đầu thời đó. Robert Henry hết sức hài lòng vì tiếng tăm của tôi có lợi cho anh. Anh say sưa trong ánh sáng danh vọng đó.

Robert Henry có thể “*để mọi sự nhẹ nhàng trôi theo hướng khả quan*”, nhưng lại không thể tránh việc cố đóng vai trò quản lý. Anh thu hết tiền lương của tôi để giữ riêng, vì, như anh giải thích, anh có trách nhiệm về vấn đề tài chánh của gia đình. Tôi không phản đối, vì anh đã tực sự giữ lời hứa đem các con tôi sang Mỹ. Nhưng Robert Henry không hiểu số tiền anh thu được không nhiều chỉ vì anh thường xuyên bao tiền nước cho các bạn đến nghe. Cuối cùng, cách hành xử của Robert Henry đã cắt đứt việc hát của tôi. Khi hợp đồng ban đầu với vũ trường chấm dứt, Robert Henry tự cho mình là người quản lý, nhất định đòi được quyền điều đình hợp đồng mới. Việc kéo dài hợp đồng gián dị bị Robert Henry phá hỏng bằng cách đưa ra thái độ “*tăng lương hoặc dẹp bỏ hợp đồng*” khiến chủ câu lạc bộ, nhân viên quản lý và tôi khó chịu. Chủ câu lạc bộ nói với Robert Henry một cách gián dị: Mời anh đi chỗ khác chơi. Sự việc bất hài lòng khiến cá nhân viên tôi hết sức buồn.

Hậu quả Robert Henry làm mất trọn vẹn hợp đồng khiến tôi rơi vào việc trầm cảm sâu đậm. Tôi mất cơ hội trình diễn nghệ thuật và uất ức vì sự can thiệp của chồng. Số tiền khiêm tốn tôi kiếm được để phục vụ mọi người dụng bị thu hẹp. Vì không có người giúp việc, tôi phải rửa dọn, nấu ăn và chăm sóc các con. Ba đứa con từ Việt Nam mới đến bắt đầu nhập học. Mọi sự không dễ cho chúng: lớp học mới, thầy cô mới, bạn bè mới và vượt trên tất cả, ngôn ngữ mới. Cathy, vẫn là trẻ sơ sinh, phải cần rất nhiều sự lưu ý. Tôi thấy gánh nặng của tôi, thật vĩ đại. Những bóng tối dường dường như vây bủa xung quanh, ép xuống người tôi.

Tất cả tin từ Việt Nam, thư từ của bạn bè, đều ảm đạm. Tôi vừa sợ cho sự an toàn của Má tôi vừa đồng thời nhận thấy tình trạng cảm xúc bất ổn của tôi. Đưa Má tôi sang Guam ngay là giả pháp có thể giải quyết cùng chúng tôi ở Guam. Khi Má tôi rời

Việt Nam, có một chuyện khá buồn cười. Trước khi đi, Má tôi đã chuyển tiền theo cách chuyển tiền truyền thống của dân bị nạn quốc tế. Bà dùng tất cả tiền tiết kiệm để mua nữ trang. Tuy vậy, lúc rời Sài Gòn, Má tôi vẫn còn hàng bó tiền Việt Nam. Bởi thế, vào đầu tháng 9-1973, bà đến Aganan mang theo một vali đầy tiền Việt. Cái vali tiền đó chẳng còn giá trị gì, ngoài sự trở thành chuyện tiêu lâm của gia đình.

Việc được xum họp với Má tôi khiến tinh thần trên thể gia đình tôi cao vọt. Má tôi giúp rửa dọn, nấu nướng giúp tôi có nhiều thời gian chăm sóc bé Cathy mới sanh, Trong khi đó ở trường, Lệ Thu, Bảo, Khải đều tiến triển nhanh chóng. Chúng tôi làm thủ tục cho các con tôi thành con nuôi của Robert Henry và đổi tên Mỹ cho chúng để dễ dàng thích nghi với một trường đất nước và văn hóa mới. Lệ Thu có tên Anne, Bảo là David và Khải là Anthon. Các con tôi đều lấy họ Henry.

Gần như lập tức, một cơ hội tài chánh bất ngờ, lý thú bỗng chợt đến một cách gián tiếp nhờ các vụ trình diễn khi trước. Cơ hội may mắn này cho phép tôi dùng óc sáng tạo và thời giờ đang có. Vợ và bạn gái của mấy người có tiếng hay tham dự các buổi trình diễn ở vũ trường hoặc gặp tôi ở nhiều nơi tiếp tân, thường hỏi tôi mua áo dạ hội ở đâu. Tôi hãnh diện trả lời y phục của tôi chính tôi vẽ kiểu và may ở Sài Gòn sau đó sửa lại cho đúng kích thước ở Guam. Họ ngạc nhiên vì khả năng của tôi, nhất là trong thời khoảng gian ngắn ngủi ngoài trình diễn. Lúc này, biết không còn hát mỗi tối, một số người này hỏi tôi có thể vẽ kiểu y phục cho họ không? “*Chắc chắn được chứ!*” Tôi trả là không vì lịch sự mà còn muốn nắm một cơ hội có thể kiếm tiền chi dụng. Má náo nức khích lệ tôi và giúp tôi may cắt. Chúng tôi làm việc với vật liệu có sẵn ở địa phương Adana, đa số là vải vóc, chỉ, nhập từ Hồng Kông hoặc Phi Luật Tân.

Chúng tôi không phí phạm bất cứ thứ gì. Từ lụa, vải cotton cho đến các loại vải thường khác. Các kiểu áo đẹp mắt được đưa ra. Khi may cắt luôn còn lại các vật dụng thừa “*những thứ linh kỉnh...*” Chúng tôi xoay sở, cố nghĩ cho chết các vật dụng thừa đó thành những món quà tặng có ích cho khách như khăn quàng, báo tay, đôi khi là những cái ví nhỏ.

Việc may cắt đắt hàng khiến chúng tôi là lúc nào cũng có như cầu cao. Tôi chưa nhận ra sau nhiều tháng các bà có tiếng tranh

đưa xem ai sẽ có kiểu áo mới trước tiên, nhu cầu sẽ giảm dần vì lượng khách chỉ có hạn. Chúng tôi “*giảm dần*” vật liệu tích trữ để may áo, váy, quần áo mà không mất tí tiền đầu tư nào cả. Rồi tôi lại tìm cơ hội mới để kiến tiền cho gia đình.

Một bạn đề nghị mở tiệm bán tặng phẩm để thu hút khách du lịch hay xuống phố niệm muốn sang lại ngay, và tôi có thể mua với cái giá hợp lý. Chủ tiệm là người Ấn Độ, đặt tên cửa tiệm là SAMBO, giải thích với tôi đó là tên một loại võ thuật bắt nguồn từ Nga, nhưng rất phổ thông ở Guam. Điều này nghe có vẻ lạ, nhưng để giải tiện khi sang tiệm, tôi vẫn giữ tên như cũ. Khách hàng là nhân viên quân sự Mỹ, và khách du lịch quốc tế, nhiều người từ Nhật. Chúng tôi làm ăn khác tốt cho đến khi cải thiện giao thông, đi lại cho thành phố Agana. Chương trình cải thiện đã lên thời khóa biểu từ lâu, nhưng người chủ trước không cho tôi biết. Khi mua, tôi chưa nghĩ đến việc phải tìm hiểu sâu hơn trước khi sang tiệm. May thay, tôi lại bán được tiệm không bị lỗ cho một người khác kiên nhẫn hơn, và có đủ vốn để đợi cho đến khi công trình sửa đường hoàn tất.

Tôi vẫn còn khó khăn ở nhà, đặc biệt là khó khăn trong gia đình tôi. Con gái Lệ Thu tôi rất thương yêu đã đến tuổi dậy thì, và khung cảnh ở Guam chẳng có gì giống khung cảnh sống của tôi hai mươi năm trước. Ngày khi Lệ Thu còn là một đứa bé đã có rất nhiều cậu để ý, chẳng khác gì như ong tìm mật. Vì tương tự các bé khác cùng lứa tuổi Lệ Thu cũng tò mò về người khác phái. Má tôi và tôi phải canh gác Lệ Thu. Chúng tôi còn huy động cả hai Lệ Thu trông chừng và báo cáo về chị. Nhưng tuy đã cố sức trông chừng, Lệ Thu vẫn bỏ nhà đi theo một chàng Thủy Quân Lục Chiến Mỹ, một chàng muốn hái hoa ở bất kỳ nơi nào có thể hát, chẳng khác các chàng trai khác. Lệ Thu trốn biệt, lặng lẽ thu xếp, rồi bỏ nhà theo chồng về đại lục Hoa Kỳ.

Tôi hết sức khổ sở và lo lắng cho con.

Một lo lắng khác, nhỏ hơn nhiều là khó khăn về tài chính và hôn nhân với Robert Henry. Tôi ngạc nhiên nhiều khi một hôm anh nói với tôi về việc mượn tiền để trả nợ cho một người ở Phi Luật Tân. Tôi chẳng biết gì món nợ, nhưng nghĩ có lẽ món nợ đó dính dáng đến việc anh mua một số tài sản địa ốc ở Agana hills, nhưng tài sản mà anh bảo là cả hai chúng tôi cùng đứng tên. Tôi thuyết phục Má đưa hai chiếc nhẫn kim cương rút từ số tiền để

dành trong quá khứ mà bà đã mang sang Mỹ trên đường tị nạn. Số tiền đó tương đương số tiền Robert Henry cần để trả nợ. Có thể hứa, Robert Henry đã thu xếp để Ba tôi rời Việt Nam sang Mỹ đoàn tụ cùng chúng tôi vào tháng 2-1974. Để chắc chắn Ba tôi sẽ đồng ý sang Mỹ, tôi cắt đứt khoản tiền gửi về có thể giúp ông trắng hoa và bài bạc ở Việt Nam.

Tuy hết sức đau buồn vì chuyện Lệ Thu trốn đi, tôi lại tìm được việc với hãng Hakubotan, một hãng bán nữ trang Nhật. Tôi đang cố gắng để quen với công việc mới thì Sài Gòn tôi thân thuộc, rơi vào thay đảng Cộng Sản, sau một cuộc tấn công khổng lồ của Hà Nội. Người Việt Nam vừa bắt đầu chạy trốn thì các căn cứ ở Guam bắt đầu chuẩn bị để tiếp nhận hàng ngàn người tuyệt vọng đang tìm đường tị nạn. Guam cách Sài Gòn khoảng 4000 ngày cây số, tương đương khoảng cách từ New York đến Los Angeles, chỉ riêng với việc đó, vấn đề nhận người tị nạn đã là một thử thách khổng lồ. Người Guam, không có chọn lựa nào khác. Vì chưa biết rõ đâu là điểm dừng cuối của người nhận số người tị nạn lớn, dù chỉ để họ tạm cư trong thời gian chuyển tiếp.

Số người tị nạn đang đào thoát, bằng mọi cách, để tìm đến một tương lai vô định ở đâu đó, vượt trên 130.000 người. Nếu được cảnh giác trước và có tổ chức hữu hiệu, chắc số người đào thoát còn nhiều hơn. Ngay lúc đầu, khi chưa biết rõ số người tị nạn, thống đốc Ricard

Bordallo của Guam đã đề nghị lấy Guam làm nơi tạm cư chuyển cho người Việt tị nạn. Với phương tiện của các căn cứ ở Guam, và tài tháo vát, đối phó chuyển với tình thế của người Mỹ, khi máy bay và tàu bè chở người tị nạn đáp bến vào Guam, bài toán khổng lồ nan giải về nơi ăn, chỗ ở cho hàng trăm người tị nạn đã được giải quyết thần tốc và hữu hiệu.

Đài KUAM kêu gọi tôi cùng làm việc với nhân viên ở đài kể loan tin trấn an các tàu sắp đến và soạn chương trình tức hàng ngày bằng tiếng Việt cho hàng trăm, chỉ ít lâu, hàng ngàn người tị nạn, đến tạm cư lâu dài trong thời gian làm thủ tục giấy tờ cho phép họ vĩnh viễn định cư ở nơi nào đó trong nước Mỹ. Hãng Hakubotan đã tốt bụng cho phép tôi tham gia nỗ lực cứu giúp dân tị nạn khổng lồ đó. Những nhân viên của Lục Quân. Không Quân, Hải Quân, Thủy Quân Lục Chiến được huy động chuẩn bị các trai ở Guam để trị thương và làm nơi tạm cư cho từng đợt

song người Việt tị nạn đang đào thoát. Ngay khi đang lên tục làm việc ở đài phạt thanh, tôi vẫn đều đặn thăm những địa điểm này hàng ngày.

Tôi nhớ là điểm tiếp tân đầu tiên được dựng vội để làm thủ tục chuyển tiếp là Trại Orote, được gọi là “*phố lều - tent city*” dựng trên một chỗ có lẽ là bãi đáp bỏ hoang, nơi nhiều con đường nhỏ thường dùng cho xe chuyển vận hàng hóa ra vào khi máy bay đáp xuống, lúc này biến thành các đại lộ và đường phố của dân tị nạn. Đi bộ vào trại Orote, quanh các lều, tôi thường gặp nhiều người đã hết tội ở Sài Gòn từ rất lâu khi trước. Nếu họ cần có ngay một số tiền nhỏ, tôi vui lòng giúp ngay. Những người tị nạn hằng hái dựng lên những bức cao, nơi tôi có thể ngồi nói chuyện bằng loa cầm tay để giải thích các thông báo từ ban điều hành. Tôi khuyến khích mọi người nhìn về tương lai, nên dừng cảm và tin rằng sau một hành trình dài gian khổ như thế, chắc chắn họ sẽ gây dựng lại cuộc sống mới ở vùng đất mới. Lạ thay, kêu gọi này cũng là một cách kêu gọi giúp chính cả tôi hồi phục, vì tôi biết lời khuyên tôi đưa ra dễ dàng cho người khác cũng là khuyên chính bản thân tôi đang cần áp dụng.

Đôi khi cũng có chuyện buồn cười. Ký giả Trọng Minh, người bạn tốt của tôi, cũng mang theo một gói tiền Việt Nam anh đã để dành chẳng khác Má tôi khi trước. Gói tiền đó lúc này hoàn toàn vô dụng. Anh bật cười vì đã ngay thơ nghĩ sẽ có chỗ đổi tiền! Tôi ngũ gặp một người đánh cá cặp vào thuyền Mỹ, tin cái thuyền bé tí của anh được thanh tra về được sẽ trả lại, như trong quá khứ để anh tiếp tục đánh cá. Nhưng anh hết sức ngạc nhiên thấy tàu Mỹ cắt dây, thả trôi những thuyền đánh cá ra biển để đưa anh sang Mỹ.

Những người này, và nhiều người khác, trong lúc hoang mang, chưa suy nghĩ cẩn thận, chỉ đào thoát vì quá hoảng hốt, được lộc dần ra để trở trên tàu Thương Tín, một tàu thương mại đã bị làm áp lực rời Sài Gòn để đào thoát. Tôi đã khóc cho những người sắp trở về Việt Nam. Vì một khi đã rời Việt Nam thì bất kể trở về với lý do gì, họ cũng sẽ chẳng bao giờ được ân cần tiếp đón. Họ đã bị xếp vào loại người không hoan nghênh việc đất nước thông nhất từ phút đầu tiên. Đảng cộng sản sẽ chẳng bao giờ chấp nhận bất kỳ sự giải thích nào.

Hàng ngàn người tị nạn may mắn đầu tiên được chuyển về các

trại làm thủ tục ở các tiểu ban Arkansas, California, Florida, Pennsylvania. Nhưng Guam là “trạm đầu” và đã đóng vai trò quan trọng trong việc thuyết phục đa số dân chún trong nước Mỹ rằng Việt bị bỏ rơi xứng đáng được tị nạn và xứng đáng được nhận sự giúp đỡ để hòa nhập đời sống Mỹ như những người di dân khác đang sống khắp nơi ở Mỹ. Đồng thời, qua kinh nghiệm ở Guam, người Việt tị nạn cũng thấy họ sẽ có cơ hội gây dựng lại cuộc đời mới. Tất cả người Mỹ gốc Việt mới, sau hai hoặc ba thế hệ ngăn ngủi, khi không còn cảm thấy bị tách biệt, sẽ chẳng bao giờ quên tổng thống Gerald Ford chính là người cương quyết định cho phép tất cả người Việt đến Mỹ, bất kể bằng cách nào, được định cư ở Mỹ theo ý muốn. Tôi tin không phải phát tất cả người lãnh đạo Hoa Kỳ đều có quyết định rộng lượng và chính xác như tổng thống Gerald Ford.

Tôi thấy gần như nửa số người tị nạn là người Công Giáo. Điều này phân vị trí đặc quyền của Công Giáo ở miền Nam Việt Nam, và phần khác, có lẽ do sự đoàn kết và sợ cộng sản của họ. Những năm sau, đã có khoảng một triệu người nữa đến Mỹ hoặc qua diện “*thuyền nhân*” đào thoát bằng biển, hoặc qua diện “*ra đi trật tự*” theo chương trình “*ODP - Orderly Departure Program*” do dàn xếp của Mỹ và Việt Nam. Ngày nay, lúc tôi viết, đã có hơn 2 triệu dân Mỹ gốc Việt. Nếu so với năm 1962, khi chỉ có một quán ăn trong cả 50 tiểu bang Hoa Kỳ, đây quá là một sự tương phản.

Riêng đối với cá nhân tôi, tuy tìm được người yêu, rồi lại mất. Giờ đây lại mất cả quê hương, chốn yêu dấu từ ngày tám bé. Tôi đã phải học biết người ta vẫn có thể sống, dù không có hạnh phúc.

Chương 13

Trốn Khỏi Tehran

Vì sao tôi lại ở Tehran?

Như đã viết ở các chương trước, ngay từ đầu, hãn hợp đồng của Robert Henry, chồng tôi đã có liên hệ với nỗ lực chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Lúc này, giữa năm 1975, B-52 không còn là biểu tượng quyền lực và có vẻ chỉ còn là biểu tượng một chính sách thất bại. Tuy vậy, cuộc chiến đã chấm dứt nhưng việc giảm thiểu cơ sở quân sự ở đảo Guam vẫn cần có kế hoạch chi tiết. Bởi thế, chúng tôi chưa rời Guam ngay dù việc đã rõ là chúng tôi sẽ không ở Guam lâu.

Robert Henry dần dần đã chuyển về làm với Ngũ Giác Đài, có lẽ nhờ từng là sĩ quan trừ bị. Sau khi về tiểu bang Virginia, chúng tôi mua một căn nhà ở quận Fairfax. Dĩ nhiên, Robert Henry là người cày đáng mọi thủ tục trong quá trình đó. Do anh thiếu một ít tiền trả khoản đặt cọc đầu tiên, Má tôi và tôi đã đóng góp một phần nhỏ. Ngày ngày, Robert Henry mặc quân phục để làm ở một văn phòng gần khu đầy những hành lang, ngang dọc như ma trận, của quân đội bên bờ sông Potamac. Thật lạ khi nhìn anh, một người chưa hề chiến đấu ngày nào ở Việt Nam, mặc quân phục một quân nhân.

Trông những khác gì đóng kịch.

Nhưng Robert Henry đã đưa các con tôi cùng Ba Má tôi sang Mỹ và chúng tôi đã có một đứa con gái ở Guam. Tuy giữa hai chúng tôi luôn lục đục, việc anh tuân thủ mọi lời đã hứa không phải là việc nhỏ. Bất kể điều gì xảy ra về sau, tôi lúc nào cũng ghi nhận biết ơn anh đã giữ lời hứa đó với tôi.

Tháng 6-1977, tôi sinh thêm một con gái nữa, chúng tôi đặt tên là Jaime. Cũng như Cathy, con gái đầu lòng của chúng tôi ở Guam, lúc đầu, Robert Henry nghi ngờ đó không phải da của anh. Các bác sĩ giải thích màu da sậm hơn là do chồng luôn có tâm trạng bất ổn của tôi vẫn cáu kỉnh trong hai ngày cho đến khi sự việc cho thấy nghi ngờ của ảnh hưởng mạnh đến tâm lý tôi vì Má

tôi hoàn toàn bận bịu với việc chăm sóc 4 đứa bé kia và Robert Henry lúc nào cũng chỉ trên cương cửa hạm hực. Tôi được an ủi phần nào nhờ sự chăm sóc của bác sĩ, y tá. Tôi chỉ thấy cô độc, cô đơn, tuy cả Má lẫn Ba tôi đang cùng ở với tôi tại Virginia.

Tháng 5-1978, chưa đến một năm sau, tôi lại sinh Victoria, một bé gái khác, chẳng hiểu sau tôi hiểu sao tôi vẫn sinh con sau khi cảm thấy quá xa Việt Nam. Nhưng lúc này, ở mé đông bờ biển Hoa Kỳ, tôi phải nhìn nhận, phải chấp nhận, một thực tế mới. Đất nước tôi sinh ra, và lớn lên, đã mất vĩnh viễn.

Tôi nghĩ nên, và thật sự cần, phải học một nghề có ích. Tôi ghi danh vào hợp lớp kỹ thuật chăm sóc răng. Lớp học cực kỳ khó vì tất cả đều bằng tiếng Anh và tôi chưa có đủ vốn liếng tiếng Anh để có thể hiểu như người đang theo hợp một lớp chuyên nghiệp. Dù vậy, các “*kinh nghiệm thực tập*” của tôi ít nhất cũng chẳng kém gì những học sinh giỏi trong lớp. Những bạn học thường xuyên nhờ tôi giúp khi làm các mẫu răng. Tôi còn làm cả một bộ răng giả cho Má tôi và bà đã dùng bộ răng giả đó thoải mái đến cuối đời. Tuy tôi rất thích lớp làm răng, khả năng anh ngữ kém cỏi khiến tôi không lấy được bằng.

Không học được như ý, để bớt ray rứt và cũng để kiếm thêm ít tiền, thỉnh thoảng tôi lại hát. Robert Henry lúc nào cũng theo tôi, gần như hiện diện để canh chừng.

Sự ghen tuông ngầm ngấm của anh khi có người khen ngợi bài hát làm tôi mất hứng trong trình diễn. Tôi thường có cảm giác khó chịu trong đầu, trong bụng tựa như buồn nôn sau khi đi các chuyến xe nhào lên, hụp xuống sân chơi tại những nơi hu hí. Từ đó trở đi, tôi chỉ hát khi có yêu cầu, thường là vào dịp có các buổi lễ tưởng nhớ.

Tôi quyết định phải xem học Anh nghiêm túc là quan trọng hàng đầu, vì đây là bước cơ bản để thích nghi với đời sống Mỹ. Hơn nữa, khả năng Anh ngữ còn có thể đem đến cơ hội học hỏi lớn hơn để có nghề nghiệp hữu ích. Về phần tôi, đó là sự suy nghĩ tốt, nhưng các vấn đề mới trong gia đình là trở ngại đầu tiên. Robert Henry không thấy thoải mái với việc quân đội nửa mùa. Anh xoay sở để có hợp đồng làm với một hãng thầu mượn anh công tác ở Tehran, thủ đô Iran, khi Iran nằm dưới quyền cai trị của một quốc vương, vua Shahanshah... “*vua của các vị vua.*”

Chúng tôi đến Tehran tháng 9-1978, một đoàn du lịch sáu người

một mỗi. Nhóm chúng tôi gồm Robert Henry, tôi, Má tôi, Catherine gần 6 tuổi, Jaime chưa đầy hai tuổi, và Victoria mới bốn tháng vẫn còn phải bế. Bảo và Khải, hai con lớn của tôi ở lại Virginia với Ba tôi vì cả hai vẫn đang học ở Mỹ.

Xuống máy bay, thấy mỗi một sau chuyến bay, nhất là khi phải đi cùng trẻ con, rồi lại phải nghe một thứ ngôn ngữ khác lạ xung quanh khiến tôi có cảm giác xa lạ chẳng khác một người Mỹ lúc mới đến Việt Nam. Không chỉ lạ lẫm về ngôn ngữ mà trong một môi trường thực sự mới mẻ này, tôi chắc chắn là xa lạ, một người ngoại quốc... và cảm giác ngoại quốc đó rõ rệt, sâu xa hơn khi tôi ở Guam và ở Virginia nhiều. Tôi và Má tôi nương tựa lẫn nhau và chúng tôi phải chú tâm ngay vào ba đứa bé, nhưng gần như ngay lập tức tôi thấy cần phải có ít nhiều hiểu biết về những gì đang xảy ra xung quanh, nơi chúng tôi sẽ sống trong thời gian Robert Henry ở đây.

Cách tự nhiên nhất để tôi có thể tiến vào, cố hiểu môi trường của người Iran là xuống phố mua thứ cần thiết. Chúng tôi cần bánh mì, rau tươi, thịt và yogurt địa phương, một món về sau đã thành món chúng tôi rất thích. Tuy lúc đầu hơi sợ vì mọi thứ đều hoàn toàn mới, chỉ ít nhất là các vùng gần nơi chúng tôi sống nhất. Đôi khi Má tôi và Cathy cùng đi nhưng tôi thường tán bộ một mình. Đường phố thật sinh động. Nhiều đường không phải là đường xe chạy mà chỉ là những con hẻm nhỏ đi bộ có các quán hàng dọc hai bên. Không کیا mua bán nhộn nhịp tỏa ra từ các câu chuyện ở mọi cửa hàng. Chỉ có khách mua hàng ngay thờ nhất mới tin có giá hàng chính xác. Mọi người buôn bán trong chợ ở Tehran đều là người thực tế và không hề cả tin. Trả giá không chỉ là điều hiển nhiên, mà còn được xem như sự thăm hỏi, xã giao khi mua bán.

Người bán hàng tò mò và đôi khi khách hàng nghe lỏm, gần như lúc nào cũng lễ phép hỏi tôi là người nước nào. Sự tò mò của họ, theo kinh nghiệm của tôi, không bao giờ là tò mò thiếu thân thiện, nhưng khi tôi hỏi đoán thử tôi là người nước nào, sự khác biệt từ các câu trả lời khiến tôi hết sức ngạc nhiên. Tôi chẳng hiểu sau một số người lại cho tôi có thể là người Ý hoặc người Hy Lạp. Một số do sự đoán tôi là người ở một vùng đất lạ ở Á Châu. Chỉ có một lần, một người bán vải đoán tôi có thể là người Việt Nam! Tôi nghĩ cô thực sự ngạc nhiên khi tôi nói cô

đã đoán đúng. Tôi luôn tìm cách nói thêm chồng tôi là người Mỹ, nhưng khi bức tường xa lạ đã bị các chuyện xã giao đánh đổ, chuyện gia đình tôi liên hệ với người Mỹ chưa bao giờ khiến họ tỏ vẻ thù nghịch.

Những biểu hiện nghệ thuật, dù qua các bức họa, qua nghệ thuật làm thảm, hoặc đồ gốm là một đường nét văn hóa nổi bật của Iran. Tôi đặt biệt mê những tấm thảm dệt, có lẽ vì ở Việt Nam, dệt thảm không là nghệ thuật truyền thống. Khám phá các hàng quán trong dọc như ma trận khắp nơi, quán sát dân địa phương dệt những tấm thảm *kilim* mỏng hoặc những tấm thảm dày hơn, tất cả đều khác biệt tùy theo vùng càng khiến tôi muốn học hỏi thêm. Sau nhiều ngày tìm hiểu, một chủ quán thân thiện giới thiệu tôi với một gia đình có xưởng dệt nhỏ mướn nữ nhân công dệt thảm, đa số đều nhỏ tuổi hơn tôi. Dù tôi luôn học hỏi nhanh nhẹ về nghệ thuật, và sau đó về xây cất, ngón tay nhanh nhẹn của những thợ dệt Iran dày kinh nghiệm đang dệt vẫn khiến tôi ngẩn người. Không lâu sau, tôi đã có việc làm như họ, tuy chưa bao giờ nhanh bằng. Tôi vẽ vài kiểu hoa văn trên giấy và các ban mới giúp tôi đan một tấm thảm nhỏ. Về sau họ còn dùng các hoa văn tôi vẽ cho một số tấm thảm họ dệt.

Học hỏi từ những người đàn bà thân thiện này cho phép tôi khám phá tự nhiên mà không cần nên những câu hỏi khó chịu, hoặc những chỉ trích của một người nước ngoài, đối với các điều họ tin là các vấn đề chính đang phá hủy xã hội và quốc gia họ. Theo những bạn mới tuy không phải là người trực tiếp tham gia nhưng chắc chắn là người quan sát các hoạt động chính trị thì khoảng một tuần trước khi gia đình chúng tôi sang Iran, các lực lượng an ninh làm việc trực tiếp cho vua Shah đụng độ với những người biểu tình phản đối đã giết và gay thương tích cho hàng trăm người. Khi nghe chuyện từ những người đàn bà quanh tôi với nét mặt nhú lại, nhưng gật gù, đồng ý, tôi cho có lẽ biến động ở Iran lúc này cũng chẳng khác gì biến động trong thảm kịch 1968 ở Huế khi lực lượng an ninh giết những biểu tình Phật Giáo. Nhiều cái chết ở Huế, khi so sánh với hàng trăm cái chết ở Tehran, khiến tôi sững sờ. Qua sự thật thà của những người đàn bà, tôi tin tổn thất thân mạng của Iran quá là con số đó.

Làm sao chuyện lại có thể xảy ra như vậy?

Tôi có thể hiểu bằng cách suy nghĩ xem có thể có bất kỳ sự

song song nào giữa các biến động của Iran với lịch sử Việt Nam mới đây không. Dần dần qua các câu chuyện trải dài hơn ba tháng, tôi biết khoảng 30 năm trước Shah tranh quyền với một nhân vật lãnh đạo chính trị quốc gia đã đưa Quốc Hội Iran về hứng quốc hữu hóa các hoạt động đầu lửa của ngoại quốc. Mức căng thẳng nội bộ Iran và sự lén lút về những nguồn lợi dầu lửa của ngoại quốc, đã khiến Shah đuổi thủ tướng. Nhưng vị thủ tướng được một số dân chúng ủng hộ, bởi vậy chính vị Shah phải rời Iran chạy sang Âu Châu. Không ngờ, dịch vụ tình báo ngoại quốc đã châm ngòi một cuộc đảo chánh lật đổ chính phủ thắng cử và đem vị Shah từ Pháp trở về tiếp tục nắm quyền như một quốc vương độc tài. Ngày nay, nếu nhìn lại thì đây quả là một sự đáng tiếc.

Thủ tướng tượng việc sẽ xảy ra thế nào nếu Pháp tổ chức cuộc đảo chánh thành công lật đổ Ngô Đình Diệm, và đem hoàng Bảo Đại trở lại để giúp người Pháp duy trì quyền lợi thương mại của Pháp? Người Việt Nam sẽ phản ứng thế nào? Dù nhìn nhận những lỗi lầm của tổng thống Diệm và thành tích kém cỏi của các chính quyền quân nhau sao đó? Tình thế sẽ tệ hại hơn đến mức nào? Chính quyền không-công-sản sẽ sụp đổ nhanh chóng hơn đến độ nào nếu thực dân Pháp thành công trong việc đưa hoàng đế Bảo Đại lên nắm quyền?

Bên trong Iran, Shah sử dụng quyền lực vô giới hạn và cảnh sát bí mật để áp đặt sự trung thành tuyệt đối. Nhưng tất đồng ý kiến, dù dè dặt, vẫn có thể khiến kẻ bất đồng ý kiến bị thảm vận vô nhân đạo, bắt giam thủ thiêu. Đàn áp bao trùm mọi mặt đến độ quyền lợi thương mại, trí thức và các quyền lợi chính trị hiện đại khác đều bị vô hiệu hóa.

Bởi thế, chuyện âm mưu từ người ngoại quốc đã vô tình dẫn đến hậu quả khó lường: Ở Iran, cách duy nhất có thể xử dụng để chống độc tài là phong trào đấu tranh tôn giáo của Hồi Giáo. Hồi Giáo đã quyện sâu vào xã hội Iran đến độ các giáo sĩ đứng lên kêu gọi không thể bị dọa nạt. Các giáo sĩ hồi giáo mullahs trở thành giải pháp cuối cùng cho những người khinh bỉ Shah.

Lúc này, vì đi theo Robert Henry, tôi đã vô tình đưa Má tôi và ba con gái tôi vào giữa một cuộc sụp đổ lịch sử khác.

Tháng 12, các cuộc đụng bộ ngoài đường phố gia tăng. Có lần, khi lửa đạn bùng ra ở đường phố ngay giữa ban ngày, Má tôi và

tôi phải trốn trong một quán quen cạnh đó trong khi Robert Henry phải núp trong xe hơi chúng tôi. Biểu tình xảy ra thường xuyên. Đôi khi người biểu tình khiên theo cả xác chết của người chống đối.

Chúng tôi sống ở một sườn đồi nhìn xuống thành phố. Hàng đêm, tiếng súng và tiếng loa thét bên dưới vọng lên: “*Shahan-sha... Shahansha.*” Chúng tôi chẳng bao giờ hiểu rõ đó là người đang đả đảo hoặc ủng hộ chính quyền. Một số quân nhân nổi loạn tấn công các đơn vị an ninh là xương sống quyền lực đã giúp Shah nắm chặt uy quyền.

Đầu năm 1979, địa vị của Shah ngày sụp đổ dần.

Các gia đình Iran lệ thuộc chính quyền, một số nhân viên cao cấp của chính phủ, người có và cư dân ngoại quốc, thấy đều vội vã mua vé máy bay quốc tế để chạy trốn biến động sụp đổ sắp đến. Chúng tôi cũng không ngoại lệ đó. Vấn đề cấp tốc của chúng tôi là mọi đường bay đều đặc nhệt, tất cả vé đều bán sạch và người có tiền của đã mua vé trước. Má tôi, ba con gái và tôi đều có vẽ rời Iran ngày 15-1. Robert Henry đưa chúng tôi đến sân bay Mehrabad, nhưng không thể theo chúng tôi qua khung vực an ninh để đến chỗ máy bay cất cánh. Từ phút đó trở đi, chúng tôi chìm trong vùng hỗn loạn và hoàn toàn tự lo liệu. Mọi người, do sợ hãi, cứ tự lẫn lộn dần từ các hàng dài đầy người xếp hàng này, đến hàng dài người xếp hàng khác, từ điểm kiểm tra này đến điểm kiểm tra khác, tranh dành với khách du lịch để tiến đến điểm mong đợi.

Cuối cùng, chúng tôi ra đến con đường nhựa bên ngoài, vẫn dính chặt trong hàng người, nhưng bắt đầu thấy cầu thang lên máy bay, trông như thể chiếc cầu thang bắc lên thiên đàng. Gần đến chỗ trạm kiểm soát cuối, chỉ còn đợi kiểm soát vé lần chót trước khi vào máy bay, thì ngay lúc đó, khâu phi hành đoàn nói gì với nhau, chúng tôi được báo chỗ ngồi của chúng tôi đã được bán cho tôi được chỗ ngồi của chúng tôi đã được bán cho người khác. Sự phản đối lớn tiếng của tôi khiến vấn đề được giải quyết khá nhanh tôi chẳng biết bằng cách nào. Rồi chúng tôi được báo giấy tờ du lịch của Má tôi có điểm khác thường, và bà sẽ phải ở lại.

Giấy tờ của Má tôi là giấy tờ chứng nhận du lịch của người tị nạn được quốc tế nhìn nhận, chứ không phải giấy thông hành. Khi vào Iran, giấy tờ được thông qua, nhưng giờ đây Má tôi có

nguy cơ bị giữ lại. Tôi không thể và sẽ không để điều đó xảy ra. Một tôi đã hơn một một lần cứu tôi cản ngang cửa máy bay đồng thời không để nhân viên máy bay cố kéo tôi vào, vừa đồng thời không để những khác phía sau tôi xuống cầu thang. Tôi hét lên tôi sẽ đứng luôn ngay đây và máy bay sẽ không thể cất cánh nếu Má tôi không được đi. Con tôi gào khóc, Má tôi gần như ngất đi, cuộc đẳng co kéo dài gần một giờ khi một nhân viên ngoại giao Mỹ từ sứ quán giải thích thêm lần nữa với giới chức ở Mehrahad và phi hành đoàn. Cuối cùng chúng tôi được lên máy bay, và nín thở đến khi máy bay cất cánh. Tôi biết Việt Nam đã sụp đổ thế nào năm 1975 khi hàng ngàn người nào thoát tìm an toàn bằng mọi cách.

Chúng tôi đến Pháp, hạ cách ở phi trường Charles de Gaulle cùng vào ngày đó. Vài giờ sau chúng tôi chuyển sang chuyến bay kết tiếp và ngày 16-1-1979, đáp xuống New York. Shah “*vua của các vua*” lại trốn khỏi Iran lần thứ hai, và lần này, chuyến ra đi của ông thành vĩnh viễn.

Chúng tôi trở lại Virginia, về lại căn nhà ở Fairfare, nơi ba tôi đang ở và hai con trai tôi, Bảo Khải đang đi học. Không lâu sau Robert Henry cũng theo chúng tôi trở về Virginia vì hoạt động thương mại của Mỹ, thực ra mọi loại hợp đồng ngoại quốc ở Tehran, đều bị xóa bỏ. Robert Henry quanh quẩn ở nhà thời gian ngắn cho đến khi trở lại làm ở Ngũ Giác Đài. Lại một lần nữa, anh mặc quân phục, mỗi sáng đến làm việc thư ký gì đó, một dạng nhân viên quân đội không chính thức. Tôi nhớ áo khoác của anh có phù hiệu Biệt Kích, dù tôi thấy anh chẳng có vẻ biệt kích chút nào. Nhưng anh vẫn duy trì vẻ bên ngoài đó và được trả lương như mọi người có các nhiệm vụ một số giá trị nào đó của bộ Quốc Phòng.

Trong căn nhà mua với số tiền bán nữ trang của Má tôi đóng góp để trả phần tiền cọc ban đầu, tất cả chúng tôi đều chia nhau làm việc như một đại gia đình. Ba Má tôi, nhất Má tôi, giúp Robert Henry làm các việc vặt trong nhà. Và tôi, đương nhiên có trách nhiệm, chính lo cho tất cả các con Bảo, Khải, Catherine đi học mỗi ngày. Sau khi những đứa lớn đến trường, tôi quay qua chăm sóc Jaime và Vickie, hai đứa bé hai tuổi và một tuổi. Robert Henry chẳng bao giờ mó tay vào làm việc chăm sóc hai đứa bé, chưa bao giờ thay tã, hoặc cho con ăn lần nào. Tôi cảm tạ Má

tôi, hàng ngày vẫn nhớ bà đã giúp tôi và rồi giúp các cháu, từng đứa một.

Robert Henry không hài lòng với công việc của một quân nhân vô danh ở Ngũ Giác Đài. Nhớ lại các mức lương cao hơn và cuộc sống thoải mái của một nhân viên hợp đồng ở Sài Gòn, rồi thăm giò hoạt động xây cất, bảo trì tài sản địa ốc ở Maryland và Virginia, anh quyết định mở một hãng sửa nhà và xây dựng. Anh đặt kết hoạch, bắt đầu làm các việc nhỏ, và nếu thành công sẽ khuếch trương nếu có cơ hội. Tôi nghĩ để đáp ứng với việc thuê má và các đòi hỏi từ Bộ Quốc Phòng anh đã chuẩn bị hồ sơ pháp lý khai tôi là chủ và giám đốc của hãng.

Robert Henry dùng tôi để tìm, mượn nhân viên thường là người tị nạn Việt Nam, làm việc tạm thời tùy công việc chúng tôi tìm được. Một số việc đòi đội nhân công phải làm ở các khu thiếu an ninh trong quận Washington DC. Tôi đi với họ để trấn an và giúp họ tránh đụng độ với những người Mỹ không thân thiện, không quen thấy người Á Châu ngoài phố. Vì phải làm các việc này, tôi gián tiếp học hỏi, thực tập cách giải thích ôn hòa những căng thẳng giữa cho thuê và người thuê nhà. Chủ nhà chỉ muốn trả công ty chúng tôi càng ít, càng tốt, càng lại tăng tiền thuê càng nhiều càng tốt, ký hợp đồng mới với người thuê.

Đôi khi các người chủ trang tiền không đúng hạn trong lúc giao kèo chưa hoàn tất. Thời gian thiếu tiền, chúng tôi không có tiền trả nhân viên, tôi phải năn nỉ họ thông cảm và một số lần tôi vay tiền của Má tôi để chi cho số tiền thiếu. Hết tháng này sang tháng khác. Robert Henry cứ đưa giấy tờ cho tôi ký mà chẳng giải thích tường tận, hoặc giải thích khái quát những giấy tờ tôi ký để làm gì.

Thị trường địa ốc đang hoạt động mạnh, giá mua, thuê gia tăng, Robert Henry vay tiền mua một số condo ở quê anh, bang Pennsylvania. Khi nhà băng thận trọng duyệt lại mọi sự, anh đã phải bán các condo đã mua và tôi lại phải ký giấy tờ đó. Dần dần, vì biết ơn Robert Henry đã đưa gia đình sang Mỹ, tôi bắt đầu làm việc như một nhân viên chính thức của hãng xây cất. Lúc này, không chỉ ký giấy và thu tiền cho hãng, tôi học cách làm sàn gạch, làm mái và làm việc nặng. Chúng tôi vác các bó vật liệu làm mái, treo thang lên mái condo, làm việc ở những chỗ chật hẹp, hôi thối phía dưới các tòa bin-đỉnh cũ. Tuy phụ làm việc lao

động của người lớn, các con tôi được không trả lương. Thỉnh thoảng, chúng tôi chỉ được ít tiền bỏ túi, và việc chúng làm chỉ được xem như tập việc để quen với kỹ thuật của việc Làm.

Với tôi, cũng chẳng có khác gì. Tôi không được trả lương, chỉ thỉnh thoảng nhận tiền, đa số tiền đó tôi dùng vào việc chi tiêu cho gia đình. Hoàn toàn lệ thuộc vào sự giải thích của chồng, tôi không hề biết đến cả việc hãng cần có hồ sơ lương ghi lại các khoản luật pháp đòi hỏi khấu trừ. Tôi không biết việc phải có các hồ sơ cần thiết, và phải có các khoản trích ra để đóng thuế an ninh xã hội. Tôi luôn ký tất cả giấy tờ, kể cả giấy tờ cho phép một hãng thứ hai xử dụng giấy phép hành nghề, Robert Henry đưa ra cho tôi ký. Vì khả năng Anh ngữ giới hạn, đến nay tôi vẫn chưa hiểu cách anh báo cáo chi thu và thuế má thế nào.

Khi nghĩ lại các năm đó, tôi sợ có thể có nhiều việc xào xào hồ sơ, khai báo không đúng hoặc không tuân thủ luật lệ về khai thuế thu nhập, hoặc thuế an sinh xã hội. Có thể giấy tờ đã ghi tôi là nhân viên có lương trong khi thực tế không phải vậy. Ba Má tôi có thể được khai trên giấy tờ là người đang nhận sự trợ cấp của chủ gia đình, trong khi trên thực tế không phải vậy. Tôi chẳng có cách nào để biết. Ba Má tôi là người làm việc không lương trong nhà, rất khổ sở. Một người bạn cho biết có thể sống cách khác thanh thoi hơn, Ba Má tôi đã xin ra ngoài ở nhà dưỡng lão. Lúc này, tôi thấy sự tách biệt, rất cô đơn do áp lực công việc và hoàn cảnh gia đình.

Nguồn an ủi duy nhất của tôi là các con.

Mỗi ngày tôi đến thăm các nơi hãng có giao kèo, xem có vấn đề gì không, coi tâm lý làm việc của nhân viên, và nhấn mạnh tuy phải làm việc đúng theo thời khóa biểu, không bao giờ nên bên bối với phẩm chất. Nếu chỉ có một nơi đang có giao kèo, tôi sẽ ở lại đó, làm việc như người lao động. Khi thiếu người làm việc nặng, tôi là người thay thế. Bởi vậy, đến ngày nay tôi vẫn bị đau cột sống, vì xương sống đã bị hư rất nặng. Con đau thường xuyên là nhắc nhở về sự huy sinh của tôi cho người khác, nhất là ba đứa con Việt Nam. Đôi khi, khi Ba Má tôi không thể trông con, vừa theo dõi công việc, nhân viên, không phải việc dễ. Thường thường tôi được chia một phần việc như lát gạch hoặc làm các việc mỹ thuật lúc cuối. Tôi lát gạch sàn khá đẹp. Khi Robert Henry hứa giúp vợ của một người bạn đã qua đời làm lại

sàn nhà, anh đưa tôi đến nhà bà, và cả hai ở đó nhìn tôi làm lại sàn nhà của bà như anh đã hứa.

Tôi công bằng với mọi nhân viên, và đôi khi còn cho mượn các số tiền nhỏ rút từ tiền riêng của tôi. Có lần, khi quá thiếu tiền, để có trả lương cho nhân viên, Má tôi phải bán nữ trang, và có đồ cả nhân bà mua từ khi tôi còn là ca sĩ ở Sài Gòn nhiều năm trước. Robert Henry tỏ ra biết ơn, nhưng chẳng bao giờ hoàn tiền lại cho bà, ngay cả các năm về sau, khi bà phải vào bệnh viện. Khi tôi nhắc, anh trả tiền lời đã quá 3 năm, anh chẳng còn trách nhiều gì với việc phải trả số tiền Má tôi đã bỏ ra.

Tôi khuyến khích một cậu Mỹ trẻ nên đi học trở lại. Cậu trở thành gần như người con nuôi, thỉnh thoảng phụ giúp việc nhà và đôi khi theo tôi đưa các con đến quán ăn hoặc công viên có các trò chơi cho trẻ con. Cậu ta có vẻ hơi mê tôi, tuy tuổi tác khác nhau khá nhau khá xa và việc đó khiến Robert Henry bức bối. Tuy thế, sau lần cậu ta sửa xe hơi cho Robert Henry, việc ghen tuông vô căn cứ hình như bớt đi.

Sau nhiều tháng rồi vài năm, Robert Henry có vẻ hài lòng khi tôi trông coi hằng để anh thánh hơi xem football trên ti-vi. Khi tôi mệt mỏi trở về, anh thường đón tôi ở cửa tay cầm chai bia, người múa may vụng về chào đón. Tuy tôi mệt mỏi đến tận xương, chỉ muốn đi tắm và ngủ, Robert Henry thường bắt tôi phải chiều theo cảm xúc anh bảo chỉ dành riêng cho tôi, và riêng mình tôi.

Nhưng một tối, sau ngày làm việc ở một nơi có giao kèo, trên đường về nhà, tôi cùng hai nhân viên ghé ván nước ở phòng đợi của cách sạn Key Bridge Marriot. Robert Henry đang ở đó với vợ của người khác bạn mà tôi đã giúp lát gạch sàn phòng. Sự hiện diện của họ vui vẻ vượt mức bình thường. Giác quan thứ sáu hoạt động và tôi biết chắc cuộc hẹn hò của họ không phản lần đầu. Tôi cho tiền một người bồi để anh ta mang nước đến cho “*Ông Henry và Bạn,*” với lời nhắc người mua nước là “*Bà Henry.*”

Sau đó khi về nhà, tôi bị tấn công. Robert Henry đã đợi phía sau cửa và đánh tôi mạnh đến nỗi tôi té xuống sàn. Sau đó anh ngồi trên lưng tôi, đánh tôi cho đến khi cậu Mỹ trẻ đi theo tôi xô anh ra. Vì sợ việc lại tái diễn tôi gọi cảnh sát. Trước khi cảnh sát đến, Robert Henry đã đâm dao vào ngón tay cho máu nhỏ vào áo,

và tôi nói đã tấn công anh. Cảnh sát không tin và các con tôi cũng chẳng bao giờ tin lời anh. Hôm sau, khi phỏng vấn tôi ở nhà thương, cảnh sát thúc tôi khai đúng sự thực, và cho phép họ kết án, bắt Robert Henry. Tôi cảm thấy không nên làm thế.

Nhân viên phỏng vấn cảnh sát tôi chuyện đánh đập thường chỉ là mở đầu cho các trò vũ phu tàn ác hơn theo sau. Tôi quá thực sợ Robert Henry sẽ tiếp tục đánh đập tôi và hành động vũ phu có thể trở thành thói quen. Nhưng, tương tự nhiều người đàn bà khác, có lẽ đa số là những người trong hoàn cảnh tôi, tôi lý luận để chấp nhận việc bất khả chấp nhận: Có lẽ tôi nên kiếm một cách phản ứng khác. Tuy không phải lỗi tại tôi và đã hấn việc vũ phu với tôi là sai, nếu đối xử cách khác, thay vì mĩa mai, tôi đã có thể khiến cơn giận của Robert Henry giảm bớt.

Và quan trọng hơn, có lẽ cũng như mọi người mẹ khác, tôi lo chuyện gì sẽ xảy ra nếu Robert Henry bị bắt. Lý lịch nhân sự của anh với Bộ Quốc Phòng có bị thu hồi không? Anh có bị mất việc không? Việc đó sẽ ảnh hưởng như thế nào đến cha mẹ anh hoặc các con chúng tôi? Tôi có bị cha mẹ, anh em Robert Henry hoặc các con tôi đổ lỗi không? Và tôi phải đối phó thế nào với tiền nhà và các giấy tờ mà Robert Henry luôn lo liệu? Bởi thế, tôi cố chịu đựng, tiếp tục sống với trái tim nặng trĩu. Nhưng tôi biết chắc, một ngày nào đó tôi sẽ phải rời bỏ cuộc hôn nhân ngọt ngào và ngược đãi lúc này. Tôi lo cho các con.

Bảo đã xong đại học, khi tôi để Robert Henry bán chiếc nhẫn kim cương của tôi để trả tiền học năm cuối cho Bảo. Khải cũng sắp xong đại học. Tôi tin Robert Henry sẽ chẳng có vấn đề gì khi sống chung với ba đứa con gái là huyết thống của anh. Ba Má tôi đang sống độc lập bên ngoài.

Cuối cùng, tôi nói với Robert Henry là tôi sẽ ra đi, và anh nên hiểu sự ra đi của tôi là khởi đầu sự ly thân. Với trái tim nhẹ nhõm, tuy hoàn toàn chưa có bất cứ kế hoạch nào, tôi cất bước lên đường.

Tôi như viên đại pháo phóng ra khỏi nòng, nhưng trong hình thể con người, phải chịu lực cản của không khí, trật mục tiêu, giảm tốc, vô phương hướng, lộn vòng, và qua vào những chỗ không hề nằm trong chủ tịch.

Gần như không có tiền trong túi, tôi bay xa về hướng tây. Tại sao lại về California? Vì California gần như xa Virginia nhất và

California là điểm tụ đông đảo người Mỹ gốc Việt quanh San Jose và quanh Orange County. Tôi chọn Orange County, gì ngay thơ nghĩ tôi thích cam. Một lựa chọn mù quáng, nhưng lại là một sự chọn lựa tốt vì có một người quen biết từ trước ở Việt Nam đã ở đó rồi. Những vườn cam lớn đã trôi vào dĩ vãng, nhưng gần như mọi nhà đều vẫn còn một vườn nhỏ.

Toan tính đầu tiên của tôi là mơ một tiệm bán quần áo số tiền vô cùng ít ỏi, và với một nỗ lực tập lại kinh nghiệm mở tiệm ở Guam. Tiệm KV Fashion thành công ngay. Tiệm có khách đều đặn, nhất là khách đàn bà Việt Nam, sau nhiều năm đến Mỹ, giờ đây muốn có quần áo chung, diện đúng một. Tên tôi nhiều người biết qua những quai trong các phim tôi đóng khi trước và tôi nghĩ số quần áo tôi bán được chỉ vì người mua muốn các bạn họ biết quần áo họ mua từ chính tôi. Khó khăn lớn của tôi là thiếu khả năng Anh ngữ. Tôi có thể nói chuyện với khách hàng, nhưng luật lệ rắc rối của chính phủ địa phương, việc làm hóa đơn, tính toán sổ sách, thuế má khiến tôi chới với.

Tôi được cứu thoát nhờ Trần Văn Thanh, con trai của tướng Trần Văn Đôn, người đã được hưởng lợi sau cuộc đảo chánh và ám sát tổng thống Diệm năm 1963. Trước đây thanh đã bám theo tôi ở Đà Lạt như một con chó nhỏ, ngay thơ hơn cha anh rất nhiều. Lúc này anh xuất hiện ở California, ngó ý muốn giúp tôi làm các việc sổ sách của tiệm. Nhưng có một vấn đề. Tuy khéo léo trong việc sổ sách, giấy tờ, chỉ tiêu của Thanh đều mắc mớ, nhất là các vé bay du lịch thường xuyên và các cú điện thoại viễn liên cá nhân, đều do công ty của tôi trả.

Điểm giao thông khiến tôi thay đổi suy nghĩ là trận động đất ngày 1-10-1987? Trung tâm điểm của trận động đất ở Whitter, nhưng ảnh hưởng lan rộng đến Bellflower, nơi chúng tôi có xưởng sản xuất và văn phòng làm việc. Trận động đất khiến tôi rùng mình và đã đánh động một tín hiệu nằm trong tiềm thức: “*Quay về Virginia và kết thúc ly dị.*” Việc ly thân không chính thức hoặc hợp pháp với tôi không đủ. Tôi cần ly dị để có tự do hoàn toàn.

Cuộc hôn nhân, với tôi ngay từ đầu, “*sans passion không có đam mê*”, và cuộc ly dị về phần tôi, “*sans haine không có căm hận.*” Robert Henry, đúng với bản tính con người, có phần gian giáo, một mực đòi chúng tôi phải dùng các luật sự của anh để

mọi chuyện được suông sẻ. Vì nghĩ là tôi sẽ đòi chia nhà, Robert Henry là mượn thêm một khoản tiền lớn dùng nhà thế chấp và giấu số tiền đó đi. Vì cho là tôi sẽ lấy các đồng trang trí và các thứ sưu tập, anh đem hết các món đó sang gửi nhà một người bạn. Anh nó với một đứa con trai tôi đã lấy đi tất cả các bộ đĩa ăn trong nhà. Cảm thấy tội anh, con tôi đã mua một bộ đĩa cho Robert Henry. Về sau, sau khi ly di, anh lại đem bộ đĩa khi trước trả lại. Chuyện lừa dối rẻ tiền của anh lộ tẩy.

Tuy các bạn tôi nói ít nhất phần tôi cũng phải có một số tài sản, tôi chẳng đòi hỏi gì về nhà cửa, tiền trong trương mục hoặc bất cứ thứ gì khác. Tôi nghĩ Robert Henry nên có một nền tảng vững chắc, không có gánh nặng nào khác khi anh phải gánh vác trách nhiệm nuôi ba bé gái Cathy, Jaime và Victoria. Tôi chỉ muốn tự do cất bước. Các rất nhiều cuộc bàn giữa những luật sư và Robert Henry. Những sang nhượng vượt quá hiểu biết của tôi hoặc gấu giếm tôi trong bí mật. Cuối cùng, sau khi ký giấy, kết cục tôi chẳng có một xua nào trong túi, nhưng được tự do.

Giờ đây tôi phải làm gì?

Chương 14

Sự Tương Đối

Thời gian thực sự là tương đối. Dĩ nhiên, chúng ta biết đơn vị để đo thời gian là tuyệt đối: 60 giây mỗi phút, 60 phút mỗi giờ v.v... Nhưng chúng ta hiểu vấn đề đo đặc hiện tượng tùy thuộc người quan sát và vật được quan sát. Ngay cả hành động đo lường cũng ảnh hưởng những gì được đo lường. Điều này đặc biệt đúng đối với sự trôi qua của thời gian, khi bạn đang nằm trong dòng chảy. Khi 4, 5 tuổi, đầu óc đa số chúng ta dựng một cái kho lưu trữ ký ức qua đó chúng ta bắt đầu tích lũy tất cả những gì chúng ta kinh qua hoặc được dạy. Nhưng năm sau, khi đầu óc chúng ta hoạt động như một cái máy tìm kiếm, một ký ức đặc thù có thể khó tìm lại được trong “*cái kho ký ức cá nhân*” của ta. Thật thất vọng thay!

Nhưng theo sự tương đối của thời gian được quan sát: khi chúng ta 7 tuổi như khi tôi ở Trà Vinh năm 1946, một năm là một lượt rất cao nếu chia theo phần trăm vì 5 tuổi là tuổi bắt đầu có ký ức. Nếu tổng kết thì quãng tuổi từ 6 đến 7 tuổi người ta sống khoảng 50% của cuộc sống, vì ký ức bắt đầu từ khi 5 tuổi. Ngược lại, một năm vào lúc 50 tuổi chỉ gần như có 2% của cuộc đời trong quãng đời kể từ lúc 5 tuổi đến khi 50 tuổi. Bởi thế trong thời khoảng 50 năm trôi đi, một mùa của mỗi năm thực sự quả có vẻ “*đi nhanh như thổi*.”

Những gì tôi ghi lại vào lúc cuộc, tay cũng trong quãng thời gian dài chẳng kém gì 12 chương đầu, sẽ ngắn, vì đối với tôi thời gian trôi có vẻ nhanh hơn và với các chao đảo ngạc nhiên. Là diễn viên ở Việt Nam, thường được các ký giả Sài Gòn so với Sophia Loren, và về sau được giải thưởng tài tử xuất sắc nhất của quốc gia do tổng thống Thiệu trao tặng, tôi có thể chia xẻ ít nhiều chuyện lịch sử với bạn. Hơn 100 năm trước, “*The Perils of Pauline - Những nguy nan của Pauline*” là cuốn phim dài được chiếu từng đoạn mỗi tuần. Phim kể về một nữ diễn viên chính phải liên tiếp đối phó với nghịch cảnh gian khổ. Cuối cùng cô sống sót nhờ sự can đảm, tháo vát của chính bản thân mình. Tôi

thường thấy có lẽ tôi giống nữ diễn viên Pauline với bản giang khổ riêng của đời tôi.

Cuộc ly dị với Robert Henry cuối cùng hoàn toàn, và tôi được tự do chơi vô định.

Trần Văn Thanh, người cùng làm chung với tôi bán quần áo trước khi động đất, đề nghị và rồi khẳng khẳng bảo cách giải quyết những vấn đề nghề túng của tôi trong đời sống là nên lập gia đình với anh. Anh trẻ hơn tôi 8 tuổi và đã say mê tôi từ khi còn là một học sinh ở Đà Lạt. Lúc này, sự thể gần như anh tin giấc mộng thuở thiếu thời sẽ trở thành sự thật.

Động lực khiến Robert Henry muốn theo tôi là để chứng minh cả tính đàn ông và hãnh diện với địa vị của người đã chinh phục được một diễn viên và ca sĩ có tiếng nhất Sài Gòn trong thời chiến. Hiển nhiên, đối với tôi mục đích duy nhất chỉ là cứu gia đình tôi. Ở cả hai phía đều không có đủ động lực keo sơn để gây dựng một cuộc sống trọn đời bên nhau.

Bởi thế, khi Thanh trở thành người năn nỉ xin lập gia đình với tôi, tôi thắc mắc về lý do của anh. Tôi nghĩ một nguyên do thúc đẩy Thanh có thể sự thèm muốn chứng minh về con người anh khi thành hôn với người đàn bà mà chính cha anh, vì tướng kém cỏi, tự cao tự đại, sát nhân Trần Văn Đông không ép buộc nổi.

Má tôi thắc mắc, và đã hơn một lần hỏi tôi, có bao giờ nghĩ gì về Frank, chàng tình nhân mắt xanh đôi khi vẫn ám ảnh tôi trong các giấc mơ. Vâng, thỉnh thoảng tôi vẫn nghĩ về anh. Có lẽ anh đang ở một nơi xa xăm của một quốc gia nào đó ở xa. Tôi chẳng bao giờ tin tìm hiểu. Tôi không muốn gặp lại anh dù chẳng thể quên hẳn anh.

Anh và tôi nói chuyện nhiều với nhau. Anh đã sự giúp tôi ở California và giờ đây chúng tôi đang ở Virginia vì anh thất nghiệp. Cuối cùng, tôi đồng ý lập gia đình với anh, miễn là anh hiểu sự liên hệ đó chỉ để nương tựa lẫn nhau chứ không vì yêu đương. Anh bằng lòng, theo tôi nghĩ, ít nhất cũng do đã đạt một phần giấc mơ, và có lẽ anh cũng hy vọng khi chung sống tình cảm chúng tôi sẽ dần dần sau đậm. Nhiều năm trước ở Đà Lạt, anh đã biết tôi yêu Frank, lúc này, tôi nói anh đừng bao giờ nhắc đến cái tên đó nữa. Giữa tháng 4-1988, chúng tôi lập gia đình và vì Thanh thất nghiệp, chúng tôi tạm sống chung với cha mẹ anh, vợ chồng ông Trần Văn Đôn.

Gia đình Trần Văn Đôn xem họ là người giới quý tộc trong số người Việt hải ngoại ở Mỹ. Ông Trần Văn Đôn sinh trưởng ở Pháp trước khi gia nhập quân đội Việt Nam, xum xoe lấy lòng tổng thống Diệm và về sau tự tước mình vào địa vị một người lãnh đạo cuộc đảo chánh '963 kết thúc với việc giết tổng thống Diệm. Lúc này ở Virginia, gia đình ông thường có các buổi họp mặt ăn tối do ông chủ tọa. Các buổi họp đó lúc nào cũng chú tâm vào vấn đề tiếng tăm của gia đình họ Trần trong xã hội. Tôi, một đứa bé người Nam từ một gia đình tầm thường, ít khi họp mặt, bởi thế đôi khi tôi bị vị trưởng độc xảo và vợ ông chỉ trích. Tôi luôn trả lời chỉ là một người họ Nguyễn bình thường như bao nhiêu người họ Nguyễn Việt Nam khác, tôi chẳng có gì để phát biểu tại các buổi họp đó. Tôi cảm thấy không khí ngột ngạt trong gia đình. Và cần có cách nào thoát ra.

“*Cách nào đó*” gồm cả việc giúp Thanh tìm việc với Ngân Hàng Thế Giới – World Bank. Thanh đã có quốc tịch Canada qua diện tị nạn, vì đang du học ở đó thời chiến tranh Việt Nam. Lúc này anh có thể nộp đơn xin việc, như công dân Canada, ở trụ sở trung ương của Ngân Hàng Thế Giới nằm trên đường H. ở Washington DC. Tôi có quen một nhân viên cao cấp làm ở trụ sở trung ương và thu xếp để Thanh để được phỏng vấn. Tôi mong anh sẽ tìm được việc ở văn phòng Washington DC. và chúng tôi có thể sống độc lập ở Virginia. Ngạc nhiên thay, Thanh được Ngân Hàng Thế Giới mượn làm nhân viên, nhưng lại ở Phi Châu!

Thế là lại thêm một chuyến mạo hiểm mới để mở rộng nhãn quan. Tôi dự dụng danh từ này vì bản thể con người chúng ta là tin vào sự hiểu biết của mình về nơi chưa bao giờ đến. Cứ hỏi bất cứ người nào không phải dân Úc về Úc, bạn có thể chắc người đó nói họ “biết chút ít” về những con cầy-gu-ru, về các miền quê và bãi biển. Tuy thế, khi đến Úc, khách du lịch sẽ ngạc nhiên vì khiến thức hiểu biết ít ỏi của mình. Điều này còn đúng hơn khi du lịch bên trong, hoặc giữa các miền đại lục. Tôi thấy mỗi quốc gia Phi Châu đều là quốc gia đặc biệt riêng và khác khá xa quốc gia láng giềng. “Người Phi Châu” chỉ là một danh từ “Người Á Châu.”

Công tác đầu tiên năm 1991 của Thanh ở Coote d'Ivoire. Như cái tên cho thấy, quốc gia đó từng là thuộc địa của Pháp. Thực ra, một điểm chung của mọi quốc gia Phi Châu là trong cuộc tranh

đưa chiếm thuộc địa điên rồ của các quốc gia Âu Châu chiếm và cai trị. Ở Phi Châu, quốc gia chính thanh gia giành là Bỉ, Anh, Pháp, Bồ Đào Nha, Hòa Lan. Người ta có thể thấy dấu tích các quốc gia Âu Châu nào đã cai trị vùng nào nếu để ý ngôn ngữ của quốc gia Âu Châu nào về sau được xử dụng làm ngôn ngữ quốc tế trong vùng đó.

Má tôi không được khỏe và nhanh nhẹn như những năm trước vì các cơn bệnh bất chợt. Sự lo ngại về sức khỏe của Má tôi đủ để tôi đề nghị với Thanh là tôi nên ở lại chăm sóc cho bà, nhưng Thanh một mực nói anh cần tôi trong giai đoạn chuyển tiếp công tác ở một vùng đất ngoại quốc. Vì tin công tác bên ngoài Washington DC. chỉ khoảng 3 năm và vẫn có cơ hội về thăm nhà, tôi nói với Má là tôi sẽ vắng nhà không lâu.

Tôi ngạc nhiên, và thỉnh thoảng thấy khó chịu vì lối sống của nhân viên Ngân Hàng Thế Giới và sứ quán ngoại quốc, một lối sống phô trương mức độ thoải mái khi so với dân chúng địa phương ở Abidjan và những thành phố khác ở Phi Châu. Đây là các nơi mà ở một số quốc gia Phi Châu phải chịu những cuộc bạo loạn bên trong quốc gia từ nội chiến chính trị đến những bạo loạn giữa các giáo phái. Tội ác xảy ra khắp nơi. Tham nhũng lan tràn. Người dân sống với tương lai bất định và sợ hãi mức nguy hiểm bao trùm khắp nơi.

Nhưng những nhân viên ngoại giao, nhất là đại biểu của Ngân Hàng Thế Giới, sống chẳng khác gì các thực dân khi Phi Châu chưa có độc lập. Thực ra, khi lại vào ở các căn lầu đài của dân chúng nhìn họ chẳng khác gì loại người ngoại quốc cai trị mới. Chúng tôi sống với cảm giác tội lỗi, theo suy nghĩ riêng của tôi, trong căn nhà lớn do Ngân Hàng Thế Giới thuê, có người hầu, lịch gác. Chúng tôi là chủ tiệc được nhiều người biết trong cộng đồng ngoại quốc, kể cả một số nhỏ người Việt Nam ở Abidjan thường tụ họp ở một quán ăn mà chủ tiệm là một cựu đại sứ của miền Nam Việt Nam đã ở lại Côte d'Ivoire sau 1975.

Khó khăn trầm trọng nhất của tôi phát xuất từ việc Thanh là người con có hiếu, một người đàn ông tốt hơn cha anh. Trần Văn Đôn, người đã có lần tướng, là nhân vật chính trong cuộc đảo chánh, là bộ trưởng quốc phòng của VNCH thời gian cuối năm 1975 đã tự mình xen vào cuộc sống của chúng tôi. Bị người trong gia đình tranh né, và ngày càng chìm sâu trong buồn bã ông đã

tìm đến Thanh. Người chồng trẻ của tôi quả thực chẳng còn chọn lựa nào khác ngoài cách mời cha anh sang sống chung với chúng tôi ở Abidjan. Vì trường tộc già nua đó không bao lâu lại đóng vai thượng gia đình. Ông đưa ra thời khóa biểu tiếp rước hàng tháng trong gia đình cho Thanh và đóng vai chủ để tiếp các khách của chúng tôi.

Một hôm, khi Thanh có việc sang Nigeria, lão Đôn lại toan tính suồng sã với tôi. Tôi phản ứng ngay bằng cách hất ông xuống sàn mạnh đến nỗi ông đổ máu và nhờ có hai người hầu giúp mới có thể đứng lên được. Khi Thanh trở lại, lão già dê đã bảo con trai là tôi đã tỏ tình với ông! Dĩ nhiên Thanh tin tôi, nhưng anh, và có lẽ đúng hơn là chúng tôi, mắc kẹt với lão Đôn vì chẳng ai muốn đưa lão về.

Để an ủi, và có lẽ vì Thanh sợ tôi sẽ bỏ đi, chúng tôi cùng đi du lịch thường xuyên hơn. Trong một chuyến du lịch, chúng tôi cùng đem theo ba đứa con gái út, Cathy, Jaime và Victoria, nghỉ mát ở Phát, Ý, Tây Ban Nha. Tất cả chi phí đi lại đều do Ngân Hàng Thế Giới đài thọ, khiến tôi một lần nữa thắc mắc, tuy chính tôi đang được hưởng, chẳng hiểu các tổ chức quốc tế có thực sự chú tâm vào mục đích công tác chính thức không.

Một chuyến viếng thăm Ai Cập gần đây khiến tôi choáng váng, sững sờ từ một nhãn quan hoàn toàn khác. Tôi là người công giáo, gầy như thuần thành, nhưng cũng tin có quá trình tiến hóa xảy ra trong hành tinh của chúng ta. Điều đó bỏ ngỏ câu hỏi liệu có thể có một vị thần nào đó khởi đầu quá trình tạo dựng vũ trụ hay không. Bất kể câu hỏi sâu xa đó, tôi chấp nhận những chứng cứ có nhân loại khởi nguồn từ các giống vượn Phi Châu, tiến hóa dần với phát minh ngôn ngữ và dụng cụ rồi bắt đầu trôi dạt đến Địa Trung Hải, Levant và các vùng khác xa hơn. Dù vậy, khi đứng trước các kim tự tháp, đầu óc tôi vẫn rối bời.

Vâng, kim tự tháp và nhà mồ của những kẻ vua chúa cai trị có thể đã xây trên mồ hôi của những nô lệ cũng như kiến trúc vĩ đại Hy Lạp và La Mã về sau. Nhưng quan sát viên nào cũng phải tuyệt đối nhìn nhận một bước tiến nhảy vọt từ thờ đồ đá đến công trình kỹ thuật kiến trúc, toán học và bút tích ghi lại. Công trình kiến trúc đến đài Angkorwat của Cam Bốt thật hùng vĩ, nhưng bị chôn vùi trong rừng rậm. Hình ảnh và sự quan trọng lâu đài của Kim Tự Tháp tiếp tục hiện hữu ngày nay. Chỉ cần nhìn tờ đô-la

và dấu triện quốc gia Hoa Kỳ đủ biết ảnh hưởng đó.

Thanh biết trong tim tôi lúc nào cũng có ý ức quặn đau về quê hương. Bởi thế giải tỏa bớt cảm cảm giác buồn bã khi phải xa Má tôi, và đồng thời phải đối phó với người cha già đòi hỏi quyền lực, anh đề nghị một chuyến thăm Việt Nam. Năm 1991, chúng tôi đã về Việt Nam một thời gian ngắn. Trong chuyến đi đó giấy thông hành của chúng tôi là thông hành của Liên Hiệp Quốc dành cho nhân viên trên đường công tác. Chúng tôi chẳng gặp khó khăn gì với công an. Đến thăm cô bạn Kim Chi là chuyến đi vô cùng thoải mái, nhưng tận mắt nhìn thấy sự nghèo khó, nhất là cũng những đứa trẻ đi tìm nhặt mọi thứ có thể nhặt nhanh ngoài đường phố là một cảnh hết sức đau lòng.

Lúc này chúng tôi nhận được chiếu khán từ tòa đại sứ Ba Lê và đến phi trường Tân Sơn Nhất ngày 11 tháng 11-1993. Nếu so với chuyến về Việt Nam của chúng tôi chỉ hai năm trước thì không khí khác biệt thấy rõ. Quan hệ Việt -Mỹ đang từ từ khai thiện. Năm 1991, một văn phòng dịch vụ tìm người Mỹ mất tích được mở ở Hà Nội. Đầu năm sau đó một đạo luật cấm du lịch sang Việt Nam được hủy bỏ, rồi hai quốc gia lại mở “*phòng liên lạc - liaison office*” ở thủ đô quốc gia kia trước chuyến về Sài Gòn năm 1993 của chúng tôi.

Khi về Việt Nam, chuyến thăm viếng của chúng tôi hoàn toàn có tính cách cá nhân nhưng lại được phối hợp với một tổ chức hòa giải bán chính thức gọi là cơ quan *Hải Ngoại Dân Tộc*. Việc này được xem như một phần của kết hoạch hòa giải lớn hơn. Một nhân viên tiếp tân cao cấp ở phi trường tự giới thiệu và nói anh ta sẽ giúp chúng tôi đặt vé du lịch, kể cả chuyến bay đến Hà Nội đồng thời dàn xếp các cuộc họp. Khi chúng tôi tỏ vẻ ngạc nhiên, anh nói nhà nước hoan nghênh việc tôi trở về như một người có ảnh hưởng văn hóa quan trọng. Lạ quá!

Không khí Sài Gòn dường như cải thiện do chính sách cải cách kinh tế có vẻ đang ảnh hưởng khá quan. Chúng tôi thấy người ta tỏ ra cởi mở chào đón những du khách Mỹ. Hai năm trước chúng tôi đã đến ăn ở một quán ăn nhỏ của bà Nguyễn Phước Đại. Lần này chúng tôi lại đến đó. Bà là một luật sư nổi tiếng và được bầu làm thương nghị sĩ thời Việt Nam Cộng Hòa, tuy nhiều người trong gia đình bà đã rời Việt Nam, nhưng bà chọn ở lại Sài Gòn. Một số người cho quyết định của bà đã chứng tỏ bà là cộng sản

nằm vùng. Tôi không thấy thế.

Nhiều thập niên trước, thời tổng thống Diệm, tôi đã gặp bà, khi bà đang làm thân với bà Ngô Đình Thu, tham gia phong trào Phụ Nữ Liên Đới, và được dành ghế ở Quốc Hội. Thời Đệ Nhị Cộng Hòa, bà đắc cử quốc hội như một “ứng cử viên chống đối.” Tôi nghĩ bà là một người thờ cơ có sức quyền rũ đã kiến cộng sản xem trọng lại dịch quá khứ “cấp tiền” của bà. Nhưng thay vì được tưởng thưởng sau năm 1975, bà bị công an lời đi coi như không quan trọng. Khi biết chúng tôi được mời gặp các nhân vật cao cấp ở Hà Nội, bà xin được theo. Tôi không phản đối, và nhân viên tiếp tân theo giúp chúng tôi cũng không phản đối.

Chúng tôi về Đà Lạt trong một chuyến đi ngoài chương trình. Tôi cố cầm nước mắt khi nhớ lại quãng thời gia hành phúc trong quá khứ, rồi lên đường bay đi Hà Nội. Vì chẳng có gì gắn bó khi trước với người dân và các nơi chốn ở Hà Nội, tôi không mấy lưu ý thành phố này.

Có ba cuộc họp tiếp tân được dàn xếp cho chúng tôi. Một cuộc họp với Đỗ Mười, lúc đó là tổ bí thư đáng. Ông hỏi tôi có dự định về sống ở Việt Nam để đóng góp vào văn hóa và phim ảnh quốc gia không. Tôi đã chuẩn bị trước câu trả lời cho câu hỏi này. Tôi nói vì tất cả các con tôi đều sống ở Mỹ, tôi không dự định trở về. Ông gật đầu, như thể câu trả lời của tôi hợp lý, rồi tôi hỏi có câu hỏi gì cho ông không?

Vâng, tôi có. Tôi nói hình như có rất nhiều người Tàu ở khắp nơi và các hãng kinh doanh có nhãn hiệu Tàu nhiều nơi trước đây. Tôi nói vấn đề quan trọng nhất đối với bất kỳ nhà nước nào của Việt Nam vẫn là duy trì nền độc lập, không để lệ thuộc vào Trung Hoa. Nếu nhìn lại hàng năm tranh chấp về nước và sự hung hăng của Trung Hoa mới đây, hoặc nhìn vào vấn đề biên giới gần đây nhất, mới xảy ra nhiều năm trước, nhà nước Việt Nam sẽ làm gì bảo tồn sự độc lập của quốc gia?

Đỗ Mười do dự, ngã người về phía sau, cuối cùng trả lời là tôi đang đưa ra các vấn đề lịch sử cũ. Ông cho trong một kỷ nguyên mới Việt Nam và Trung Hoa sẽ hợp tác để giải quyết bất cứ vấn đề nhỏ nào.

Tôi không tin câu trả lời đó.

Đỗ Mười có vẻ khó hiểu vì sự hiện diện của bà Nguyễn Phước Đại và tò mò, hỏi một phụ tá về bà. Sau khi nghe câu thì thầm

giải thích, ông hỏi bà có vấn đề gì muốn đưa ra chia xẻ không. Trước đó bà Đại có yêu cầu tôi đưa câu hỏi về vấn đề cho phép bà mở lại văn phòng luật sư, và tôi đã trả lời bà nên tự đưa ra vấn đề. Lúc này, bà có cơ hội giải thích bà đã gặp một số trở ngại khi xin giấy phép mở văn phòng luật. Đỗ Mười nói một phụ tá xem xét lại vấn đề đó. Cuộc họp chúng tôi chấm dứt.

Từ ấn tượng của các nhân tôi, Đỗ Mười là một người nghiêm nghị, gần như khinh khỉnh. Khi tôi bắt đầu ghi lại ký ức trên giấy, ông vẫn còn sống, lúc đó đã hơn 100 tuổi, và mãi năm 2018 mới qua đời tôi vẫn thắc mắc chẳng hiểu vào lúc đó ông có còn nghĩ Trung Hoa chỉ là một láng giềng, hoàn toàn có hảo ý không?

Một cuộc họp khác là với thủ tướng Võ Văn Kiệt. Tuy họ cùng là người đồng sự, và là những người khó khăn, Võ Văn Kiệt có vẻ dễ chịu hơn Đỗ Mười. Có thể tôi có cảm tưởng đó bởi vì hai chúng tôi đều là người Nam xa xứ. Tôi là người Nam sống ở Mỹ và ông là người Nam sống ở miền Bắc.

Võ Văn Kiệt sinh ở miền nam tỉnh Vĩnh Long, và đa số hoạt động cá nhân của ông với Đảng Cộng Sản là ở nơi miền nam, trong khi Đỗ Mười sinh ở miền Bắc và nói giọng nặng thổ âm miền Bắc. Kinh nghiệm sống và trách nhiệm cai trị ở miền nam thời hậu chiến khiến Võ Văn Kiệt có vẻ chủ trương một nền kinh tế uyển chuyển được áp dụng làm chính sách, và được thận trọng áp dụng cuối thập niên 1980.

Cuộc họp thứ ba với Phan Văn Khải. Tương tự Võ Văn Kiệt, ông Khải là một người nam, quê ở quận Củ Chi, mé tây bắc Sài Gòn. Khải cũng là một phần của phong trào “*cải cách tinh tế*” Võ Văn Kiệt bên trong Đảng Cộng Sản, cũng dãi trong tiếp xúc. Về sau Phan Văn Khải trở thành thủ tướng và cũng qua đời năm 2018 như Đỗ Mười.

Thanh mong chuyến du lịch về Việt Nam sẽ xoa dịu mức căng thẳng giữa hai chúng tôi, nhưng sự ngu dốt của anh khi làm việc cha anh nhờ, không cho tôi biết, khiến anh xém bị bắt. Việc đó đã khiến anh bị giữ lại và bị thẩm vấn nhiều giờ.

Tôi hôm sau ngày họp với những người lãnh đạo đảng. chúng tôi nhận được một tờ ghi chú ở khách sạn thông báo tháng sau sẽ có người đến đón Thanh để bàn luận ở văn phòng công an quốc gia. Khi tôi hỏi tờ ghi chú đó thực sự có ý gì. Thanh trả lời có thể việc liên quan đến các lá thư anh mang theo và chuyển đi theo

lời cha anh nhờ. Thanh thật ngay thơ không tưởng nổi, và tôi vô cùng phần nộ! Khi tôi hỏi tại sao anh không cho tôi biết, Thanh trả lời vì anh nghĩ việc chẳng có gì quan trọng.

Sáng sau, tôi ra ngoài phố đông đảo ở Hà Nội mua sắm. Tôi trở về rất lâu mà chưa thấy bóng dáng Thanh đâu. Khi tôi tìm đến nhân viên đang đứng ở quầy, anh bảo Thanh đã được đưa đến một văn phòng công an, và có tờ ghi chú ghi lại địa chỉ cho tôi.

Tôi tìm đến nơi ngay.

Viên công an có trách nhiệm tự giới thiệu là ông Huyết và gặp tôi ở ngoài khi Thanh đang ở trong văn phòng. Khi tôi hỏi vì sao lại đưa Thanh đến đó, tôi được lịch sự bảo Thanh không bị bắt, mà chỉ được đến đó nói chuyện vì anh là người có văn hóa cao, và nói tiếng Pháp văn hoa quá nên chúng tôi thích nói chuyện với anh.

Sau nhiều giờ trôi qua, chúng tôi gọi văn phòng Hải Ngoại Dân Tộc phân phiên và phần nộ, nói với ông Huyết là tôi đã họp ở Hà Nội với các lãnh đạo cao cấp, kể cả Đỗ Mười, và việc bắt giữ chồng tôi không hợp với thể thức và mục đích viếng thăm. Hơn nữa, nếu Thanh không được thả tôi sẽ khiếu nại ngay với lãnh đạo cao cấp. Câu trả lời được đưa ra là Thanh không phải bị bắt, và chuyện bất tiện xảy ra không phải do sự cố ý.

Sau một thời gian ngắn, Thanh được phép rời văn phòng công an cùng với tôi. Tôi cảm thấy trút được gánh nặng, nhưng vẫn hết sức phần nộ. Nếu chuyện xảy ra chỉ vài năm trước chắc chắn cả anh lẫn tôi đều đã bị bắt. Và như chuyện xảy ra lúc này, hôm sau anh lại bị giữ để “*thảo luận thêm*”, và máy bay của chúng tôi bị hoãn lại cho đến khi tôi phải xuống máy bay, một mực khiếu nại. Tuy bực bội, nhưng khi nghĩ về việc xảy ra, tôi thấy chúng tôi đã được đối xử khá tệ nhị, so với những năm trước, vì Mỹ và Việt Nam đang thận trọng tiến đến bình thường hóa mậu dịch và ngoại giao.

Hà Nội không muốn “*lôi thôi rắc rối*.”

Chúng tôi trở về Phi Châu, nhưng các lực đực liên tục trong quan hệ giữa chúng tôi không phải là sự gắn kết cho một cuộc hôn nhân thiếu tình yêu. Biết tin Má tôi lâm bệnh, và cảm thấy tội lỗi vì vắng nhà quá lâu, tôi bay về Virginia. Tôi và Má tôi chỉ có vài ngày với nhau trước khi Má tôi vào bệnh viện. Vì phải lo ống dẫn vào thực quản, Má tôi không còn nói được. Chỉ nói

chuyện bằng mắt bà và có vẻ ân hận rất nhiều.

Má tôi mất. Tôi cảm thấy như một phần người tôi đã ra đi cùng với bà. Tôi trở về Abidjan, nhưng cuộc đời tụ với Thanh chẳng có gì vui cho hai chúng tôi. Nhiều tháng sau tôi ra đi chỉ đem theo ít đồ tùy thân, bỏ lại đa số quần áo, nữ trang và một ít tiền. Tôi viết một lá thư cho Thanh, nói với anh là cả hai chúng tôi đều cần không gian để suy nghĩ về tương lai và tôi sẽ bay về Mỹ. Tôi không nói với anh rằng tôi sẽ về California.

Lệ Thu, con gái đầu lòng của tôi vẫn ở Orange County. Chúng tôi sum họp và cùng làm việc chung trong cửa hàng giặt, sửa và bán quần áo. Tôi hài lòng sống bên con, hoặc có khoảng thời gian yên tĩnh một mình. Thỉnh thoảng chúng tôi cùng đi ăn và một tối, nhân dịp lễ, tham gia một buổi tiệc tiếp tân ở khách sạn Hilton ở bãi biển Huntington. Đây là dịp lễ hội và hầu như tất cả các bàn đều đầy khách. Một người khách mặc tuxedo tiến đến gần bàn chúng tôi. Lúc đầu tôi tưởng ông là nhân viên khách sạn. Nhưng ông chỉ là một người khách, đang tìm chỗ ngồi. Ông hỏi bàn có còn ghế nào trống không. Vì còn một ghế trống giữa hai chúng tôi, con gái tôi mời ông ngồi vào ghế trống đó. Ông rất lịch sự và dễ mến, nói chuyện dễ dàng ngay lần gặp đầu. Những người đàn bà khác trong bàn cho ông là một người đàn ông hút hút, nhưng người ông xin được gặp để tiếp xúc thêm lại là tôi.

Tôi chỉ muốn làm bạn chứ không muốn dính dáng gì đến vấn đề tình cảm. Chắc chắn ông muốn tiến xa hơn, nhưng bất kể ông nói gì với bạn bè và gia đình ông, tôi vẫn chưa bao giờ là gì khác hơn một người bạn tốt của ông. Tôi làm một số việc cho ông. Ông chuẩn bị bán một căn nhà và nhờ tôi “làm đẹp căn nhà,” biến căn nhà thành trang nhã hơn cho thị trường địa ốc đang sôi sục lúc đó. Tôi giúp ông làm việc đó, và khi căn nhà bán được giá cao, ông đưa tôi tiền thuê hồng.

Kenneth Gunn là người kinh doanh có tiếng tại “*Quận Cam - Orange County*.” Ông nói có ba cơ sở kinh doanh. Cơ sở kinh doanh mạnh nhất là sửa chữa và cho thuê các dụng cụ xây cất. Ông cũng làm chủ nhiều địa ốc cho thuê ở California và những nơi khác. Ông có một chuyến thuyền, chưa hẳn là du thuyền, nhưng lớn hơn các thuyền đi lại. Ken quen thuộc và tiếp xúc gần gũi với giới giàu có, thượng lưu ở vùng bãi biển Huntington. Chúng tôi hay trò chuyện trong các buổi tiệc và các quán ăn với

bạn bè và 4 người con lớn ông đã có với những người vợ trước. Tất cả những người vợ ông đều đã qua đời trước ông. Chúng tôi thoải mái với nhau. Tiếc thay sức khỏe của ông bắt đầu xuống dốc sau một cơn đau tim phát ra, lúc xe ông bị một chiếc xe khác tông. Ông phải vào bệnh viện và rồi cho xuất viện về nhà.

Tôi đã sắp xếp thời khóa biểu để về Virginie thăm các con. Ken bảo tôi cứ đi, ông sẽ không sao, và chúng tôi có thể nói chuyện qua điện thoại.

Chuyện diễn ra bình thường, nhưng một tối ông nói chuyện có vẻ không tỉnh táo trong điện thoại. Ông than phiền về những người đang ở cùng phòng với ông. Dần dần tôi biết có ai người khác đang cùng nằm chung phòng với ông. Vì ông cố gắng mô tả quang cách xung quanh, việc đã hiển nhiên ông đang không ở nhà. Tôi đoán ông đã được đưa vào một viện dưỡng lão nào đó. Hôm nay tôi bay về California.

Đúng như tôi đã đoán, Ken đã được đưa vào một viện dưỡng lão. Điều kiện của phòng rất kém. Phòng không được sạch. Một số quần áo của ông, mang theo để chuẩn bị cho thời gian sống lâu dài ở đây, thất lạc. Quan trọng nhất là Ken cực kỳ buồn bã. Tôi cương quyết, và hứa với Ken là tôi sẽ đưa ông về nhà và thu xếp để có người đến tiếp tục chăm sóc ông. Người quản lý tốt bụng giúp tôi làm một chuyên săn sóc người già để giúp Ken tại gia. Chúng tôi cho một số người giúp việc làm thử cho đến khi Ken cảm thấy thoải mái với người giúp ông tắm rửa và duy chuyển quanh nhà. Người chúng tôi chọn là Manny, một anh y tá người Phi Châu Luật Tân dù khỏe để vực Ken dậy khi ông ngã, nhắc ông ra vào giường và đặt ông vào xe lăn.

Ken tin giấy tờ ông ủy quyền chăm sóc cho tôi sẽ có hiệu lực hơn nếu tôi thực ly dị Thanh trên mặt pháp lý. Tôi không nghĩ việc đó sẽ ảnh hưởng gì đến việc ủy quyền chăm sóc tôi đang giúp Ken. Nhưng trong tim tôi đã biết Thanh và tôi sẽ chẳng bao giờ chung sống, kết thúc việc đó là điều hợp lý. Vì vậy nhờ các luật sư, một ngày trong tháng 6-1996 được định làm ngày ly thân, và cuộc ly dị của chúng tôi được định làm ngày 11-7-2000.

Chúng tôi đang cùng ở một quán ăn nhỏ với con trai và một người con gái ông khi Ken bất chợt khó thở, không diễn tả được ý nghĩ và cảm thấy dơ một bên người, cử động vụng về. Chúng tôi đưa ông vào bệnh viện. Ông có vẻ bình thường lại, nhưng sức

khỏe thấp hơn một mức. Dần vậy, ông vẫn tin ông có thể ở nhà cùng với Manny và tôi nếu bác sĩ vẫn chăm sóc thường trực. Nhưng từ đó trở đi, sức khỏe của ông ngày càng sa sút.

Ken cứu cố làm giấy tờ để tôi có một phần chia trong cơ sở kinh doanh chính của ông, nhưng tôi chối từ, bảo đó là cơ sở kinh doanh của gia đình ông, và tôi không phải người trong gia đình. Tất cả người chủ phải là con cái ông. Dần dần, tôi đồng ý Ken ghi tôi là người được hưởng quyền lợi từ chính sách bảo hiểm nhân thọ của ông và theo ý nguyện được công bố của ông, tôi sẽ là người thừa hưởng căn nhà của ông, vì đã cứu ông khỏi căn nhà danh cho ba người sống chung ở viện dưỡng lão. Sau khi làm xong hai điều đó, Ken bắt đầu năn nỉ chúng tôi thành hôn. Ông nói làm thế... để bảo vệ tôi.

Cuối cùng tôi nghe ông và vì thế cùng với người bạn làm chứng, chúng tôi thành hôn ngày 15-2-2005. Hậu quả từ các cơn đau tim khiến phải có người dìu Ken mới đứng được. Vị thư ký của tòa muốn bảo đảm chắc chắn là Ken đang tự ý và hiểu ông đang tiến vào tình trạng hôn nhân, ông quả muốn làm điều đó.

Gần năm rưỡi sau, Ken qua đời ngày 26-7-2006. Cuộc đụng độ xảy ra gần như lập tức với 4 người con ông, do người con trai đứng ra chỉ đạo, họ tìm cách tuyên bố họ là những người duy nhất được hưởng di sản. Tôi nghĩ tiền bạc không phải góc rẽ của mọi sự ác. Ngoài ra còn có các yếu tố khác: tham vọng bất kể hậu quả, ngăn kết cục đoan với hát vọng, ganh ghét người khác, và còn nhiều yếu tố khác nữa. Nhưng tôi thấy tiền quá là động lực chính dẫn đến việc kiện tụng bùng nổ.

Dần dần một quá trình dần dần khá dài. 18 tháng sau khi Ken qua đời, bắt đầu năm 2007, các phe cùng đồng ý một cách giải quyết chung để loại bỏ những đau buồn tình cảm và cắt bớt chi phí kiện tụng. Cuộc kiện tụng kéo dài khiến tất cả đau buồn. Sau đó và tiếp tục đến ngày nay, tôi cảm thấy nhẹ nhõm đến độ tôi thực sự cầu chúc con trai và ba con gái của Kenneth Gunn sức khỏe, hạnh phúc và thành công vượt bậc trong việc làm ăn.

Khi Ken còn sống, những người tin Ken thực sự giàu như họ tưởng đã xin chúng tôi giúp đỡ tài chánh. Lúc nào họ cũng đưa ra các “cơ hội đầu tư.” Một trong số này là Huynh Đạo nghĩa còn có tên là “Bruno”, người từng là chủ khác sạn Maxim, một quán ăn rất thành công nhiều thập niên trước ở Sài Gòn. Ông đến

gặp, đề nghị chúng tôi đầu tư kinh doanh mở quán ăn bán “*đồ ăn liền - Fast food*” ở Nam Trung Hoa. Chúng tôi đại dốt nghe lời và mất 50,000 đô-la. Số tiền đó Bruno đã đánh cắp chia phần cho bạn gái ông.

Lúc này, lại một lần nữa một thân, một mình, tôi trở thành mục tiêu của một số người, trong số có cả những người tôi nghĩ tôi có thể tin, đã tin họ có thể mượn tôi những số tiền không cần trả lại. Và một người dốt như tôi đã để việc này xảy ra không chỉ một lần. Áo ảnh về “*sự giàu có*” của tôi, tuy tôi không giàu như người ta tưởng, hiển nhiên đã cho phép một số người xem tôi là một con mồi hợp lý.

Sự bất đồng ý kiến đau buồn nhất của tôi trong giai đoạn đó là với Jaime, con gái tôi. Jaime là người đã giúp tôi rất nhiều, thực ra gần như không thể thiếu, trong giai đoạn kiện tụng sau khi Ken qua đời. Jaime đã tìm luật sư đại diện tôi và an ủi tôi suốt hai năm căng thẳng. Tôi luôn nói với Jaime rằng, để tỏ lòng biết ơn, tôi sẽ chia cho Jaime một phần số tiền được hưởng.

Lúc này, Jaime lại bất thần đòi phải có ngay 50,000 để giúp cô vào nghề ca sĩ. Nhưng tiền bảo hiểm lúc đó chưa gửi đến. Nếu Jaime chỉ kiên nhẫn thêm vài ngày nữa, có sẽ có số tiền đó ra. Chúng tôi chia tay trong sự cay đắng mà mà tôi mãi mãi ân hận.

Nhưng tôi tin chắc có mối quan hệ nào có thể bị hủy diệt hoàn toàn nếu cả hai phe đều còn sống. Và như thế, tôi tin một ngày nào đó, chúng tôi sẽ lại hòa giải.

Tôi vẫn mong mỗi ngày toàn tụ đó.

Lời Hậu Luận

Chấp, Vá

Bạn có thể nghĩ tiêu đề *Lời Hậu Luận* sẽ tổng kết đời tôi như một chuyện khác thường, vì bạn đã đến gần điểm kết thúc. Nhưng đầu óc tôi lại nghĩ đến những chuyện “*chấp vác*” khi cắt may những tấm vải.

Bắt đầu từ Gunn, về sau ở California, tôi đã vẽ kiểu quần áo cho tôi đồng thời cho các bạn và thỉnh thoảng còn để bán. Ngay cả ngày nay, tôi vẫn có 5 máy may, mỗi máy có khả năng riêng.

Vẽ kiểu là may là việc thử thách khả năng của người may. Ngoài ra còn thử thách một khả năng đặc biệt khác gần có để tránh phí phạm là biến những mảnh vụn thừa thãi thành một thứ hàng hữu ích nào đó.

Đời tôi cũng vậy, tôi nhạt nhẽo, đan những kinh nghiệm và cả xúc cảm tôi lại với nhau để chia sẻ cùng các bạn.

Người Việt sống ở Mỹ thường hỏi tôi tài tử và ca sĩ nào là người tôi thích, và tôi so với họ thế nào?

Mỗi người có lẽ sẽ trả lời một cách khác nhau, vì đây là câu hỏi nhằm vào ý kiến riêng. Câu trả lời của bạn tùy thuộc con người bạn, và qua cách bạn nhìn mình trong khung cảnh nghệ thuật ở một thời điểm cùng một địa điểm nhất định nào đó.

Thưa vâng, dù gì đi nữa, tôi vẫn luôn trả lời ca sĩ và những bài hát phi thường đối với tôi trước hết là do Thái Thanh, sinh ở Hà Nội và hơn tôi vài tuổi, trình diễn. Thái Thanh đã đưa ra tiêu chuẩn cao nhất dùng để đo lường tất cả chúng tôi.

Với những người tôi quen thân thì người có giọng ca ngọt ngào nhất là Bạch Yến.

Riêng bài ca ám ảnh “*Chiều Mưa Biên Giới*” thì lúc nào Thanh Thúy cũng diễn tả trọn vẹn cảm xúc trong tâm tôi về hình ảnh người thiếu phụ bán khoán về người tình trong những chiều mưa biên giới. Còn bài “*Biệt Kinh Kỳ*” có thể hiểu như câu trả lời từ một người lính, mời bạn cùng cạm chén trước ngày lên đường.

Về nhạc sĩ và đôi khi họa sĩ thì Trịnh Công Sơn viết những bài

ca đến tận ngày nay vẫn khiến người ở cả ba miền Việt Nam gắn bó. Các bức họa của anh gần như cách vẽ “*bôi mực vào tay*” hiếm quá. Tôi ước rằng tôi vẫn còn một bức.

Đôi khi được hỏi về các bản nhạc Mỹ và nghệ sĩ hát các bài đó, tôi thường mỉm cười, vì gắn bó với Orange County ở California, cách bờ biển Huntington không xa, ở một vùng đất được mệnh danh là *Phố Trượt Sóng*.” Do đó, câu trả lời của tôi chỉ có thể là... băng nhạc The Beach Boys! Nhìn nhận này khép tôi thuộc về giới người Mỹ có tuổi, nhưng âm hưởng dạt dào của băng nhạc đó chẳng khác tiếng sóng vỗ bờ nơi họ đã có lần trượt sóng và lời ca độc đáo phản ánh cách nói chuyện của dân bản xứ Cali, nghe thật truyền cảm và đã nghe thật khó quên.

Riêng đối với điện ảnh và tài tử Việt Nam, Thẩm Thúy Hằng có đặc điểm ngọt ngào biểu hiện qua mọi vai diễn. Chị luôn rộng lượng khi làm việc với người khác, và tôi cảm thấy chúng tôi quan hệ tương quý ngoài xã hội cũng như trong phim.

Ngoài ra tôi nghĩ Kiều Chinh là một nghệ nhân hết sức tài ba, có thể diễn từ vai này đến vai khác như bất kỳ phiên bản nào đòi hỏi. Chị bắt đầu đóng phim từ khi tôi còn là học sinh rồi cán bộ Công Dân Vụ. Thêm nữa, các vai diễn đầu tiên của tôi thường là vai phụ, nhưng Kiều Chinh là minh tinh ngay “từ đầu.” Chẳng có nữ tài tử Việt Nam nào xuất hiện trong phim nhiều hơn chị, kể cả phim quốc tế lẫn phim trong nước. Chị còn là một cổ động viên thiên tài. Giả dụ được sống trong một bối cảnh hậu chiến Việt Nam hoàn toàn khác có thể chị sẽ trở thành đạo diễn hoặc một nhà làm phim lớn.

Trên thực tế, kinh nghiệm sống của tôi khác biệt về một số khía cạnh. Tham gia công tác Công Dân Vụ khi Việt Nam Cộng Hòa đang chập chững đi các bước đầu thời thập niên 1950 đã thúc đẩy tình yêu quê hương trong tôi và giúp tôi có năng lực trong một số vai. Trong khi cả Thẩm Thúy Hằng và Kiều Chinh điều sinh ở miền Bắc, nói năng với ngôn ngữ văn hóa thì tôi là một cô bé miền Nam, khi đóng phim, vẫn không gạt bỏ được giọng miền nam của mình. Có các ca sĩ không hề xuất hiện trong phim và có các tài tử không hề hát, nhưng tôi thành công trong cả hai lãnh vực. Tôi không hơn những người khác nhưng chắc chắn tôi khác với đa số. Và sở thích của tôi, xin nói thực là hát.

Dùng giọng hát để chuyển cảm xúc lúc nào cũng là cách tôi tự

an ủi những lúc khó khăn.

Tôi không thích cảnh hỗn loạn quá động nhưng khi tiếp xúc cá nhân hoặc trong các nhóm nhỏ, tôi cũng có thể luôn luôn hòa mình, đặc biệt vui mỗi khi trò chuyện với phụ nữ, bất kể tuổi tác. Ngay cả ngay nay, nếu trong một quán ăn hoặc cửa tiệm nào đó, nếu có người phụ nữ nào tiến lại gần tôi có phải Kim Vui không, tôi sẽ dừng lại trả lời. Tôi không thích bị người khác nhận ra, nhưng mong muốn có sự riêng tư của tôi không bao giờ phép tôi vô lễ với một người chỉ muốn thân thiện chào tôi.

Và tôi nghĩ thế nào về Việt Nam sau khi cuộc chiến chấm dứt?

Vâng tôi đồng ý với một sinh viên trẻ ở Hà Nội, sang Mỹ thời gian ngắn để học lên cao.

Anh cho ý kiến có ba thể hệ lãnh đạo của đảng.

Thể hệ thứ nhất là thể hệ Hồ Chí Minh, một thể hệ làm mọi thứ, đưa ra những lý do để lý giải mọi thứ, bất kể tàn ác đến độ nào, để đạt mục đích đuổi thực dân Pháp ra khỏi nước.

Thể hệ thứ hai, nhóm Lê Duẩn, sẽ là mọi thứ, lý giải mọi thứ, bất kể tàn ác đến độ nào để đạt mục tiêu đánh đổ Miền Nam Việt Nam và căn cứ không để Mỹ can thiệp.

Riêng thể hệ lãnh đạo hiện nay chắc sẽ làm mọi thứ, lý giải mọi thứ, bất kể tàn nhẫn đến độ nào để duy trì quyền lợi riêng của họ.

Bởi thế ngày nay hai vấn đề căn bản của Việt Nam là: Thứ nhất, làm sao đối phó với một đại quốc láng giềng ở phía bắc đang tìm cách đối xử với Việt Nam như đối xử với một chư hầu nhỏ, và thứ hai, liệu Đảng Cộng Sản có bao giờ chấp nhận sự xuất hiện một quan điểm khác biệt, sẵn sàng cho phép người dân có thực quyền tham dự vào việc thay đổi chính sách và thay đổi nhân viên cao cấp của nhà nước không?

Suy nghĩ và lo lắng thực sự của tôi lúc này phần nhiều là về Mỹ. Nhưng chọn lựa đã được đưa ra, nhưng hy sinh cần có ở Việt Nam sẽ ảnh hưởng người Việt. Nhưng các chọn lựa và quyết định đưa ra ở Mỹ sẽ ảnh hưởng mọi quốc gia khác.

Nhiều quốc gia khó chịu, thậm chí tuyên bố ghét Mỹ, nhưng vẫn muốn có... liên hệ với quốc gia chúng ta. Chúng ta cần nhìn nhận sự kiện đó, cần khai triển chính sách khôn khéo và chắc chắn khi đã hứa, chúng ta sẽ một tuân thủ lời hứa.

Bất kể người Mỹ bản xứ hay người Mỹ gốc di dân, trên thực tế, khi là một công dân có quốc tịch Mỹ có nghĩa là vừa có trách

nhiệm. Không có quốc gia nào khác tương tự với quốc gia này do đặt nền tảng trên tiền đề mọi người đều bình đẳng.

Sự bình đẳng được luật pháp bảo vệ, nhưng phải được tất cả chúng ta bảo đảm vào giờ phút cuối. Chúng ta có trách nhiệm bảo vệ nguyên tắc đó. Cách để làm điều đó là cùng với hết thầy các công dân khác tham gia mọi cuộc bàn luận chính trị dân sự đồng thời luôn tham gia mọi cuộc bầu cử.

Trong lịch sử của chúng ta, quả tình vẫn có không ít các vết nhơ như từng đối xử với những người da đỏ bản xứ cũng như các hiệp ước chỉ nhằm nhanh chóng gạt bỏ, nô lệ, phân biệt chủng tộc, giam giữ và cưỡng bức người Mỹ gốc Nhật phải dời đi nơi khác năm 1942.

Tuy nhiên thực tế cũng từng chứng tỏ không ít thành tích rạng rỡ thực sự của Hoa Kỳ. Người Mỹ học hỏi từ nghịch cảnh. Người Mỹ sửa lại các lỗi lầm. Ngày nay chúng ta là quốc gia có dân cư xuất phát từ nhiều quốc gia, nhiều tôn giáo và dù vẫn còn một số đụng chạm, chúng ta luôn cởi mở với vấn đề cần sự tham gia trên phương diện chí trị và xã hội. Tôi không có ý giảng giải cho các anh chị người Mỹ. Tôi chỉ mong các anh chị hiểu người Việt Nam như tôi hiểu.

Tôi hãnh diện người Mỹ gốc Việt như chúng tôi đã góp phần vào đa tiến hóa chung của nước Mỹ và luôn nhớ những nhà lãnh đạo Mỹ từng suy nghĩ thận trọng khi chọn cách cho phép mọi người Việt di dân đều được góp phần. Bắt đầu từ thống đốc Bordallo ở Guam, rồi tổng thống Ford và sau đó kể cả tổng thống Jimmy Carter, những nhà lãnh đạo đó, và những người Mỹ khác, đã hiểu khía cạnh đạo đức của sự chọn lựa chấp nhận người Việt, gia tăng số lượng người tị nạn được cho phép vào Mỹ và mở ra con đường cho phép người Việt trở thành công dân Mỹ. Ngay cả khi một số khác đề nghị nhiều giải pháp tiện lợi cấp tốc, những vị lãnh đạo này đã hành động theo lương tâm và con tim.

Dù 15 năm sau, thống đốc Bordallo đã tự tử sau khi toàn án liên bang kết án ông tham nhũng trong nhiệm kỳ thứ hai, điều đó vẫn không khiến các quyết định đúng nguyên tắc của ông đối với người dân tị nạn năm 1975 giảm giá trị. Ngày nay, nhiều người Việt gốc Mỹ phục vụ trong quân đội, kể cả ở cấp tướng. Người Việt gốc Mỹ thành công trong kinh doanh, có mức độ tham gia đi bầu cao. Những người Mỹ gốc Việt đã trở thành người Mỹ.

Câu chuyện của tôi chưa xong vì, nói về chấp vá, thực sự khi tôi đang mua vải ở một tiệm vải với một người quen khi điện thoại tay của tôi reng..

Thường tôi không trả lời điện thoại nếu số là số lạ. Hôm đó, khi xem số thấy người gọi là Quốc Bảo, một người bạn tốt thường điều khiển chương trình cho những buổi trình diễn văn nghệ.

Quốc Bảo nói Tâm Minh, con gái một sĩ quan quân đội nổi tiếng của Việt Nam Cộng Hòa và thành viên Quốc Hội miền Nam Việt Nam, vừa liên lạc với anh, nhờ anh hỏi xem tôi có cho phép một người muốn gọi tôi để xin lỗi không. Tâm Minh bắt Bảo Quốc hứa phải chuyển câu trả lời của tôi cho cô, bất kể tôi trả lời thế nào.

Tôi thấy chuyện có vẻ lạ, và hỏi xem anh nói thật hay nói đùa?

Nếu anh thực sự không đùa, anh phải cho tôi biết người muốn được tôi tha lỗi là ai?

Anh đáp “*tôi nói thật*” và Tâm Minh nói thật “*người hy vọng có thể nói chuyện với cô là Frank Scotton.*”

Tôi thấy chân mình nhũ ra.

Người tôi sụm xuống một đồng những vật liệu mềm chưa được treo lên. Nhờ đồng vải đó đỡ tôi không phải tuột xuống sàn.

Bạn tôi sợ tôi bị đau tim.

Và tôi quả có bị đau tim... nhưng không phải loại đau tim y khoa như cô tưởng.

Vân viên trong tiệm lo lắng, nhưng tôi xua tay đuổi họ và thở gấp, không phải bằng giọng nhỏ nhẹ bình thường của tôi mà nghe như giọng lạo xạo trong điện thoại, tôi kéo dài thời gian.

“*Nói họ cho tôi một ngày.*” Tôi nói nhỏ.

Tôi có thể tưởng chàng lãng tử mắt xanh đó vẫn còn sống. Nếu có ai đó hỏi tôi, có lẽ tôi đã đoán rằng anh có thể đã chết ở một vùng đất xa xăm nào.

Một ngày trôi qua, rồi vào ngày kế đến, sau vài tiếng reng, tôi mở phone, nhìn thấy một số lạ.

Tôi nghe lại một giọng nói tưởng như không bao giờ còn được nghe lại. Có thể anh căng thẳng, ít nhất đó cũng là điều anh nói về sau.

Nhưng khi nói chuyện trên điện thoại, anh đã giải thích với tôi có vẻ bình tĩnh rằng bất cứ khi nào nhớ lại các người bạn đã gặp và những năm ở Việt Nam, anh đã đều nhận thức sâu xa và ân

hận rất nhiều vì đã dối xử tệ với tôi. Frank hỏi anh có thể gặp tôi để đích thân xin lỗi như anh từng mong mỗi suốt gần 50 năm không.

Tôi trả lời, không phải lạ lòng, nhưng chắc chắn cũng chẳng thiết tha gì, chỉ đơn giản với sự thực, rằng đã quá nhiều năm chúng tôi đi về các hướng khác nhau rồi, sự tha thứ, tôi tin không còn cần thiết nữa. Nhưng nếu quả thực muốn có tha thứ, anh cũng nên biết tôi hiểu sức mạnh của ký ức và vì thế tin cảm giác hối hận của anh sau 50 năm là chân thực.

Anh lại hỏi anh có thể về California để đích thân xin lỗi tôi không?

Tôi trả lời chuyển viếng thăm vào một ngày nào tôi sẽ là một nhắc nhở, hoan nghênh những kỷ niệm hai chúng tôi từng cùng nhau chia xẻ.

Chúng tôi nói thêm vài lần nữa qua điện thoại.

Anh cho biết anh đã ly dị người vợ cùng sống với anh sau bốn mươi năm. Đây không phải chuyện bỗng chốc ra đi vì anh phải bảo đảm vợ anh vẫn có bảo hiểm sức khỏe và được chia một phần sống lương hưu của anh.

Vài tháng trôi qua, với các cú điện thoại thường xuyên, rồi cuối cùng anh đến phi trường Santa Ana.

Chúng tôi ôm nhau, một cái ôm áp giữa hai người bạn cũ. Ít nhất, đó cũng là điều tôi tự nhủ.

Bởi thế, tôi vẫn chẳng hiểu tại sao tôi vẫn có cảm giác chóng mặt bất thần, chân như không còn sức lực.

Ngay cả anh, thường rất tự tin, dường như cũng có vẻ dụng dụng về. Đi về chỗ đậu xe, tự nhiên tôi quên hết phương hướng. Tôi không nhớ cả cách tìm cửa ra phi trường. Tôi cảm thấy mấy phương hướng, không thể tìm nổi đường lái về nhà phải gọi một người bạn hỏi đường ngắn nhất từ phi trường về xa lộ 405.

Dù được cả triệu đô-la hoặc hơn nữa, tôi vẫn chẳng thể kể cho bạn hết chuyện chúng tôi đã nói với nhau trên đường lái đến Garden Grove. Tôi hỏi Frank muốn ở khách sạn hay ở một phòng trong nhà tôi.

Tôi hỏi lòng mà thật sự không muốn nghe câu trả lời nào. Anh trả lời anh sẽ cảm thấy rất hân hạnh nhận lời ở nhà tôi.

Sau khi chúng tôi đến, tôi chỉ cho anh căn phòng phía trước nhà đã sửa soạn trước... đề phòng trường hợp.

Tôi có hai con chó săn Ý, những con vật gây phiền nhiễu, nhưng là những con vật đi theo và hiểu ý chủ.

Hai con chó ngạc nhiên vì người xa lạ, to mà đi theo Frank như thể anh đang mang theo các món ăn khoái khẩu cho chúng. Trong khi anh tắm, hai con chó nằm tụ ngay cửa phòng ngủ của anh, đánh hơi như thể nghĩ anh đến để thăm chúng chứn không phải thăm tôi.

Chúng tôi cùng đến Bordard, một quán Việt Nam được nhiều người thích để ăn một bữa nhẹ. Sau khi về nhà tôi hỏi Frank có muốn xem phòng ốc khác trong nhà không. Một câu hỏi tự nhiên, nhưng tôi không đoán trước được điều sắp xảy ra.

Phòng ngủ của tôi ở phía sau nhà nhìn ra vườn nơi tôi bỏ nhiều giờ chăm sóc các giống cây miền nhiệt đới.

Quanh cảnh phía đó với ánh đèn trang hoàng trông rất hấp dẫn về đêm. Nhưng cái giường là vật thu hút chúng tôi bswfng sức hút thần kỳ.

Tôi không thể mô tả chi tiết hơn những gì sau đó.

Bạn đọc sẽ phải dùng trí tưởng tượng để hình dung.

Chúng tôi cùng nằm trên giường một thời gian dài, nói chuyện, ân cần kể lại cho nhau các chuyện đã xảy ra, các nơi đã đến, những người đã hết , và những gì đã đưa chúng tôi đến với nhau. Vâng, một đêm vẫn chưa đủ cho tất cả chuyện đó, nhưng đó chỉ là khúc dạo đầu. Chuyện người đàn bà muốn biết về vợ trước của người mình yêu là tự nhiên. Tôi cũng chẳng có gì khác và tôi hỏi chuyện xảy ra thế nào?

Frank giải thích chúng tôi đã chia tay và đi về hai hướng khác nhau quá sớm. Khi người thiếu nữ anh gặp ở Đài Loan có thai, anh tin bỏ lại đứa bé là chuyện đáng xấu hổ, và vì thế anh không thể để đứa bé ở lại. Hôn nhân là cách giải quyết vấn đề. Vài năm sau họ có thêm đứa con gái. Lúc đầu cũng có lục đục, nhưng lo lắng của cả hai cho các con, và hoạt động của chúng gắn kết họ.

Khi các con trưởng thành và ra riêng, nhưng khác biệt căn bản trời ra giữa anh và vợ anh.

Cả hai đều đau khổ.

Tôi hỏi anh quyết định thế nào về tương lai, thực sự là câu hỏi tương lai của chúng tôi rồi sẽ ra sao?

Tôi biết, sau nửa thế kỷ, cả hai chúng tôi chẳng thể có ngay giải pháp, nhưng nếu có một tương lai nào đó cho chúng tôi thì sự

việc nên bắt đầu ra sao?

Đúng với câu chuyện của anh, bước đầu là lại ra đi.

Anh dự định bay về Florida, chất đồ đạc lên xe và lái xe băng ngang nước Mỹ để về lại California.

Thật giống với con người anh: Luôn luôn lái xe ngoài đường phố như anh từng lái từ Sài Gòn ra Quảng trị và nhiều năm sau ở Miến Điện, từ Rangoon đến Mandalay và các vùng khác.

Frank nói có nhiều người khác trong quá khứ anh cần tìm gặp, hàn huyên để tỏ lòng biết ơn hoặc xin lỗi. Anh có thể gặp vài người trong số đó khi lái xe trên đường. Một số ở California. Anh nhắc đến Phan Mạnh Lương, lúc đó là một nhà sư ở gần San Diego, Trần Ngọc Châu, Stan Fileck và Frank Snepp ở Los Angeles, Bruce Landis ở Long Beach, Jerry Dodson ở San Francisco và Douglas Ramsey ở Nevada, cũng không xa lắm.

Đó là những người tôi viết xuống để nhớ. Nhưng người anh định đến thăm có thể còn nhiều hơn.

Anh kết luận *“Anh cảm thấy gánh nặng vì làm em thất vọng, nặng hơn đối với bất kỳ người nào khác.”*

Vài tháng sau anh trở lại, trên một chiếc xe vận tải nhỏ SUV chở đầy đồ đạc lên đận cửa sổ đến độ gần như không còn thấy người lái.

Lúc đầu Frank lại ở nhà tôi, rồi cả hai chúng tôi đều thấy việc anh ở lại nhà tôi là quá sớm. Chúng tôi cần có thời gian để tìm hiểu thêm xem cảm tưởng của chúng tôi về quá khứ, những suy nghĩ về một tương lai chúng *“có thể”* thực sự thực hiện được không.

Chuyện không giản dị.

Tôi giúp anh tìm được một căn *apartment* ở Huntington Beach. Từ đó có thể dễ dàng lái đến công viên Mile Square, nơi có sân tennis và không xa nơi tôi ở lắm. Con gái anh, Barbara, sống ở Pasadena. Anh có thể dễ dàng lấy đường 405 đến thăm con vòng một giờ.

Chúng tôi dành thì giờ cho nhau gần như mỗi ngày, mỗi tối, nhưng gần chẳng có áp lực gì khiến chúng tôi phải cam kết vội vã. Cũng giống như ở Đà Lạt rất lâu trước đây, chúng tôi lái xe qua các đường phố thanh tĩnh về đêm, đi quanh những khu lân cận, quanh công viên và dọc theo xa lộ Pacific Coast.

Anh nắm tay tôi và tôi nắm tay anh.

Tôi hỏi tại sao anh không đến tìm tôi trong năm 1970 hoặc 1971 khi anh trở về Việt Nam và tôi vẫn còn ở đó. Anh trả lời khi chúng tôi gặp nhau trên phố Sài Gòn năm trước đó, cả hai chúng tôi cùng thú nhận sắp lập gia đình với người khác.

“Nếu đến tìm em năm 1970 hoặc 1971, anh có vẻ cao ngạo, hoặc em phải tiếp, coi thường em và thiếu kính trọng với vợ anh đã cưới. Có thể em sẽ bắn anh.”

Vâng, tôi đồng ý, nhưng tôi bảo bắn anh, tôi sẽ bắn bằng cung và tên chứ không bằng súng!

Chúng tôi thoả mái với nhau, như từng thoả mái với nhau từ rất lâu về trước, rồi ngày càng thấy thoả mái với nhau hơn. Đôi khi tôi ở lại với anh ở căn *apartment* của anh, rồi ở lại thường xuyên hơn.

Dần dần, chúng tôi thấy việc phải đi lại ở hai nơi khác nhau, trong khi cả hai đều có thể và cùng muốn ở một chỗ là điều vô lý.

Vì vậy chúng tôi nên sống chung.

Năm 2015, chúng tôi thành hôn ở một tòa án dân sự tại Orange County. Vì biết Má tôi là một người Công Giáo hết sức mộ đạo, tôi hy vọng tìm cách để nhà thờ làm lễ hôn phối cho chúng tôi như vợ chồng theo đúng nguyên tắc của người công giáo.

Việc này không dễ vì trước đây cả hai chúng tôi đều đã lập gia đình và Frank lại là một phật tử Hòa Hảo. Nhưng chúng tôi tìm được một linh mục thông cảm. Cha Timothy Nguyễn, sau khi gặp chúng tôi và ghi hồ sơ về chuyện chúng tôi đã được giáo xứ cho phép làm lễ ban phép lành cho cuộc hôn nhân của chúng tôi.

Lúc này, chúng tôi cùng đi nhà thờ mỗi Chủ Nhật. Frank không quỳ, không làm dấu thánh giá, không được rước lễ, nhưng anh rất thành kính.

Trong khi đó anh và một số bạn đều chơi tennis với cha Timothy Nguyễn hàng tuần vào mỗi Thứ Tư.

Giờ đây, chúng tôi là hai người khác hẳn hai người của hơn 50 năm trước, khi một thanh niên Mỹ trẻ giới thiệu chúng tôi ở quán Cà Phê Đà Lạt của tôi.

Dĩ nhiên, khi hai vợ chồng, chuyến đi dài đầu tiên của chúng tôi là chuyện lái xe đi thăm Douglas Ramsey ở thành phố Boulder, tiểu bang Nevada. Dịp đó, ba chúng tôi cùng ăn trưa ở một khách sạn và sau khi xếp đặt chỗ ngồi như chúng tôi đã ngồi ở Đà Lạt năm 1963, một cô bồi chup hình chúng tôi. Đối với tôi, đây là

bức ảnh kỷ niệm quý báo chẳng khác bức ảnh chụp ngày chúng tôi còn trẻ. Chúng tôi trông rất khác, nhưng có thể thấy sức mạnh, thấy sự kiên trì chịu đựng trên mỗi khuôn mặt.

Chúng tôi đến thăm Douglas Ramsey hơn một lần.

Lần cuối như anh gần như không còn nói được.

Tôi hôn trán anh nói thầm **“Cám ơn anh và vĩnh biệt anh.”** Chúng tôi cũng không cầm được nước mắt. Tôi cảm ơn anh đã giới thiệu tôi với Frank và gửi anh lời chào vĩnh biệt vì cả hai chúng tôi đều biết sẽ không còn gặp lại anh trong kiếp này.

Tôi đã đọc ở đâu đó, nhưng không còn nhớ rõ ở đâu, rằng *“đôi khi chúng ta sợ chọn lựa lắm. Đôi khi chúng ta sợ bị khinh rẻ vì những gì những gì người khác nghĩ về chúng ta. Chúng ta có sợ hãi về tương lai. Tất cả những lo lắng đó đều do thiếu tự tin vào khả năng của chính chúng ta.”*

Nguyên tắc căn bản của tôi là hãy tin vào chính mình. Can đảm chọn với sự tự do nhưng cũng uyển chuyển đủ để có thể xét lại các quyết định của mình. Khuyến khích người khác tạo sức mạnh cho họ cũng chính là muốn tạo sức mạnh cho mình. Sẵn lòng tha thứ cho người phải chịu đau khổ ngay cả khi họ đang làm bạn đau khổ.

Lúc này, chúng tôi đang ở vườn nhà, một vườn nhỏ nhưng cây cối rậm rạp đầy có loại cây bơ, nhãn, đu đủ, chanh, cam, táo... các bụi hoa và các cây lan.

Tôi ngồi đó nghĩ về ký ức và những suy nghĩ để chia sẻ với bạn đọc. Frank đang ở góc vườn bên kia, chỉ thoáng thấy bó vì lá cây che khuất.

Nhưng tôi vẫn thấy anh.

Anh không thể trốn khỏi tầm mắt tôi.

Tay cầm cái xẻng nhỏ, anh đang đào đất xung quanh rễ những cây luôn cần có nước.

Anh không phải là người làm vườn giỏi. Nhưng anh đang ở đây, giờ phút này, hôm nay và điều đó đối với tôi quá đủ. Gần trọn đời tôi, suốt hơn năm mươi năm qua, tôi cảm thấy trong tôi có một cái hố trống. Giờ đây cái hố đó đang được sự hiện diện thuyền xuyên của anh đong đầy.

Nghĩ lại về vấn đề đương đối của thời gian, lúc này tôi thắc mắc chẳng biết tìm cách nào để sống sao cho khoảnh khắc thời gian trôi đi chậm lại thay vì tăng tốc.

Chúng tôi còn bao nhiêu ngày nữa với nhau?

Tôi có thể mong mỏi, hy vọng bao nhiêu với người yêu đã từ hơn 50 năm trước, một một người mà hình bóng vĩnh viễn khắc sâu vào tim tôi?

Câu hỏi này là câu hỏi gai góc nhất vì vài năm trước, tôi mới bị một cơn đau tim nhẹ và mới đây tôi lại phải giải phẫu xương sống.

Tôi không biết, và chẳng ai có thể biết, khi thời gian sống của mình chấm dứt, nhưng mỗi ngày chia xẻ là mỗi ngày quý báu.

Frank quay người giữa khi đang xới đất mỉm cười. Tôi thấy anh quan kễ lá... rồi tôi cũng mỉm cười.

● ● ●